

TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Chuyện để quên



Table of Contents

... Sừng sừng một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệu...

Những ngày đầu

Khiêng máy

Thảo

Tội làng

Khác trước

Người mất trí

Chuyện đầm sen đền Đồng Cổ

Bác Niệm

Hai đứa trẻ đợi đi

Một đêm gác rừng

Hết một buổi chiều

Chuyện cũ

Hoa bìm bẫn

Chuyện để quên

Tình buồn

Cối, cối ơ!

Nước mắt

... Sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chấ t, tinh diệu...

(Thay lời giới thiệu)

Trong tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* của Đỗ Chu, Nguyễn Tuân, Tô Hoài được tác giả giới thiệu bằng cảm hứng và lời văn trác tuyệt. Trong thăm thăm bóng người có bóng ta. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân trong những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đây, “*đứng chôn đôn gánh, dưới chân là hai quang sách nặng*”, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông. Trước “cốt kiêu” và uy bút lực của hai ông, Đỗ Chu - lần đầu tiên tôi thấy - ... đứng khép nép.

Tôi đã có lần khép nép trước một tác phẩm của Tô Hoài, đó là *Chuyện đêm sen Đen Đen Cổ* in trong tập truyện ngắn này. Sau *Giăng thề*, đây là kiệt tác thứ hai của Tô Hoài. (Để mèn phiêu lưu đương nhiên là một tác phẩm bất hủ, nhưng ý tôi nên xếp sang một chiểu khác). Trong *Chuyện đêm sen Đen Đen Cổ*, hơi thở hùng tráng của lịch sử vừa kín đáo, vừa mãnh liệt chạm vào tình cảm sâu lắng nhất của bất kỳ độc giả người Việt nào. Ta gặp lại đam mê của Tô Hoài quan sát những lễ tục dân gian và sự am hiểu tình huống những tập quán ngành nghề, sinh hoạt mà tác giả miêu tả.

Cảnh đám rước kiệu “bà” quay tròn:

“*Kiệu bát cô ng quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả*

ngàn người xem hội cứ thế' bô'ng bột mãi lên. Hai mươi bô' n trai kiệu, nghe tiế'ng trô'ng khẩu, một lượt quỳ như hai mươi bô' n thót voi rô' i từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lừ như tường đứng." (tr. 146)

Mùa vụ cây dó (làm bột giấ'y):

" Cạn kỳ dó chính tuyế't, vừa cuô' i thu. Lâ' n sang vụ dó Một Chạp đế' n tháng Giêng là "đầ' u giao". Một Chạp hay "đầ' u giao", áo dó mới lột, quệt sương hay mưa đầ' u ô' nước, mắ't công phơi nhiề' u nắ'ng mới bó được. Nhưng vừa xong cái vắ't vả rừng này lại phải lặn lội sang rừng khác, đã vào vụ dó chiêm. Dó chiêm tiế'p dó đầ' u tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyế't." (tr. 163)

Đúng là Tô Hoài. Chỉ có thể là Tô Hoài.

Nhưng cái mà tôi kính nể là đọc tác phẩm này tôi như đứng trước sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chắ't và tinh diệ'u. "Trong ngọc" nhắ't trong tòa ngôn ngữ này là những câu văn thuộc loại "văn xuôi thơ" sáng giá của văn chương Việt Nam hiện đại. Đây là những câu văn tả tình cảnh một người con gái ngô' i trên thuyề' n ngược sông đi lắ'y chồ'ng giấ' u mạn ngược:

"Những lời hò vui mà thăm thiế't:

Ra khoang... em bước... qua câ' u...

Bế' n vui em đế' n...

Trên mũi bống lóng lánh một trời sao. Con thuyề' n đêm nao cũng đi qua một trời sao â' y. Dù cho con người có cạn nước mắ't rô' i cũng muô' n hy vọng, như người chèo thuyề' n mong đế' n bế' n...

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngồ ì một lúc thật lâu. Bô òn bê ò lặng ngắ t. Những ngôi sao long lanh nhỏ lã chã những giọt nước mắ t xuô òng the ò gian...” (tr. 162)

Một lầ òn Hội nghị nhà văn trẻ, nghe giới thiệu nhà văn Tô Hoài lên phát biểu ý kiế òn, cả hội trường im phắng phắ c. Trái với sự chờ ðợi của mọi người, nhà văn lão thành lên diễn ðàn chỉ ðể nói với các nhà văn trẻ một câu: “... *chùng nào chưa phân biệt ðược “**mô òm**” và “**miệng**” thì ðừng có câ òm bút...*”. Tôi thiế t nghĩ các bạn trẻ háo hức viế t văn nên tìm ðọc *Chuyện ðầ òm sen ðề òn ðồ òng Cổ*, ðọc xong mà nhận ra ðược vô òn ngôn từ của mình sao mà nó nghèo nàn, thảm hại, xô bô ðề òn the ò thì dù có tiế òn hay thoái cũng là một sự thức nhận hế t sức có ích.

Thẳm thẳm bóng người trong tập truyện ngắ òn này:

Bóng cô Cúc, “một sinh viên người Huế ðẹp tuyệt trầ òn” ðược nhà văn Tô Hoài trao cho bản thảo cuô òn tiểu thuyế t *Đêm mưa* “một chiề ù ðông rét muớ t” năm 1946 và tòa nhà lưu niệm “tiêu ðiề ù, ảm ðạm” của bà ðiề òm (cô Cúc năm xưa, nay ðã trở thành nhà ðiều khắ c nổi tiế òng ðiề òm Phùng Thị),... “*trong những tủ kính trang nhữ, phủ bụi mắ y bức khắ c tự họa của nhà ðiều khắ c*”. (Hô ì ký *Tiểu thuyế t đêm mưa*)

Một người ðàn bà “cả ðời chỉ ði bói chèo ước mong tái hợp” vì chồ òng ði “*đắ t ðỏ Sài Gòòng*” mãi không trở về ò. (*Cô ðào Thương*)

Bà Tứ ðở ðiên ðở ðại lúc há p hó ì phải gặp ðược người tình năm xưa mới yên tâm nhắ òm mắ t. (*Tình buồ òn*)

Có một loạt truyện giúp ðộc giả hình ðung ðược ðầ ù ðủ hơn trí tưởng tượng kỳ thú và hóm hình của tác giả *Đề òm phiêu lưu ký* :

Đôi ri đá, Con gà trớ ng rì, Truyện gã chuột bạch, Một cuộc bể dâu, Mụ ngan...

Trong những truyện về các dân tộc miền núi mà tiêu biểu là truyện *Vợ chồng A Phủ*, còn gì giản dị và sâu sắc hơn tình thân cứu đói cứu mừng nảy sinh trong tâm khảm và gắn với cuộc đời của các nhân vật.

“... *Nhân nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình. Nhân muồn khóc.*

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phùng sẵn. Nhân không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đâu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhân tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhân.” (Cứu đói cứu mừng)

Tập *Chuyện để quên* có những truyện rất “quý”, làm sống lại không khí hồn nhiên của những năm đầu kháng chiến, những đoàn dân công, bộ đội, cán bộ đi công tác...

Truyện - ký *Khiêng máy* là một tác phẩm xuất sắc. Tiêu biểu là cảnh đám công nhân nhà in báo “*Cứu quốc Việt Bắc*” khiêng máy nghỉ lại ở lán.

“...*Cứ tôi đến, các lán sàn trên, sàn dưới, hai tầng ghép lại bằ ng ống vậ u tươi, người nằ m người ngồ i ngổ ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giấ y, tải gạo, tải muố i... Tưởng như mỗi khi ngả lưng xuố ng thì thiế p đi đế n chề t. Tiế ng moóc-chi-ê ình oàng vào sương đêm, không biế t từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chọ p mắ t. Từ chậ p tôi đế n khuya, người nằ m cứ rào rào káo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng*

thú vị, hả hê. Họ đồ nhau ăn uống cái gì ngon nhất, rồi lấy quần áo ra đổi chác. Quanh quẩn chỉ vài cái cứ đổi đi đổi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ồn ào như đương chè chén ở hiệu cao lầu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bót xén như ở nhà cầm đồ Vạn Bảo. Lúc lại bắt chước vợ chồng ỉn ỉn, nũng nịu. Rồi hát tuồng, gảy đàn môm, mãi khuya mới ngót “cuộc vui...” (Khiêng máy)

Có những truyện nói về cuộc sống cơ cực của người dân trong vùng bị chiếm đóng.

“Hòn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cồng rét, bị nếp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cắn răng, lợi. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đồng này biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa, cày hái quanh năm như thế, cho đến lúc phía tỉnh gầm gừ tiếng xe, trời tảng sáng, các đồn bắt dọc đường sắp xếp nhà phật và lính tráng vác gậy đi dò mìn, thì những người làm đồng kiệt sức mới lục đục về làng.” (Người mất trí)

Trong một thời gian khá dài (hơn bốn năm), tôi tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học do anh Tô Hoài chủ trì. Thời gian đầu, một tháng họp một lần. Công việc tiến triển hơi chậm, anh Tô Hoài quyết định một tuần họp một lần. Tôi nghĩ bụng đến tuần thứ ba không biết còn chuyện gì để mà bàn, có khi phải hai, ba chiều bìa mới hết buổi. Nhưng không phải như vậy. Tô Hoài là một kho chuyện vô tận, có khi một nghìn lẻ một buổi họp vẫn chưa hết chuyện, không riêng gì chuyện văn hóa, văn nghệ, hình như chuyện gì anh cũng biết, chuyện nào anh cũng nhớ vài ba chi tiết đặc sắc, rất quan trọng. Không riêng gì những thời kỳ gần đây, mà những chuyện thời Tự lực văn đoàn và Thơ mới, thời Đề cương văn hóa và

Văn hóa cứu quốc, những năm đầu kháng chiến... anh Tô Hoài vẫn nhớ và nhớ tường tận. Những chuyện anh hồ i tưởng và kể lại bao giờ cũng hấp dẫn. Anh rất quan tâm đến sự chính xác: tên người, địa danh, niên đại, những sự kiện lịch sử và những chi tiết của đời sống thực tại. Tô Hoài hay nhận xét về những chỗ sai, không chính xác trong các bài báo, bài văn và công trình nghiên cứu anh đọc nhưng tôi chưa thấy ai nêu những điều không chính xác trong những trang viết của anh. Duy có một lần Nguyễn Nguyên, một ký giả lão thành ở Sài Gòn nói với tôi: “Trong bút ký, hồ i ký của Tô Hoài có những chi tiết thân tình, phải là một người sành ăn thì miếng thịt chó ngon mới gọi là “đậm và phải chăng cái miếng thịt”. Chỉ tiếc là trong một bài viết về “xóc đĩa” đăng trên *Kiến thức ngày nay* hồ i năm trước có những chi tiết sai, tôi có cảm tưởng là Tô Hoài chưa từng bước chân vào sòng xóc đĩa.”

Nghe anh Tô Hoài hồ i ức về “những năm tháng, con người và cuộc đời”, tôi hình dung một lịch sử văn hóa, văn nghệ khác, không giống như những điều được trình bày trong những bộ sử đã công bố, nó phong phú hơn, sống động hơn, chứa chất kịch tính, xem ra thảm hơn, mà cũng lớn lao hơn. Cuối cùng thì tôi thông, hợp tuấn một lần không phải là nhiều vì đề tài nghiên cứu của chúng tôi có liên quan mật thiết đến lịch sử văn hóa. Những chuyện anh Tô Hoài hồ i tưởng và kể lại thiên về giải ảo hơn là ảo hóa những người thật, việc thật. Cách nhìn giải ảo thường là một nhân tố tiến bộ trong văn hóa, nhất là khi người giải ảo có ý thức đặt sự thật cao hơn những ước lệ và câ m ky. Tô Hoài quá hiểu lịch sử và lịch sử xem ra cũng nể ngời bút hồ i ký của ông. Tô Hoài không chỉ là một nhà tiểu thuyết phong tục có hạng, tác giả *Cát bụi chân ai* còn là một tác giả hồ i ký bậc thầy, và chẳng những truyện hay của Tô Hoài thường là mang tính chất hồ i ký: *Giăng thề* (1943), *Mười năm* (1957), *Tự*

truyện (1978), *Ba người khác ...* Anh Tô Hoài không thích nói chuyện sách vở nhưng khi nói chuyện đụng đến những công trình nghiên cứu thì thấy anh có đọc và đọc khá nhiều. Tôi vẫn cho rằng khổ công đọc sách là một biểu hiện đáng tin cậy của sự khiêm tốn, có thể giả vờ khiêm tốn trong ứng xử nhưng đọc sách thì không giả vờ được. Trong một chuyến thầy trò trường viết văn Nguyễn Du hành hương về Tiên Điền, Nghi Xuân thăm quê hương đại thi hào có nhà văn Tô Hoài, chủ tịch đầu tiên và cuối cùng Hội đồng giáo dục Trường Nguyễn Du cùng đi. Trong buổi lễ viết mộ, mọi người nín lặng khi nhà văn Tô Hoài bước ra đứng trước mộ. Ông thấp nhang, rưới rượu lên mộ rồi ông rót rượu vào cái chén ông cầm trên tay và uống cạn chén rượu trước mộ Nguyễn Du và trước mặt mọi người. Tôi nghe tiếng máy sinh viên viết văn thì thào: “Tô Hoài tranh thủ uống rượu”, “Tô Hoài cũng ngang đây chứ”... Tôi nghĩ đến hai câu thơ chữ Hán trong bài thơ *Đôi tửu* của Nguyễn Du:

Sinh tiền bất tận tam bôi tửu

Tử hậu thùy kiều mộ thượng bôi.

Diễn nghĩa:

Lúc sống không uống cạn hồ rượu

Chết rồi ai rưới rượu trên mộ cho?

Làm đề tài nghiên cứu khoa học, về bất kỳ vấn đề nào anh Tô Hoài cũng có chủ kiến riêng. Về vấn đề tranh luận: làm thơ bằng ý hay bằng chữ? Ý kiến của Tô Hoài: làm thơ bằng chữ nhưng vấn đề là người làm thơ *sống những chữ* của mình như thế nào? Tôi thấy nói như vậy cũng là rõ và đủ. Đề tài của chúng tôi được phân thành nhiều vấn đề. Giải quyết mỗi vấn đề, trong

nhóm đề tài (có Ngọc Trai, Vương Trí Nhàn và tôi) mỗi người viết bài, sau đó anh Tô Hoài tổng kết. Tôi nghiệm thấy trong bài tổng kết, anh Tô Hoài hầu như chỉ trình bày những chủ kiến riêng của anh. Mặt khác, anh Tô Hoài không bao giờ có ý định đưa ra những ý kiến hướng dẫn, dù là dưới hình thức góp ý, gợi ý nhẹ nhàng. Riêng tôi thấy cách làm việc như vậy hết sức dễ chịu. Có một buổi sinh hoạt nhóm tôi trình bày những ý kiến của tôi về văn hóa làng. Sang buổi sau anh Tô Hoài đưa tôi cuốn sách của Nguyễn Hồng Phong về Công xã nông thôn và hỏi: “Hiền đã đọc cuốn này chưa?”. Quả nhiên tôi chưa đọc cuốn này và đây là một tài liệu quý đối với đề tài của tôi, không có nó nội dung bài viết của tôi sẽ kém phần “chắc thiết” nhiều. Trên đời có một loại ân nhân rất đáng quý nhưng lại ít được chú ý, đó là những người biết ta đang cần đọc cuốn sách gì và đưa cho ta một cách hoàn nhiên đúng cuốn sách ấy. Trong các bạn đồng nghiệp ở trong nước, loại ân nhân này rất hiếm. Trong những bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ và Việt kiều dễ gặp hơn những người sẵn sàng chia sẻ sách và tư liệu với mình. Không có những cuốn sách mà Dan Duffy, Neil Jameison, François Jullien, Nguyễn Bá Chung (Mỹ), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp)... cho tôi, những công trình biên khảo của tôi sẽ khó khăn hơn rất nhiều.

Những ý kiến riêng của anh Tô Hoài đôi khi rất bất ngờ. Trong một cuộc hội thảo, có một diễn giả nói rất mạnh về sự thiếu khiêm tốn trong giới trí thức. Đây là một định kiến phổ biến và tôi cũng nghĩ như vậy. Giờ nghỉ, anh Tô Hoài nói với tôi: “Lạ thật, cứ nói đến trí thức là nhấn mạnh vào bệnh không khiêm tốn, tất cả những người trí thức tôi biết đều hết sức khiêm tốn, không khiêm tốn làm sao có trí thức được?” Tôi thấy anh Tô Hoài có lý. Thiện cảm và ác cảm ở anh Tô Hoài cũng rất riêng. Có một người bạn văn anh Tô Hoài quen đã hơn bốn chục năm nhưng chưa lần nào anh đến chơi

nhà, anh giải thích: “Giả dụ hôm nay tôi mời ông ấy ăn phở, y như rằng ngày hôm sau ông ta mời bữa được trả lại ngay, những người như vậy tôi thấy rất khó giao thiệp”.

Hoàng Ngọc Hiên

Những ngày đầu

Mấy hôm nay, Tây đánh loang ra các làng và phố ngoại ô.

Vệ quốc đoàn và tự vệ chỗ nào cũng đương rồi títt mù, lúc tiển lên lúc chạy xuống, trong từng ngõ, từng cánh đồng.

Trên ụ đất cao lẩn giữa lũy tre cuối cánh đồng, đội trưởng Trường đứng cầm ống nhòm nhìn ra. Trước mắt, đạn moóc-chi-ê bay vòn vọt tới, đỏ hỏn, nổ oàng giữa sương mù. Ở dưới ruộng, từ đằng xa chạy lại một bé liên lạc, vừa chạy vừa kêu to, vẳng cả vào trong xóm.

- Vỡ mặt trận rồi! Vỡ mặt trận rồi!

Chú ấy là liên lạc Vệ quốc đoàn hay của tự vệ, hay có khi là Việt gian đi phao tin, không biết chừng. Đội trưởng Trường quát to, bắt thằng bé đứng lại. Nhưng nó đã chạy thẳng vào trong xóm, mặc kệ cả đội trưởng đương giơ tay nhắm nhắm dứ quả lựu đạn. Tiếng kêu “vỡ mặt trận” vẫn hốt hoảng lạnh lạnh réo lên.

Ban tiếp tế đương thổi cơm, bỏ cả nồi, cả mấy chục cái bắp cải và một cái nồi ba mươi mốt giọt.

Thế rồi, không biết từ lúc nào, ngoài đường đã lại có người kèn từng gánh, từng khiêng sô sách, xanh nồi, lựu đạn, mã tấu và một cái tượng Cụ Hồ bằng đất trắng... Người và đồ đạc ban chỉ huy đội tự vệ lại chạy một lần nữa, lại chạy nữa. Lần này thì tràn được vào trong làng rồi.

Từ hôm Pháp đánh ra ngoài đầ u ô, đội tự vệ ăn ở lưu động, lúc nào cũng thiế u ngủ, mệt mỏi, lử lả, không biế t thế nào là ngày là đêm.

Cả vùng tro ng không không còn gì. Người các làng đã gồ ng gánh sang bên kia sông rô i. Bởi vậy, đội tự vệ ở lại xác xơ chẳng còn đế n cả một nắ m muố i. Vậy mà đi đâu nặng mắ y, cũng vẫn chịu khó khiêng lắ c lư cái nô i ba mươi, từng khiêng sổ sách...

Trên những thửa ruộng cải bắ p, cải bẹ, cải thìa bỏ hoang, các chị cứu thương và tiế p tiế đi mót từng lá về lượ ăn vấ. Có những anh lắ m vui từ đầ u tới chân, xách về một rổ tép xúc ở chuôm với một xâu chuột đồ ng vừa hun được.

Tắ t cả, lô nhố , lê ch thế ch đuổi theo đám tự vệ quắ đồ đặc đi trước.

Đội trưởng Trường quát to:

- Phải... tự cách tự vệ mới được...

Nhưng chẳng ai nghe, họ vẫn chạy. Đội trưởng quát thì quát, chứ đã đói dài, chẳng thể câ m nổi người đi mò, người đi mót.

Đội trưởng Trường và mắ y người nữa chạy sau cùng. Vừa ra khỏi cánh đồ ng, đã trông thắ y đầ ng đầ u làng bắ c khói đen. Tây đương đồ t nhà đầ ng á y. Trong chố c lát, khói đã mù mịt cả làng. Tiế ng nổ súng tá c bọp... tá c bọp... lác đác kỳ quái, nổi trên ngọn tre. Nhiề u người đi trên đường cái, kêu: “Việt gian! Việt gian!” Người ta hô t hoảng đầ y là tiế ng súng “tắ c bọp” của Việt gian bắ n báo hiệu. Ở đâu cũng thắ y: đầ u bụi tre cũng có tiế ng tá c bọp.

Nhiều người đương đi, bỗng thở không ra hơi, ngồì rũ xuống khóc. Trường đứng lại, cầm cái ô ng nhòm giờ lên, quay nhìn lại. Cánh đồng đương tan sương. Khói đốt làng nhòe nhòe vàng chóa trong hai mắt kính ô ng nhòm. Có lẽ cái ô ng nhòm để cho người ta tin tưởng võ khí hơn là tác dụng thật có của nó. Nhiều người cũng đứng lại quanh Trường. Tiếng khóc thút thít. Những tròng mắt đỏ hoe. Trên bãi cỏ, lao xao tiếng cãi nhau:

- Mất mẹ nó làng rôì!

- Đánh chắc làm sao bây giờ?

Đội trưởng Trường buông ô ng nhòm xuống ngang thắ t lưng, gắ t:

- Mất làng mà phải khóc a? Ở Nam Bộ người ta cũng đương khóc cả đấ y a? Không biế t xấ u hỏ! Được, chúng ta sẽ tiế n về tận làng, sẽ cho nó biế t tay.

Rôì Trường lại nâng ô ng nhòm, điề m nhiên quay phải, quay trái. Mắ y người cuối cùng còn sót lại trong làng đương chạy ra.

Thế là họ bỏ lại sau lưng cái làng rỗng không, không còn ai và cũng không ai về làng được nữa. Tuy nói cứng vậy, nhưng Trường cũng cảm thấ y mũi lòng như vừa chạm phải một điề u gì tủi cực, uấ t ức. Đội tự vệ còn mười quả lựu đạn, mắ y thanh kiế m, một cái ô ng nhòm. Làm thế nào bây giờ?

Nhưng Trường vẫn cứ lắ m bắ m nói:

- Được, chúng mà y sẽ biế t...

Câu nói dường như cũng làm cho mọi người vững tinh thần hơn. Họ kéo vào đóng ở làng bên cạnh, xa xa Tây đã mòn mỏi ở bên kia cánh đồng.

*

* *

Thình lình, ngay sớm hôm sau, quân địch lại tấn công.

Người các làng trên chạy xô xuống càng nhiều. Tiếng đạn nổ chi chít, lác cắc như ngô rang, chốc chốc lại điểm thòm một phát móc-chi-ê, như trống chầu, trống thúc.

Đại đội trưởng Vệ quốc đoàn đi tuần suốt đêm vừa về, đương ngủ thu lu trong ổ rơm, lại choàng dậy. Đội trưởng tự vệ Trường lòe xòe cái áo ba-đờ-xuy ngoài bảng dạ lót không tải, tất tả, hốt hải chạy theo. Từ hôm mặt trận lan tới, khi nào cũng thấy hai người đi với nhau. Mỗi lúc, móc-chi-ê câu xuống gần quanh thì cả hai lại bò rạp rồi lại nhóm lên chạy, lại nấp rạp, lại cúi xuống lạch nước. Mỗi lần nấp tránh đạn như thế, đại đội trưởng Vệ quốc đoàn người Tây vẫn như không chịu khuất phục, còn ghéch đầu lên, chửi thật to:

- Chỗ mìn! Đỡ chỗ mìn! Mẹ nó! Mẹ nó!

Hai người chạy bộ lên phía mặt trận. Có đến ba, bốn cây số! Chốc chốc, gặp một ai còn lại trong làng bây giờ mới chịu nhào ra, thì cả hai người lại hấp tấp tranh nhau hỏi - dường như không nhớ rằng họ đương là những người chỉ huy quân sự.

- Trên ấy thế nào? Trên ấy thế nào, hả các ông các bà, các đồng chí?

- Vệ quốc đoàn bị thương nhiều lắm, các anh ơi!

Nghe thế, đại đội trưởng quay sang bảo đội trưởng tự vệ:

- Về gọi cứu thương mau lên.

Bấy giờ Trường mới ngó ra, sức nhớ mình từ nãy đã chạy quàng theo đại đội trưởng, quên cả đội tự vệ, cả công việc đã được phân công. Trường quay trở lại.

Nhưng ở trạm cứu thương không còn ai. Cả tự vệ nữa, đi đâu hết. Có lẽ họ ùa hết cả lên phía có tiếng súng rồi. Có lẽ họ đã chạy lên mặt trận trước cả ta. Thì Vệ quốc đoàn cũng như tự vệ, chỉ đợi đi đánh nhau, chân tay không, cũng cứ ra. Trường sức vào ban tiếp tế. Ở đây, may quá, còn cô Mỹ và cô Phấn đứng đợi gánh cơm. Trường hỏi. Quả nhiên, họ bảo:

- Lên tuốt trên ấy rồi. Sốt ruột quá!

Họ lên cả mặt trận mà đội trưởng cũng không biết. Trường càng cuống quýt:

- Các chị lên ngay xem thế nào. Có ai bị thương thì đỡ đỡ anh em về với.

Rồi Trường lại tấp tể, lờ xờ cái áo dạ khoác, chạy bay lên phía dương râm râm tiếng nổ.

Trên đường đường ấy về, tự vệ và cứu thương các làng, và cả người làng nữa, chốc lại một bọn, xúm xít khiêng người bị thương, người chết về.

Những tự vệ và cứu thương ở mặt trận từ từ mờ sáng, vừa đói, vừa rét, mặt xanh xám nhợt nhạt. Hơi thuốc súng còn quẩn theo họ xuống tận đây. Người và quần áo, và cả như hơi thở, bốc mùi khét lèn lẹt.

Tây đã tới được bên kia bờ nước, chỗ đầu Cổng Rong.

Đánh nhau đến giữa trưa thì Vệ quốc đoàn rút về. Có lẽ bọn địch cũng hết hơi, không tiến được nữa, đã dừng lại bên ấy. Tự vệ các làng chia nhau bám suốt bờ bên này, gác lên tận miếu Giời Oai, ngay bên đầu, trông thẳng sang chỗ địch đóng. Bởi vậy, hễ từ làng ra, vượt bãi tha ma sang miếu, địch ở bên kia đã trông thấy. Từ đầu Voi Phục, phải bò, nấp, toài qua từng mô đất, từng nấp mộ, mới đến trạm gác được. Thế mà lúc này có một anh vô ý, bò xuống, đã bị một phát đạn vèo sang cắt ngọt mất một miếng mông.

Ra đến đầu tha ma, Phấn và Mỳ bỏ quang gánh lại. Mỗi người ôm một rổ com, thả xuống bãi cỏ, đẩy đi trước mặt, rồi toài theo. Bỗng nhiên, như từ một chỗ nào không biết, một băng liên thanh xiu xiu réo vuốt trên ngọn cỏ cao. Cái rổ đứng im. Hai người cũng nấp im dưới chân cỏ. Một lát, im lặng trở lại, bàn tay người lại giơ ra đụng đây cỏ đẩy cái rổ đi. Từng tràng liên thanh lại thun thút réo qua. Lại đứng im, rồi lại bò. Cứ thế, mãi đến khi trông thấy chân tường miếu Giời Oai đen sì lấp sau mô đất cao, đoán đã có thể đội rổ đứng lên được, thì cũng lúc ấy trời nhỏ mặt người.

Có tiếng khàn khàn trong bụi rậm:

- À com ra, com ra...

Mỳ và Phấn đã đứng lên, bê từng rổ cơm vào. Có một tiểu đội, cả thầy chín, mười người trong miếu, xô đến, xúm quanh hai cái rổ đặt giữa nền nhà. Phấn sắp xếp, rồi vào chỗ đội trưởng Trường cũng đang ngồi nhòm nhòm giữa các người quanh rổ cơm. Mấy hôm nay mới lại được hạt cơm vào bụng. Ăn cái bắp luộc, chén thịt chó bực giê không nuôi mãi, đã phát khiếp! Bây giờ, người nào cũng mải ăn, quên, không ai để ý đến hai chị tiếp tế. Đến đổi cả người trạm gác cũng bỏ vào vác một nắm cơm ra đứng nhai trong bụi cây. Phấn bảo Trường:

- Anh cho chúng tôi khẩu lệnh để về.

Đội trưởng Trường lúc ấy mới nhìn ra cái sân miếu mờ mờ, nhưng cũng không biết đây là trời sáng trắng hay còn nhá nhem tối, Trường cứ nói:

- Mai về sớm. Bây giờ khó đi lắm.

- Chúng tôi đi được!

- Vệ quốc đoàn gác dọc đường, không có khẩu lệnh nào đi suốt nổi ba cây số được.

Tiếng khàn khàn chỗ từ ngoài tường hoa vào nói đùa.

- Ở đây cho vui, các cô ạ. Tôi ngày phiên mà nhà vẫn dột củi, không nghỉ à?

- Cái anh này lúc nào cũng đùa được thôi!

Đội trưởng Trường ngó ra, gằn giọng, nửa mắng, nửa ra lệnh:

- Ông ông như chó cắn áy à! Nó trước mặt kia kìa. Lại sắp ăn thuốc lào hả? Cấm đấy! Này, tớ nhắc lại: hễ khẩu lệnh hai tiếng hỏi mà không trả lời thì bắt lập tức.

Hai chị tiếp tế không đòi về nữa.

Cái miếu trở lại im lặng. Và thế là bắt đầu một đêm gác ngoài mặt trận. Những người thợ dệt, thợ tơ trong các làng canh cửi, hôm qua còn không biết thế nào là súng ống, bây giờ bỗng nhiên nghiêm trang cầm giữ cả mặt trận đánh nhau với Tây.

Mùi đất ải trong tường mốc xông lên nặng nề, hâm hấp. Nghe cả tiếng con dê tanh tách đạp càn. Thỉnh thoảng, xa xa, âm một tiếng nổ, rồi im. Vừa lúc này, bác cái ống nhòm của đội trưởng ngó sang còn nhìn rõ bờ bên kia bờ nước có thặng Tây quân áo vàng lớp ngói gác trong bờ tường nhà dậu Tam Đa, bây giờ đã mù mịt sương, không thấy gì nữa. Thế là trên bãi tha ma và trong cái miếu hoang im lặng này lại như không có vẻ là đương gay go. Lại tựa những đêm cuối năm ngày trước, trai gái trong làng đi chợ Tết, thường hẹn gặp nhau cùng đi, đợi ở cửa miếu “Giời Oi, Ông Bảo”. Trong bóng tối rét ngọt, chốc chốc lại rì rào khúc khích vài đốm lửa thuốc lào.

Đội trưởng Trường ngó bên tường, thanh kiếm dài chống trước mặt. Mấy đêm nay Trường mất ngủ, mất ráo trong. Hai bên hành lang, người nấp thành những hình thù co quắp dựa tường, dựa chân cột. Nhiều người đã lăn ra ngủ từ lúc buông tay hết nắm com. Có chỗ vừa nghe lầm rầm chuyện đã khò khò ngáy rồi. Trường cũng mỏi lắm. Nhưng có lúc Trường vẫn thấy khỏe. Cứ thế, mãi mê. Nhất là lúc này ngó tựa tường, trông sang bóng các khuôn mặt trắng trẻo, mờ mờ, thế mà Trường nhận thấy ngay ra Phấn.

Trường bô`n chô`n. Mấ`y hôm nay, Trường cũng như các anh em đây, cuộc đời họ cuố`n vào những điề`u xưa kia không bao giờ biế`t. Cũng không ai có thể hiểu tại sao. Khung cửi, guồ`ng tơ, chuyện làng chuyện xóm hôm qua, vút đi hế`t. Bây giờ, nhận ra Phấ`n và nhớ lại, Trường muố`n trò chuyện. Trường mới nhớ lại cái làng ta bình thường mọi khi. Có khung cửi, có hội tháng Ba và cứ năm ngày một phiên chợ lụa... Nhưng Trường cũng không biế`t nên nói chuyện gì, đầ`u óc miên man, phảng phấ`t. Rồ`i Trường bần khoản, loay hoay tự hỏi một câu không thể cắ`t nghĩa (và cũng để tìm chuyện tự vắn mình): Sao Phấ`n không ra đây một mình?

Bên kia bệ đầ`t, nghe tiế`ng Mỳ nói nho nhỏ: “Lạnh lưng quá”. Mỳ vẫn thức. Mỳ vô`n ngăm ngăm đen, mặt lẩn bóng tồ`i. Trường không nhìn thấ`y Mỳ tinh tường như thấ`y Phấ`n được. Tiế`ng Mỳ lại nói:

- Có trông thấ`y gì không, Phấ`n?

Phấ`n co ro đứng ra, ngھn lên mặt tường hoa.

- Nó bò đầ`n tận nơi cũng chẳng biế`t. Sương hồ` Tây nhiề`u quá.

Trường nói khế`:

- Cô Phấ`n, vào đi...

Phấ`n lại ngồ`i vào bóng tồ`i lúc nầy.

- Anh Trường thức à? Rét không thể ngủ được.

- Nó hay bắ`n sang chỗ tường hoa lắ`m đầ`y.

Nói xong, Trường thấ`y hình như không phải mình muố`n nói câu á`y. Cũng như Trường muố`n bảo: “Đừng ai nói, cái tiế`ng ban đêm

nó vang xa lắm”, Trường không nói như thế. Trường muốn nói một chuyện gì, một câu gì mà chưa tìm ra. Nhưng, xung quanh lặng im quá, Trường thấy ngại. Và lại, cả Mỳ vẫn thức ngòai đây. Thế là Trường lại chỉ ngòai và lặng lẽ nhìn sang hình khuôn mặt trắng trắng tựa cột bên kia - chỉ ngòai cách nhau, có thể thò chân ra thì đụng được. Sương lùa vào chòm mũi lạnh ngắt. Trong lòng thoáng buồn buồn. Từ hôm mặt trận lan tới, nay mới thấy mình nhớ nhớ như thế.

Trường với Phấn, nhà mỗi người một xóm. Thật ra, không ai bận đến nhau, cũng không hề có điều tiếng với nhau. Nhưng, cùng một lứa tuổi. Bao giờ cũng vậy, trai gái trong làng và cùng một lứa tuổi, thì mọi câu chuyện, họ thường tự nhiên nói đến nhau. Trai mới lớn lên đề u thuộc những loạt con gái bằ ng chà bằ ng lứa. Trường và Phấn không hề bận gì với nhau, thật đây, nhưng họ tưởng họ đã biết nhau và hằng bận nghĩ tới nhau. Trường bỗng nhớ ra một câu chuyện đã quên hẳn. Nhưng khi này nhớ thì lại tưởng là một chuyện thám thía vẫn nhớ. Tết năm ngoái, bọn Trường đi chơi sang làng trên, gặp Phấn và mấy cô xóm dưới đi chùa. Hai cánh gặp nhau, năm mới nói đùa cợt ra sao, Trường không nhớ. Trường chỉ nhớ mỗi lần quay lại, thì hai bên lại cười. Bọn Trường hẹn nhau, nếu gặp “chúng nó” ở đâu lại trêu nữa. Nhưng rồi Tết ấy cũng không gặp lại ở đâu cả. Và chẳng, trong ngày Tết đã m ấm còn gặp biết bao toán con gái khác, thế là rồi cũng nhãng đi. Thế mà, sao lúc này, Trường bỗng nhớ lại một một. Cái anh chàng thợ cửi mà các bạn thường chế giễu và ghen tị rằng anh ta có “số đào hoa” ấy đương tơ tưởng lại lúc sáng, khi anh ta đến chỗ ban tiếp tế gặp Phấn. Và sự tơ tưởng đã bắt đầu từ chỗ ấy, làm cho lòng Trường cứ dào dạt vui lại man mác buồn. Trường cất tiếng khẽ hỏi Phấn:

- Cô Phấn có nhớ Tết Độc lập năm ngoái không?

Phấn và Mỹ rúc rích cười. Nhưng Phấn trả lời ra một câu khác:

- Tết năm nay vui như năm ngoái chứ!

- Nhất định rồi. Tết kháng chiến phải vui hơn Tết năm ngoái.

- Liệu có diễn kịch được không?

- Có chứ.

- Nữ giả hay nữ thật, ai đóng đây?

Hai cô lại cười. (Tết năm ngoái, thanh niên làng chơi kịch, những vai nữ đều là con trai đóng).

Cả mấy người nằm ngả nghiêng quanh đây bỗng cũng cục cục cười. Thì ra, họ tỉnh ngủ, không biết từ lúc nào. Có lẽ từ lúc hai cô này cười nói. Tiếng nói cười của hai người con gái giữa miếu vắng, giữa đám thanh niên đương nằm trước mũi súng, cũng như khói thuốc lao bay vào mũi người nhìn quá bữa, sao mà cái khói nó làm tỉnh người thế. Từ lúc ấy, những tiếng cười cứ bật lại tắt, bật lại tắt theo câu chuyện, theo câu dậm dọa của đội trưởng.

- Năm nay các anh cắt cho tôi một vai kịch.

- Hoan hô!

- Có nữ thật rồi!

Một tràng liên thanh lia dài qua bãi tha ma. Câu chuyện bật im. Người nằm quanh chồm cả dậy, ngơ ngác một lát, rồi lại nằm

xuống. Trường lặng lẽ, chôn ng kiếm, đứng quỳ một gối, quay mặt ra cửa, quan sát. Phấn bò men tới, hỏi khẽ:

- Nó tá'n công hả?

- Chưa biết.

Đất lạnh như đá thâu vào gan bàn chân lên đến đầu gối, tưởng buốt tê cả người đến nơi.

Tiếng moóc-chi-ê nhịp đôi oàng xuống, ngay sau tường. Những gã mê ngủ nhất cũng choàng dậy. Có người hoảng hốt chạy ra ngoài bụi dứa. Trường bắ c hai tay lên làm loa, quát khẽ:

- Lui vào, lui cả vào đầu tường. Đề phòng địch tá'n công...

Nhưng, một lúc rất lâu, không thấy động dạng gì. Chỉ có tiếng moóc-chi-ê oàng oàng căm canh. Không còn ai ngủ được. Nhưng cũng không đề phòng nữa. Cả bọn cứ thức và lại chuyện gẫu. Câu chuyện moóc-chi-ê lại xoay quanh bàn bạc năm nay Tết thế nào, ở đâu.

Rồi có một lúc Phấn nhìn ra ngoài trời sương, ngạc nhiên, nửa nói, nửa hỏi:

- Sáng rồi à?

Nhiều người nhìn ra:

- Sáng rồi.

Trường nói:

- Chóng hết đêm quá, cô Phấn nhỉ!

Đội tự vệ làng dưới đã bò ra đôi gác. Trường và các bạn trở về. Họ tuột qua bãi tha ma sương mù im lặng, rét tái người, quần áo ướt sũng.

Đã về qua đầu làng. Tiếng mõc-chi-ê chỉ còn vọng đằng sau lưng. Bây giờ Trường quay lại, nói với cả bọn đi sau:

- Tết năm ngoái chúng mình gặp bọn cô Phấn đi chùa qua chỗ này.

Thật thì không phải ở chỗ ấy. Trường nói hươu chơi thôi. Và chẳng biết Phấn có nhớ không, Phấn cười:

- À, ở chỗ này à?

Rồi Phấn hỏi:

- Vợ kịch Tết năm nay, có khó đóng thật không, anh Trường?

- Nhất định cô Phấn làm một vai.

Cả bọn cùng cười to. Trường trông thấy cái đuôi mắt Phấn liếc mình.

Họ lại râm ran chuyện Tết và diễn kịch. Không gặp người, nhưng nếu gặp, chắc không ai tưởng những người đang vui chuyện ấy vừa thức trắng đêm.

Và những đêm sau nữa cũng thế.

*

* *

Mặt trận vẫn đứng lại bên kia bờ hồ Tây chỗ Cổng Rong.

Đội tự vệ gác ở miếu Giời Oí nhìn sang hôm nào cũng thấy một lính Tây gác mặc áo vàng lơp, ngóì nguyên một chỗ bờ tường nhà dầu Tam Đa.

Vệ quốc đoàn rút đi nơi khác rồi. Chỉ còn lại đội tự vệ các làng. Nhưng làng nào cũng chạy loạn hết, không còn ai tiếp tế, tự vệ phải đi kiếm ăn lấy để có sức gác. Bữa đói bữa no thất thường. Tuy nhiên, lúc nào tụ lại chỉ toàn gẫu chuyện Tết sắp đến.

Thế rồi Ba mươi Tết đã đến.

Hôm ấy, lạ lùng chưa, nhìn sang bờ nước không thấy thặng nào gác bên kia. Cái ống nhòm của đội trưởng Trường được mọi người thay nhau nhòm sang nhiều lần cũng không thấy nó. Hay là chúng nó rút lên đóng trên đường Thành rồi? Thế là đội tự vệ quyết định về làng, ngay trong đêm nay. Việc làm quả quyết được đội trưởng Trường đồng ý. “Phải về ăn Giao thừa ở làng mới được. Có bao giờ Tết lại bỏ làng đi! Các cụ dưới âm về không thấy con cháu thì các cụ chửi chết”. Thế là ai nấy đều hào hứng.

Đêm Ba mươi, cách ba bước không trông thấy gì. Tối quá. Nhưng rất nhanh, những bàn chân đã quen thuộc từng gõ đất sột sọ trên đường qua cánh đồng, mà bao giờ cũng vậy, mỗi khi mùa mưa tới lại trơn như đổ mỡ. Họ vừa đi vừa nhận ra hình thù những gò đồng ngổn ngang bên đường, ai nấy đều đã thuộc; cả cái lỗ tổ chuột đàn, từng ngách thượng, một hang chuột tíu, mỗi năm, tới mùa đông, vẫn đi hun, bắt chuột về đánh chén. Và, chao ôi, đến đây kia rồi nhớ làm sao. Cũng hai bên đường đồng này, những đêm đêm ấm áp trăng sông chèo đóm tháng Hai, trai gái phải lòng nhau vẫn đưa nhau ra ngóì đây. Rồi họ đương đi qua bãi tha ma, những

mô` mà ông bà cha mẹ, tuy không trông thấ'y, mà có thể chỉ tay được những phầ'n mộ ở đâu.

Đế'n đầ'u làng. Họ chia nhau về` các xóm.

Trường men bờ giề'ng, vượt rào tre vào. Trường đi thông dong, như những hôm dẹt củi khuya, ra ao đình tắ'm. Như những đêm đầ'u hè, bọn con trai đi xem chèo về` khuya gây cho chó cắ'n inh lên. Nghĩ quen quen thế', Trường thấ'y tự nhiên. Nhưng chỉ một thoáng rô'i lại cảm thấ'y lạnh lẽo lạ lùng. Bởi vì vừa hôm qua, Pháp đã vào đây. Và trong xóm bây giờ không còn một người. Chưa bao giờ cái xóm không có người. Chưa bao giờ ghê rợn như thế'. Trường cứ tưởng như sẽ chạm trán đâu đây những bóng ma quái không phải người, đương nhõn trên đường.

Trường đã đi suố't cái xóm không người, lâ'n ra đế'n đầ'u đình. Ở ụ đấ't, cái điế'u cày hôm trước bỏ lại vẫn còn dựng như có người đứng gác đấ'y. Nhưng đình làng và cả dãy nhà quanh ao đình đầ'u đã biế'n thành bóng tồ'i. Chỉ còn mấ'y cái cột đình tồ't không biế't cháy đã bao nhiêu ngày đêm, vẫn leo lét từng về't đỏ hỏn.

Cả đội đã lâ'n lượt trở ra cửa đình. Làng tro'ng không, không ai gặp cái gì cả. Thì ra bọn Pháp chưa dám đóng trong làng ban đêm. Ngày đi sục sạo, đố't phá, đêm đế'n rút lên đường Thành, phía ánh sáng đương hắt lên kia kia. Đấ'y là sáng đèn pha và những mắ't đèn xe tăng quây lại đậu canh gác quanh các lầ'u bạt cắ'm giữa trời.

Bấ'y giờ, đội tự vệ ngô'i xúm trước mấ'y mẩu than cột đình. Lúc này, có lẽ đã vào quẩng Giao thừa, sắ'p sang canh rô'i. Năm ngoái, sớm mừng Một Tề't Độc lập, cả làng ăn cơm đoàn kề't ở sân đình. Rô'i thì chuông chùa, tro'ng đình sôi nổi và tiề'ng chuông nhà thờ

trên làng Đông cũng giống lên. Giao thừa năm nay lặng ngắt không biết thế nào.

Vừa lúc ấy, liên thanh trên đường Thành réo từng hồi dài. Bập bập... tă`ng tă`ng... tă`ng...

- Ông cho chúng mày cứ đổ tiền xuống sông. Bắ`n nữa đi, bắ`n nữa đi, các con ơi!

Một anh tặc lưỡi, nói pha thêm:

- Giao thừa đêm nay ta sai Pháp đô`t pháo mừng đầ`y!

Nắ`p trong hào giao thông, một lúc, tai nghe súng đạn dầ`n, nhưng người thấ`y rét, thế` là lại lớp ngóp bò lên, ra cửa đình, bê củi, nhóm lửa sưởi. Sương đã bắ`t đầ`u loăng trắ`ng. Tiế`ng liên thanh vẫn lúc thưa lúc mau, không ngắt. Có lẽ đã gầ`n sáng. Trường vươn vai đứng dậy nói:

- Phải đầ`n tan sương nó mới dám ra tắ`n công. Ta cũng bắ`t đầ`u bố` trí thôi.

Buổi sáng mùa đông mù`mịt, bàng hoàng lên trên đô`ng củi sưởi nhạt mờ những tàn than trước sân đình. Bóng đội trưởng đứng, cao lớn trong cái áo ba-đờ-xuy lòe xòe, mà mùa rét nào cũng thấ`y anh lòi ra mặc, đã rách sòn cả cổ và cửa tay. Có khác là năm trước mặc đi dẹt củi, năm nay đi đánh giặc. Hai quả lựu đạn đeo bên sườn với cái dây cói lòng thông quắ`n vào bao kiế`m gỗ. Ô`ng nhòm câ`m bên tay phải, chố`c lại chuyển sang tay trái. Trường chạy đi chạy lại, cắ`t đặt công việc cho người này đứng chỗ này rình phía trên xuố`ng, anh kia chỗ kia chặn lố`i ngoài đô`ng vào. Trường trở xuố`ng chân ụ ra lệnh cho các cô cứu thương:

- Ngồi dưới ánh làm giao thông, cứ ngồi yên dưới ánh!

Nhưng khi họ vẫn xúm lên giữa ụ đất quan sát, thì Trường cũng mặc. Đội trưởng Trường đứng lên ụ đường giờ ông nhòm, quay quay nghiêng nghe, hai cánh tay nâng khuỳnh khuỳnh, dáng quan trọng, trong lúc mọi người chăm chú ngược nhìn, vẻ tin tưởng cái ông nhòm.

- Thấy gì không? Thấy nó ra chưa?

- Toàn những sương. Hôm nay rồi nắng to.

Không thấy gì, Trường lại xuống giao thông hào. Các chị đã về chỗ, lại đương bàn về mấy vai kịch có lẽ sắp được đóng. Thấy Trường đi tới, Phấn nói:

- Anh Trường dạo này gầy tẻ, râu ria bờ phờ ra kìa.

Trường ngồi thụp xuống, giờ hai tay hơ trên đầu than đã vạc.

- Cô tính, cứ trắng đêm như đêm qua, mà thông luôn như thế hàng tháng nay.

Mỳ nhanh nhẩu:

- Mấy ly, kháng chiến thì chẳng ai béo được!

Trường cười, uể oải, không nghĩ, nói nhấc lại:

- Phải, chẳng thể ai...

- Cái tạng anh Trường thì có mà béo đấy!

- Bao giờ độc lập tôi sẽ béo cho mà xem.

Cả bọn lại rúc rích cười. Dường họ quên họ đang làm nhiệm vụ chặn địch xuô'ng. Họ nghĩ: nê' u Tây không dám xuô'ng, ta sẽ vào làng ăn Tê't. Thê' là lại chỉ nói chuyện Tê't. Tê't vui như năm ngoái, vui hơn Tê't Độc lập năm ngoái. Dù không có gì ăn, nhưng chỉ rất thanh niên với nhau, vẫn vui, càng vui. Làng đã tản cư hê't, ra gọi về cũng không kịp, chỉ còn ở lại có thanh niên. Không ăn Tê't từng nhà, chỉ đọc một cái Tê't toàn thanh niên. Chưa bao giờ được Tê't vui lạ lùng vậy! Ô', được ở ngay làng ăn Tê't này... Họ thi nhau nói những chuyện tưởng tượng.

Liên thanh lại rú từng hô' i dài. Cả moóc-chi-ê nữa. Moóc-chi-ê nô tứ tung. Chúng nó tiê'n ra chấ' c? Cái ô'ng nhòm với Trường lại nhô lên miệng ụ. Sương vẫn trắ'ng tinh, trôi lập lờ, châm mưa bụi vào mặt buô't thon thót.

Bỗng nhiên, từ đường cao lao xuô'ng hai chiế'c xe tăng to bắ'ng gian nhà. Từ trong ụ đấ't, đội trưởng Trường và tấ't cả hét lên, xông ra. Lựu đạn, ô'ng nhòm, súng trường chạy thẳng tới hai cái xe tăng.

*

* *

Cho đế'n bây giờ, mỗi khi nhớ lại chuyện những ngày đầ'u, Phấ'n vẫn tưởng như chiêm bao, Phấ'n ngờ ngợ rô'i còn có khi gặp lại Trường.

1948

Khiêng máy

Đôi với những người làm việc ở các cơ quan chuyển từ xuôi lên Việt Bắc thì chuyển ấy - đầu mùa đông năm 1947, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, họ được bắt đầu làm quen, và mới thật biết thế nào là rừng núi.

Rừng Bắc Kạn không còn bóng dáng lúi húi, quanh quẩn, u uất như rừng Thái Nguyên và Yên Thế Thượng. Nhưng rừng Bắc Kạn cũng chưa rồn lên từng đợt, từng đợt rồi mở ra những cánh đồng khoáng đãng trên cao như Cao Bằng. Rừng Bắc Kạn xanh rợn người. Vất ngang, trên núi Phia Bióc, bắt đầu từ mỏm Píc Cáy, vươn qua huyện Chợ Rã, thò chân rết sang huyện Chợ Đồn và Ngân Sơn, nó i Bắc Kạn âm u với Cao Bằng trên cao.

Quân Pháp chiêm ngĩa ba Phủ Thông.

Nhà in báo “*Cứu quốc Việt Bắc*” chạy lên đường Chợ Rã rồi vào rừng. Từ Phủ Thông đến cánh rừng Khuổi Khún này còn trên mười cây số. Như thế, cũng tạm gọi là xa. Và, bao giờ cũng vậy, con người thường ưa điêu vui, cho nên, mặc dầu túi bụi chạy giặc, máy chực mạng người nặm rừng quây quăn lại, cũng tạo ra những trò nhộn để khuây khỏa nỗi lo lắng và có lẽ cũng để bình tĩnh hơn nữa, trong cơn gay go. Cứ tới đến, các lán sàn trên sàn dưới, hai tầng ghép bằng ống vầu tươi, người nặm ngòi ngồn ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giầy, tải gạo, tải muối. Rồi mai lại cật lực khiêng... lại cật lực khiêng... Tưởng như mỗi khi ngã lưng xuống thì thiếp đi đến chết. Tiếng moóc-chi-ê inh oang vào sương đêm, không biết từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chợp mắt. Từ chập tới đến

khuya, người nằ m cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hả hê. Họ đồ ́ nhau ăn uố ng cái gì ngon nhấ t, rô ́ i lấ y quầ n áo ra đồ i chác. Quanh quầ n chỉ có vài cái cứ đồ i đi đồ i lại lẫ n lộn, như bọ n đánh bạc. Lúc thì ô ́ n ào như đươ ng chè chén ở hiệ u cao lầ u. Lúc thì tranh nhau giá cả, bớ t xén như ở nhà câ m đồ ́ Vạn Bảo. Lúc lại bắ t chươ c vợ chồ ́ ng ỏ n ẻ n, nưỡ nị u. Rô ́ i hát tuồ ́ ng, gảy đàn mô ́ m... mấ i khuya mới ngó t “cuộc vui”. Khi đã vẫ n chuyệ n, dầ n dầ n tiế ng khò khò, tiế ng ho nổi lầ n. Ấ y là lúc cái rét buồ ́ t sỏ n gắ y ở khe núi đá bắ t đầ u lầ n vào.

Bao nhiêu đầ m, từ đầ m chặ rừng đầ u tiề n hơn một thắ ng nay. Mù a đông này cơ chườ g dài hơn tấ t cả các mùa đông trên đờ i.

Rô ́ i quầ n Pháp lầ n đố ng ở câ u Pù Mát, ngay đầ u làng Khuổ i Khún. Trưa hỏ m qua ở đầ y đã nhậ đượ tàn lử a làng Phiề ng Phườ ng bị đồ ́ t, bay vào.

Bầ y giờ thì vắ ́ ng về quá. Nhữ ng cuộc “vui nhộ n” ban đầ m không có, và cũ ng không dám nói to. Tây đầ n gầ n rô ́ i. Cơ quan rút sang Yên Thê ́ , để lại có hơn mườ i người, vừa giữ kho, vừa tiế p tục ra báo. Cái lầ n ven suồ ́ i đượ dờ đi, rút vào rừng sầ u.

Dậ t và Liề u chặ trách nhiệ m chung cái cơ quan nhỏ bé này. Ngoà i ra, có Mặ c, người Tầ y, là liề n lặ c của xã, ở liề n với.

*

* *

Sầ m tô ́ i, một trầ ng liề n thanh phầ ngoà i làng dộ i vào vách đá. Tiế ng sủ ng vầ ng núi, cuồ ́ n theo gió, uồ m lại, nghe đầ y hai bầ n tai.

Dậ t ra tậ n gầ n cửa suồ ́ i, trồ lầ n câ y, nhìn xuồ ́ ng.

Trong thung lũng dưới kia, lộ lên mép rừng, cánh đồng chín vàng như một chiếc chiếu mới. Những đám khói xanh đậm hơn màu sương tỏa dài vào. Dật đoán: có lẽ bọn Pháp đang dò vào theo dòng nước.

Nghe tiếng gọi:

- Anh Dật!

Dật nhìn xuống. Mộc, xanh thẫm bộ áo chàm, đã đứng lúc nào ngay dưới gốc cây, bạnh mặt ra cười. Mộc đi giao thông ngoài xã về. Làm thế nào mà Mộc vào lối này được? Dật nghĩ bụng: “Tốt đấy. Phải có những cậu giỏi luồn rừng như cậu Mộc thì mới ở yên được. Chắc Mộc biết tình hình ngoài ấy...”

Nhưng Mộc nói:

- Chẳng gặp ai.

- Sao vậy?

- Ban xã chạy hết. Tây vào đến cửa suối rồi.

- À...

- Khói nó thổi com đấy. Nó bắt được mấy con lợn, đang làm thịt ở bờ suối.

- Mộc đi đường nào về?

- Qua suối.

- Làm thế nào qua được?

- Em còn cắp được cả con lợn nó đang làm thịt đây.

Dật nhìn thấy một con lợn bột trắng hếu nằm trong bụi lá dong. Mộc vẫn thản nhiên cười như không. Thái độ ấy, làm cho Dật cũng vui lây, làm cho tự mình bình tĩnh hơn.

Dật và Mộc nhặt nhanh, quẳng đi những đống lá dong, lõi củi, cẳng cây cháy dở hôm nọ làm kiềng đứng ven suối. Tây lòng rừng thường đi ngược ngọn nước. Chúng đã biết người ở lán hay ở đâu cũng phải sống cạnh nước. Tây đã đến ngoài cửa suối kia. Thế nào rồi cũng có hôm, có lúc chúng sẽ theo suối vào đây.

Dật và Mộc chạy vào lán. Bóng núi đá bốn phía đổ xuống, tối sạm, buốt thon thót. Mộc hí hửng xách con lợn bột. Đêm nay làm nồi cháo béo cho cả cơ quan chén.

Trong lán, mọi người đã nằm lăn lóc. Không biết đây là nghỉ hay ngủ. Thường có những lúc cứ lặng im hàng giờ như thế.

Phía trong, Liêu đương lúi húi áp tai vào cái ra-đi-ô đã long mảy một nửa mảnh vỏ, lâu nay vút xó, vì hết pin. Không hiểu Liêu vừa lục lại đâu ra được bốn chiếc pin cũ còn tí điện.

Dật chui vào trong lán, mới biết không phải mọi người nằm ngủ. Mà cả những người nằm đây đều lặng lẽ châu đầu về phía cái ra-đi-ô. Hào như nín thở, những con mắt dán vào chỗ vùng ánh sáng lơ mờ đương hừng lên. Làn điện đỏ lần đi lần lại theo tay Liêu vặn. Vùng ánh sáng bé nhỏ ấy đương mở ra một thế giới mênh mông trên trái đất. Không ai nghe tiếng lục cục, lóc róc trong cái máy ồm như người sôi bụng. Cũng chẳng ai nhớ ra những chiếc pin kia chỉ còn rút chút điện, chỉ đủ làm sáng táp kính. Chao ôi, cái lần đó đương phiêu lưu qua những chữ Chi-ca-gô, Ba-ta-vi-a, Sài Gòn, Răng-gun, Pa-ri... mang biết bao hy vọng của sự sống. Hàng tháng

nay, chạy vào trong xó rừng, không nhận được một lá thư, một tin tức. Cái ra-đi-ô hết pin trở thành vô dụng. Không ai biết được thế giới mấy hôm nay ra làm sao, “thằng Tưởng, thằng Mỹ” lại hung hăng những gì. ở Cao Bằng, Pháp tiến đến đâu? Đài Tiếng nói Việt Nam còn không? Có thật nó đã chiếm hết đường sá từ Bắc Kạn lên Chợ Rã? Cái lằn đỏ kia đương lẩn đi lẩn lại tìm những câu trả lời ấy, những câu trả lời của cái sống chung quanh. Mọi người hau háu nhìn, hồ i hộp như trông mũi kim tiêm sắp ấn xuống. Dật thấy mấy anh đương con số t cũng bò dậy, phủ phục sau lưng Liêu.

Dật ngò i ghé ngoài cửa lán. Không muốn đánh tiếng vội. Dật cũng đương nghĩ cách nói thế nào cho mọi người có tinh thần chuẩn bị, nhưng khỏi bối i rồi. Thế nào họ cũng hỏi về tiếng súng lúc nãy. Cũng một câu trả lời, sẽ làm bình tĩnh hơn, hoặc hoảng hốt tăng thêm.

Liêu vẫn lúi húi quay nút đèn. Ánh sáng hắt lên, mặt Liêu như một miếng đồng hun đỏ. Trong đêm rừng hoang vắng, biệt tịch, lạnh ghê người, cái màu đỏ kỳ lạ và ấm áp ấy là nguồn sống tương tượng của những con người đương cần được tiếp sức và được thấy xung quanh. Bỗng phụt một tiếng nứt kẽ, cả lán tối om, im phắc. Còn nghe mấy vòng nút điện lục cục, lạt sạt, nhưng ánh hồng vui đã tắt hẳn. Sự tuyệt vọng chìm sâu xuống, lặng đi một lúc lâu.

Rồi có tiếng hỏi:

- Cái gì ngoài ấy thế?

Thì ra, họ đều đã biết Dật vào. Nhưng, hy vọng nghe được tiếng nói của cái đài đương thiết tha hơn. Tiếng súng Tây ngoài kia cũng chưa đáng quan tâm bằng.

Bây giờ mới nhao nhao:

- Cái gì ngoài ấy? Tây vào hả?

- Chưa rõ. Tiếng súng dội xa nghe không thật tai, nó bắn ngoài đường cái lại tưởng như sau lưng. Để mai điề`u tra lại đã. Nhưng, ngay từ bây giờ, phải sẵn sàng như địch đã tới.

Dật nói lại những việc chuẩn bị ba lô, kho tàng, canh gác và giữ gìn bí mật. Bỗng Liêu đột ngột thốt một câu, như từ nãy anh vẫn tư lự và nói một mình:

- Sáng mai tớ chữa lại. Nhấ`t định phải nghe được.

Trong đám người, bật ra những tiếng “ô`” thú vị. Rồ`i lại im ngay.

Đêm rét buồ`t ghê rợn đương dầ`n dầ`n vào sâu.

Dật máy Liêu ra ngoài. Có mấ`y người nữa cũng trở dậy, lò dò ra.

Liêu hỏi:

- Đi gác hả?

- Không.

- Thê` thì đi đâu?

- Thắ`ng Mộc vừa lấ`y được con lợn bột ngoài làng. Chúng nó đi làm họ nhà vạc.

Những cậu ấ`y ra làm thịt lợn, nấ`u cháo.

Liêu đi vào lán trong. Dật gọi Liêu, Dật muốn bàn với Liêu một việc quyết định. Cam tưởng Dật đi làm thịt lợn, Cam nằm im. Cam đã hết con sốt. Nhưng còn thở nhọc lắm. Bóng tối đen kịt tỏa vào, như từng miếng lạnh buốt chạm vào mặt. Cả đến những giọt sương đọng, từ đâu rơi xuống, lộp bộp trên đám lá dong quanh ngoài lán, cũng như thấm vào ruột Cam. Một mình nằm nghĩ vợ nghĩ vãn, con sốt dường như âm ỉ trở lại. Đầu Cam ngóc lên, lại rơi xuống, tưởng không còn sức nhúc nhích. Một chỗc, Cam lại ngóc lên, nhìn ra, cứ vợ vãn sờ sợ.

Có thể Tây đã vào tận đầu suối. Cứ cái gì thắng Dật nói lo vừa thì đã là lo lắm rồi. Cam kinh nghiệm thế. Vậy thì thắng Tây đã vớt được cho chết hết ở trong rừng, bất kỳ lúc nào nó cũng mò vào đây, cũng có thể tóm được những người sống sót lủi thủi bờ bụi. Cam choáng váng, không dám nghĩ rõ nữa. Cam mơ màng đến những cái gì sáng sủa hơn. Cam nhớ ánh sáng trên mặt ra-đi-ô. Màu sáng hừng giữa quầng tối, như Hà Nội đêm đầu nổ súng, nhìn lại thấy lửa viềng sáng suốt chân trời. Cam đã ra đi hăng hái. Đôi khi, cũng tiếc đã bỏ mất ít đồ đạc, cái giường, cái màn mới và nhớ vãn vợ những cô gái hàng phố mà hàng ngày, cuộc bộ đi qua, Cam vẫn coi nhà các cô như những cái môc. Chẳng biết bây giờ họ lưu lạc đâu. Màu sáng ấy hừng lên, cũng như trời Hà Nội những đêm rực rỡ từ ngoại ô phía tây đi vào, sao mà nhớ thế. Nhưng nhớ Hà Nội, có nhớ nhất thì cái nhớ cũng chỉ mờ mờ xa xa... Cam nhớ gầ vậy. Cam thêm cái đông vui những đêm trước, khi Tây còn ở tận ngoài đường cái, cả cơ quan mới chạy vào đây, chưa phân tán. Tối đến, sinh hoạt còn chưa ra lễ lối gì, người nằm ngồilộn xộn sàn trên sàn dưới, lắclắcnhá hạt dễ nhạt được trong rừng, chuyện liên miên bất tận về phở xào, phở nước, vợ lẽ, vợ cả, hai vợ, ba vợ, bốn vợ... Những nỗi vui còm thôi, bây giờ cũng không còn.

Nhưng cái hứng sáng trên ra-đi-ô mất đi, rồi câu nói úp mở của Dật, Cam đoán biết tình hình gay hơn. Con số t và những tê tái bên chôn lại còn cào. Cam ngẩng đầu nhìn xem Liêu đã trở vào chưa. Cam lại tìm cách nghĩ ra một cái gì vui vui. Lợn bột nấu cháo thì tuyệt đây. Phải lúc khác, ra ngoài làng kiếm ít hành, mùi tàu, lá hẹ và ớt gió, chắc càng tuyệt... Liêu chưa vào... Cam lại nằm xuống. Một mình thì bao giờ cũng lẩn thẩn, nghĩ ngợi vợ vẫn đến giày vò... Tây ở ngoài làng mãi thì làm thế nào? Báo in bằng li-tô. Không phải sửa “mô-rát”, mình sẽ lặn đá, viết chữ ngược, làm li-tô. Nhưng, cứ lẩn lút trong bụi mãi thế này, không chắc đã chết vì tay Pháp, mà số t rét sẽ quật chết trước. Trời ơi! Thằng Phúc Voi khỏe là thế, chỉ có con số t đá ra máu mà gục. Mình cứ nóng hằm hạp một tuần lễ nay rồi.

*

* *

Dật và Liêu vào lán trong. Lán trong không có người, chỗ tạm làm kho giầy in. Lội qua một dòng suối, buốt như cửa đôi bàn chân, hai người lên một mòm dúi đất.

Tiếng con hươu tác khô khô c, giật thót, ngay bên cạnh. Xa xa, một đám đốt nương gieo ngô nào còn nổ nổ t những cái mắ t nửa tươi. Hay là tiếng củi đốt ngoài làng của bọn đương dỡ nhà người ta ra để sưởi?

Hai người vẫn bàn bạc, không để ý. Dật đã kể vắn tắt cho Liêu nghe tình hình.

Liêu nói:

- Có cách nào khác nữa không? Chứ nếu cuối cùng phải mất, ta sẽ chôn máy. Cái kho giầy này thì đốt. Ta cũng đốt lửa lên, như Trung đoàn Thủ đô đã đốt trận địa, trước khi ra khỏi thành phố.

Lúc nào Liêu cũng mang trong đầu những kỷ niệm mặt trận Hà Nội. Ánh lửa cuối cùng rực trời Thủ đô. Bàn tay các chiến sĩ đốt lửa lên, họ ra đi dưới bóng lửa đỏ. Bây giờ, giữa rừng Việt Bắc khiêng máy chuyển cơ quan nhà in, Liêu cũng muốn nổi lên một đám lửa hiên ngang.

Nhưng Dật nghĩ khác.

- Không được. Anh không để không đau chứ ngà'n á'y giầy, ngà'n á'y máy, ngà'n á'y của cái khuôn vác được lên đến tận rừng xanh núi đỏ này không phải ít công sức đâu. Phải nghĩ cách nào...

Dật là thợ đúc chữ. Nhưng từ khi ra khỏi thành phố, người thợ đúc chữ á'y rời cái khuôn chì và lò đúc để đi áp tải máy và giầy. Lịch sử cái máy in bỏ xưởng lên rừng từ á'y cũng là lịch sử cuộc trường kỳ kháng chiến ngày một gian khổ. Mới đầu là ô tô tải. Rồi thì đường thuyền sông Thao, sông Lô ngược Phú Thọ, ngược Tuyên Quang. Hàng tháng ròng lênh đênh sông nước, lịch kịch khiêng máy lên bên xuồng thuyền. Từ Bắc Kạn lên lại những khó khăn mới. Bao nhiêu người các làng ven đường đã góp sức vào. Hàng trăm vai thay nhau đẩy cái bộ máy in, mỗi ngày, vất vả lắm cũng chỉ qua nổi một chặng đô'i. Vào đường đất, có thêm trâu kéo. Trâu kéo đường đất mà cũng mòn cụt móng, phải lặn lội thay mấy con trâu mới.

Dật là những người áp tải và khiêng máy á'y. Nặng chày, tróc mảy lông da. Đẩy máy qua đường lầy, cái gậy chèn, tì nổi bánh chèo hai vai. Cho đến hôm nay, vẫn khiêng, vẫn chạy, lại càng ngặt nghèo

hơn. Bởi thế, Dật không thể để cho Tây lầy được máy. Dật cũng không nở chôn máy, đốt giấy dễ dàng như Liêu nói được. Dật không nghĩ nhẹ nhàng như Liêu.

Hôm nọ, Pháp mới từ đường Cao Bằng kéo xuống, Liêu đã bàn thế rồi. Dật lắc đầu. “Có phải trên giao của cái để đốt đi ư? Nếu thế thì, đốt xong rồi chỉ còn tính việc về, có phải không? Không được, ta tính cách khác”. Liêu cũng tự nhận mình có hoảng hốt. Họ bèn “nghĩ cách khác”. Hai chiếc máy “mi-néc”, một cái “công tự” đã tháo rời, chuyên vào một lán sâu hơn. Kho giấy thì vác lên lán hai tầng, tránh ẩm và muỗi. Cách ngày lại đảo vào kiểm soát một lần. Một hôm, Cam đi tuần kho về, bảo: “Muỗi leo tận cột kho giấy rồi”. Thế là ngày nào cũng phải vào miết chết những đường muỗi đục cột, mà càng phá, tổ muỗi càng đùn, sao muỗi đùn nhanh khiếp thế. Nếu bị Tây lùng, chỉ chạy rừng, bỏ kho không nom xem độ vài ngày, muỗi sẽ lên ăn hết giấy. Có lúc, Dật cũng chần chừ nghĩ: “Đến phải đốt thật. Phí quá”. Nhưng Dật vẫn bảo Liêu:

- Không được! Phải nghĩ cách gì.

Tiếng Dật mạnh mẽ, cứng cỏi, chắc chắn. Liêu không nói thêm được nữa. Trong lúc nguy hiểm, bố rồi, người bình tĩnh hơn bao giờ cũng có sức làm cho người khác bị lây. Tuy nhiên, một sự im lặng nặng nề lại trùm xuống. Rồi Liêu đứng dậy, lẳng lặng trở ra. Quên Dật vẫn ngồi im. Cả người đi ra và người ngồi đây đều đương chưa biết nên thế nào.

Dật nghĩ: ờ, nếu chỉ có cái ba lô với túi gạo, túi muỗi thì luôn rừng hàng tháng cũng được. Nhưng còn những kho giấy, kho máy! Không có nó thì không còn nên người, ở đây hết ý nghĩa. Làm thế nào? Nếu có được một toán người địa phương thuộc rừng như Mộc,

ta sẽ chuyển đi. Nhưng, việc cần giải quyết ngay ngày mai. Định đã lunge vào cửa rừng rồi. Người và máy tan tành đến nơi.

Hơi đêm thâm vào gan bàn chân, rồi đầu gối, rồi dọc xương sống, buốt rần rật. Hai con mắt người nghĩ vẫn thao láo vào bóng tối.

Lát sau, Dật xuống lán dưới.

Cả một lán người đã ra ngoài áp lưng nhau vây quanh bếp cháo đương sôi sùng sục. Vừa đỡ rét, vừa che lửa giữ bí mật, vừa đỡ thèm.

Trong lán, mình Liêu vẫn nằm dài, quên cả đắp chăn. Liêu đắm chiêu nghĩ. Dật lặng lẽ ngoài xuống.

- Có cách rồi, Liêu ạ.

- Ý tôi có đúng không?

Dật không trả lời câu hỏi ngoài hộp của Liêu. Dật nói:

- Lại chuyển kho đi.

- Phép thánh à?

- Người ta làm được chứ! Sẽ liên lạc với các làng Mán trên núi nhờ xuống giúp. Không trông vào xung quanh thì trông vào ai?

Liêu cũng như chợt nhớ:

- Được rồi!

Liêu nhòm dậy:

- Để mai tôi đi cho. Cậu ở nhà đợi tôi, ngộ Tây sục vào.

Liêu lại tưởng tượng Liêu đi trên dốc núi xa lạ, những xóm làng, những chòm cây cheo leo, những suối nước ngầm mà Liêu mới chỉ thấy lúc bé, ở bề nước hòn núi non bộ. Liêu sắp được gặp người Dao mà Liêu chưa biết bao giờ. Những tưởng tượng thường phong phú và miên man.

*

* *

Từ trong thung lũng, cứ đỉnh núi trèo lên, độ nửa ngày đường, tới một làng Dao. Hòì nọ, bọn Liêu đi dò đường, đã lên một lầ n. Đứng trên dốc núi, trông sang huyện Ngân Sơn trên kia chỉ thấy núi xanh dán lên núi xanh. Vòng vèo trong núi, thấp thoáng con đường Cao Bằ ng như ai vắ t sợi chỉ. Đoàn ô tô của Pháp chạy, giồ ng con kiề n tha mô ìi cắ n đuôi nhau bò dòng dài con trước con sau.

Liêu ngồ ìi nghỉ, lặng nhìn cảnh mênh mông xanh một lúc. Mệt, hơi thở còn đập dồ ìn lên hai tai, nhưng Liêu không biế t mệt. Từ khi đặt chân lên bê n Bình Ca vào châu Sơn Dương, Liêu thấy mình có thể không bao giờ ra khỏi rừng núi. Chẳng những thế , mỗi ngày đi vào giữa Việ t Bắ c, tưởng chỉ độc một màu chàm và muông thú rừng, kỳ thực có cả rừng người và đường đi chắ ng chịt như gân lá, thì Liêu càng cảm thấy một thế giới, một tình cảm, một hứng thú.

Liêu vào cái xóm đầ u tiên. Dồ c núi có mắ y cái mắ p đẽo vào sườn đá, ở mỗi mắ p tỏa ra một đám khói, trông kỳ thấy nhắ p nhô một nhà mái vầ u đen mùn. Nhà trường thôn ở trên cùng.

Một ngày rét, trên núi càng buồ t. Người trong nhà dạt cả vào quanh bê p rừng rực lửa. Một bà già, một cô gái, mắ y đứa trẻ ngồ ìi chộp những hạt ngô vùi trong tro lửa chồ c lại nổ trắ ng bông nhảy

ra. Ngồi phía chân bàn thờ, có hai người con gái Tày - hai cán bộ Tày thì đúng hơn - chỉ trông cái túi vải dù buộc vào thắt lưng, chỗ các chị thường đeo con dao bở cau, thì cũng biết đây là cán bộ. Liêu bước vào, những đứa trẻ chăm chú ngắm Liêu. Hơn nữa, vì Liêu bước lại phía ấy, bỏ ba lô xuống. Liêu ngồi lọt giữa đám trẻ, quen như người nhà, hai bàn tay cồng giờ nướng trên hơi lửa. Nhưng người lớn chỉ nhìn qua khách lạ, theo thói quen bên ngoài vốn thờ ơ, rồi lại ai làm việc nấy như không xảy ra việc gì khác hơn. Người con gái đứng dậy, lấy trên sàn cao xuống một cái vỏ bầu lọ, đổ ra ít gạo, bỏ thêm vào nồi cơm đang sôi. Cách đối xử giản dị và thắm lặng ấy tỏ sự hiểu biết và quý khách tự nhiên của chủ nhà. Có khách, lấy thêm gạo.

Mỗi lần đến một nơi xa lạ, Liêu đều xúc động một tình cảm khó tả. Lần này, Liêu đã thật bồi hồi, khi gặp trên đỉnh núi hai người con gái Tày. Người Dao ở trên rừng, người Tày ở dưới ruộng. Họ tới nhà nhau đã hiếm - lại thấy phụ nữ Tày trong nhà người Dao, thật không phải thường.

Hai cán bộ Tày, một chị đầy đà, hồ ng hào, áo chàm thắt lưng quật đằng sau, như các cô Tày và Nùng cao lớn miền hồ Ba Bể, khi các cô vội ra bãi quẩy ngô.

Một chị nhỏ nhắn, mắt nâu. Không giống chút nào con mắt sáng trong của chị bạn và của những người gái Tày. Và bàn tay nhỏ, mịn của chị ấy nữa (Liêu nghĩ: người này mà ở xuôi thì con gái Hà Nội xách dép cho cũng đáng). Ý so sánh ác ý làm cho Liêu tự cười thắm. Liêu làm quen, cho bọn trẻ hai mảnh giấy in hình cờ đỏ sao vàng. Liêu nói lồm bồm mấy tiếng Dao mới học. Thỉnh thoảng, chị cán bộ đầy đà quay lại, đưa mắt nhìn chị nhỏ nhắn, hai người cười mủm mỉm. Liêu bắt chuyện.

- Tôi nói có sai không, mà các đồ̀ng chí cười?

Thế́ là cả nhà cùng cười. Chị đây đã trả lời:

- Nói đúng đấ́y, giỏi đấ́y.

Liêu được dịp hỏi:

- Các đồ̀ng chí đi công tác đâu?

Chị đây đã cười. “Không được hỏi, ba không mà.”

Liêu nóng rừ mặt. Nhưng, vót lại, miệng cười dễ dãi của chị ấy cũng làm Liêu bớt ngượng. Lúng túng, Liêu quay lại, hỏi chị người Dao gắ́y gừa đương nhấ́c nối cơm xuố́ng.

- Đồ̀ng chí trưởng thôn đi đâu?

Thầ́y khách hỏi tiế́ng Kinh, chị ấy đưa mắ́t nhìn hai chị cán bộ, rối trả lời Liêu:

- *Ma hieu* [\[1\]](#).

Liêu rụt rè và cẩn thận hơn, hỏi hai chị cán bộ:

- Các đồ̀ng chí có biế́t trưởng thôn đi đâu không?

Chị người Tày nhỏ nhấ́n hỏi lại Liêu:

- Đồ̀ng chí có công tác gì? Tôi là cán bộ ở đây đây.

Chị đây đã nói tiế́ng Kinh còn lơ lớ, chị này sõi quá. Liêu đưa giấ́y giới thiệu.

Vẻ nhẹ nhàng, chị ấy chỉ thoáng nhìn đã xem xong giấy giới thiệu, có lẽ thế. Rồi hỏi nhanh:

- À... thế bây giờ đồng chí cần gì?

Trong khi nghe Liêu nói, chị ấy lơ đãng nhìn xuống những lớp mây và sương trắng phủ trên thung lũng dưới kia.

- Các xóm trên này vừa đi tải lương cho trung đoàn 72, ba hôm nữa mới về.

- Chúng tôi cần người đưa đường.

- Nhà nào cũng như nhà này, đàn ông đi hết rồi.

Hai chị quay sang, nói tiếng Tày nhỏ nhỏ. Rồi bảo với Liêu:

- Chúng tôi sẽ cố gắng. Người nào còn lại thì xuống giúp các đồng chí.

- Chỉ còn phụ nữ?

Chị ấy mỉm cười:

- Vâng, các chị sẽ xuống giúp.

- May quá.

- Bây giờ, ăn cơm xong...

- Tôi đi với đồng chí...

- Không, phải về nắm tình hình đã. Chúng tôi sẽ đi các xóm. Mỗi xóm độ ba nhà như đây, chỉ phải cái xa thôi.

Liêu im hẳn. Nhưng không ngưng nghỉu như lúc nãy, mặc dầu vừa bộp chộp nói hớ một câu đáng đỏ mặt. Những người như Liêu, tuy hay viển vông, lại cũng thường xét nét tỉ mỉ, khó khăn. Nhưng nếu đã biết thì, có khi, đương coi thường lại đòi ra kính trọng. Như bây giờ, Liêu đương thâm phục tinh thần khẩn trương công tác của chị cán bộ.

Hai chị đã sắp sẵn túi và nón. Liêu xuống dốc núi, trở về, đi như chạy. Đẹp thật, giỏi thật. “Trên núi gặp Tiên là đây đây.”

*

* *

Cả ngày hôm ấy, cơ quan nhón nháo chuẩn bị, đề phòng. Dật đã nói rõ: Tây mò vào tận cửa sổ, muốn đóng chốt gác ở đây, chặn đường ta ra ngoài làng. Mộc lại đi tìm ban xã một chuyến nữa, cũng không gặp. Nhưng lại đem về được một con lợn bột của lính ngự đương làm lòng ngoài sổ. Và Mộc đem về những chuyện ngoài làng. Quả thật, lửa sáng mé ngoài, đây là nó đốt nhà người ta sổ đêm để sưởi.

Ai nãy đề u ba lô sẵn trên lưng.

Liêu về đến lán lúc sẩm tối.

Thế là, tất cả sáng hôm sau chuyển sớm. Những giấy, máy in và các thứ vẫn buộc sẵn từ hôm khiêng đến, mai chỉ việc tiếp vai đi.

Lại một đêm giá, rét dữ.

Đêm nay mọi người rút vào lán trong. Nếu trời sương muốn không buốt, chắc nhiều người muốn ngủ chỗ trống ngoài rừng

cho dễ chạy ngộ nhờ Tây lòng đêm. Nhưng, trong rừng cây, cái rét đương trời cứng người lại.

Khi phấp phồng đến nỗi không chớp mắt được, thì sự chờ đợi sao dài lâu và chập chờn đến thế. Tuy đã căm nói chuyện, nhưng không thể nín lặng được. Chốc chốc lại bật ra. Nhưng thì thảo nho nhỏ lúc này cũng đem lại chút ít ấm áp cho những người đương rét run.

Dật và Liêu bàn nhau về công việc sắp tới. Họ đề nghị thầy: triền núi trên kia hiểm trở, có thể đóng cơ quan được. Rặng núi Phia Bióc chính là xương sống cán bộ con đường Nam tiến xưa kia.

Dật thì thưa:

- Hướng phấp đầu không phải lẫn báo li-tô, mà là in máy.

Liêu ừ. Lúc ấy, miệng Liêu nói, nhưng óc Liêu đương vuốt ve những ý nghĩ về “chị cán bộ nhỏ nhắn có đôi mắt nâu mơ màng”. Trong bóng tối, càng khuya thăm thẳm càng rét, thế mà, Liêu không thấy rét, không thấy đêm hôm trời trăng trắng, địch có thể thành lính tới. Không có khi nào lại xảy ra cái không may cuối cùng trong khi người ta đương tư tưởng những tốt lành và cao xa, có lẽ thế chăng?

Cam nấp yên, thêm thiếp. Suốt ngày, lúc nào cũng ba lô vác trên lưng, khùng khiếp lắm. Bây giờ, Cam quá mệt. Lại sốt, rũ rượi, cứ thế này, rồi đến chết lử đi lúc nào cũng được.

Những tiếng ào ào xung quanh Cam nghe như trong cơn mê. Đến khuya lắm, cơn sốt mới buông Cam ra, Cam dần dần tỉnh. Cam nấp chong mắt với bóng tối.

Một tiếng hươu tác. Con hươu từ rừng sâu về tìm ăn tro nóng trên những nương mới đốt. Cam giật mình. Nhưng Cam chợt nhớ hôm mới đây, nửa đêm, thằng Dật ra ngồì rình đầ u suố i, bắt số ng được một con hươu non, vác về , Cam mới đỡ sợ tiếng hươu tác. Lại những tiếng gì xa, sao đêm nghe thì thảo thẳm thiết nguồ n con lắ m vậy? Cam lắ ng nghe mãi. Tiếng những con suố i chảy dầ n dầ n hóa ra tiếng ô tô chạy đêm phía đường lên Cao Bắ ng. Trời, ô tô Pháp đâu nhiề u đế n thế , à m ì từ chập tô i tới giờ. Quân Pháp vây bọc mấ y đường (Mấ y đường? Ban ngày trông lên Ngân Sơn, bớ n phía chỉ thấ y núi dắ n liề n tới trời). Mình nằ m đây là lọt vòng vây phía nào, lọt vào mấ y cánh vòng vây?

Nghĩ vắ n vớ thế , đầ m ra mắ t đắ i luồ n. Cam trở dậy, bước ra. Một luồ ng gió buố t thồ c tới. Cam cong số ng lưng, ôm hai tay lên nách, run rắ y đứng ngay đầ u sà n, Cam không dắ m ngắ ng đầ u. Nhưng rồ i ngay trong bóng tô i trước mặt, thấ y lù lù cái gì như con trâu, như thằ ng Tây, Cam ngã bắ chẳ ng vào trong sà n.

Tắ t cả giật choàng dậy.

- Cái gì thế ?

- Khồ n khồ , đườ ng đầ m đi đâu?

Dắ t xồ c Cam vào, quờ cái chắ n quắ n cho Cam. Tay Cam giá ngắ t. Nhưng trồ ng ngực Cam vẫn thúc thầ n thắ c. Liề u bóp hai thắ i đườ ng Cam. Cam thở hừ hừ, rồ i rề n rắ :

- Anh Liề u ơi... tôi làm sao...

- Sao?

- Tôi chề t...

- Thế nào?

- ...Thọt hai cái hột dái... tôi... chết...

Hai cái hột dái nó thọt đi đâu mất thật. Sờ không thấy, Cam cứ rên rĩ “tôi chết, tôi chết”. Đầu tháng trước, cái chết đột ngột của Phúc Voi bị sốt rét ác tính đã làm hốt hoảng những người lân cận đầu biết rừng núi.

Mọi người xôn xao, ngơ ỏi cả dậy. Tiếng kêu rên trong đêm buốt, nỗi lo lắng ng nhiên u bề không lường được.

Dật gọi Mộc ra, bảo:

- Mộc xem trong rừng đâu có lá ngải cứu.

- Đốt cho anh Cam à?

- Ừ.

- Đốt củ cũng được.

- Anh ấy sắp chết rồi, chú không biết ư?

- Rét quá thì tụt hột dái lên, chứ chết thế nào được. Ai rét chả thế.

- À...

- Cứ âm ỉm thì nó lại thò xuống.

- Mẹ khi!

Dật sờ tay lên trán Cam. Dật nắm khắ p người Cam. Quả thật, Cam vẫn thường thôi. Không như thằn lằn Phúc Voi lúc há p hoi. Dật

bền bảo:

- Không sao. Cứ nă`m yên. Tao hòa dầ`u bạc hà cho uố`ng. Ông cá`m kêu. Mày kêu, Tây ngoài kia nó nghe tiế`ng thì chề`t cả nút.

Thế` là Cam nín thít. Nhưng rô`i Cam lại thở, nói nho nhỏ:

- Tôi không số`ng được nữa. Các anh cho tôi dặn...

Dật cười:

- Dố`i dăng gì! Nă`m im.

Những người xung quanh ngạc nhiên vì câu quát của Dật. Dật mở nút lọ dầ`u bạc hà - cái tủ thuố`c độc nhấ`t của cơ quan. Cam thì thầ`m, nức nở:

- Bao giờ các anh về` Thái Nguyên... hỏi nhà anh Luận bán tạp hóa ở Phúc Trìu... nhà anh chị tôi. Mang hộ tôi gói quầ`n áo... bảo thắ`ng Cam nó chề`t ngày hôm nay rô`i... hích... hích... là ngày bao nhiêu...

- Ấ`y đầ`y, bảo mà. Cá`m kêu khóc. Được, rô`i chúng tao về` Phúc Trìu bảo anh mày. Bây giờ cá`m rên, cá`m nói. Uố`ng bạc hà này. Há mồ`m ra.

Không có nước, Dật dồ`c mấ`y giọt bạc hà đặc vào miệng Cam. “Được rô`i, được. Chồ`c nữa lại số`ng thôi. Bây giờ tao phải ra xem Tây nó có nghe tiế`ng mày lúc nầy không... Nă`m yên”.

Từ ngoài vọng canh, mấ`y anh đối gác trở về` lán. Họ nă`m lăn ra sàn, chỉ kịp kéo cái chăn, đã ngáy khò khò.

Đêm rét buồ`t khủng khiề`p, đêm chờ đợi dầ`n dầ`n qua.

Buổi sáng trong rừng, dùng đục rồ i nhọt nhọt. Rừng ban ngày hiện ra, nhưng tự nó cũng âm u chẳng khác bóng tối. Không có tiếng chim. Không cả tiếng một giọt sương rơi.

Giữa lúc ấy, không biết đâu đi vào, từ các thân cây sù sì, lêu đêu ghê rợn, từ cành lá, chòm lá ken nhau, từ bụi mây, bụi song lờm chờm như hàng đàn nhím xù lông dưới những hàng cây “mắc có” thẳng dãy như cột, lơ nhơ, lần lượt đông người cứ tự dưng hiện ra. Đây là các chị ở Cô c Phường, Vàng Kheo, Nà Đông, Khuổi Buồn trên núi.

Ba xóm được hơn hai mươi chị cùng xuống. Một lũ trẻ con cũng theo - thói quen các em theo người lớn đi nương. Rừng và đường đầm sương sớm. Ai cũng ướt đến lưng áo. Chui qua sườn đồi tranh, trẻ em ướt hết cả chòm tóc.

Liêu trông thấy có cả cô bé gầy gù nhà trưởng thôn.

Kìa, lại cả mấy em hôm qua Liêu vừa dạy hát. Cô gái ấy quen thuộc hơn các chị khác, chạy lại. Cô nói:

- Chúng tôi xuống đủ rồi.

Thì ra cô ấy nói sôi tiếng Kinh. Các em riu rít sau lưng:

- *Ma hieu cong cau! Ma hieu!*

Các em ấy đùa chế câu tiếng Dao, Liêu nói hôm qua.

Liêu hỏi:

- Hai đồng chí cán bộ đâu?

- Về huyện rồi.

Trong hai ngày liền, cả cơ quan và các chị đã khiêng hết máy, giấy, muỗi, mực in lên trên núi.

Pháp đóng ngoài đường cái.

Tòa soạn và nhà in báo “*Cứu Quốc Việt Bắc*” thì ở ngang sườn núi trước mặt. Những ngày quang trời, trông ra thấy rõ một cái đồn Tây đóng ở cầu Pù Mát.

*

* *

- Rồi thằng cha Cam thế nào?

- Khi trời dần sáng, hơi ấm trở lại, chắc là Cam lại sờ thấy hai hòn đá như thường, Cam nấp rúc đầu vào trong cái áo bông đắp mặt. Nó ngủ. Rồi nó đã trở dậy khiêng máy đi ngay chuyếch đầu. Sau này, còn chuyển quanh núi gay go nhiều lần, nhưng nó đã quen. Rồi cũng như tất cả chúng mình. Khi nào có ai nhắc tới những chuyện ấy, nó cười trừ.

Nhưng, cũng khi nào kể lại cái năm khiêng máy vất vả, bao giờ Liêu cũng nhớ thêm một chuyện khác.

Có lần Liêu đi họp hội nghị tỉnh. Tỉnh lỵ Bắc Kạn bị chiếm. Các cơ quan tỉnh đóng bí mật trên các cánh rừng gần thị xã. Liêu đi từ Pác Cáy qua sườn núi xuống mé rừng Pác Trang rồi qua Lũng Trang. Đây là một trạm nghỉ. Lúc ấy, buổi chiều ngày cuối xuân. Một màu xanh nhẹ mờ màng phủ trên rừng núi. Những nhánh tre, nhánh trúc non vút cong như đan lưới trên trời. Trạm nghỉ đêm là một lán nhỏ trên mỏm đá kê bên dòng suối trong vắt. Liêu gặp lại chị cán bộ nhỏ nhắn “có đôi mắt nâu mờ màng”.

Từ ngày ấy, bây giờ Liêu mới gặp lại. Nhưng Liêu đã biết chị ấy là cán bộ huyện, hôm Liêu lên núi, chị đi công tác qua, đã sốt sắng giúp Liêu.

Vẫn dáng dấp nhẹ nhàng. Chiếc áo chàm dài thắm biếc, thắt lưng quặt đằng sau và cái túi vải dù xinh xinh bên thắt lưng, chiếc khăn vuông chàm. Đôi mắt nâu xa xôi kỳ lạ rất hiếm thấy ở người con gái Tày. Đôi mắt nâu vừa tinh anh, vừa mơ màng. Hôm ấy chị hơi trắng xanh. Chị đến trạm từ sớm, nhưng lơ liên lạc. Đương cơn sốt, chị không đi được. Bây giờ, chị sửa soạn đi cùng chuyên với Liêu cho kịp. Liêu không hề chờ đợi một tình cờ “lịch sử” ấy.

Liêu hỏi:

- Đờng chí ở quê đây mà cũng bị sốt rét như chúng tôi?

Chị cười:

- Sốt rét có biết tha ai đâu!

- Chị người huyện nào?

Chị ấy lại cười, nhưng im, không trả lời.

“Tôi hiểu rồi, hiểu rồi” - Kể đến đây, Liêu khoái chí kêu lên. “Thảo nào, cứ ngờ ngợ. Đôi mắt nâu khác vẻ đẹp những đôi mắt sáng trong hồn nhiên của các cô gái Tày ở Chợ Rã. Chị ấy người Hà Nội mới lên năm ngoái trong đoàn *xung phong Việt Bắc*”.

“Từ đó, tôi hiểu núi rừng không phải là cái thích thú cô đơn của tôi”. Liêu nói, như kết luận.

Pác Trang 1948

[\[1\]](#)-Tiếng Dao, nghĩa là “Không biết”

Thảo

Suốt ngày, cái phố dọc bờ sông im như say nấc ng. Đến tận chập tối mà hai chiếc máy bay “Kính cô bra” còn nhào lên, sà xuống, bắn ngoài sông một lần cuối cùng.

Những tiếng bay rít rợn gáy vừa vút đi khỏi vòng lượn thì cái phố nhà lá đã mở mắt lên đèn, nhộn nhịp, trở về thói quen thường lệ: ban ngày thì lim lìm giả chết, đêm đến mới sống thật. Cả dòng sông đã nhuộm đen bóng tối. Đèn trên bờ in xuống, óng ánh, lốm đốm. Đôi chốc, một chiếc thuyền cặp bến, rời bến, thuyền sáng đèn vút ra vút vào như những đốm sao đôi ngôi rơi.

Các hàng tạp hóa lóng lánh. Hàng phở, quán thịt chó, hàng cơm nhà trọ tíu tít tiếng cười nói, tiếng dao thớt côm cốp.

Những ba lô và gôêng gánh, bô, sọt ở đâu chui ra không biết, lù lù dưới ánh những ngọn đèn Hoa Kỳ nhòe nhoẹt trước cửa nhà hàng chứa trọ. Có một tốp dân công tải gạo qua. Đàng kia, đám đông người còn lao xao trước cửa hàng mậu dịch, hỏi mua muối về làm bữa tối. Những tốp người đi đường xa về nghỉ, đã quen như chim chiềuh về tổ. Cái phố ồn dãn. Tới nửa đêm thì lại đông hơn nữa, lúc này có thêm cả một cái chợ bán đôi vai đòn gánh kéo từ ngoài bờ sông vào.

Phía ngã ba trạm gác đưa lại tiếng hò *dô ta... một hai ba... ai ơi đứng lại...* Đêm nay phố có mít tinh hoan nghênh chiến thắng trên mặt trận Tây Bắc.

Các cụ lão bà đi dự, gọi bà Hai đi nhân thể. Bà Hai vừa buông bát, còn bán rón một ống nứa dẫu dọc nữa rồi mới tắt tả chạy theo các bà đã tụ tập cả ngoài kia. Ông Hai đứng ngoài cửa xía rằng, toan nói với ra một câu gì, lại thôi. Độ rày ông Hai có điều tư lự, đôi khi bần thần cả ngày. Để vì ông nghĩ mình ngày càng già yếu, vả lại, từ khi chạy loạn lên ngược, những đi cũng đã nhọc, không đỡ dằn được nhà, ông đâm ra rứt rứt cả với vợ con.

Cô Thảo bung mâm xuống bếp, xếp bát ra rửa nốt. Rồi Thảo lên nhà, vuốt lại mái tóc, mặc cái áo lụa mới nhuộm lại màu gụ - nó vốn là áo dài ngày trước, giờ phá ra làm áo cánh. Thảo lấy túi sổ tay treo trên cột, bước ra cửa. Chị Phú đứng đóng khuy áo cho con. Thằng bé cứ ghé ch ra ngoài đường, dẫm chân thành thịch, đòi nhảy đi. Mẹ nó bảo:

- Kia cô đợi cháu với.

- Đi sau thôi. Mình còn phải ra hò hát với bọn nó.

Nói thế, nhưng Thảo cũng đợi chị. Tay cầm sổ nghiêng vào vạt ánh sáng trong nhà hắt ra, Thảo đứng lăm nhăm xem lại công việc.

Ông Trăm ở phố ngoài vào. Dạo này, ông Trăm hay vào chơi với ông Hai. Thảo nghiêng mắt nhìn, bụng bảo dạ: “Lại vào làm hoang mang ông cụ”. Nhưng Thảo cũng gượng chào và hỏi: “Chú Trăm chưa đi mít tinh à?”

Ông Trăm cười khẩy:

- Đình đám nhà người chứ tôi còn vui nổi gì!

Tiếng ông Trăm, hơi rượu nói choang choác. Vừa hay, chị Phú cũng con ra. Ông Trăm bỗng nói nhỏ:

- Cô Phú này, việc ấy mà...

Câu hỏi dịu giọng như trêu tức Thảo. Bởi ông chỉ hỏi thế là Thảo đã biết được “việc ấy” là câu chuyện gì với chị Phú rồi. Gần đây, có tin đồn anh Phú “ở trong kia” phất lăm. Lại nghe người ta nói anh ta sẵn tiền trong tay đương tung túng muốn ghé ngấm tí vợ lẽ. Ông Trảm hay sang xui chị Phú đem con về Hà Nội, “tội gì mà vò vật ngoài này cho khổ thân”. Nhưng chị Phú chỉ im lặng, ngoáy đi.

Thảo đương tức sẵn, đứng lại:

- Từ giờ chú đừng cứ việc ấy việc nọ nữa mà rườm lời.

Ông Trảm chặc lưỡi, định mắng. Nhưng Thảo đã bước nhanh ra với chị Phú, vừa đi vừa nói cốt để ông Trảm cũng nghe được: “Cho một vô cùng lưỡi thế mới được”.

Tiếng hò reo, tiếng ồn ào trong bóng tối ngoài đường. Thảo đi tong tã, đã quên chuyện bức mình, Thảo cúi đầu, cù vào cổ cháu bé. Chị Phú thì lặng lẽ. Dù sao, câu chuyện “việc ấy” lúc này cũng làm Phú nghĩ ngợi.

Đời Phú chẳng còn thanh thản như cô Thảo. Không phải là đời chôn con của Phú vất vả. Không, những người quen vợ chồng Phú xưa nay thường nói câu: “Vợ chồng anh Phú như Phật Di Lặc, thầy người là thầy cười”. Thực như thế, đôi vợ chồng nhà ấy chỉ biết chiều nhau. Kháng chiến vất vả, họ bỏ quê, bỏ nghề, tản cư ra đi, Phú xoay xỏa buôn bán, đâu cũng len lỏi, khắp các khu, từ Việt Bắc vào tới khu Bốn. Chị Phú thì đi các chợ, chẳng mấy lúc có nhà. Cho đến năm kia, một chuyến Phú cùng các bạn buôn xuống cá t vãi dưới khu Ba - bây giờ xuống khu Ba phải vượt đường 18 sang Đông Bắc, qua vùng Tây chiếm. Đồn tiền kiếm được liên với

đội máu, không biết thế nào mà tính trước được. Chẳng may, chuyện ấy, cả toán lái sa ồ phức kích. Phú bị bắt, rồi ra sao, không ai biết. Từ ấy mất tin. Chỉ toàn những chuyện đồn thổi nay thế này mai thế khác, không biết đâu mà nghe. Có một điều rằng ai nói thế nào thì nói, chị Phú hăng nghĩ: “Không bao giờ anh ấy phụ em, phụ con”. Phú lặng lặng, im như bóng. Thì ông Trầm lại tưởng chị ấy đương xót xa, đương muốn về, nên lại càng tỉ tê, càng thúc.

Thật ra, Phú chẳng ưa gì chuyện ông Trầm. Nhưng dù mình xua đuổi, cái điều không muốn nghe cứ tự nhiên theo ám ảnh, làm khổ mình. Con người ta cũng có số chẳng? Vậy thì có lẽ anh ấy đã trở về làng rồi ra tỉnh buôn bán. Anh ấy có còn nghĩ đến lại ra ngoài này với vợ con không? Còn ghen chưa ra được, hay là ở trong ấy êm ấm rồi, không muốn ra? Dù sao thì có lẽ nào anh ấy phụ vợ phụ con. Nhưng mà... hay là mình về, mình cứ về tìm rồi lại ra? Có lẽ, có lẽ mình về...

Phú đã nghĩ móm như vậy nhiều lần. Phú hay cả nghĩ. Giờ đây, nghe ông Trầm thoáng nói đến, Phú cũng lại nghĩ lần nữa như thế. Đầu óc còn đương tha thần, Phú đã đi chen vào đám ồn ào mà không biết.

Hai chị em đứng lại. Từ trong đội, ánh lửa đuốc rực lên. Người nghìn nghịt kéo dài sau. Đây là các người trong làng ra dự mít tinh với thị trấn. Chị em Thảo nhập bọn. Những tiếng lanh lảnh *hò dô ta... một hai ba ...* Đi trong đám đông thì những điều nghĩ tản mạn lúc này cũng nhạt mất. Phú cố con, ngẩn ngơ, cuộn theo dòng người, người đi chen lạc cả hai chị em.

Khi tan mít tinh, Thảo về nhà. Bà Hai đã về trước, ra mở cửa, hỏi con: “Nghe nói tôi nay có thương binh về qua phố, phải không Thảo?”, Thảo nói: “Con không biết”.

- Tao nghe các lão bà ngoài bên bảo có thương binh ở trên xuôi về.

- Phải đây, u ạ.

Nhưng rồi Thảo cười:

- Đùa thôi. Con không biết đâu.

Bà Hai mừng yêu: “Mày bí mật cả với tao à!”

Chị Phú cũng đã về trước, còn thức, ngồi khâu bên đĩa đèn dầu châu tù mù. Thảo đến bên, chị Phú nói nhỏ:

- Lúc này cô chẳng về mà nghe thầy nói.

- Lại cái ông Trâm chứ gì!

- Đành rồi. Nhưng mà thầy nói buồn lắm.

- Sao?

- Thầy bảo thầy ở ngoài này bây giờ chẳng có ích cho ai. Thầy muốn về trong ấy. Thầy mang thằng Tuấn về, bảo cả tôi cũng đem cháu về. Chỉ còn để những người khỏe ở lại theo đuổi độc lập cho đến đâu đến đấy. Bao giờ kháng chiến thành công thì gia đình lại đoàn tụ.

“Mình chẳng còn có ích cho ai...” Ông Hai buồn bã nghĩ thế. Thật thì ông không oán thán gì. Nhưng, ông cũng như Phú, hay cả lo,

lo quần. Có lần, Định ở đơn vị về chơi kể chuyện mới rồi dưới Vĩnh Yên ta đánh, bắt sống được mấy chục lính Tây. Định tưởng kể chuyện chiến thắng thế thì bố sẽ thích. Nhưng ông Hai lo lắng hỏi: “Thế thì ta phải nuôi nó mất biết bao cơm cho đủ, rầy rà quá”. Làm cho Định mất hứng chuyện, mà cả nhà thì cười.

Thảo treo túi sờ tay lên cột rồi thay cái áo rách đêm vẫn mặc đi ngủ. Thảo cũng ngờ vì khâu nốt mấy cái mũ “tàu bay” của trẻ con cho mai khách lấy sớm. Thảo chặc lưỡi:

- Chuyện thầy nói thì để đấy thôi. Lo đâu cho mệt.
- Cô bảo tôi lo gì!

Nói thế, Phú ra ý hơi giận em. Phú không thích em có thể cho là mình mê mẩn, mặc dù Phú chẳng cứng cỏi bao nhiêu.

Nhưng, cả hai chị em đều hiểu nỗi băn khoăn của bố. Những người con biết bố nghĩ như thế chỉ vì thương các con. Song bố thì không tưởng được mình nghĩ thế lại là làm các con bận tâm thêm. Bởi vì, có con nào lại chịu để cho bố trở về một mình mà mang tính “dinh tề”.

Chẳng qua cũng bởi vì từ năm chạy tản cư, mỗi lần đổi nơi ở, mỗi lần gồng gánh cơ nghiệp lên vai thì lại một lần thấy cái gánh nặng hơn, nhẹ hơn và cuộc sống mọi người trong nhà lại chật vật hơn. Mấy cái chiểu từ ngày đem đi, còn giữ được, vẫn đeo theo. Mỗi quảy lại cuộn khoanh nó trên cặp thúng. Bây giờ cái chiểu nào cũng đã gãy đôi cả. Hễ trải ra nằm thì gập giường rơi đầy những cọng chiểu vụn. Cái năm đầu, mẹ con còn mỗi người một gánh hàng tá m. Anh Phú buôn thuyên, ngược xuôi, thuóc lều. Thế mà rồi dần dần, mòn mỏi, gánh hàng tá m hạ xuống chỉ còn cái thúng

bán quà vặt. Cuối năm, máy bay máy lặn ném bom phố bên. Nhà cháy. Rồi, anh Phú đi khu Ba thì bị lọt ổ phục kích của Tây.

Từ đây, cả nhà kiếm ăn vá víu từng bữa. Phải kiên gan mới đứng lại được giữa những lao đao ấy. Thôi thì chị Phú, cô Thảo gồng gánh, gập gù buôn nầy, làm nầy. Bà Hai đi khâu mướn. Ông Hai cỡi trâu xoe tay đánh chỉ, xe chỉ cho con đi chợ. Ông làm không kể ngày đêm. Ông chỉ sợ vì ông mà các con khó nhọc thêm.

Ông Trẩm xưa ở nhà và nay đi tản cư thì cũng thế, vẫn sống lố i ngày trước. Vả lại, lưng vốn mà rộng thì buôn bán như dài chân dài tay, nói rồn cũng ra tiền, ngò i đây mà tiền cũng cứ bò vào nhà. Những chuyên muôi, vải, thuốc Lào, mỗi lần hàng toán lái ở xuôi đem lên, lại như đổ của vào nhà. Nhưng ông chưa vừa lòng, ông vẫn so kè: “Ngày trước tôi buôn sướng như ngò i cửa quan ấy chứ. Bây giờ vừa người khôn của khó mà lại lặn lội đầu sông cửa xuôi, cái chết lượn trên đầu. Chà chà, khó quá”. Cho nên, cứ máy bay lên quấy phá tợn thì ông lại tính chuyện về tề. Ông coi về hay ở cũng là cái chuyện thường. Ông thích nghe ngóng, chấp nhặt những chuyện làng quê tỉ mỉ. Những chuyện xa gần hơi hướng quê hương ấy đã làm hoang mang ông Hai.

Thảo buông tay kim, bảo chị:

- Cũng chỉ vì kinh tế nhà ta bây giờ không ổn nên thầy mới phải nghĩ thế. Buồn cười, lúc nào cụ cũng coi như con cái còn bé tí, không muôn đưa nào vất vả. Nếu có việc làm hàng ngày thầy đỡ đầu được thì dầu sao thầy cũng vui. Nhưng trước hết phải gạt cái chú Trẩm đã. Em không ngờ bụng dạ chú ấy xoàng thế.

Làm lành với em, Phú cười: “Ừ, cả nhà ấy cứ thườn thượt thế, chẳng thay đổi gì. Mà họ thừa mứa chứ như nhà mình thì chịu sao được”. Hai chị em thức khâu cô một lúc nữa, quá nửa đêm mới tắt đèn. Trong im lặng, mỗi người vẫn vơ một ý nghĩ. Giữa bóng tối, Phú lại thấy mình không “cứng cỏi” được như lúc ngô ì với em. Câu nói của ông Hai khi tối “đem cả con cùng về” lại trở lại miên man day dứt. Ngoài vách nứa, ánh trăng gọn ghẽ như trong chiêm bao. Phú nhớ khi hai vợ chồng mới lấy nhau. Những ngày vui ấy đã qua rồi. Nhưng những người buôn hay nghĩ bằng kỷ niệm. Nước mắt Phú ứa ra. Phú thoáng nghĩ: “Hay là mình về... Cả con cũng về...” Phú cắn môi, nước mắt nhỏ xuống chiếu, Phú trở mình, một tay úp lên người con.

Xa đã ng đầu phố, có tiếng mơ hồ lao xao...

Khi ấy, Thảo cũng còn trẻ n trọc chưa chộp mắt. Thảo chẳng thích lối buôn hóng, chạy hàng bấp bênh không ra thế nào. Nhưng cái mơ ước có miếng vườn, có quả đồi tăng gia thì càng ngày càng mờ nhạt. Nhà ta đơn lung lăm rồi. Thảo phác qua trong đầu một ít việc: mở lò khâu (hàng trăm vạn một cái máy), làm bánh kẹo, làm thuốc lá, làm đường, buôn chè (nghề nào cũng phải có số vốn to), hay là làm nón, áo tơi, đan bồ? Phải, làm những cái này thì cả nhà đều có việc. Ông cụ cứ suốt ngày vót vành, là lá thì thật khéo. Nhưng những nghề này phải lâu mới bắt được mồi. Mà vốn thì còn. Lấy đâu để ăn dài những lúc mới dên dáo? Vẫn là những khó khăn không giải đáp được, cô Thảo ạ.

Dường như đã khuya. Có tiếng rì rầm xa. Thảo đoán, như mọi khi, sắp có đoàn dân công nửa đêm qua phố. Ngoài sân, trăng sông lạnh ngắt. Rồi những tiếng chân lao xao, chệnh choạng lại gần, như khiêng cái gì nặng. Thảo chợt nhớ câu hỏi của mẹ lúc nãy.

Hay là có thương binh về? Chẳng lẽ. Đã được báo tôi mai mới đón thương binh cơ mà?

Thảo sang giường chị Phú, gọi khẽ. “Chị, chị Phú...” Phú đưa tay che mặt, dầm dìa nước mắt, im lặng, vờ ngủ. Không gọi chị nữa, Thảo rón rén dậy ra đầu hiên. Quả nhiên Thảo trông thấy có những chiếc cáng thương binh đen lù lù đi qua lên dốc trên đầu phố. Những chiếc cáng được đặt xuống rồi có người quay lại trạm gác ngã ba xin lửa hút thuốc. Họ đi nhẹ nhàng trên đường cát. Tuy vậy, như cả phố biết, đã trở dậy, nhà nào cũng đứng sau vách nhìn ra. Một vài nhà sáng đèn. Rồi có tiếng gõ cửa người đi ra chỗ dân công hút thuốc Lào, hỏi nhỏ nhỏ:

- Các anh â'y có khát nước không? Đau thì chóng khát lă'm. Nước chè nóng đây...

Mấ'y bà đi sau, xách nải chuô'í. Trông dáng cũng biế't là các bà Hội Mẹ Chiế'n Sĩ. Sao các mẹ lại biế't có thương binh qua phồ'? Có lẽ ngoài bờ sông đã tổ chức đón rồ'í đưa tin vào. Thê' mà đoàn thể phụ nữ lại được thông tri tô'í mai mới đón! Nhưng Thảo cũng chẳng bận khoăn. Báo sai giờ họp, công văn chậm và nhâ'm ngày đã thành tật, khó chịu mấ'y rồ'í cũng thôi. Vả lại, các mặt trận trên Tây Bắ'c, đương nhiề'u thương binh về'. Đường sông đêm đi ngày nghỉ, không tính trước được. Ngay lúc ấy, theo thói quen, Thảo nhâ'm việc. Năm ngoái, thương binh chiế'n dịch Lý Thường Kiệt về', bà con hàng phồ' đem quà bánh cho anh em cứ mạnh ai người ấy đưa, có khi hai ba nải chuô'í để quanh đầ'u một cắ'ng, có cắ'ng bỏ sót không ai đưa được chén nước tới.

Thảo thành lĩnh quay lại.

Bà Hai đứng sau con gái từ lúc nào. Bà hỏi: “Thương binh về rồi à? Ra các bà ấy ở ngoài phố bên nói đúng. Nhiều hay ít, hả con?” Nghe mẹ hỏi, Thảo thấy mùi lòng thương mẹ. Thảo ghen ngào một lát mới nói được: “Nhiều, mẹ ạ”. Thảo biết mẹ đang nhớ anh Định. Lòng mẹ thương những người con ngoài mặt trận cũng là lòng mẹ thương con, đứa con mang nặng đẻ đau, dù nó đã biết cầm súng ra đi vì nghĩa cả, nhưng lúc nào mẹ cũng tưởng như nó còn bé, mỗi lần nó về nhà mẹ lại dặn dò đi đâu phải cẩn thận nắng gió.

Định, anh của Thảo. Thảo nhớ những lần anh Định về thăm nhà.

Lần ấy, trong một trận đánh đẫm máu, trung đội phó Định bị đạn vào cánh tay, phải thương nhẹ. Sau chiến dịch, ở quân y ra, Định được phép về nhà nghỉ. Đêm đó, thuyền xuôi sông Thao. Nửa đêm cặp bến, Định lên bến, đi trong đám đông người lên bờ. Bến khuya, không có đèn đóm. Trời tối quá. Định không biết lối đi. Và lại, mấy bận về nhà, nhưng chưa lần nào về đã ng bến. Định hỏi cáu may:

- Cho tôi hỏi thăm lối nào về nhà cô Thảo ở trong phố?

Thì có người hỏi lại:

- Ai như tiếng cậu Định phải không?

- Vâng, Định đây.

Một tiếng reo lớn:

- Ở kia cậu Định. Anh Phú đây.

Định dựng cái gậy chôn ng tựa vào bờ` hàng của anh Phú, nắm tay anh Phú. Định còn chưa tưởng tượng được sự đổi thay của người anh rể, một người thợ cửi, quanh năm ro ró làm ăn ở làng, bây giờ đã thành một tay buôn xuôi ngược đến đôi tiếng nói cũng khác cả giọng!

Về nhà, Định kể lại chuyện cùng thuyên mà anh em không nhận được nhau, cả nhà còn cười mãi. Ở nhà mấy hôm, dù biết là nhà ai bây giờ cũng gieo neo, nhưng Định cũng cứ nửa thương nửa mừng. Mỗi buổi chiều, bà Hai và em Tuấn đi kiếm cái đun ngoài rừng nửa về, hai mẹ con hai gánh nặng. Chị Phú và Thảo bán bánh tẻ, bánh nếp. Ông Hai cặm cũi chẻ tằm, đun nước cho khách ăn hàng uống nước tráng miệng.

Lúc ấy bà Hai bảo Thảo:

- Tao ra thăm các anh ấy một mảy.

Thảo trông nghiêng hình mẹ đi ngoài đường, thấy tay mẹ cũng xách một nải chuôi. Thế ra mẹ đã sắm sẵn chuôi từ bao giờ!

Đêm nay, lại có thương binh về qua. Công việc thật tui bụi. Hôm nay đêm nào cũng có hai việc nớ nhau: Chập tối thì bình nghị thuê công thương. Nửa đêm, ra đón thương binh ngoài bến. Các anh nghỉ chân ở đây, rồi vào viện quân y trong rừng phía chân núi.

Nhà nhà đề u để cửa khuya, có đèn sáng. Chỉ nhà ông Trầm đóng cửa từ chập tối.

Bà Hai bảo Thảo:

- Tao xem ý đạo này chú Trầm khác lắm. Ngày nào chú ấy cũng sang thì thân với ông lão nhà này toàn bàn chuyện “về”. Làm cho

ông lão cứ ngơ ngẩn, cứ tính quẩn, nói năng như dở người. Cái chú ấy tệ thật! Đi xui nguyên giục bị, tao nghĩ bực lắm.

Thảo nói:

- U ả, con đang thu xếp. Rồi thầy con sẽ yên tâm, mẹ đừng lo.
- Việc gì thế?

Thảo cười, nửa bí mật, nửa đùa:

- Bao giờ xong con sẽ nói.

Bà Hai lại chêm miệng, mỉa mai: “Mẹ mày! Bí mật cả với tao!”. Cái năm tản cư, Thảo mới mười bốn tuổi. Thật là vất vả, chẳng còn được như ở nhà. Cơm thì hạt ngô cũng hạt gạo, có khi chỉ nắm lá sắn để vừa làm canh vừa làm dưa. Mà sao, nói trộm vía, lên ở đất đồng rừng thế này, con bé nó vẫn lớn như thổi. Mái tóc nó dài óng như tóc bà ngày con gái. Chẳng mấy ngày, mấy lúc không có người gọi. Mặc dầu bận công tác, Thảo vẫn lo việc nhà, đỡ được bà nhiều. Thật ra, buôn bán bây giờ cũng như gian khổ kháng chiến, ngày càng khó. Bà Hai chỉ còn sức buôn ngô rồi buôn đứng từ bờ sông vào chợ. Bởi vậy, chị em Phú càng phải lăn lung ra làm.

Bấy giờ, Thảo nói:

- Còn cái chú Trầm, thế nào cũng có hôm con nói toạc vào mặt cho.
- Ranh! Khẽ chứ!

Thảo dặn mẹ:

- Con đi sửa soạn việc đêm đón các anh ấy.

Rô`i Thảo thoả`t ra. Cái phồ` về` đêm đã sô`ng lại. Trên dòng sông tồ`i đen, những chiế`c thuyề`n vút ánh sáng ra vào. Tiế`ng vó ngựa thô` rậm rịch, nghe từ đầ`ng xa lại. Người vào phồ` mua bán, nghỉ trọ, tấ`p nập trong ánh đèn đèn đực lờn khói lẫn sương mù. Thảo đi khỏi, bà Hai cũng buông hai phen cánh cửa. Bà dặn ông Hai lúc â`y đương đứng cửa:

- Ông trông nhà.

Rô`i bà ra bắ`n đón đong gạo thuyề`n lên. Đi mấ`y bước, bà chợt trông thấ`y ai hao hao như ông Trắ`m. Ông â`y cắ`m cúi đi. Bà Hai đứng nhìn lại. Như cảm thấ`y điề`u gì nghi ngại, bà trở về`. Ông Hai cũng đã vào nhà. Hình như hai người đứng nói chuyện ở đầ`u hiên. Bà vòng ra vách sau, nghe ông Trắ`m nói cộc lố`c như gắ`t.

- Thê` thôi!

Rô`i bóng ông Trắ`m vắ`ng đi ra cửa.

Lát sau, làm như tình cờ, bà Hai bước vào nhà, nói to:

- Ông Hai chẳng khêu đèn lên một mắ`y, nhà tồ`i om thê` này.

Ông Hai gọi cái bắ`c cỏ đã lụi trong đĩa đầ`u dọc. Ánh sáng vừa lóe lên, ông Hai nhọt nhọt nói:

- Ông Trắ`m về` tề` rô`i.

- À. Thảo nào.

Ông Hai bỗng bắ`i rô`i, bà Hai nhìn ông trừng trừng. Ông cuố`ng queo. Tay chợt giơ lên, đụng chiế`c mũ dạ lù lù trên đầ`u. Bà â`y nhìn cái mũ dạ. Ông hắ`t quá, câ`m giấ`u ra sau lưng rô`i run run đi

lùi vào vách... Bà Hai làm như không để ý, bà quay đi. Trong bụng bà xôn xang. Bà biết, từ ngày trước, ông Hai chỉ đội cái mũ ấy mỗi khi ông định đi đâu. Vừa rồi, ông định đi đâu?

Thế là bà Hai không dám ra bên nữa. Bà đóng cửa, tra dõn cẩn thận.

Ông Hai đã ngò'i vào giường. Ông nằ'm xuô'ng, đắ'p chắ'n kín mặt. Bà â'y có biế't được cái chuyện vừa rồ'i ông định thố' nào không? Ông bớ'i rồ'i, ông sợ. Ông không dám nghĩ nữa.

Lát sau, Phú đi đong muô' i dưới bê' n về. Bà Hai nói:

- Lão Trăm về`tê`rô`i.

Hai mẹ con im lặng. Ông Hai cũng nằ m im trong chăn, nghe. Nhưng không thấ y bà Hai nói thêm, ông đoán bà Hai không biế t thêm gì nữa. Tuy vậy, nghĩ đế n cái mữ... nghĩ đế n bà á y có thể gặp lão Trẩm ở đây ra... nghĩ nhiề u thứ... Bà á y biế t rô i, bà á y biế t cả rô i. Bà á y thương mình mà không nói ra cho con cái biế t. Nhưng mà... ô ò thì cứ cho là bà á y không biế t gì cả. Ông Hai khề thở dài, để được yên tâm.

Song chỉ một lát, ông lại rồ'i cả ruột. Không, bây giờ thì ông dứt khoát, ông dứt khoát không dám về. Mà chỉ còn lại nỗi lo lắng, ngượng ngùng trong lòng.

Ngoài đường, cái phố đêm lại tươi tỉnh khi bóng tối buông xuống. Trong nhà, ngoài đường, dưới bên nhận nhịp. Một toán ngựa thồ muôi đương rậm rịch qua. Hình như bộ đội cũng ngược chiều, bộ đội ngược chiều máy đêm nay. Trong bóng tối, nghe liên miên xa đến giữa đô không, tiếng chân bước rần rạt và

tiếng những đầu thắt lưng, súng, lựu đạn va nhau lách kích. Người ngoài bên quấy gạo, cá, muối, nón... vào phố mỗi lúc mỗi đông, có lúc rùng rục một bó đuốc qua, sáng cả vào vách nhà. Sinh hoạt đầu đêm của cái phố nhỏ rộn rập.

Tiếng Thảo gọi cửa.

- Gớm, sao u cài then sớm thế.

Cửa mở. Thảo ào vào, nhà vui hẳn lên. Chị Phú thì thào:

- Nhà chú Trâm về rồi.

Thảo hỏi lại:

- Thày có biết không?

Phú đáp:

- Thày ngủ.

Bà Hai không nói. Chẳng bao giờ bà nói ra chuyện ấy. Đã ng kia, năm trong chán, ông Hai lại nổi cơn lo. Đến khi không nghe thấy bà Hai nói, ông mới yên tâm. Lần này ông yên tâm hơn.

Thảo bỗng khanh khách cười:

- Ô kìa, có gì mà phải lo. Mặc thiên hạ, ai thế nào mặc ai, mình cứ việc mình. Em về gọi u. Thuyền các anh ấy về đầy bên rồi.

Thế là bà Hai đi ngay với Thảo. Trước lúc đi, nghĩ thế nào, bà dặn lại Phú:

- Mày cài cửa cẩn thận nhé.

Trong nhà, im lặng nặng trĩu.

Ngoài đường lúc này đương đông buổi chợ đêm. Đuốc đuốc, từ ngoài bên vào, từ các vùng đô thị quanh đây đi ra, lấp lánh, tất tưởi rực sáng.

Chuyến thương binh về tới đây chỉ còn có hơn hai mươi chiến sĩ bị thương nhẹ. Các anh bảo cho được đi bộ để đỡ khó nhọc dân công. Các anh đi từ ngoài bên vào trong phố. Nghỉ ở đây, ăn cơm sáng ban úy lạo của phố mời, xong mới vào y xá.

Họ đã ngủ ở cả trong nhà. Mấy anh xuống bếp nhặt rau, thái thịt, làm đỡ các chị đến thổi nấu.

Bà Hai đã quên nỗi lo ban nãy, bà kêu to đèn, rót nước, rồi cứ ngủ ở đầu phản ngấm từng người.

- Anh giống Định quá. Định nhà tôi cũng thế. Sao bộ đội anh nào cũng giống nhau? Cái năm bốn mươi chín, Định cũng bị thương, được phép về nghỉ mấy ngày. Anh có biết Định không? Định ở Trung đoàn...

Nghe số hiệu đơn vị của Định, một anh nói:

- Chắc anh con ở nhà thì tên khác, vào bộ đội lại đặt tên khác. Chúng con cũng thế. Có gặp cũng khó lòng biết.

Ngoài cửa, có hai anh đứng tựa vách. Họ đứng nhìn ra ngoài trời đầy bóng tối trắng sáng lên, cứ rạng dần. Có lúc buông tay gõ gõ cộc cộc xuống đất, có lúc lại rỉ rả chuyện. Rồi im lặng, chăm chú nghe chuyện trong nhà. Một anh nói:

- Ở đơn vị trước, tớ cũng bạn với một thằng tên là Định, thân lắm. Đi trận chúng tớ gói quần áo gửi cùng nhau. Bây giờ nó sang pháo binh. Nó bảo tớ là nó có con em gái. Bao giờ độc lập, nó sẽ gả em gái cho tớ.

Một tiếng cười nhạo đáp lại:

- Chuyện thiếu thời gian tính.

Rồi cả hai người cùng cười. Một anh hát: *Lô Giang... Dòng nước trong xanh... Có mái nhà xinh...*

Họ lơ đãng, không để ý vách trong có các chị đương làm bếp. Các chị cũng vừa làm vừa nghe lóm chuyện hai chiến sĩ ngoài cửa. Nghe đến quãng ấy, mấy cô nháy Thảo, rồi bùm miệng dậm lưng nhau cười khúc khích. Thảo ngò'i xê cửa, đương gọt su hào. Thảo ngượng nóng mặt. Chốc chốc, Thảo lại ngược lên, bặm môi, nén cười, dọa mấy chị ngò'i cạnh: "Yêu cậu trật tự, trật tự nhé!" Nhưng thỉnh thoảng mắt Thảo cũng kín đáo đưa ra ngoài hiên. Trời còn tối, không trông rõ ai. Rồi đáng chừng hai anh chàng chuyện mảnh ngoài vách cũng biết người trong nhà nghe lóm, họ bèn im. Chỉ còn nghe tiếng gậy, buồn tay, đôi lúc gõ cốc cốc dưới chân vách.

Cơm xong, tuy trời chưa sáng, nhưng để tránh máy bay, các thương binh vào phân viện quân y. Thảo chú ý nghe chuyện, nghe tiếng, để ý nhìn mà không thể nào nhận ra anh nào lúc đêm đã đứng nói chuyện ngoài vách. Bây giờ các anh ấy đi rồi. Chỉ còn nghe tiếng giầy nhẹ nhẹ trên cát. Những tiếng hát nho nhỏ vẳng lại. Thảo nghe như cũng có câu: *Lô Giang... Dòng nước trong xanh...*

Thảo đứng nhìn theo.

Trời đã dửng sáng. Sương bắt đầu tan, từ giữa mặt sông hiện ra những chiếc thuyền bơi ngược suốt đêm bây giờ đang kéo kệt vào bờ tìm chỗ ẩn máy bay. Có tiếng hát và khói thổi cơm bốc lên. Thảo đang đi. Thảo vẫn nghĩ đến câu chuyện ngoài vách lúc trời còn băng khuâng tối của hai anh bộ đội. Hơi sương từ ngang sông bay lên phào lấm tấm má Thảo, lạnh lạnh âm âm. Ánh nắng sớm rực rỡ lòng trong sương.

Bà Hai về, đã thổi chín cơm. Thảo nhảy vào bếp, Thảo vỗ cánh tay mẹ. Thảo lấc đầu, rũ rũ tóc, làm nũng như ngày còn nhỏ. Bà Hai mỉm cười: “Mày ngộ đấy à!” Rồi bà đưa cho Thảo cái thư vừa đến.

Thảo đọc, reo lên:

- Xã trả lời bằng lòng cho nhà ta cái đồ i tặng gia. Thế là chương trình của con xong. Con tính u nghe này. U với con ở ngoài này chạy chợ. Còn cả nhà vào trong đồ i. Thày con vót vành nón và trông chuôi, trông sắc. Bao giờ anh Định về, anh ấy được yên tâm.

Bà Hai vừa vùi nồi cơm, vừa thủng thỉnh nói như nhắc lại: “Yên tâm! Anh em mày thì cái gì cũng hợp nhau!”

Bữa cơm sáng ấy ông Hai cứ hỏi tỉ mỉ về cái đồ i xã vừa cho. Rồi bàn người giống sắc, người giống chuôi. Câu chuyện một lúc u ám đêm qua dường như không có.

Vài hôm sau, ông Hai vào ở trong đồ i.

Thảo vừa tạt về nhà, nói:

- Thày ạ, có người làng ta vừa lên kể bố con nhà ông Trăm về chuyện ấy vương càn, chết cả rồi.

Bà Hai nhìn ông Hai.

Chị Phú thì lặng lẽ khóc. Phú chạnh nghĩ chôn mình ngày ấy đã phải càn thì chắc cũng chết rồi. Con người vốn dễ lo, dễ buồn, Phú lại lo nỗi lo mới.

Thầy chị khóc, Thảo không hiểu: “Ồ hay...” Nhưng đương bận, Thảo lại ra phố.

Chiều mùa đông chóng tối. Những chiếc máy bay mỗi ngày lên lục soát bắn phá dọc sông vừa về xuôi, trời đất ảm đạm lạnh hân rồi, thuyền bè lại ra giữa dòng, và mọi nhà đã lên đèn. Cuộc sống về đêm của cái phố bên lại bắt đầu tập nập, cuộn cuộn, mãi mãi.

1951

Tội làng

Xã Trường Minh có bảy thôn. Tây về lập tề, xây bốt ở thôn Đình Thượng trong xã. Từ đây, ngày ngày đồn Đình Thượng đi càn quét khắp bảy thôn.

Nhiều người còn kể: cái ngày mới hòa bình, Tây ở đồn Thượng vừa rút khỏi, xung quanh đã kéo đến đây làng Thượng, sục vào từng nhà, lục lọi tìm đồ đạc, trâu bò mấy năm nay đã bị cướp về đây. Bây giờ, nếu không được bộ đội giải thích thì có thể xảy ra đổ máu to. Người ta hét: “Vật râu tằm, từ những thặng giả trở đi. Phen này phải bỏ tù cả cái làng Thượng thì ông mới nghe”. Mãi về sau vẫn còn nhiều người nói: “Bọn làng Thượng đi lính, theo đi càn, cướp cả từ chai nước cáy. Trên bảo khoan hồng thì khoan hồng chứ cứ như tội cái làng nó thì đáng từng xẻo!”. Nhiều người còn thâm thù làng Thượng.

Hồi ấy, tôi về công tác xã Trường Minh, đã ở thôn Đình Thượng. Một lần, được nghe chuyện chị Còi, một du kích trong kháng chiến, tôi mới hiểu thế nào mà ra cái tội làng Thượng.

*

* *

Còi có một người chị. Còi cũng chỉ hao hao nhớ chị. Bởi từ thuở bé, mẹ đã phải đưa chị đi ở cho người ta tận huyện Thanh Hà. Chị đi đã mấy năm, Còi không thấy lại mặt. Chỉ nghe mẹ nói chuyện nhà rã ngày trước bố mẹ Còi cùng ở làm cho nhà ông lý Ao và hai người đã thành vợ thành chồng ở đây.

Đến năm Còi tám tuổi, bố Còi phải một trận đau mắt rồi hỏng mắt, không còn đi cày được. Vợ lý Ao xuống cuối làng gọi một người thợ cày về ở năm trong nhà. Biết ý người ta muốn đuổi mình, một hôm, bố Còi bỏ nầm cửa chuồng trâu nhà lý Ao, sò soạng ra ở cái quán giữa đồng. Mẹ Còi đòi tiền công lưu niên của chông thì lý Ao cười khểnh: “Tao phải trả lương hưu trí cho chông mày à?”

Từ hôm ấy, bố Còi chông gây đi ăn mày. Rồi một hôm khác, bố Còi bỏ đi đâu, cũng chẳng nói một lời nào với mẹ Còi.

Từ khi bố Còi đi thì người thợ cày cuối làng đến ở hẳn nhà lý Ao. Vẫn cái cày ấy, con trâu ấy, và cũng như bố Còi, hôm nào bác ta cũng ra đồng từ gà gáy, đi được mười đường cày rồi trời mới tảng tảng. Ở nhà, mẹ Còi bằm bèo cho tới khi hai đồng bèo đùn lên ngập lưng cột, người vẫn còn ngơ ngẩn. Còi thì rúc đầu xuống rút rom. Cây rom cao bằng mái đình, mỗi lần rút, Còi phải giơ cái cẳng chân nhái bèn lên đẩy ra, mới kéo được một nấc.

Công việc hàng ngày của kẻ ăn người làm trong nhà quăn quật như thế, không có gì thay đổi. Như khi bố Còi còn ở nhà. Và mỗi buổi chiều, ông lý Ao vẫn ngơ ngẩn uống rượu giữa sân.

Nhưng mẹ Còi thì càng ngày càng lặng lặng, suốt ngày không thốt một lời, như người bệnh câm, không còn biết nói nữa. Hai mẹ con, đêm nầm cái chõng đầu chuồng trâu. Nhà chủ để người nầm đây cũng là phòng trộm vào dặt trâu. Xưa nay, khi còn bố Còi ở thì cả nhà Còi cũng vẫn ngủ đây. Bố Còi đi rồi cũng vẫn ngủ đây. Gà gáy canh hai, ai náy nhòm dậy, mắt nhắm mắt mở, mỗi người chạy một ngã việc, không ai kịp nói với ai nửa câu. Mẹ Còi mở dãi cổng trâu dọn chuồng. Cút trâu bốc hơi, nòng chảy nước mũi, nước

mắ t. Mặt, mắ t mẹ Còi lóa dầ n, ngẩng lên, trông ra cây rom ngoài sân thì thấ y vàng vàng nhấ p nhóa. Phải hơi cút trâu mấ i, mẹ Còi càng ngày càng kém mắ t. Về sau, đế n nổi mẹ Còi lội ao vớt bèo, không biế t lên bờ sâu bờ nông đầ ng nào, Còi phải thò cái sào nứa xuố ng dắ t mẹ lên. Mẹ Còi chỉ khóc. Làm người cô t có hai con mắ t thì hai con mắ t lòa.

Thế là, cũng như bồ Còi, mẹ Còi hỏng mắ t. Mẹ Còi không đi làm được nữa. Chỉ quanh quẩn mó máy việc trong nhà. Còn thì cứ ngồ i dưới chuồ ng trâu suố t thắ ng. Vợ chồ ng ông lý Ao cũng không ai nhắ c. Mọi người làm ăn tá p nập qua lại, cũng chẳng ai để ý. Mỗi bữa ăn, Còi bung một bát cơm về cho mẹ, ông lý lại quát:

- Liề u liệu đầ y, nhà tao đây không phải trả lương hưu trí cho đũa nào nhé.

Mẹ Còi rụng rời. Làm sao quên được cái câu ghê gớm lý Ao vừa nói vừa cười khềnh “Tao không phải trả lương hưu trí” cái năm chồ ng bà chồ ng gây đi. Nghĩ cực chẳng đã, thế này thì không còn mặt mũi nào mà ở lại nữa rồi i.

Nửa đêm, mẹ Còi lay Còi dậy. Thấ y tay mẹ ướt, Còi biế t mẹ khóc. Còi nói dối: “Cứ khóc mấ i thì còn gì mắ t”.

- Con ơi con! Mày dắ t mẹ ra ngoài cổng đồ ng.

Nhưng Còi vẫn ngái ngủ, Còi lại ngủ. Mẹ Còi ngồ i tựa cột chuồ ng trâu như thế cho tới sang gà gáy canh hai thì mẹ lôi con dậy dọn chuồ ng, như mọi khi.

Bà ngồ i nghe cái dỗi cổng con mình vừa tháo xuố ng, lúc hai con trâu thấ y người vào thì thò cổ ra hít phề phề, rồi quen lệ, chúng ỉa

phạch phạch thêm một bãi nữa mới chịu bước ra. Cơi lùa cái mai vào cõn cột hót phân. Mùi phân hôi nồng nặc ra tận đây. Lúc này nước mắt, nước mũi con gái đang đổ ra. Hai con mắt, bốn con mắt, sáu con mắt bốn mẹ con cái đều vùi trong cái hơi phân này. Cũng lúc ấy, trên nhà, lý Ao ra bẻ nước đứng súc miệng khoảng khoạc. Ở cửa nhà ngang bước ra mấy người canh điền, vai cày, tay vác cuốc, tay búi nhùi lửa, đánh trâu đi, lúc ấy cái Cơi đã đổ xong hai giành phân trâu vào chuồng gio, trở vào ném phạch đôi quang xuống, chạy lên thay thau nước cho ông lý vừa trở dậy ra rửa mặt.

Những công việc trong nhà trong sân lúc tờ mờ sáng, mẹ Cơi nghe biết quen thuộc quá nửa đời người rồi. Nay thì mắt lòa, bó tay ngơì đây. Càng thấy nhớ làm, khổ quá, thêm làm quá. Nhưng mà “vợ chồng dẫu con ông lý” không ai bảo mình một câu. Lại nghe ông lý quát xuống: “Nhà tao đây không phải trả lương hưu trí, không phải cơm bung nước rót háu đũa nào”. Cái ông lý thâm hiểm tài nói xa, nói mĩa. Thế rồi mãi tới cũng không thấy Cơi xuống cho cái ăn như mọi khi. Cơ chừng họ triệt đường cơm nước mình rồi. Đến tận lúc Cơi lủi vào ngủ, nó dúm cho mẹ một nắm cơm, thì thảo: “Bà lý hai bà ấy giã ng bát...” Mẹ Cơi không nói, bà ngơì tựa cái giống chuồng trâu. Cho tới nửa đêm, nửa đêm ấy, bà lại lay Cơi. Cơi tỉnh dậy, lại thấy tay mình ướt đầm nước mắt mẹ.

- Cơi ơi Cơi! Mày dắt mẹ ra ngoài cổng đờng bây giờ.

Lần này Cơi nín lặng rồi Cơi khóc, rồi đứng lên. Cơi dắt mẹ đi. Bước khỏi cửa chuồng trâu, nơi vợ chồng đã ăn nắm, sinh con đẻ cái, quá nửa đời người ở đây, mẹ Cơi nức lên. Hai con trâu nghe động, thò mũi ra thở xì xì. Cửa vẫn đóng kín, có đàn chó xô ra. Nhưng thấy người quen, chúng lại xúm xít nhảy cõn, quây lầy hai mẹ con Cơi đang vịn nhau qua cái sân sáng trắng. Cơi còn nhớ mãi.

Cho đến sau này, mỗi lúc nhớ cái khúc khổ ấy, bao giờ Còi cũng khóc. Đến tận hôm nay, nhớ lại nỗi khổ đời mình đến cái đàn ấy, Còi còn nghẹn ngào.

Còi đưa mẹ ra quán giữa đồng. Năm năm trước, bố Còi đã ra ở cái quán này. Còi ngồi với mẹ một lúc, mẹ nói: “Sắp sáng rồi, mày phải về mở dãi chuồng trâu đi. Mẹ đã liệu được thân mẹ rồi, đừng lo”.

Còi trở về, vừa lúc con bác Năm - người thợ cày về ở năm thay bố Còi ngày trước, thả ng Kẽ - đang đun nước, chốc nữa ông lý uống chè sớm.

Thế là mẹ Còi đã ra khỏi nhà lý Ao. Cũng không ai hỏi đến. Mỗi một hôm xuống chuồng trâu, bà lý Ao mới hỏi Còi:

- Mẹ mày đâu rồi?

Còi không nói. Mụ đánh Còi một cái cốc, rồi cũng chẳng hỏi thêm. Bây giờ đương hời đói, ngoài đường, người đói lũ lượt đi như cô hồn. Kiếm được miếng ăn càng khó, cái mạng con người càng rẻ. Bác Năm thợ cày phải về đón cu Kẽ lên, cũng xin cho vào ở nhà lý Ao. Ngày ngày cu Kẽ với cái Còi bằm bèo thay mẹ Còi, bằm cho đến khi đồng bèo lù lù cao lấp cả hai đứa trẻ mới đủ ngữ cho năm con lợn ăn. Rồi lại hót phân, thả trâu, chăn trâu, rút rom cứ quăn quật, tó mắt.

Còi để giã u một nắm cơm từ ba hôm sớm nay mới trở ra được với mẹ. Như mọi khi, Còi chắc lúc này mẹ chưa đi xuống chợ kiếm ăn. Còi chạy vào quán, thấy cái chiếu còn đắp. Mở chiếu ra thì mẹ đã lạnh đến, chết từ bao giờ. Bốn phía đồng không mông manh. Còi ngồi trong quán, khóc thật to. Cũng không ai nghe tiếng.

Sau Còi chạy xuống đồng dưới. Bác Năm đang bừa dưới ấy. Nghe tiếng Còi khóc gọi, bác Năm bỏ bừa lên.

Bác Năm vào xóm mượn cái thuổng. Qua bờ tre, bác chặt một cành tre non làm lạt. Mẹ Còi nắm trong manh chiếu buộc ba vành lạt tre.

Bác Năm chôn mẹ Còi ngay trên bãi trước cái quán mẹ Còi đã ở. Còi đứng trước nấm đất, khóc lại khóc, khóc lại nghĩ đến chị đang ở Thanh Hà. Còi không muốn trở về nhà ông lý. Nhưng huyện Thanh Hà xa xôi kia ở phía nào? Thật thì cả mặt chị, Còi cũng không còn nhớ được nữa. Còi lại khóc.

Bác Năm trở cái thuổng ra đằng trước:

- Đâu mẹ mày nắm gói về Gò Chùa, chỗ cái cây gạo kia kìa. Mày trông mà nhận lấy, sau này khỏi nhầm.

Còi ngược mắt trông về phía cây gạo. Mắt lóa lên cây gạo như nhìn thấy bóng mẹ và chị rách rưới ở Thanh Hà lên, đang vẫy Còi đi. Bác Năm cúi xuống phủi vai áo lấm cho Còi, bảo:

- Về thôi.

Còi mới nhớ ra. Nào biết Thanh Hà ở đâu? Chẳng thể làm thế nào được, Còi râu rĩ, trở lại nhà ông lý Ao.

*

* *

Khi Tây đánh đường số 5, chiếm luôn cả vùng Trường Minh, dọc theo đường cái.

Tây sục vào làng Đình Thượng. Lý Ao chít khăn, mặc áo thụng xanh, vòng tay đứng chực trước cửa.

Thế là lý Ao ra làm xã ủy.

Một năm sau, tên tổng ủy, kiêm đô ãn trưởng đô ãn Thượng Tây, cho ông ta trông coi cái lô cớ t vuông mái tôn mới xây trấ ãn đầ u làng Thượng. Mỗi hôm, ông đô ãn trưởng lại xách ba toong từ nhà lên bớ t, có người đóng các súng đi hầ u sau lưng.

Lý Ao thường cười khẩy, nói:

- Làm việc cho Tây chỉ được cái tiế ãg ác, chẳng được miế ãg đế ch gì.

Ấ y chỉ bởi vì nhà ông lý phải bỏ ruộng trấ ãg nhiề u. Người làng chạy đói chạy loạn đi đầ u cả, không mượn được ai ở ãm, ở công mùa, công người ãữ. Chỉ còn có bớ con nhà Kể và cái Còi vẫn lẻo đẻo ở, cũng chỉ kham nổi vài mẫu.

Nhưng từ khi Tây cho xây bớ t đầ u làng Đình Thượng thì lý Ao phát tài. Bởi xây bớ t thì mỗi nhà phải góp gạch, đóng tiế ãn. Tiề ãn ông bỏ túi, gạch ông khuân bớ về ã nhà, còn người các làng thì bắ t lên làm bớ t. Thôi thì gạch đình, gạch chùa ở ãhững đầ u đầ u đầ u cho đồng đi dờ hế t. Mỗi nhà còn phải khoán mấ y đợ gấnh gạch, đánh vữa, đào móng. Vợ ông lý lên tỉnh cắ t xi mắng, dây thép gai về ã bán buôn cho đô ãn. Đế ã khi xong lô cớ t, có lính về ã đóng đồng thì các vợ ông chia nhau thầ u com, mở sòng xóc đấ và quắ quầ, rượu, thức ãhắ m. Trong nhà lúc ãào cũng ãuôi sắ ãn chục con lợn mới kịp mớ bán. Vì ruộng bỏ, cắ y ít, việc ãuôi ãàn lợn bây giờ bác thợ cằ ã Năm phải chuyề ã, có thầ ãg Kể và cái Còi phục dịch. Ba người chia nhau đi mua bò, bắ ãm bò. Mùa rét cũng ãhư mùa hè, hế t đầ m

mình dưới ao vớt bèo lại quang gánh trên cổ, chạy long tong đầu làng cuối làng.

Một hôm, bác Năm ở bờ t về, vai trĩu đôi thùng nước vo gạo. Nhà vợ hai lý Ao thả u com lính, nước vo com nguội cho lợn. Quái, sao nhà lại vắng im thế? Con trâu trong chuồng chưa tháo chốt vẫn đứng yên. Thấy bóng người, trâu hểnh mũi ra thở. Không có người đến cày. Bác Năm chặc lưỡi, đoán: “Lại đi theo cả u cả rô i”. Vừa lúc đó, xé p Ao chạy xộc vào. Đầu đội cái mũ chào mào, mông đeo khẩu súng to như cái ấm giỏ, tay thì quăng ba toong, hết quan đồn Công Tĩnh. Lão quát:

- Lũ nhà này đâu cả rô i?

Vợ ba lão te tái ở nhà dưới lên. Mụ nói:

- Đi đánh đuổi khắp làng cả buổi sáng chẳng được một đứa nào về cày. Chúng nó sợ phải theo càn, chạy tiệt. Cuối tháng chạp rô i mà chưa cấy hết, lại đến bỏ vụ mất.

- Bỏ đây. Bỏ đây! Ra lên đèn hương ngoài điện cho tao xong rô i xuống dưới làng Trầm theo càn. Phải đi tận nơi mà trông đồ đạc, không có thì chúng nó cuồn hết.

Bác Năm đang trộn bèo, cắm vào nước vo trong nhà ngang. Lão trông thấy, hét:

- Thằng này nữa! Mau, đi.

- Tôi...

- Cho đi theo quan mà kiếm cái Tết lại không biết sướng à? Đi mau lên.

Rồ i xé p Ao lên nhà, thỉnh chuông. Bao giờ cũng vậy, khi đi càn, xé p Ao kính càn ra điện lễ. Lễ xong, vào rót chén rượu thuố c. Làm má y tộp rượu thuố c nữa rồ i giấ t cả chai vào bọc, bắ y giờ mới đi.

Vừa lúc á y, Kể và Còi, đưa thì quẩ bèo, đưa quẩ cỏ về . Xé p Ao cười hà hà, vung gậy: “Tồ t, tồ t lắ m. Đương túng người theo việc quan. Bỏ cả đấ y, đi với ông”. Biế t lão ta bảo đi đâu rồ i, hai đứa lắ m lét nhìn nhau. Xé p Ao chồ ng nạnh, thở phè hơi rượu. Cái ba toong quật gánh cỏ vung lên. Thê là Kể và Còi sợ quá, phải vào lắ y quang gánh đi.

Xé p Ao đi sau. Tự dưng, nó hỏi Kể:

- Thắ ng Kể, mầy năm nay bao nhiêu tuổi?

- Tôi mười sáu.

- Con Còi bao nhiêu?

- Mười lăm.

Xé p Ao gật gù nghĩ ngay ra một mẹo: “Lũ ranh con này hay nghe Việt Minh xui khôn xui dại lắ m. Đương thời buổi hiế m người, nó mà bỏ đi cả thì việc nhà việc cửa cũng rằ y rà. Chi bắ ng ông buộc cỏ chúng mầy lại, cho chúng mầy phải hơi nhau rồ i thì đi thê đế ch nào được nữa”. Xé p Ao nói thật to:

- Chồ c nữa, xong việc quan về , tao đứng làm ông Tơ bà Nguyệt cho thắ ng Kể lắ y con Còi hôm nay, hôm nay được ngày... hà hà... được ngày việc quan phát tài, lại được ngày cưới. Bây giờ việc gì cũng phải nhanh nhẹn thê mới được...

Kẻ và Còi không hiểu thế nào, không dám quay đầu lại. Hai đứa lật đật chạy. Lão nói gì vậy? Hai đứa càng hãi, càng lật đật chạy về phía trước mặt. Tiếng súng nổ mỗi lúc một gần. Trông thấy cả lửa cháy nhà ngùn ngụt đỏ ngòm.

- Mau lên, mau lên, rồi về tao thịt con lợn cưới cho chúng mày... hà hà...

Vẫn không dám nhìn lại, hai đứa lao về phía tiếng súng, lửa cháy.

Buổi chiều, lính quấy đông đi càn về, xếp đông đầy sân. Kẻ và Còi cũng mỗi đứa một gánh lặt lè nô đùa, múa, lộ độc bình, vảy áo. Bác Năm thì mãi chập tôi mới lách về được. Bác giẫm phải mảnh chai, máu chảy cùng đường. Vậy mà sợ đòn, bác cũng phải quảy lê về một gánh đông.

Xếp Ao cho xách xuống nhà ngang một miếng thủ lợn. Mặt rượu đỏ phùng phùng, xếp Ao bảo:

- Tao là ông Tư Hồng đây, tao sẽ cho thách Kẻ và con Còi hôm nay ngày lành tháng tốt hai đứa được lấy nhau. Tao cho bố con mày khoan lợn làm lễ, trước cúng sau ăn, thời loạn mà được thế này là tốt, tốt.

Bác Năm chưa hay biết gì về cái mưu mẹo và sự cao hứng của lão xếp Ao. Bác cứ ngờ ngẩn, chưa hiểu ra sao. Vả chăng, bác đương đau chân quá, phát sốt, phải bỏ cả cơm. Nói xong, xếp Ao lại lên nhà trên, còn Còi với Kẻ lại vào bếp băm bèo, như thường ngày.

Đêm ấy, cũng như mọi đêm, cái Còi vẫn nằm dưới cửa chuồng trâu. Còi úp mặt xuống chống khóc. Tự dưng, Còi nhớ mẹ, nhớ chị

quá, nhớ hồi hồi như mẹ mới đi đâu vắng hôm qua. Thằng Kẽ vẫn ngủ với bố bên nhà ngang. Bố rên cả đêm. Tàng sáng, vợ ba lý Ao xuống đánh thức Kẽ dậy ra sân chọn đồ đạc hôm qua đi càn đêm về, xếp ra thành loại.

Ngày ngày Kẽ gánh từng gánh lên chợ Giời trên tỉnh.

Cái việc hai đứa lầy nhau cũng bỏ qua như mọi câu chuyện bông lông ba la, mỗi khi xếp Ao say rượu.

Chân đau của bác Năm sưng tấy như cái chĩnh. Bác không nhóc nhách đi được. Bác ngó xi xó nhà ngang, ôm ống chân, trông ra những thửa ruộng cày ải xám ngắt một màu đất. Hôm nào lính không phải đi càn thì lại vào tát nước cho nhà quan đồn. Màu đất ải xám ngập nước vừa mới tát lên, đã tươi hồng. Rồi lính lại bừa vỡ ào ào, trắng xóa cả cánh đồng. Ngả mạ, rồi cấy, vẫn lại lính làm. Bác Năm sâu quảng thối chân năm đất đã một tháng, rồi hai tháng. Về sâu quảng ruộng mãi ra, không nhấc chân lên được. Cơ hồ đến hỏng cái chân mất.

Đồn Thượng hồ này đi càn liên miên. Xếp Ao càng vội thì càng phát tài. Nhưng kể ra, vẫn thiếu người đi thúc dân các làng về theo càn, nếu không thì còn ăn thua to. Vợ hai, vợ ba bận việc nhà không theo trông đồ được. Bọn họ thổi cơm nhà thuê, có khi mấy ngày liền đi tỉnh lầy hàng. Ông xếp nói bông: “Tao phải cưới độ mười đứa vợ nữa mới xuể được việc nhà này”, rồi sằng sặc cười. Bữa rượu sau, lại nói:

- Tao nghĩ ra một cách. Cho thằng Kẽ lầy vợ bây giờ không bắt cho thằng Kẽ vào sổ đăng lính. Chúng mày đi tìm vài đứa nữa về đây, tao cho cả vào đăng lính, làm sổ lính ma. Không mất gì cả,

cá u đầu cũng được com cho vài đũa ăn, mà mỗi tháng ta lĩnh ngon cả số tiền lương, đã thế lại có đầy tớ đi theo càn, không lọt đầu hột nào.

Xếp Ao gọi Kể ra:

- Tao cho mày vào lính từ hôm nay, mày đăng lính đồn tao từ hôm nay. Nhớ đấy.

Kể cũng không tỏ vẻ gì khác. Lính hay không thì cũng thế. Vẫn thấy lính đồn Thượng hôm nào không đi càn thì lại vào đây nấu cám lợn, cắt cỏ, tát nước, đi bừa. Kể cũng vẫn đi theo càn, vẫn nấu lợn, cắt cỏ... làm những việc chẳng khác lính.

*

* *

Đồn Đình Thượng vẫn đi càn, đi ăn cướp. Cứ khi nào yên tĩnh, du kích không quá y đồn thì xếp Ao lại đem lính đi càn.

Bác Năm vẫn ngờ i một xó. Mỗi hôm, Kể phải nấp trộm com mang cho bố. Như dạo nào, Còi giấu com đem cho mẹ. Mỗi hôm ngờ i uống rượu, xếp Ao lại lè nhè nói mĩa:

- Tao là xếp bố t mà cũng chưa được Tây giả lương hưu trí “lơ tét” cho đồn nào nhé. Tao bảo lính nó khiêng thặng bố mày đi nhà thương Hà Nội cưa chân gọn đi rồi về nhật việc mà làm, chứ cứ ngờ i ăn hưu trí mãi của nhà tao đấy à?

Bác Năm nấp ngoảnh mặt vào vách, nhin ăn đã ba hôm. Bác không rên. Đau trong lòng hơn đau chân. Bác không chớp mắt, hai mắt ráo khô. Đôi mắt ấy đương miên man nhìn lại cả một đời

người. Trông ra cửa ngang, thấy thấy Kê từ ngoài đồng về, vừa đặt gánh cỏ trâu xuống sân thì bác nhấm mắt lại. Bác sợ không dám nhìn con. Kê đương rút cái đòn gánh, cúi rạp lưng, tải hai quây cỏ ra góc sân. Hai cánh áo rách toí. Cỏ lau sắc đâm lên cửa tuột máu bắp tay. Bác không dám nhìn, không dám nghĩ.

Hôm ấy, bác Năm gọi Kê và Còi lại. Bác gọi: “Các con ời!” Câu gọi nhỏ nhỏ lạ thường. Bác muốn nói, lại ngập ngừng. Mãi sau bác bảo Còi:

- Còi ạ, bây giờ thì đi mất giờ. Mẹ bây giờ chết giữa đồng. Nhưng tao chẳng chịu hèn như bây mẹ bây đâu, tao phải chết ở đây, chết ở giữa nhà chúng nó.

Kê gật:

- Bây nói mới hay chứ!

Quay mặt vào vách, bác Năm nhắm mắt, cố nhịn. Mà nước mắt cứ trào ra.

Quá nửa đêm, tiếng chó lăc rắc rải rác xa, phía làng Trăm, làng Đáy. Tiếng chó sủa như có động. Đêm trước du kích vừa mới đánh mình đầu làng Trăm.

Bác Năm lay Kê dậy:

- Bây liệu mà chạy, không có nó lại sắp bắt đi nhét đồng.

- Bây chưa biết tôi phải vào lính rồi à? Lính chạy thì về nó bắt chết.

Tuy vậy, nghe bố nói, Kẽ đã như thấy lại cảnh càn quét, người ta khóc than chửi rủa. Kẽ xuống chuồng trâu gọi Còi. Bác Năm lại khẽ bảo cả hai đứa:

- Chúng mày cứ tránh đi. Chết thì chết, hôm nào tan càn hãy về. Cái Còi có qua đòng Chùa thì đập mả cho mẹ mày. Nhớ đâu mẹ mày gởi về cây gạo gò Chùa ấy. Ba năm nay chẳng biết có còn được nấp cỏ không?

Kẽ cũng lạ, tự dưng bố dặn đi đập mả mẹ Còi. Mà sao mấy nay bố cứ nói toàn chuyện chết, nghe gở quá. Nhưng, không kịp nghĩ ngợi gì nữa, trong bóng tối, tiếng chó sủa càng nhiều. Biết thế là đòng Thượng đưa lính đi bắt người theo càn. Kẽ và Còi liền ù chạy ra vườn.

Mờ sáng, ngoài đường, xe tăng phía tỉnh lữ lướt xuống tiếp sức cho bộ binh các đòng đã mò đi vây các làng từ nửa đêm. Quan ba đòng Công Tỉnh gởi xe chỉ huy vào bốt Thượng, tay nhắm nhắm khẩu súng lục, chỉ chực vẫy. Xếp bốt Ao thấy Tây đến, choáng choàng chạy hò hét lính ra tập hợp. Nhưng, chỉ lát sau, xe quan ba vừa ra khỏi, lão ta lại lên về xem vợ hai, vợ ba vào các xóm thúc người theo càn đã được nhiều người chưa. Lão nhào xuống nhà ngang, soi đèn pin giục Còi và Kẽ sắp quang gánh. Ánh đèn loáng lên bỗng thấy cái gì lù lù treo giữa nhà. Lý Ao lấy ba toong chọc vào cái lủng lẳng ấy rồi thản nhiên nói:

- Hừ, thằng Năm này giỏi!

Mụ vợ ba xanh xám lên nhà. Cả mấy mụ vợ, khi biết bác Năm thất cô, cứ rúm vào rồi lại tản ra, chạy quanh chửi rủa “quân bạc như vôi, ăn đầy họng rồi treo xác ở nhà bà”. Những người trong

làng bị lừa đi theo càn gô`ng gánh đê`n đông nghịt xô vào xem. Xê`p Ao vung gậy đuổi đánh đám vợ lão đương kêu khóc sợ xúi quẩy, không đi.

Giữa lúc bô`i rô`i, Kê và Còi từ ngoài vườn chạy vào. Xê`p Ao ngáng lại, gươm gậy. Ấc một tiếng, chiếc gậy quật ngang người. Kê ngã quay đơ ngay trước thềm. Còi lùi dạt ra ngõ, chúi vào giữa đám người làng. Ngoài đôn, lính đã lao xao đê`n áp tải người theo càn. Xê`p Ao móc cái ba toong kéo cổ Kê lên, quay mặt ra quát dọa đám người làng đương nhôn nháo, cơ chừng muôn vỡ chạy.

- Đi! Tao bắ`n chề`t ngay bây giờ!

- Bô`t tôi chề`t rô`i...

- Đã có thắ`ng đem chôn. Mày phải đi!

Kê vừa khóc, vừa thắ`t thều ra theo đám lính và những người đi càn chạy tắ`t cánh đôn`g sang làng Trắ`m. Xê`p Ao còn quay lại lắ`n cuối cùng, vào mở tủ rượu tộp hai cô`c rô`i bỏ cả chai vào túi rế`t, xách đi. Cũng chưa đi vội, xê`p Ao ra thỉnh chuông điện Mẫu khắ`n câ`u bình an, phát lộc.

Làng Trắ`m đắ`ng kia lại cháy đỏ rực. Tiếng người kêu, tiếng đóng nứa nổ bay qua bờ tre. Đàn xe tăng như trâu lôn`g ngoài đường, xả từng thoi lửa vào làng.

Một toán lính đôn`g Thượng xông vào Trắ`m. Lính đi trước, mắ`y chục gôn`g gánh hôi của lũng củng theo sau. Bỗng từ giữa đường cái tro trọi bật lên hai tiếng nổ ầm, mù mịt khói đắ`t. Mìn! Mìn! Bọn hút chề`t lớp ngóp bò lại. Khi tan khói trông ra đã thắ`y đứt đôi con đường qua đắ`m nước.

Thế là, lại cuộc đua đua hơn. Cả lính, cả đám người phải đi hôi của, mạnh ai nấy chạy, mỗi người một hố, một bụi. Có kẻ mau chân đã lui về tận giữa đồng. Vợ cả vợ lẽ xếp Áo đi canh cửa cũng không thể cản được, cả ba mẹ cùng sợ chạy bật ra ngoài gò. Chúng gọi réo lên, chẳng thấy thấy Kẻ, cái Còi đâu.

Kẻ đã chạy trở lại, gặp Còi. Hai đứa tạt ngang đồng, lui vào một ruộng còi lầy, rồi cứ ngò i chết dí đấy.

Quá trưa, không dám vào làng, lính các đồn rút về chỉ còn đại bác bắn cậm nhịp tới. Chẳng ai biết Kẻ và Còi còn ngò i trong ruộng.

Bấy giờ chiều xuống xanh hần, vắng hần, cánh đồng lạnh tanh lạnh ngắt. Nếu không có tiếng đại bác thì chiều nay cũng chỉ như mọi buổi chiều mùa đông có nắng rớt ngơ ngác trên cánh đồng trơ trụi, không bóng người. Nhưng mà đại bác, từ tỉnh, từ các chốt chính cứ quật về, từng quả rơi xuống, bụi đất lẫn nắng tung lên, đổ hòng cả một góc đồng. Kẻ và Còi ở trong ruộng còi, bị đại bác vậy.

Một tiếng nổ ừ tai vừa rên qua. Cái ruộng còi xanh biếc bỗng trở lại im lặng lạ thường. Kẻ ngẩn đầu nhìn lên. Nắng đã nhạt dần, cánh đồng bốc sương trắng mờ. Không trông thấy chân tre đầu làng nữa rồi.

Kẻ bảo Còi:

- Biết đường nào về!

Kẻ rom róm nước mắt. Nói đến về thì Kẻ nhớ quá. Chẳng biết bây giờ người ta đã hạ xác bố Kẻ xuống chưa, đây điếm gì cho

chưa, hay là bố Kê vẫn phải lơ lửng ở cái xà ngang. Kê úp mặt xuống đất rồi.

“Đường nào mà về bây giờ...”, nghe Kê khóc, nói thì Còi lại nghĩ khác. Còi nghĩ: Về làm gì? Ở đây chỉ có bố Kê, thì bố Kê thối cổ chết rồi. Ở vùng nào đâu đây Còi còn có người ruột thịt chứ ở làng Thượng thì còn ai nữa. Còi bồm bồm: “Về làm gì? Lại về đâm đầu vào đây mà chết ư? Từ cái năm mẹ tôi chết, tôi đã muốn đi tìm chị tôi ở Thanh Hà, chỉ hiềm tôi còn bé, chỉ hiềm bác Năm bảo về, cho nên tôi mới lại đành về ở đây thôi. Bây giờ còn ai mà về đây? Cơ ngơi này thì về làm gì?” Nghĩ thế, trong lòng Còi bỗng nổi lên một niềm hy vọng tưởng như thực sự, rồi đây được gặp chị ở Thanh Hà lên, chị mặc quần áo sồi bảnh bao, chị ấy đương đơn đã tươi cười, chị ấy lên đón Còi.

Còi bồm bảo Kê:

- Về làm chó gì!

Kê ngẩng đầu, ngạc nhiên. Còi nói:

- Đi thôi!

- Đi đâu?

Tiếng chắc lưỡi:

- Đi đâu thì đi.

Nghe nói tiếng “đi”, Kê tỉnh người lại, ngỡ như vừa gỡ được một mối nghĩ bời bời. Kê đột nhiên hăng hái. Kê ngẩng đầu có bên đò sang Gia Lộc, khu du kích ở bên ấy. Phải, đã đi thì chỉ có sang “hậu phương” mà thôi.

Kẻ đứng hẳn lên, nhìn về phía Gia Lộc. Như đã quen thuộc, Kẻ bảo Còi:

- Phải rồi, ta ra ngoài ấy. Đi đấy kia kìa.

Nói đến “hậu phương, ngoài ấy” như một sức vùng vẫy, Kẻ dường quên cả. Kẻ hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Thế Còi cũng đi với tôi chứ?

Còi sững sờ:

- Đi với anh à?

Rồi Còi khóc. Kẻ mới nhớ ra mình đã hỏi lỡ lời. Kẻ ngơ ì xuống, nắm tay Còi. Bàn tay, cổ tay Còi long ra những mảnh bần khô. Kẻ tần mẩn bóc bần khô ở tay, ở cổ yếm, ở mí mắt Còi. Còi để yên. Ngày nọ, xếp Ao bảo cho thằng Kẻ và cái Còi là vợ chồng. Nó nói rồi nó quên, mà Kẻ và Còi cũng không dám nghĩ đến, tưởng đấy cũng như chuyện khi đi chăn trâu ngoài gò, trai gái trẻ trâu chơi “đám cưới, đám ma” mà thôi. Và dù xưa nay bác Năm vẫn coi Còi như con mình thì hai đứa cũng chưa hề tưởng rõ rằng họ có thể là hai vợ chồng. Từ khi nhón nhao lên, lần đầu tiên chiều nay ngơ ì với nhau âu yếm như thế, vì vậy càng cảm biết mình đã lớn rồi.

Kẻ vẫn lặng lẽ bóc bần cho Còi. Còi cúi mặt, im lặng. Vừa ngót tiêng đại bác, xung quanh cũng im. Còi ngược nhìn Kẻ, Còi nói:

- Tôi chẳng đi với anh thì đi với ai? Sao anh hỏi dở thế!

Cả hai đứa cùng mủm mỉm và ngượng vì câu trách yêu. Nụ cười nhếch nhếch thật gượng, nhưng từ đấy cứ nắm chặt tay nhau, không buông ra.

- Bây giờ thế nào?

- Đợi tôi hẳn, ngót đại bác thì ta đi.

Chẳng bao lâu, cánh đồng đã trắng xóa rất nhanh, rồi tôi. Nhưng tiếng đại bác không ngót lại càng dồn hơn. Trận càn ban sáng bị chặn, chắc chúng đoán đêm nay có bộ đội, du kích về trên cánh đồng này. Các làn đạn cứ liên tiếp nổ sáng rực.

Sốt ruột quá, không thể đợi ngót con bắn được, thường có khi nó bắn cả đêm.

Kể đứng lên:

- Đi nào!

Hai người đứng lên giữa cánh đồng tối đen. Coi vẫn ôm lá vào cánh tay Kể. Họ sắp ra “hậu phương”, họ sắp rời bỏ nơi họ đã lớn, nơi ăn nằm, nơi khôn khổ từ tấm bé. Coi nghĩ đến mẹ Coi nằm ở cánh đồng sắp đi qua. Kể nhen trong cổ, làm râm râm khàn: “Bố sống khôn chết thiêng phù hộ cho con ra ngoài kia mạnh chân khỏe tay, ngày sau con về được thì con xin báo ân báo oán cho bố, ới bố ới...”

Thế là hai người bước từ trong ruộng cỏ ra. Từ chân trời sau lưng, đại bác vẫn ngùn ngụt phóng lên rung chuyển bóng tối. Gió bốc sương mù nặng như mưa lã phăn, buốt như các đầu ngón tay. Khấp cánh đồng, đạn trở xuống nổ đỏ ối. Chốc chốc, hai cái bóng lại nhấp nhô hiện lên. Họ đi, có lúc chạy, có lúc ngã xoài ra nấp. Giữa ánh chớp đại bác, Coi thoáng thấy gò đồng lô nhô bên đường, Coi hỏi Kể:

- Đến đồng Chùa rồi à?

- Đờng Chùa đây.

Coi nói:

- Mẹ tôi nằ m ở cánh đờng này, anh Kể nhớ không? Đầ u mẹ tôi gồ i về phía gò Chùa.

Coi thắ y vững dạ như có cả mẹ và chị đương cùng đi với. Coi chắ p tay vái vọng:

- Bao giờ về con xin mua gạch xây mộ cho mẹ, lạy mẹ.

Kể cười, nói: “Được rồ i. Được rồ i”. Thật ra cả hai người cũng chẳng tin “khi nào có tiề n mua được gạch xây mộ cho mẹ”, nhưng mà đương trên đường ra ngoài ấy, trong lòng họ đã phắ p phối biế t bao hy vọng còn to lớn gắ p bao nhiêu. Họ thật vui sướng.

Một ánh chớp giật, kéo sập xuố ng. Ngay trước mặt một tiể ng nổ sáng chói. Bóng tồ i còn khét lẹt, Coi đã ngóc lên hỏi:

- Sắ p ra đế n bê n đò chưa?

- Cứ nằ m luôn thế này thì đế n sáng cũng chưa chắ c tới!

Hai người lại chạy. Chồ c Coi lại hỏi: “Sắ p đế n bê n đò chưa?”. Vừa sồ t ruột, vừa ra ý hỏi yêu, cô t hỏi để nghe tiể ng Kể trả lời.

Một tiể ng đại bác lia xẹt ngay sau gáy. Kể nắ m cánh tay Coi, dúi xuố ng. Tiể ng nổ khủng khiể p này lộn Coi sắ p đi mắ y vòng. Khi Coi biế t mình vẫn mở được mắ t, Coi mới chắ c còn sồ ng. Coi chui trong đờng đầ t ra, hô t hoảng gọi:

- Anh Kể! Anh Kể!

Coi quờ quạng tìm Kể, bỗng chạm vào tóc, vào mặt Kể, thấy lây nhây ướt. Tiếng Kể hỏn hển, khao khao trong cơn im lặng ghê gớm sau một tiếng nổ: “Coi có việc gì không? Coi?” Rồi lại im.

Coi xô c Kể lên lưng. Tay Kể bám vào vai, vào ngực yếm Coi. Máu Kể thấm ra ướt lưng, chảy lạnh hết người Coi, mỗi bước lúc càng nặng. Coi không dám nghĩ là Kể chết hay sống, Coi không dám hỏi, không dám dừng lại nghĩ. Coi cứ mê lên, cống Kể đi.

Nửa đêm ấy, hai chị du kích chở đòn bí mật trên bên sang Gia Lộc trông thấy từ trên cánh đồng một cái bóng chạy xuống bãi rồi không thấy lên nữa. Hai chị dò tới, che áo, bật lửa lên, thì thấy một người đàn ông, máu và óc chảy quết bện cả tóc, cả mặt. Người đàn ông chết rồi mà hai tay vẫn quặp cứng lấy cổ người đàn bà.

Hai chị soi mô i hơ qua hơ lại trên mặt Coi một lúc, Coi được hơi ấm, dần dần tỉnh lại.

Khác trước

Soan còn nhớ như in cái hôm Triêu bỏ nhà đi ra hậu phương [1].
Mỗi lần nhớ, lại thương.

Hôm ấy đương đông cạn, đêm nào vợ chồng cũng đi tát nước, gà gáy về lúi húi thổi cơm, ăn xong thì vừa tang tảng, chồng lại sắp gánh cho vợ đi hàng xáo. Hôm ấy, cơm xong, Triêu sửa soạn gánh sớm hơn thường ngày. Nhưng vừa rửa bát dưới ao lên, đột nhiên Triêu quơ cái thanh tre dựng cửa bếp, không nói không rằng, quật luôn hai cái vào lưng vợ. Soan ớn người, gieo thúng gạo, gieo cả người xuống. Triêu điềm nhiên phết cho hai cái nữa. Khi đó, Soan đã hét ngơ ngác và bắt đầu nổi giận. Chị lăn ra đấy. Hai chân giãy như tuồng trẻ dỗi mẹ, rồi rũ tóc ra, gào khóc.

Bà Cam, mẹ chồng, đương quét sân, thấy to tiếng, nhưng bà không ngẩng lên, như đã quen những chuyện ấy. Bà vừa lia cái chổi, vừa lầm nhảm: “Sáng mừng Một vừa mở mắt ra đã quạc mồm như con quạ khoang”. Ở bên kia rào găng, mẹ Nấp đứng chắp hai tay sau lưng, nhìn ghéch sang, chép miệng một mình: “Mát ruột, mát ruột. Cái đồ lười vãi thây chỉ mộ ăn không mộ làm thì cũng phải được đòn gánh thế mới bớt rưng mỡ”.

Hôm ấy lại là ngày phiên chợ. Cả xóm trong đi chợ qua, nghe tiếng xô xát bảo nhau: “Cái anh Triêu trông nhu mì thế mà dữ đòn, đánh vợ cứ như đòn mật thám”. Những miệng hót leo ấy loang ra chợ, và chị Soan lại bỏ buổi chợ hôm ấy, thế là cả bốn xóm đều nói dăng dăng: “Mới sáng mừng Một mà thằng Triệu nện vợ một trận đau.”

Soan gào một lúc rồi ngó dậy, vén hai mé tóc xõa xươi, vạch ra cái mũi khóc đã bóng đỏ, khắc mấy cái, đứng lên nhấc hai thúng gạo vào buồng. Rồi không kể nể, không sụt sịt nữa, lẳng lặng nặm queo xuống giường, quay mặt vào vách. Đó cũng là thói quen mỗi khi có chuyện đổi bỏ, Soan vẫn nặm ăn vạ như thế.

Trong khi ấy Triêu cầm cái sào lúa, hậm hậm đi thẳng ra ngõ. Bà Cam quét sân xong, ngẩng lên đã thấy con trai thấp thoáng cắp cái nón mê ra tận giữa cánh đồng. Bà đoán Triêu đi mua bèo hoa dâu. Việc ấy đáng lẽ vợ nó đi được, bà càng xót con. Hễ cứ vợ chồng Triêu cãi nhau, bà lại cho thằng Triêu hiên lạnh lấy phải con vợ thân đành đổ mủ. Bà cất chổi vào xó ngõ, rồi quay vào. Thấy cửa buồng đã che cánh cốt, bà biết con dâu lại nặm đổi rồi. Bà xuống đuổi con gà mái mẹ đang cục cục với lũ con bới đồ ng lá ám trâu vừa vun lên. Mụ gà mái ấp ham con, cứ xòe cánh ra quặc lại. Bà vừa xùy xùy dõn, vừa chửi, không ra chửi gà, không ra chửi người: “Cha đẻ mẹ mày! Gan à? Công bà quét còng cả lưng đây. Gan à? Tiền trăm bạc chục mua về đây chứ nước lã đổ hồ đâu, ngay xương lắm thì bà chẻ xác ra... Gan à? Gan này... gan này...” Soan nặm trong buồng, tuy nghe không thủng, nhưng cứ cái giọng to nhỏ chì chiết ấy thì Soan đã thuộc, Soan biết bà đang xói móc. Soan ghen đến cổ, nước mắt lại ứa ra. Đau chông đánh một phần, đau mẹ chông rúc lác còn cay đắng gập trăm. Nước mắt Soan cứ nổi nhau bò nghiêng một bên má rồi xuống từng giọt.

Con tức dần dần vui, Soan nặm nghĩ loảng quảng trong cái góc buồng tối. Chợt trông thấy một vệt ánh nắng thả xuống rơi vào mấy củ khoai dưới gầm giường. Biết thế là mặt trời đã lên cao, nắng ra tới giọt tranh, mấy buổi rồi. Con chim chào mào ở đâu bay đến hót trước sân, nghe rõ tiếng chân nó đậu rào rào vào cái

sào nửa cọc rào mừng tôi. Như thế là ngoài sân vắng, mẹ chồng đã đi cào cỏ. Soan liền ngò'i dậy, quăn tóc, ra hè tìm cái rổ sào, bóc đồ'ng khoai lang ra ngò'i đầu hè nhặt khoai hà. Nghe tiếng lao xao ngoài gó'c với bờ ao, Soan đứng lên bậc cửa, nhìn thấy bà Cam cầm cái cào cỏ, đương chuyện với mẹ Nấp. Mẹ này đưa hai ngón tay vuốt mép trầ'u:

- Cô ả nằ'm ngựa quen rô'i, cái quân làng Trường ấ'y mà.

Bà Cam gật gật, ừ ào. Thật thì bà cũng không nghe mẹ Nấp nói, bà đương kể lại cái chuyện ban sáng “thằ'ng Triề'u nó đánh vợ nó”. Trong khi mẹ Nấp cũng chẳng nghe chuyện bà, mẹ cũng cứ “cái con làng Trường nằ'm ngựa quen rô'i”, hai người cùng nói và cũng không ai nghe chuyện nhau.

Đứng xa không rõ, nhưng Soan đoán “họ lại chỉ thồ'i mô'm”. Soan bực, cáu quá, Soan vơ một cây nửa. Soan đập chát chát lên cái cột. Ngoài kia nghe động, hai người bỏ đi hai ngã.

Bà Cam xách cào cỏ, trở về. Soan vội bê sào khoai củi nhanh vào buồng, lại nhắ'c cái phen che kín cửa lại như lúc nầy. Bà Cam về lấ'y túi trầ'u bỏ quên. Thấy cửa buồng vẫn che, bà chép miệng hai cái, rô'i lại vác cào cỏ ra ruộng. Mẹ chồng đi khỏi, Soan lại ngò'i dậy, bung cái sào ra đầu hè nhặt khoai. Ánh nắng lên, mồ'hôi xâm xấp ra lưng, Soan ngoái tay sờ thấy hai vết đòn lắ'n con trạch, đau rát. Soan lại ứa nước mắ't. Nhưng Soan không thể ngờ được những roi đòn vũ phu ấ'y. Bởi nửa đêm, nó còn hùng hục như quỷ giấ'y. Lúc đi tát nước, lại cười đùa ngật nghẹo, thế mà giờ mặt chóng thế'.

Triề'u đi hôm ấ'y không về.

Tan chợ hôm sau, vẫn chưa thấy về. Soan ngơ ngợ, quơ tay lên dây treo áo thì thấy quang hắt hai cái quăn và cái áo nâu cũ.

Sợ quá, quên cả những chuyện mẹ chồng nàng dâu đương giận nhau, Soan chạy ra, môi run không bắt được tiếng:

- U ơi! Nhà tôi nó đi rồi.

Bà Cam vào sờ lại cái thùng vắt áo trong hộc cột. Hai mẹ con ngẩn ngơ. Nhà bỗng vắng hẵn đi.

Một phiên chợ nữa cũng không thấy Triêu về.

Một hôm, lúc chập tối, có người ở xóm trên đến. Anh ta gọi Soan và bà Cam lại nói nhỏ:

- Anh ấy nhắn tôi về bảo cả nhà yên tâm.

Hai người ngơ ngợ không hiểu. Người xóm trên mới kể: Anh ấy là anh Triêu ra hậu phương đi tòng quân. Vào phòng tân binh khám sức khỏe thì Triêu trúng, được nhận ngay.

Người mẹ chồng và nàng dâu nhìn nhau. Bất giác, thấy lẻ loi, cô đơn quá. Những chuyện giận dỗi mấy hôm nay đã bỏ quên đâu tất cả.

Đêm ấy, mãi đến lúc sấy xong hai mẻ gạo, khuya lắm, vào giường nằm, Soan vẫn còn như chiêm bao mất tiên. Bây giờ mới sáng dần cái việc anh ấy đi. Ra họ đã ý tứ soạn với nhau từ bao giờ! Nghĩ lại mới tỏ ra. Nhớ có hôm vợ chồng đi tát nước chiêm, trông đường cái mù trắng bụi ô tô, Soan bảo chồng:

- Xe nó bắt lính ở Ninh Giang sang kia.

Triề`u cười nhạt:

- Rô`i nó vào bắ`t lính làng này á`y.

- Nói đại!

- Đại với càn gì! Nó muố`n lừa hế`t con giai vùng này đi lính mà. Nhưng tao đã có bài của tao rô`i. Hừ, ai đi đạo cứ đi đạo, ai đi đòi cứ đi đòi, chứ trâu hóa ra bò thê` nào được. Không bao giờ tao chịu thân phận lính tráng cho chúng nó đâu.

Rô`i Triề`u cười, tiế`ng cười khô không khô`c. Còn Soan thì im lặng.

Ra anh á`y đã nói bóng, cười bóng như thê`. Soan bỗng đột ngột giận chồ`ng. Rô`i lại tủi. Vì sao bỗng dưng nó lại đánh mình rô`i bỏ đi? Hay là nghĩ mình chớ` búa đi hôm về` tắ`t giai gái thê` nào?... Hay mình cũng muộn mắ`n?... Nhưng những ý nghĩ á`y chỉ thoáng qua, mà một nỗi lo khác hiện ra. Lệ thường ở đây có người đi, lý trưởng biế`t đi ra “ngoài kia”, chúng nó đế`n hạch, có khi đánh đập, bắ`t bẻ nộp phạt, vôi tiế`n. Song nay anh á`y đi, cả bô`n xóm đề`u biế`t là chỉ vì giận vợ, đánh vợ mà đi. Chẳng ai có thể nghĩ là ra hậu phương. Đã rào trước đón sau có mưu mẹo cả rô`i. Thê` là Soan lại thắ`y thương chồ`ng. Lắ`y nhau đã được ba cái Tề`t, nhưng vẫn còn son rồi. Bây giờ lại đi biế`t bao giờ về`? Mà đêm ngày thì cứ đùng đoàng thê` này, biế`t có còn mà về` với nhau không. Soan nắ`m nghiêng qua nghiêng lại trên ổ lá chuố`i khô, cánh tay Soan duỗi dài, buông xuố`ng giường. Cái giường rộng hơn mọi khi nhiề`u.

Ăn cơm sáng hôm sau, Soan nói với mẹ chồ`ng:

- U ạ, nhà con nó gan quá.

Bà Cam nói: “Tao biế t rô`i”, rô`i buông bát, mế`u, ghen không ăn được. Bà đứng dậy, ra bậc cửa ngô`i một lúc mới xách cái cào cỏ đi. Soan cũng không ăn nô`t được. Chỉ có cô gái bé vẫn ngô`i ăn đế`n no mới đứng dậy rô`i cũng câ`m cào cỏ theo. Nhưng bà Cam ra đò`ng quơ quàng mấ`y nhát, cứ bô`n chồ`n như ai cào ruột gan mình, lại bỏ về` nhà người con gái lấ`y chồ`ng xóm dưới. Chưa hế`t buổi, Soan đã đi gọi bà về`. Soan sợ cái nhà vấ`ng quá. Bà ngô`i nhà một lúc, cũng không yên, lại ra đò`ng cào cỏ. Không đứng đâu ngô`i đâu yên hỏ`n. Bà Cam có nhiề`u con, đứa thì đi xa, đứa thì phải tù, đứa ở riêng, đứa chế`t năm đôi. Bà ở với Triề`u là con trai út.

Bà Cam về` tới gô`c vô`i thì gặp mụ Nắ`p. Gô`c vô`i á`y ở ngay cổng nhà mụ, lại là câ`u ao. Chỗ á`y cũng gầ`n như cái chỗ chuyện mảnh, chuyện thoáng của các nhà lán giề`ng, những đầ`u mó`i chuyện hũ mấ`m cáy, bát nước dừa, chuyện mẹ chồ`ng nàng dâu, chuyện làng nước xa gầ`n, ai phải lòng phải bẻ ai, ai đánh con chửi cái, đầ`u là tin tức ở gô`c vô`i câ`u ao á`y mà ra.

- Nay, người ta nói thắ`ng Triề`u nhà bà đi Việt Minh?

Bà Cam chồ`i đây đây:

- Vợ chồ`ng nó đánh nhau quá nó giận bỏ đi, cả làng biế`t đầ`y, bà biế`t đầ`y, tôi biế`t nó đi đâu!

Nhưng, chẳng kịp nghe bà Cam trả lời, mụ Nắ`p đã lại nói:

- Chẳng đi thì thắ`ng Triề`u cũng chẳng thể được ở nhà. Cái con ngay lưng á`y mà đáo để! Chứ có ai mà giận vợ đế`n nỗi phải biệt tích đi tìm cái khó nhọc. Nó là quân Đắ`c Kỳ chứ không phải con người.

Hôm ấy, bà Cam không bắt chuyện nói xâu con dâu với mẹ Nấp.

Từ khi quận về đóng cái bốt tổng dững chỗ cây đa đầu đồng, bà Cam càng buồn. Nhà bà gần bốt quá, đứng trong sân cũng trông thấy lô cốt, trông rõ cả thảnh lính ngòi gác và cái keng bảng một dọng sất treo ngoài mái tôn. Cứ tối đến, chốc nó lại gõ, inh ỏi khó chịu như gõ vào tai. Nhưng khổ nhất là, thâu đêm, trên lô cốt thường bắn phóng xuống. Đạn lung tung vào bụi tre, vào sân, vào nhà. Có người đã phải đạn, chết. Các nhà ở dọc bờ tre trông sang bốt, hãi đạn, tối nào cũng phải vào ngủ nhờ trong làng.

Chỉ có việc tối đi ngủ nhờ mà hai mẹ con cũng hay vắng nhau. Nhà mẹ Nấp tường gạch cửa kín, nhà ngang khuất hai lần tường, đạn khỏe đến đâu cũng không phá được. Tối tối, bà Cam và cái Gái cắp chiếu sang nhà mẹ Nấp. Nhưng Soan thì đi năm nhờ nhà khác. Mẹ Nấp nói mát: “Cô ấy càn cao lá dài. Bà Cam có cô dâu út kiều kỳ nhi”. Nhưng Soan nhất định không vào nhà mẹ Nấp. Soan ghét “con mẹ lắm mồm hay đưa chuyện”. Bà Cam tức tím ruột, mà không nói nổi con dâu. Vì có đi ngủ ở đâu, nhưng nửa đêm đi cáy, gà gáy đi tát nước, Soan vẫn lặn lưng làm chẳng thiếu một việc. Nhưng năm này sang năm khác, nhà cửa càng nhật nhẽo, cứ gà lên chuồng thì mẹ con mỗi người mỗi nơi. Khi chiều, khi đêm, thật buồn. Soan nhớ chông, chẳng biết làm thế nào khuây được.

Có lần Soan lại dời về nhà mẹ bên làng Trường. Vì chuyện gặt ruộng làm của nhà mẹ Nấp. Cánh đồng triêu, mùa nước cả ngập đến cổ, Soan phải túm từng đầu lúa, lặn xuống mới cắt được mà vút lên thuyên. Phải năm mốt mùa, cắt suốt đêm quang ruộng mà chưa nổi được lưng thuyên thúng lúa. Từ khi Tây về đóng bốt, thóc gặt được, bà Cam cũng đem để nhờ nhà mẹ Nấp. Tây đi càn

thường lòng xét nhà tranh không hay vào nhà ngói. Gửi thê cho chấc chấn. Soan nói:

- Mùa này mắ t, chỉ cắ t được có thê thì mang về. U đem gửi, nhờ bà á y mà trừ nợ thì toi công.

- Mày rõ trứng khôn hơn vịt...

Bà Cam mắ ng. Soan dỗi com, vào buồ ng nắ m. Bà Cam xách giỏ đi bắ t cua. Soan nắ m ngoảnh mặt vào vách. Nhưng mà sao nắ m dỗi vắ ng chồ ng, nó buồ n thê , chán thê , lâu thê ! Quơ tay lên cái thùng vắ t áo trên đầ u giường, chỉ có muối vo vo bay ra. Thê là Soan trở dậy, đi về nhà mẹ đẻ.

Sang làng Trường, mẹ đuổi Soan không về. Rồ i nói mãi hóa nhàm, và lại vô n mẹ chiề u con, cũng thôi.

Một hôm, bà Cam sang gọi Soan. Hai bà dâu da ngồ i nhai trầ u nhọp nhọp, thăm chuyện gặt hái, rồ i bà Cam khóc, mẹ Soan cũng khóc. Những giọt nước mắ t cùng cảnh. Bô ẻ Soan năm trước phải đại bác chề t ngay đầ u ngõ. Nhà cửa từ bắ y giờ hắ t hiu như mưa dầ m về chiề u. Hôm á y, mẹ ẻ Soan bắ t Soan về , bà nói: “Mày phải thương chồ ng mày...” Nghe nói thê , Soan trở về . Trước chập tồ i, bà Cam đương sắ p chiề u bảo cái Gái đi ngủ nhò , bà nghe tiế ng chào “u ạ”, rồ i tiế ng mở cửa liế p buồ ng. Biế t con dâu về , trong bụng đã hô ẻ , nhưng vẫn làm mặt lạnh, không nói. Bà cắ p cái chiề u ra ngõ, bà quay lại, đứng ngoài sân, nói vọng vào: “Nhà mày dắ m cái bế p rồ i hãy đi!” Cảnh nhà lại như thường, và thê cũng là yên rồ i.

Nhưng, cũng chỉ yên thoảng yên thì. Một lầ n kia, không biế t lại vì việc gì, Soan cắ rồ i vào nắ m góc nhà, che kín cửa liế p.

Chợt một bọn lính quân đi tuấn ở đâu xộc vào, bảo bà Cam:

- Góm cho con mụ già! Con cháu đi chui hầm, đêm mới hiện lên chứ gì. Mày là phụ lão cứu quốc thôi cơm tiếp tế, chúng ông khám mà thầy...

Trong buồng, Soan rón rén mở vách - trước nay, cái vách vẫn mở sẵn đề phòng khi chạy tháo, Soan chui ra vườn. Soan chạy một mạch về làng Trường.

Thôn xóm ê chề phải chịu luôn mây trận càn quét lẫn đi lẫn lại, cả vùng. Làng nọ đứng cạnh đồng trông thấy làng kia mà không ai dám qua. Bà Cam không dám đi gọi con dâu. Soan thì ở lý nhà mẹ. Bà Cam khóc ngày khóc đêm, lúc chửi thằng Tây, lúc chửi đàn gà hay bói, lúc chửi con dâu, lúc gọi: “Ồi Triêu! Thằng Triêu ở đâu không về mà cho cái con trời đánh không chết kia một trận”. Cứ chập tối lúc mọi người đi tìm chỗ ngủ tránh đạn thì những tiếng làm râm chửi lại từ căn nhà vắng tanh vắng ngắt cất lên.

*

* *

Mẹ chồng và nàng dâu, hai người cùng đầy đọa, làm khổ nhau. Những chuyện nhỏ nhen, lật vặt không đâu và những giận dỗi, những rúc lác, móc máy.

Lại một năm nữa qua.

Rồi một hôm, đương nghe nhiều súng dữ dội thì có tin ngừng bắn. Mừng quá, Tây còn ở trên bờ, trên tỉnh mà ai cũng cứ đi tênh tênh ngoài đường.

Mừng quá, Soan bỏ cả con dôi mẹ. Soan ở làng Trường về. Soan quảy về thúng khoai riềng và một bu hai con gà nhép. Bà Cam lẳng lặng coi như không có chuyện gì cả. Bà đem cho con gà một nắm ngô. Mẹ chõng nòng dậu cùng ăn khoai riềng và nhìn ra cánh đồng. Thật thì cũng chẳng khác lạ, nhưng Soan nói: “Hòa bình có khác, trông cánh đồng cũng khác”. Bà mẹ chõng cười nhăn nheo nói theo đuôi: “Ừ, có khác thật”.

Tôi ấy, nhiều nhà ngủ yên ở nhà, người phản nọ chuyện chỗ sang phản kia rất khuya. Trong giấc ngủ đêm mịn màng, không gợn tiếng súng, Soan trở mình qua lại và thở dài, gãi ngón chân xuống chiếu. Soan thao thức lại cái hôm Triêu đi. Triêu đội nón, cầm chiếc sào, lui thủi giữa cánh đồng kia. Thế mà đã năm, sáu năm rồi. Trong làng, nhiều người đi kháng chiến, rồi cũng lần lượt biệt tin. Riêng Triêu thì chỉ biết là Triêu đi bộ đội, rồi cũng thôi, bặt. Vì thế càng nhớ. Nhưng Soan kín đáo, không bao giờ nói ra. Bà Cam nghe người ta tính: Làng ta có bốn anh hy sinh. Có anh thì biệt tích. Có anh về rồi... Anh này về rồi, anh kia về rồi, chỉ còn anh Triêu chưa có tin. Bà Cam nghĩ: “Phải, còn thằng Triêu sắp về”. Nhưng hai mẹ con cùng im lặng, không nói, hời hợt, lo lắng.

Bà Cam bây giờ tươi tỉnh hơn, song có chuyện gì cũng vẫn kể với mẹ Năm. Nhiều khi bà cũng giận mẹ Năm, nhất là cái năm mẹ ấy khất mua đất thuyên thốc thì bà Cam bỏ hai ba tháng không sang nhà. Nhưng rồi phai phai đi, và lại tuôn rã mừng Một vẫn sang đèn hương bên điện - bà Cam đội bát hương ở điện đồng Năm - thế là rồi lại lân la, lại chuyện, thỉnh thoảng lại đứng to nhỏ dưới góc vôi.

- Ra bà lão này gan to, con giai đi bộ đội mà cá' m có cho ai biế' t. Chuyế' n này thì bà lên xe xuô' ng ngựa rô' i. Tôi có phải lên địa chủ thì đừng quên tôi nhé.

Mụ lại phàn nàn hộ bà Cam:

- Người ta đi đông đi tây về' cả, mà sao anh Triê' u bên á' y chẳng tin tức gì. Hay là vợ Tây, vợ Tàu đâu rô' i. Phải, mà như cái ngữ vợ ở nhà thê' thì anh á' y cũng cá' m bắ' ng cởi cái áo rách vứt đi chứ tội gì!

Cứ mỗi lâ' n chuyện với mụ Nắ' p, những câu tai ác của mụ lại thêm chồ' ng châ' t thật nặng, thật cay trong đầ' u bà.

Bà Cam vừa quấy gánh khoai về', mụ Nắ' p đã sang. Mụ đảo mắ' t một lượt, rô' i rướn cổ, rà rà ngô' i xuô' ng, khế hỏi:

- Đâu rô' i?

Bà Cam chép miệng:

- Biế' t được người ta đi đâu. Bà ngô' i chơi.

Thê' là hai bà lão lại ngô' i cà kê kể xấ' u con dâu và mọi chuyện làng xóm khác.

Tháng Tám năm sau, đội cải cách về' xã, Soan được ra làm cán bộ xóm. Tô' i đế' n, chưa dứt tiế' ng keng gọi họp, người các ngõ đã đổ ra. Tíu tíu bệ' bộn những hội ý, họp xóm, họp xã, chẳng mấ' y lúc Soan có nhà.

Một hôm, Soan về' nói với mẹ chồ' ng:

- Từ giờ u đừng sang nhà con Nắ' p nữa.

- Người ta thế nào mà con nọ con kia, mày ăn nói xô bồ quá.

- Nhà nó thì địa chủ đế n nơi, u chưa biết à?

Nghe hai chữ “địa chủ” thì bà Cam im. Phải như mọi khi, nghe Soan nói thế, thế nào là cũng choác lên. Nhưng lúc này bà lặng lặng. Khi Soan lại tắt tuổi đi, thì bà lẩm bẩm: “Phải, chưa biết... tôi chưa biết... chị biết nhiều, biết nhiều... Cứ chạy long lên thế thì rồi có không cái đổ vào mồm, rồi rồi hòng ra... Nó mà ở nhà thì nó đánh tuốt xương chứ lại coi người nư con mắ t được à”. Không nghe rõ câu, nhưng Soan đã biết tính mẹ chòng hay nói làm bàm sau lưng. Bà lão lại đương chửi mình. Thế là, Soan tởi sầm mặt lại. Trong bụng đương tập nập tính toán việc xóm, bỗng lại lạnh ngắt.

Rồi bà Cam vẫn cứ thì thào với mẹ Nấp. Vẫn cái tính người già ưa trò chuyện và than thở. Làm sao mà mẹ Nấp khéo thế, cứ những lúc nhà chỉ có một mình bà Cam, mẹ lại dò sang. Mẹ vờ hỏi:

- Chị Soan có nhà không?

- Người ta đi đâu, chắc lại đi họp rồi.

- Chẳng biết tôi gọi thế có được không đây. Bây giờ, bà biết chưa, ai cũng phải gọi chị ấy là bà Soan. Có người xóm trên chào, chị ấy nghe không thùng, chị ấy bắt chào lại. Con dâu bà hách ra lửa đây.

- Chết, chết...

- Việc gì mà chết, danh giá mới được thế chứ.

- Giá với rõ chẳng thấy đâu, làng nước người ta chửi cho ửng má đã. Thằng Triêu nhà tôi mà ở nhà thì nó đánh cho...

- Này thật đấy, thời đế quốc cũng không khinh người đến thế! Mà bà ạ, tôi nghĩ thế cũng chỉ mang tiếng ác chứ được gì đâu. Từ ngày chị ấy ra công tác, xem chừng càng lỏng tay việc nhà. Một mình bà thì bao giờ mới cấy hết?

Bà Cam thở dài. Quả thật, lúa người ta xanh ngọn rồi mà ruộng mình còn trắng nước. Bà Cam bực, nhưng không nói. Dù sao, từ ngày Soan ra làm công tác, bà Cam cũng nề nề, ngại nói, mà chỉ bực bội ngầm. Đêm bà thở dài, rên rầm, thườn thượt, buồn rút. Đi họp khuya về, cũng thường nghe mẹ chồng thở dài. Nhưng Soan cho những chuyện ấy là “lạc hậu”, mẹ chồng là “lạc hậu”. Vì thế, dù có nghe thở dài, chép miệng, Soan cũng chỉ hơi khó chịu, khi nào khó chịu quá thì ra điếm nầm với chị em du kích.

Nhưng, thật thì Soan cũng buồn. Mỗi lần thấy mặt bà Cam chảy chữ nãi, tối như trời mưa, tiếng thở dài rên rầm, Soan muốn dõng đáp ngay, nhưng nghĩ đến xung quanh, thì Soan đành bậm bực. Có khi Soan khóc một mình. Không đưa cùng một cảnh làm dâu mà sao chúng nó tốt số. Nàng dâu đi về quá bữa, mẹ chồng mở rá úp cơm bảo ăn. “Chẳng bù với mình, mẹ chồng chưa mở rá úp cơm đã đi nói xấu nàng dâu mười hôm không hết chuyện”. Soan tiếc cái đời con gái ở với mẹ để chẳng bao giờ có thể trở lại được. Có lúc Soan tha thiết nhớ Triêu. Giá Triêu mà có nhà, thế nào cũng được cùng nhau làm công tác. Bây giờ Soan không như trước nữa rồi. Nhưng tiếc những cái đã qua thì chỉ càng buồn hơn mà thôi.

Bữa trưa ấy, con tức của bà Cam vẫn còn nguyên thì Soan bỗng ở đâu về. Con tức vì sao thì cũng không rõ. Giận đấy, không đấy, vốn như cơm bữa. Bà Cam nghe tiếng con chó sủa nhủng nhặng nửa quen nửa lạ ngoài đầu ngõ, nhìn ra, trông thấy Soan. Nhưng, cô con dâu cứ đi vào gần tới đâu thì bà mẹ chồng càng sững sờ. Soan

thắt lưng bao da, khẩu súng trường nháp nhô sau vai. Khi mới hòa bình, bộ đội ta vào lũy tinh, bà Cam đi xem duyệt binh, trông thấy một đội các chị du kích chít khăn vuông, áo nâu mới, đeo súng, cũng oai như thế này. Soan đã vào đến trong sân. Những điều tức giận từ hôm qua, từ lúc nãy của bà Cam cứ phao phả đâu đây. Soan hạ khẩu súng xuống, “chào u”, thì bà Cam nói một câu hiên lảnh mọi ngày:

- Về mà ăn cơm.

- Con vội đi bây giờ, con mang lẻ gạo đi đường thôi ăn thôi.

Ồ hay! Mấy sào ruộng nước còn chan chan, chưa cấy xuống được một cây mạ gọi là, lại “mang lẻ gạo đi”, nghe cái giọng chồng lớn ấy, bà Cam vụt nổi cơn, những toan tính cho một hôm. Nhưng, ngoài góc rạ có tiếng lạt sạt, bà nhìn ra thấy cái lão tổng Sa đứng đấy từ lúc nào, hai vai áo xo lên rù rù như con gà ốm. Chánh tổng Sa, nhà ngói bát vãn một dãy, ruộng nhà chánh tổng rải từ cổng làng rải ra. Là người làng đây, nhưng cả khi còn con gái, bà cũng chưa được tường mặt tổng Sa. Hách dịch sấm sét trong vùng này, bây giờ trông thấy tổng Sa như cái tã rách phơi bờ rào thì bà Cam rất lạ. Bà ngây nhìn. Soan quát:

- Đứng đấy, ai cho mày đi!

- Thưa...

Tổng Sa lúng túng, lập cập, lần thân quay một vòng rồi lại đứng yên một chỗ.

Bà Cam sợ sệt khẽ hỏi Soan:

- Dem người ta đi đâu bây giờ?

Rô`i bà vào vại, xúc một bát gạo, bọc vào khăn vuông cho con dâu. Lát sau, Soan đeo súng lên, bà Cam bằ`n thằ`n theo ra tận ngõ ngoài. Không phải để chửi nguýt, rửa Soan. Mà bà Cam đang nhìn theo sự thật cái đời con người quyề`n quý chề`t rô`i, mà nàng dâu mình đeo súng đi kia, đích là người ta đã đế`n thời “được ngô`i ghề` cao”. Lúc bà trở vào, mụ Nắ`p đã đứng trong bờ rào. Mụ Nắ`p hỏi bà:

- Đeo súng đi thề` thì bao giờ về`?
- Chẳng biề`t.
- Cũng bận lắ`m nhi? Ruộng nhà bà câ`y hề`t chưa?

Câu nói kháy ắ`y kéo bà Cam nhớ thuở ruộng làm rô`i chưa câ`y được, nước vẫn trắ`ng nhỏn, khi ắ`y khắ`p đò`ng, lúa nhà người ta đã bén rễ. Nhớ thề`, bà Cam lại chán ngắ`t và khó chịu. Ắ`y, từng lúc, bà cứ giận, cứ sợ, cứ lạ, cứ mừng, không ra thề` nào.

*

* *

Các xóm đang bằ`u người đi Đại hội nông dân xã. Hai lằ`n trước, Soan đề`u trúng đại biểu. Tô`i ắ`y, hội nghị xóm đã bằ`u xong, sắ`p thông qua, thì có người giờ tay:

- Các đại biểu khác thì tôi đò`ng ý. Nhưng cái nhà chị Soan thì hô`i này tôi thắ`y ra mặt quan liêu lắ`m. Đề` nghị...

Thề` là đâm ngang ra. Nhiề`u người lúc nắ`y ngô`i họp không đề` ý gì, bây giờ cũng đại khái nghĩ: cái Soan ắ`y ngày trước củ mĩ củ mĩ, bây giờ ra làm việc, ờ mà có vẻ khác, “hình như” cũng lên mặt đắ`y. Lại hay vừa đi vừa hát, trông thật toe toét. Trong các cuộc họp, thường

có khi không ai có ý kiến thì thôi, nhưng, việc gì cũng vậy, hễ có người ngãng ra thì nhiều người hay hô`đồ` mừng tượng như thế'.

Một người nói:

- Tôi thấy nói có người xóm trên chào, chị ấy không nghe rõ, chị ấy bắt chào lại thật to. À hách ra lửa đây.

Một người nữa gio tay:

- Mẹ chôn`ng chị ta cũng nói thế'.

Lô`nhô` những cánh tay gio không bắ`ng lòng Soan đi Đại hội. Soan không cãi lại câu nào được. Lô`i hợp thời cải cách, Soan cũng không được cãi.

Soan cứ bàng hoàng rùn rứt màng tai. Soan ngồ`i chúi đầu ở đồ`ng rom ngoài sân, ngượng quá, tưởng mọi người đang trông cả vào mặt mình. Kỳ thực cái đèn lù mù trên đầu bàn chủ tịch kia, chỉ vun quanh một đám sáng ở đây. Hội nghị ngồ`i thâm, cũng chẳng ai biết ai ngồ`i canh. Soan lủi đi.

“Bà Cam cũng nói thế'”. Chính người nhà mình ăn không nói có cho mình, cay quá. Đầu óc nhộn nhạo, Soan loảng quảng đi mà không định đi đâu. Trong trạm gác, mấy chị du kích đang ngồ`i hát. Không nhận được tiếng ai, nhưng Soan đứng lại trước cái đại nứa. Ánh đèn trong trạm gác lé ra dưới chân, Soan không dám bước vào. Thành linh có tiếng hỏi ra: “Đồ`ng chí Soan đây à?” Soan giật mình rồ`i không thừa, đi thẳng. Nhưng một lát sau, Soan lại quay lại. Soan trèo vào trong cùm cái giường nứa trong trạm gác, nằ`m cuộn chiếu tổ sâu một mình. Nhiều chị cùng nằ`m chơi đợi lượt gác, cười khúc khích. Chị ngồ`i ngoài ánh đèn quay vào, vò nói: “Có một đồ`ng

chí bộ đội tên là Triê`u có giấ`y vê` phép, đờ`ng chí trưởng xóm có cho người ta đi qua không?”. Thê` là cả lũ đấ`m thùm thụp xuố`ng cuố`n chiế`u tùm hum. Họ tưởng Soan ngủ, càng trêu tợn. Nhưng Soan không ngủ, nước mắ`t chảy ướ`t cả chiế`u. Sao quanh ta vui thê`, chỉ còn riêng ta khô. Soan cứ mở chong mắ`t nằ`m cho mãi tới lúc gà đã gáy sáng ba trồ`ng canh, trời dầ`n dầ`n loã`ng, Soan mới chui dậy, lầ`n vê` nhà.

Đứng dưới mái tranh, Soan nghe trong giường bà Cam trở mình, rên. Mắ`y hôm nay bà lão giờ giời. Soan không động lòng, không thay đổi cái ý định từ nửa đêm qua. Giế`t nhau đế`n nước này thì không còn mặt mũi nào. Soan đã quyế`t định, Soan cũng không nhớ gì đế`n công tác và chúng bạn nữa. Soan nhấ`t định vê` làng Trường. Soan vào góc nhà, chỉ lầ`y một cái quầ`n nái, rô`i Soan đi tă`t qua cánh đờ`ng.

Vê` đế`n bên Trường, trời mới tảng sáng. Như mọi khi, người làng Trường lại đoán cô Soan dối mẹ chồ`ng.

*

* *

Mắ`y hôm nay, Soan vẫn ở bên làng Trường.

Khi cơn giận nhạt đi rô`i, mỗi buổi chiế`u nghe tiế`ng cái keng sắ`t gõ cô`ô`ng cô`ô`ng gọi họp, Soan lại bô`i hô`i nhớ các buổi họp. Những tiế`ng keng gọi họp, gọi học, tiế`ng phát thanh, những khi họp tan đầ`u xóm, tiế`ng chân chạy, tiế`ng đùa đấ`m nhau, tiế`ng cười, hát lô lô` ngoài đường cái, sao mà thúc đẩy tợn. Mẹ Soan đã đi họp vê`, tiế`ng lệt xệt mở cánh cửa liế`p; bà vừa bước vào, quen miệng, chửi phủ đầ`u: “Cha đẻ mẹ mày! Rõ cái thân làm tội cái đời!” Soan

ngồi thẩn mặt, môi cong vều lên, hai hàng nước mắt đổ ra. Mà tủi, mà nhớ, mà cực, bố rồi không biết nghĩ thế nào.

Nhưng không thấy mẹ chòng sang gọi như mọi khi. Con giận thì ngồi rồi, song chẳng hề tự dừng lại lù lù về. Sốt ruột quá, Soan nghĩ: “Hay là ta cứ về”.

Có người đi tìm lợn giống, tạt đến bảo:

- Bà Cam ốm mấy hôm nay.

Bây giờ thì Soan đã quả quyết. Tuy vậy, cũng phải đợi lúc mặt trời xế hẳn sang bên kia sông, khi Soan qua cánh đồng làng, sương và bóng tối đã lẫn lộn nhòe mặt, những con ếch, con chẫu chàng ngồi trên vũng nước mưa mới dưới góc rạ đã nhảy ra, keng kọc kêu rồi cả tai thì cũng vừa lúc ấy, Soan vào đến cổng. Đường vắng. Các nhà đương sắp cơm, cũng chưa đổ đèn. Soan không gặp ai. Soan mừng thắm.

Soan đi thẳng vào sân. Trong nhà, thoáng ra tiếng rên, tiếng ú ớ nói mê. Mùi cứt gà, mùi rêu mốc bốc lên, càng vắng như nhà hoang, làm cho Soan xót xa, và thấy là mình tệ.

Hình như bà Cam biết có người vào nhà. Bà thì thào hỏi:

- Ai thế?

Soan thưa:

- Con.

Bà lão lặng ắng một lát, rồi lại rên. Soan hỏi:

- U sốt à?

Không có tiếng trả lời. Biết tính bà, Soan không hỏi thêm. Soan xuống bếp thổi đồ ăn, nấu cháo.

Hôm sau, Soan đi vón cỏ sớm.

Đến trưa, trở về, anh em đội công tác biết tin, đã vào đây nhà.

- Bà mẹ chỉ tham công tiếc việc. Các cụ ai chẳng tham công tiếc việc. Chị phải vừa công tác vừa tranh thủ mà làm.

Nghe nói “phải tranh thủ mà làm”, Soan lại khó chịu. Còn có lúc nào Soan ăn bơ làm biếng, từ khi Soan về nhà chồng? Nhưng, nghĩ cho cùng thì bà Cam đúng là người tham công tiếc việc. Giá Soan đi họp, và vẫn quấy nước, rút rơm, trưa về đi vón cỏ, thì mọi việc yên hết. Soan biết cái tính bà Cam thế, chẳng đợi ai nói mới biết, nhưng Soan hay bướng: chẳng nịnh ai mà phải lặn lội vào làm cho vừa lòng.

Dù sao thì bây giờ Soan đã nghĩ khác. Phải, Soan chỉ chịu khó một chút thì xong cả. Soan đã vừa làm vừa mê mải công tác. Mỗi ngày, Soan đi vón cỏ với nhóm đôi công. Cánh đồng mới cấy đã xanh biếc. Lá lúa vừa mọc đuôi, gió thổi vào bắt đầu có tiếng thəm thì.

Bà Cam đã khỏi hẳn. Bà đi làm cỏ với con dâu. Câu chuyện đôi vợ chồng đã qua. Bà chỉ để ý một điều là ở bên Trường về, nó không mặt bùng mặt phiu, và dù có bận họp xóm, họp xã, cũng không bỏ việc nhà. Chắc ở bên làng Trường người ta cũng rửa cho một trận rồi. Có thể mới nhào về một mình. Phải, ở đâu bây giờ chẳng có cái cách, người ta chỉ đòn đánh bằng lời nói ngọt mà phải góc cổ dầy, chứ cứ đập chieu nầm vạ mãi được a? Bà Cam yên tâm. Sự thuận hòa lặng lẽ tới với hai người lúc nào, cũng không ai biết.

Một hôm, Soan đi đâu về, thấy một cái bát hương úp sau găm giường thờ. Soan hỏi:

- Nhà có bát hương nào thế này?

Bà Cam lúng túng nói:

- Tao vừa sang đêm bên điện nhà Nấp về ...

Nghe thế, Soan mừng lắm. Bà Cam đã biết cảnh giác phòng mụ Nấp lên địa chủ đã đi lấy bát hương thờ điện về.

Nhưng bà Cam đã nói dối. Thật ra thì vừa lúc chụp tôi, mụ Nấp sang nhà bà Cam. Mụ xách cái bát hương đặt xuống nói:

- Nhà tôi sắp sửa thất đức, không được ăn mỳ lộc thánh nữa, tôi xin đem trả bát hương của các ông các bà.

*

* *

Bây giờ, Tết Nguyên Đán sắp đến. Soan nghe đội nói: “Có thể lấy một số cán bộ xã đi công tác. Sẽ đề nghị trên cho đồng chí Soan đi”. Soan cười: “Cho tôi đi thật nhé”, nhưng bụng Soan thì vừa phân vân, vừa mừng.

Tết nhất lại đến nơi. Những ngày cuối năm dầm dề, người ở nhà hay nhắc người đi xa. “Anh Triêu sắp về chứ! Tết hòa bình thứ hai mà chưa về à? Gan thế ...”. Soan cứ nghĩ miên man. Soan tưởng tượng từng cảnh thế này: Một hôm, Triêu về, Soan sắp đi công tác, tình cờ Triêu về. Sao mà anh ấy về khéo thế. Vừa trông

thấ'y nhau, mình đã giơ tay trước bắt tay anh á'y một cái. Cán bộ bắt tay nhau là thường. Nào bắt tay, bắt tay rung lên rung xuống.

Nghĩ đến đây, Soan không dám nghĩ thêm nữa. Trong lòng thì man mác chan hòa, nhưng Soan thấy câu chuyện mơ tưởng có vẻ cứ lạ dần mãi. Có gì đâu, bởi vì Soan nhớ lại năm năm về trước. Khi Triề'u còn ở nhà, nhiề'u lần Triề'u đã nghe mẹ chửi đánh mình. Và lại, ngày Triề'u đi cũng là cái ngày Soan bị chôn'g đánh trận đòn đau. Dù đây' là đánh che mắ't thắ'ng Tây, nhưng chỉ vì che mắ't thắ'ng Tây mà phải đòn thì cũng là đau lắ'm. Bây giờ Soan được giác ngộ rồi, lại càng khó chịu. Soan không dám tưởng tượng nữa. Soan lừ mắ't, về nghĩ ngợi. “Ừ, để gặp xem thế' nào. Xem hắ'n ta tiế'n bộ được bao nhiêu rồi”. Làm như Triề'u thế' nào cũng về'. Triề'u đương đi ngoài bờ ao. Những ngày cuối' năm, gió bắ'c thổi hun hút, nắ'm ỏ rom mà cứ như dội nước vào người. Trắ'n trọc, lẫn đi lẫn lại khó ngủ quá. Đêm ngoài điể'm tuầ'n, má'y chị du kích cứ quắ'n chiế'u tùm hum, chen nhau, cá'u nhau, rúc rích “Cậu cậu, anh anh, mình mình”, không nhớ không mong sao được!

Thế' rồi, nhớ quá hóa ra thật, buổi sáng hôm á'y, Triề'u về'.

Quầ'n áo và mũ, giầ'y quân đội, Triề'u to, cao lề'nh nghề'nh. Gặp người làng, Triề'u chào. Người làng đứng sững, nhìn đi nhìn lại, rồi mới nhận ra cái mặt, cái cười anh Triề'u, “cái cu Triề'u, bà Cam đẻ rơi ở ngoài ruộng triề'u, đặt tên là Triề'u”. Cả cánh đô'ng đương làm chố'ng cuố'c, chố'ng cào quay về' phía xa xa anh bộ đội đương đi vào cổng làng. Có người theo lên tận đường cái nhìn mặt cho được. Có người mau miệng đã bảo Triề'u biế't Soan đi đào giế'ng chố'ng hạn dưới đô'ng sâu, bà Cam đương làm màu khoai đắ'ng kia.

Triề`u tạt lại chỗ mẹ đương làm. Triề`u nhận ngay ra mẹ. Nhưng lạ sao, hình như người mẹ bé nhỏ hơn trước. Từ nãy, Triề`u thấ`y cái gì cũng bé nhỏ hơn trước. Cả con đường cái chính xứ, ngày bé chạy đứt hơi chưa hế`t, bây giờ hình như ngắ`n ngùn, đi ba bước đã qua.

Triề`u cởi ba lô và túi đồ đầ`u bờ, xuô`ng đặt dây khoai với mẹ. Câu thứ hai muô`n hỏi về` vợ, nhưng Triề`u cứ nắ`n nắ. Lát sau, đã đặt xong cả ba luô`ng dây khoai. Hai mẹ con xách cuô`c về`. Đế`n khi bà Cam nói: “Bây giờ thì nhà mày nó cũng về` rô`i” Triề`u mới yên trí.

Bà Cam xuô`ng ao rửa chân. Triề`u đứng nhìn cái nhà mình, vẫn ba gian như ngày trước. Trận mưa đêm qua làm cho cả mái, vách tô`i đen, như cái ụ đầ`t.

Soan đứng trong đầ`u bế`p nhìn ra. Tiế`ng đô`n Triề`u về` đã bay ngay ra tận chỗ đào giế`ng. Soan chợt nhớ một điề`u là nhà hôm nay không có gì ăn. Hế`t buổi làm, Soan chạy ra lạch bắ`t quàng một mẻ cua và bây giờ đã về` lắ`p ló nắ`p đầ`u bế`p. Triề`u đã vào tới gô`c vô`i. Triề`u mặc quầ`n áo bộ` đội màu xanh cỏ á`u, người càng cao càng chỉnh tề`, đúng như mình thường tưởng thề`. Chẳng còn dầ`u về`t đâu cái bộ` áo rách toi, cái nón mê, cái sào nứa, buổi sáng hôm tro`n đi. Thề` là, bao nhiêu ý nghĩ của Soan không còn cứng cựa như lúc Triề`u chưa về`, Soan thấ`y mình luô`ng cuô`ng “không thể nào dám bước ra bắ`t tay anh á`y được nữa”. Và, lắ`ng lắ`ng, trước khi Triề`u vào sân, Soan đã vội xuô`ng bế`p, ngồ`i quay lưng vò` thối lửa. Mãi đế`n lúc có nhiề`u người đế`n thăm hỏi, Soan mới bước ra.

Triề`u nói chuyện, chào hỏi tíu tít và Triề`u làm như chưa trông thấ`y vợ. Hai người cũng không hỏi nhau.

Lạ thay, Soan có cảm giác rụt rè như tám năm trước, mới về nhà chộ̀ng, buổi sáng đậ̀u tiên dậy sớm quét nhà. Mãi cho tới lúc các chị vào rủ đi hội ý buổi chiệ̀u, Soan mới trở lại tự nhiên. Họ cười nói như phá, làm cho Soan tỉnh, nhanh nhẹn, và thậ́y lại được mình đương là cán bộ xóm.

- Tội nay cho chị Soan ngủ nhà, không phải ra điệ̀m gác tập trung nhé.

Soan tự ái:

- Nhiệm vụ nào đi nhiệm vụ ấy chứ.

- Thệ̀ tội nay không phải ngủ nhà chậ́c?

Họ đậ́m nhau, nhộn ra cả ngoài sân.

- Anh Triệ̀u này, tội nay phải phê bình con bé tợn vào. Độ này nó lộ̀ng hồng lặ́m.

Triệ̀u cứ ngội cười, vừa thích vừa hơi khó chịu vì câu nói chót nhả. Một chị nói:

- Cái Soan ở nhà tiệ́n bộ lặ́m. Cuộ́i tháng này được tỉnh cho đi công tác đậ́y.

Triệ̀u cười, miệng cười mở rộng, nhưng nhậ̣t không thành tiệ́ng.

Mậ́y chị nữa vừa đệ́n, đứng ngoài sân hỏi vào:

- Cậu Soan đi họp chứ?

Họ vờ như chưa biệ́t Triệ̀u vệ̀.

- Sao cứ ngô ì thu lu thế kia, nhớ chớ ng à? Ờ kìa, anh Triề u mới về đây à, thế mà chúng em vô ý không biết. Chào anh ạ. Trông anh khác hẳn đi thôi. Chị Soan hôm nay nghỉ họp, hôm nay giò mưa to.

- Phải gió, họp trên hết chứ!

- Cái gì trên, hả cậu Soan?

Thế là lại đâm, đẩy nhau cười. Lát sau, tiếng cười tiếng chân đuổi nhau đã xa ra tận ngõ xóm. Bọn họ đi họp cả rồi. Triề u ngô ì lại một mình, nghĩ lảng quăng, tự dưng buồn. Vợ mình bây giờ hay nhí nhảnh, hay chót nhả thế ư? Vóc người Soan có đầy hơn, nhưng cũng lại phảng phất khô hơn trước. Cái gầy heo héo của tuổi. Năm nay Soan hai mươi năm. Cái thì mười tám đôi mươi đã đi qua rồi, đáng người không còn đậm đà nữa. Triề u lại ra ý tiêng tiêng.

Triề u hỏi mẹ:

- Nhà tôi nó sắp đi công tác à?

- Thà y nói thế.

- Công việc ở nhà thế nào?

- Không cho đi thì lại hóa ra buộc căng nó, mà người ta nói. Mày về thì mày bảo, thôi tùy các anh các chị, tôi thế nào cũng xuôi.

Thật ra thì bà Cam cũng chẳng ưa cái việc Soan đi công tác. Bà Cam không muốn Soan đi, nhưng cũng không thích Soan ở nhà. Bây giờ có ruộng, đủ ruộng rồi, chẳng còn thiếu u đói được nữa. Và lại, cháu gái nhón, nó với bà làm cũng được. Thì để cho cô ta bay nhảy. “Còn son rồi thì cứ bay nhảy đi”. Tuy lâu nay trong nhà êm ả, không

có to tiếng, nhưng bà Cam vẫn cánh nánh chuyện mẹ chôn người nàng dâu xung khắc, bà cho là “cái số thế, suốt đời thế”. Cho nên, ai hỏi có phải chị Soan sắp đi công tác thì bà chỉ ừ nhạt. Không ai biết bà bằng lòng hay không.

Triều cũng không hiểu sâu được ý mẹ. Nhưng thấy mẹ nói thế thì Triều phát cáu:

- Công tác gì thì cũng phải đầy đủ việc nhà đã. Phụ nữ nước nào chả thế.

Bà Cam không biết nói thế nào với con trai. Bà thì tiếc việc, tham người. Nhưng bà không muốn, mà cũng không thể giữ Soan. Thời buổi giờ khác ngày xưa, chúng nó như người hờn hờ đi ra đường, mình là cái người già chân yếu, chỉ biết đứng xó trông theo, mình có bảo chúng nó đi, chúng nó đứng, thì cũng như chuyện. Cho nên bà không nói.

Triều làm làm im lặng. Bà mẹ không biết con khó chịu, tưởng như tính nó xưa nay cũng thường làm lì như thế.

Trời tối, rồi trời khuya dần. Lúc này thấy Soan khoác súng đi. Đêm nay ngủ du kích tập trung chẳng? Tất nhiên, Triều không hỏi mẹ. Triều lẩn mẩn, sửa soạn chỗ ngủ tỉnh tươm, cẩn thận. Vẫn ở cái góc buồng đầu bếp có phen tre, trên ba mảnh phản gỗ, ngày trước, khi mùa đông tới thì Soan trải ổ lá chuối khô và vợ chồng đắp một cái khô tải. Bây giờ, Triều gạt ổ lá xuống đuôi giường, trải ra phản một mảnh bạt. Cái màn thì Triều căng thẳng như kẻ chỉ, rồi vắt gọn lên. Triều rút trong ba lô một chiếc gối bông nhỏ bọc vải hoa, cùng màu với chăn. Túi ni lông đựng đồ chải răng thì treo trên góc cột. Mấy thứ xinh xắn ấy Triều mới sắp xếp. Rồi Triều lấy trong

xắc cốt ra một quyển thơ, nẵm đọc về tự nhiên ề a. Nhưng thật đầ u óc loảng quăng nhiề u nghĩ, nhiề u nghe, khiế n mắ t Triề u không thể trông thấ y chữ nữa. Mùi lá chuố i khô mố c, Triề u đoán ít khi Soan ngủ nhà. Có lẽ Soan ngủ ở những điể m canh. Cái cảm tưởng về Soan nẵm lang chạ như thề làm cho Triề u buồ n buồ n. Trong khi ấy thì miế ng xà phòng ở túi ni lông của Triề u cứ tỏa mùi thơm êm đềm, ngòn ngọt.

Triề u chợt nhớ mình đương nẵm ở cái phản ngày trước, vẫn góc phản ngày trước. Nhưng mùi xà phòng, cái quyển sách, cái bút... những gì nữa này, những thứ ấy làm cho Triề u thấ y mình khác trước. Người cũng còn đố i nữa là, nhiề u cái đã khác. Triề u bỗng đề ý đế n đôi dép cao su đen. Triề u đã phát giầy vải, đôi giầy mình đương đi đây.

Triề u suy nghĩ lan man về đôi giầy, đôi dép trong khi trời dầ n dầ n khuya. Những con chuột cô ng, con câ y hương, lúc này đường đã vắ ng, chúng ra tìm ăn, chạy lết xet trên những lố i bùn và lá khô, nghe xung quanh càng lặ ng, cứ vừa êm đềm lại vừa thao thức. Tựa tựa có người đi vào, rồ i lại không phải. Chồ c chồ c, Triề u giật mình.

Bỗng ừa đế n tiế ng chân rậm rịch từ ngoài đầ u ngõ. Rồ i tiế ng cười, tiế ng nói ào ạt qua ngoài vách, nghe rõ mồn một.

Triề u nhìn lên rui nhà. Ánh đèn và tiế ng cười loang loáng qua trên ấy. Triề u cảm thấ y mình nẵm thu lu lẻ loi, lép vế , Triề u trở mình quay mặt vào vách, tay nhắ c quyển truyện kê giáp vào bóng đèn, như đương mắ i đọc.

Soan bước vào, đồ phịch cái súng xuống góc nhà. Triêu không quay ra, nhưng hỏi tự nhiên:

- Về đây à?

Rồi Triêu lại nói:

- Để súng thế là không bảo vệ vũ khí. Mà phải cảnh giác, treo súng vào phía trong giường chứ.

Soan làm theo lời Triêu, ra cầm khẩu súng trường đặt vào vách trong, rồi cởi bao da lưng đạn, treo luôn lên đây. Triêu vẫn nhìn vào sách, lại hỏi:

- Đi sinh hoạt về à?

- Anh có nhớ cái Pha không?

- Cô Pha hay giầu truyền đơn vào giỏ của rồi lợi cánh đồng đã ng chơ vào tỉnh chứ gì.

Soan hớn hở nói:

- Lễ kết nạp trọng thể lắm, anh ạ. Từ thuở bé, giờ em mới thấy cò búa lắm.

- Có ở cái tỉnh thân chứ cứ gì hình thức. Tỉnh thân cô Pha thế nào?

- Tỉnh thân phụ nữ xã ta cao lắm. Cán bộ toàn xã nhiều là phụ nữ.

Triêu toan nói: “Thôi đi, đừng tự phụ”, nhưng thấy Soan ngơ nghe bên ánh đèn, Soan nhặt quyển sách Triêu vừa bỏ xuống, Soan

ngắ m rô i thông thả đọc từng câu, thì Triề u không nói nữa. Từ lúc này, Soan như không để ý tới những sự thay đổi trên cái giường lồi thoi, mà Triề u đã mắ t công bày lại, Soan cứ nhẹ nhàng nhón nhơ như không màng tới, Triề u đã lạ. Bây giờ thì Triề u phục vợ quá. Vì Triề u tưởng chỉ có mình bao năm ở doanh trại, mới biế t chữ được. Soan vẫn đọc thông thả, rành rọt. Ánh đèn bắ t nghiêng lên mặt Soan. Đôi mắ t vẫn lừ đừ năm xưa thệ ấ y. Cái lưng áo cánh nâu chắ c nịch bớ c nóng rình rịch. Nhưng nhìn thoáng khuôn mặt thì không còn tròn phính như trước. Dưới gò má, quầ ng một vế t tồ i, hơi trũng xuố ng. Nét mặt Soan có khô đi. Sáu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm đã qua rô i. Triề u bô i hô i và Triề u âu yế m nói:

- Tắ t đèn chứ, khuya đầ y.

Soan đứng dậy, đặt cái đèn lên mặt hòm phản. Câu chuyện hai vợ chồ ng lầ m rầ m dầ n dà lặn vào bóng tồ i. Đêm mùa đông ấ y, trời khô, vừa rét lại vừa ấ m.

- Anh ở chơi nhà mắ y hôm?

- Ngày kia thôi. Nay, sắ p đi công tác đầ y à?

- Ừ.

Trước khi Triề u về , mỗi lầ n Soan tưởng tượng chuyện sắ p đi công tác thì đầ y đủ lắ m: túi vải, ba lô, bút máy gài túi. Nhưng lúc này, mặc dù vẫn hẫnh diện về chuyện này và những điề u nghĩ ngợi về lễ kế t nạp chị Pha vào Đảng lúc này vẫn bồi hồi trong đầ u, Soan có thể kể cho Triề u nghe bao nhiêu chuyện, thệ mà khi đó Soan chỉ “ừ” một tiế ng, Triề u nghe thắ y vừa hiề n, vừa ngoan. Trong khi hai vợ chồ ng nằ m nghiêng lại với nhau, Triề u nghĩ những ngày

mới lấ'y nhau. Soan nề't na, hay làm, Triề'u thì cục tĩnh, hể trái ý là chửi, đánh. Cả hôm đi tòng quân, lấ'y có che mắ't mọi người để ra hậu phương cho dễ, Triề'u cũng đánh Soan một trận, nghĩ bây giờ còn ngược. Soan cũng nhớ lại việc ấy một cách tỉnh nghịch.

- Anh còn nhớ cái lầ'n anh đánh em rồ'i anh ra hậu phương? Thế' mà nhà đồ'ng Nắ'p cũng đi báo đồ'ng xuố'ng đòi tiề'n phạt “nhà có người đi Việt Minh”.

- Mình chỉnh huấ'n đã kiểm thảo thái độ đồ'i với phụ nữ rồ'i.

- Không, em không nói anh đánh em đâu. Em kể chuyện nhà Nắ'p ấy. À anh ở bộ đội có kiểm thảo cả việc đánh em đấ'y à?

- Ừ.

Chợt nhớ ra một điề'u vui lắ'm, Soan rinh rích cười, cười to, nghe giường ngoài bà Cam cựa mình, mới im.

Triề'u để ý Soan gọi Triề'u bắ'ng “anh” và xưng “em” rấ't tự nhiên. Triề'u thì chẳng dám “mày”, “tao” với Soan như ngày trước, nhưng vẫn lúng túng chưa biế't gọi thế' nào, nên vẫn chỉ đồ'i đáp tro'ng không. Triề'u thấ'y ở Soan một vẻ chũng chạc, mà trước kia Triề'u không hê' tưởng tượng ra. Triề'u lạ và phục, nhưng cũng thấ'y tung tức, cảm như mình bị coi thường, dù mới chỉ về' nhà một lúc. Triề'u buông một câu:

- Đi thì ai ở nhà làm?

Soan nói gì về' những ở nhà và đi công tác, nhưng Triề'u không nghe rõ. Sự bức bối và thương yêu cứ lẫn lộn, bớ'i rồ'i, vẫn vơ. Câu chuyện lầ'o xào một lúc rồ'i im trong tiề'ng lá chuô'i sột sạt và tiề'ng

con gió đông cứ dạt dào huyết sáo vào cái ống tre trên đầu hồ i nhà. Một lúc thật lâu, Triêu u bảo Soan:

- Ngủ đi.

Nhưng nào ai ngủ được. Chẳng bao lâu, tiếng gà đã nổi lên. Nhìn ra, đêm đã loăng trắ ng trên khung cửa liế p. Triêu u quay mặt vào, nhắ m mắ t. Bỗng rắ t khó chịu cái khung cửa liế p làm cho người ta thắ y sắ p sáng nhanh quá.

Còn tồ i đắ t, Soan đã dậy đi bừa. Triêu u cũng đứng lên, hăm hờ ra sân tập thể dục.

Mặt trời lên độ con sào thì Soan về , khóa chân tay ngoài câ u ao rô i vào gác bừa. Triêu u đương lúi húi với đôi dép râu ở đầ u hè.

Triêu u bảo Soan:

- Xỏ chân thử nào.

Soan đặt chân lên chiế c dép. Triêu u ngắ m, nheo mắ t, rút quai, đánh dắ u bút chì. Miế ng xà phòng và bát nước đã để sẵn, Triêu u tuồ t xà phòng vào quai dép, rô i lầ n lượt xâu lại.

Đã đoán được việc Triêu u đương làm, nhưng Soan cứ hỏi:

- Anh làm gì đắ y?

- Cho em đôi dép này... để em đi...

Triêu u buộ t miệng một cách cô ý gọi vợ bắ ng “em”, tiế ng nhẹ nhõm, tự nhiên.

- Cho em thì anh lắ y gì anh đi?

- Anh đã có giày của trên phát rồi. Rút quai cho ngắn lại vừa chân em, xinh lắm.

Đôi má Soan hây hây cảm động. Soan rất tinh ý. Nghe cách nói, Soan biết đêm qua Triêu không muốn Soan đi công tác. Nhưng bây giờ Triêu đang sửa lại dép cho Soan, thế là Triêu bằng lòng rồi. Vừa day tay rút xong được một bên quai dép, Triêu ngẩng lên nhìn Soan, và cười.

Thật ra thì Soan chưa đoán hết được nghĩa cái cười ấy của chồng. Thì Soan sẽ đi công tác. Triêu đã thành thật nghĩ vậy. Nhưng mà Triêu cũng đang nghĩ giá lần này mà Soan có mang. Có thể có mang lắm chứ. Triêu nhìn đôi má đỏ hồng của Soan và Triêu cười. Ừ, Soan có mang thì rồi Soan sẽ ở nhà, Soan sẽ có con. Cái mong muốn yêu đương cuối cùng của người chồng chỉ còn âm thầm bám lại.

Soan không biết. Soan cũng hồn nhiên cười chum chím. Ờ, đi công tác mà có dép thì nhất rồi. Soan cúi bụng hai ống quần còn lắm tằm bùn, vẫn xoe lên tận bẹn, từ nãy quên chưa bỏ xuống.

1956

[1]-Trong kháng chiến, người các vùng bị chiếm thường gọi vùng tự do là “hậu phương”.

Người mấ t trí

Ngày trước Lực đi ở cho nhà ông phó Cật.

Khi vùng này bị chiế m, Lực vào quân báo của huyện đội. Bị Tây bắ t, Tây đánh tướng chệ t, đầ u Lực sừng to bằ ng cái chõ. Đế n lúc sô ng lại thì từ đó Lực cứ dờ ngây dờ đại, thỉnh thoảng chỉ tùm tùm cười. Người ta bảo: óc Lực bị hồng, còn sót lại có cái gân cười.

Lúc cải cách ruộng đấ t, ông đồ ù ng Vây nói:

- Xin xóm cho thả ù ng nỡm Lực này về ù ở với tôi.

Mọi người cười ô ù. Nhưng ai cũng thấ y thề là phải. Mấ y năm trước, trong lúc kháng chiế n, công tác quân báo, Lực có mớ i liên lạc với ông đồ ù ng. Và bấ y giờ cũng chẳng ai lạ ý ông đồ ù ng muố n dễ bê ù vun vào cho cô con gái ông là cô Hờn. Cho nên, ngày nay thấ y ông đồ ù ng Vây muố n nuôi Lực, ai cũng khen ông tô t và thủy chung.

Ông đồ ù ng đế n cái lê ù cỏi, vừa nói buông xõng, vừa gắ t pha trò, bảo Lực:

- Nỡm ời nỡm, đi về ù nào.

Lực nhìn ông đồ ù ng, như nhìn cái gì lạ lùng, rô ù i cười tùm.

Cái khô ù tải khoác lông thõng trên lưng, cứ thề Lực theo ông đồ ù ng về ù nhà. Mấ y hôm đầ u, Lực chỉ ăn, ngồ ù i, đi ra đi vào, xỉa răng, tùm tùm. Nhưng ít lâu sau, nét mặt đại đại của Lực tươi tỉnh dầ n. Có lẽ, ở nhà có người nọ người kia, Lực cũng biế t vui, làm

quen lại với đời sống hàng ngày. Ông đem đưa cho Lực cái ống giang Lực cũng chế được thành cái lạt. Rồi đưa cái bươm, trở ra vườn, Lực xách bươm ra vun góc ngô. Thì ra, hễ có người hỏi, nghe tiếng người nói, người cười, thì quen tiếng và dần nhớ lại. Bây giờ Lực ăn đã biết mời cơm. Chiều chiều, Lực đem một bó củn câu đi cắm ngoài bờ ao. Lực đã lại hơi người, đã quen dần với người và tiếng.

Có hôm ra sân trông lên sao tua rua đã mọc sang quá mang tai, mà cô Hồn và ông đem Vây vẫn còn ngờ i vót nan, đan giỏ, để phiên chợ đem bán, Lực cũng thức theo, cũng ngờ i đan lát.

Cô Hồn ra nhìn sao, ánh chừng xem giờ, rồi bảo tôi:

- Cái đêm anh Vạn hy sinh rồi anh Lực phải bắt cũng tôi như mực thế này. Chóng thật.

Tôi hỏi Lực:

- Còn nhớ chứ, anh Lực?

Lực gật, lơ đãng. Tôi lại hỏi:

- Còn nhớ anh Vạn không?

Lực sửng sốt, nhìn quanh, như ngờ ngợ rồi nói:

- Đem chí Vạn hả? Đem chí Vạn...

Hồn thêm:

- Đem chí Vạn chết ở đem chùa Diêm âm mà.

“Đồ`ng chí Vạn... đồ`ng chí Vạn...”. Không nhìn rõ mặt Lực bắ`y giờ, nhưng thắ`y im, một lúc lâu chỉ nghe tiế`ng vọt nan xèn xẹt và tiế`ng Lực nhắ`c lại “đồ`ng chí Vạn...”

“Đồ`ng chí Vạn”, ba tiế`ng ắ`y, và một cánh tay cụt của cô Hờn chồ`c chồ`c lại thắ`p thoáng giớ` ra ghì thắ`t nan lạt, và bóng anh Lực ngồ`i cặ`m cụi. Tiế`ng nói và hình bóng những ngày đã qua, bao nhiêu vắ`t vả, cay đắ`ng. Từ bắ`y đế`n lúc đi ngủ, ai cũng lặ`ng im.

Đêm sau, tôi gợ`i chuyện thêm. Mỗi lầ`n hỏi, Lực lại nhớ lại một ít. Ốc Lực như sợi chỉ đứt, phải nhẹ tay lầ`n lầ`n tìm mớ`i mới nố`i đượ`c lại dầ`n. Tôi nghe thêm ông đồ`ng Vây và cô Hờn kể, chắ`p thành câu chuyện dưới đây.

*

* *

Bắ`y giờ, vùng này đã bị chiế`m.

Năm ắ`y, giữa mùa bắ`c khô buồ`t, đế`n nổi lúa câ`y không bén chân, gió thổi tức ngực không thở đượ`c. Bao nhiêu việc đồ`ng chiêm phải đình đố`n hế`t. Ai cũng chỉ còn mong đợ`i gió đông trở lại.

Nửa đêm kia, khi gió đông nổi lên thì người mê ngủ tới đâu cũng phải thức giắ`c. Nghe gió vờn dài từng cơn vào trong ổ`ng tre đầ`u hồ`i, Lực nhੌm dậy, nghĩ: “Trời ắ`m quá”, rồ`i Lực vào trong xóm, gọi ông đồ`ng Vây đi cày. Ông đồ`ng Vây cũng trở dậy từ lúc có gió. Người già thường ít ngủ. Vắ` lại, từ lúc gió đông nổi lên thì trong cái ổ` rơm của ông lão, không biế`t cơ quan là cái giớ`ng bọc mặt, nghe hơi nồ`m ắ`m, bò ra, lầ`n lầ`n khắ`p tay, khắ`p mặt, khiế`n ông lão không thể chặ`p mắ`t. Ông lão chui ra sân đứng ngườ`a bàn tay. Xem

mưa xem nắ'ng, ông lão vẫn xem bàn tay thề'. Bụi mưa xuố'ng tay không giá' nữa. “Ấ' m rô' i! Ấ' m rô' i!” Tai nghe gió ù ù cuồ' n cuồ' n ngoài cánh đồ'ng, ông lão cứ đứng ngắ'ng người giữa cái sắ'n đắ' t lắ' y lắ' i, tưở'ng như ngọn gió ấ' m ấ' y đườ'ng vồ' n qua các cánh đồ'ng hanh hao, vồ' n tới đâu thì cây lúa tỉnh lên, cái rế' mạ đã chề' t có'ng đố'ng cục trong bùn bây giờ mọc ra, chiề' c lá úa vàng đườ'ng trở lại màu xanh, cái gió đồ'ng là gió ra tiề' n ra bạc, tiề'ng gió ù ù, ấ' m ấ' m...

Lực lắ' i bùn lếp nhép tới. Lực vừa cắ' t tiề'ng gọi đã nghe tiề'ng thừa trả lờ' i ngay giữa sắ' n.

- Đi, bớ' ơi! Làm thề' nào cho đê' m mai mà còn gió đồ'ng thì ta cuồ' c kịp hai sào nữa.

Ông đồ'ng Vắ' y và Lực làm chung khoắ'nh ruồ'ng đồ'ng Chừa của nhà ông phó Cắ' t. Nướ'c chề' tắ' t rô' i, chỉ còn đờ' i trời ấ' m để cày ải. Việ'c đồ'ng này quá chắ' t vắ' t. Từ khi Tây về' xây bớ' t ba góc đồ'ng Chừa thì ba cái lô' cớ' t chặ' n lô' i sang sông, ban ngày không ai làm ra đồ'ng, mọi việ'c đê' u phải làm về' đê' m.

Nhưng lúc đó, ông đồ'ng Vắ' y lại ké' o Lực vào trong nhà, thì thào:

- Đây biế' t chưa? Chú phó Cắ' t tản cư ở ngoài kia về' , mới bị quắ' n bắ' t rô' i.

Lực hỏi:

- Thề' hắ'?

Hai tiề'ng “thề' hắ'” buồ'ng thồ'ng, làm nhắ' t hắ' n cái hắ'ng hái choầ'ng dậy đi làm lúc nắ' y. Lực nhớ ngay một việ'c: vụ mùa năm ngoắ' i, Lực không gắ'nh thóc ra hậ' u phươ'ng đố' cho nhà ông phó Cắ' t.

Nhưng năm ngoái, nghe cán bộ về` phổ biế n rằ ng ai làm ruộng của chủ ruộng vắ ng mặt không phải đổi tô, Lực không quắ ra nộp như năm trước nữa. Đột nhiên, bây giờ phó Cậ t về`, dù là về` bị quậ bắ t, Lực cũng thắ y chán gắ t. Lực nói:

- Nế u thề thì thôi, chẳng làm làm gì.

- Khoan nào, chỉ nóng hắ o, ta cứ ăn cứ làm vậy thôi, tôi sẽ nói với chú á y một tiế ng. Mà biế t được Tây nó đã tha cho à?

Hai người lúi lủi ra đờ ng. Nhưng Lực vẫn bực bực, dù ông đờ ng Vắ cứ lắ nhắ nhắ c lại “rờ i tôi sẽ nói với chú á y một tiế ng”. Lực thừa biế t cái “nói một tiế ng” á y không có nghĩa, nghe rác cả tai.

Trong bóng tồ i, con nhái nhảy lép nhép. Con nhái nhảy hay đắ ng kia có người bừa, người câ y, ông đờ ng Vắ và Lực không để ý, cứ mê mắ làm. Ba năm nay, cánh đờ ng này đã quen được ăn làm về` đêm rờ i. Lực sờ tay, giớ cái thừng và cái nẻo đưa cho ông lão; xong, hạ cằ xuồ ng lắ p rờ i buộc chớ t, khế nói: “Đi!”. Ông đờ ng Vắ gập lưng xuồ ng câ t bước. Cái nẻo tre kéo giậ ngang người, đau chói, như cái ngoàm cắ p ngoặ p vào bụng. Ông lão nhắ c chân, lờ từng bước bụn oàm oạp. Càng kéo, cái nẻo càng ghì, hơi thờ đặc lại, bụng đau cuộn. Ông đờ ng hỏn hỏn vuồ t trán: “Đổi tay nào!”, rờ i đứng khượ t lên. Được một lúc thì ông lão cậ sức, không thể bước nữa. Cái nẻo nhắ bụng ra, rơi tồ xuồ ng bụn. Lực lội lên, quàng nẻo thắ t vào bụng mình, để ông đờ ng xuồ ng câ m cằ y. Cứ lúc lâu, lúc lâu, hể kiệt lực, hai người lại đổi vai, đổi bụng, đổi lượt làm bò. Cứ như thế, người cằ người kéo giữa đờ ng, chỉ nghe tiế ng lội bụn và ngọn gió cuồ n ù ù qua, cuồ n theo tiế ng kếng ở cái lô cô t câ m canh rời rạc rời cuồ i đờ ng.

Hai người làm hì hụi. Nhưng mỗi lúc nghĩ tới phó Cật, thì Lực vẫn bần thần. Chắc, rồi thì lão ta cũng đến được tha. Đồng tiền rảy ra, hòn xôi ném miệng thì đâu mà chẳng lọt. Sao Lực cứ tưởng trước ra như thế? Vì Lực đã thấy mỗi bận Tây càn làng, cả làng chạy, cả làng phải tập trung, thì các nhà có máu mặt không đi đâu cả, họ chỉ mở cổng ngõ trong nhà rồi bày ra nào chuôi, nào trứng gà, nước chè nóng, rượu lậu, để đón Tây càn có đi vào thì ăn. Thế thì dù là “ông phó Cật ở ngoài kia đã làm việc cho ta” đi nữa, rồi Tây nó cũng đến thả. Mà tất nhiên, ông phó Cật về, thì Lực không thích bằng ông phó Cật cứ ở ngoài hậu phương.

Lực chẳng lạ những điều mãn nhật ở đời đã trải qua trong nhà đó. Mười một tuổi, Lực đã biết khiêng ngược được cái lưỡi cày chạy theo đuôi trâu ra đồng. Tới khi “bùng nổ”, nhà ông phó Cật tản cư. Lực phải ở lại giữ ruộng làm đồ tộ. Nhưng thế mà dễ chịu hơn, bởi thật đến khi đó Lực mới khỏi ăn cơm ngũ. Cho nên, bây giờ nghe phó Cật về, Lực cứ lan man, chan chán. Lực ngoảnh lên hỏi ông đồng Vây:

- Năm ngoái không ra đồ tộ, bây giờ ông ấy về đời thì làm thế nào?

Ông đồng Vây không trả lời. Có lẽ vì nhọc quá, còn thờ. Chỉ nghe tiếng chân lội lồm bồm.

Một con vạc bay ngang đầu, cất tiếng kêu quang quác. Những người đang làm dưới ruộng đều biết: vạc đã đi ăn đêm về, thế là sắp sáng rồi. Rón thêm một đường cày vết nữa thì trời phía thị xã cũng loáng dần và đã nghe xa xa vắng lại tiếng xe hơi, tàu bò gầm gừ. Những tiếng động thường lệ buổi sáng của Tây sắp đi dò đường gỡ mìn. Không ai bảo ai, Lực và ông đồng Vây vác cày lên

bờ. Quanh đây, chốc lại một hai bóng đèn lẳng vẳng qua - những bà con đi cày đêm lục tục trở về. Nhìn lại cánh đồng xám màu nước và sương mù, chỉ còn có gió hun hút qua, không ai tưởng trên cánh đồng phẳng lặng ấy mà suốt đêm qua, lúc nào cũng có người cày cuốc.

Ông đồng và Lực, áo khoác tải khoác vai, tóc, tai, mặt lấm vùi bùn, vừa rửa dưới ao lên, thì cô Hồn, con gái ông đồng Vây, cũng ở dưới xóm về, nách cắp một thúng nhót chín đỏ. Hồn thường đi buôn nhật, quả nhót, quả mơ, quả bưởi, mùa nào thức ấy, đem đi bán các cửa bột. Vừa trông thấy con gái, ông đồng háp tấp hỏi:

- Việc chú phó Cật thế nào, hả mày?

Thầy có Lực ở đó, Hồn ra ý không bằng lòng. Hồn chỉ trả lời chững chảng:

- Giam nhà muối rồi. Chưa hỏi han gì đâu. Quận nó còn bận họp lập làng thôn.

- Mày nói cái gì?

- Người ta đang họp bắt cả tỉnh làm “làng thôn” như bên Phương Diêm kia.

Ông đồng Vây “à” một tiếng. Cái gì chứ làng thôn, làng tập trung thì ông chẳng lạ có gì. Ở cái làng tập trung đã sinh ra lấm diều tai quái, lấm người thối cơ lờ vận. Nhưng mà một số người làng này thì lại kiếm cơm được về cái món làng thôn. Có gì đâu, ai về ở làng tập trung thì “chính phủ Mỹ quốc” cho vay “viện trợ” để nuôi lợn, nuôi vịt. Nhưng thật thì ai về ở đây cũng chỉ vay tiền “viện trợ” để ăn, để làm vốn hàng xáo, để đánh bạc. Cho nên, cứ để

“hội kỳ” nào có thanh tra Hà Nội về khám gia súc thì “hội đồng quản trị làng kiểu mẫu” lại báo cho cả làng biết trước. Người ở làng dồn nháo đi thuê lợn, thuê gà, thuê vịt đem cho thanh tra khám đểm từng con. Các làng quanh đây chuyên cho thuê gà lợn cũng thành một cái nghề. Nhưng bây giờ làng này cũng thành làng dồn? Thế thì lại phải đợi tiền “Mỹ quốc” mà đi thuê lợn, thuê gà làng khác. Lâu nay việc “nhà thánh” không nuôi nổi ông đồng nữa. Ông đồng quan tướng phải dựa lưng vào lợn gà cho thuê. Thế này thì khó nghĩ quá...

Lực đã rửa xong cày, sắp vác về, ông đồng Vây bảo:

- Ở đây thối cơm ăn rồi tôi bảo cái này. Hờn, mày xem rau cỏ thế nào...

Ông muốn nói “thối cơm cho tao và anh Lực ăn để chóc nữa lên hỏi thăm chú phó Cật”. Nhưng thấy cô Hờn nguẩy mặt đi, thì ông thôi. Thật ra, chỉ vì Hờn biết bớ vun vào, muốn chám Lực làm rể. Nhưng Hờn chẳng bao giờ tưởng cảnh mình cũng như Lực. Người con gái mới lớn lên thường đứng núi này trông núi khác.

Lực dựng cày, ngời xuống kéo một điếu thuốc cho ấm. Lực cũng không để ý cái mặt cong cớn của Hờn. Mỗi khi thấy cô ả chao chat, anh ta lại đánh giá bằng cái tấc lưỡi: “Quân này chỉ tập tễng lên dồn lấy lính thôi”. Thường thường, Lực hay nghĩ cho đám con gái làng đại khái một câu như thế. Nhưng cũng chỉ thoáng qua, bởi vì Lực còn mải cày, đi câu, canh gác, họp du kích và lo trốn bắt lính.

Sau đó, Lực cũng về.

Lực về nhà, vút huych cuộn thừng vai cày xuông, lăn vào ổ rơm. Nhưng cũng không ngủ được như mọi sáng. Lực nghe con muỗi tặc lưởi, con mọt cựa quậy trên rui nhà. Lại vẫn trằn trọc cái tin lão phó Cật mới bị bắt về quận.

Nhớ năm bùng nổ, cả nhà ông phó Cật dọn chạy ra “hậu phương”, phó Cật bảo Lực: “Chú trông nhà cho tôi, bao giờ yên hàn thì tôi mới về”. Lực bỏ cái lều dưới bờ ao, lên ở một mình chính gian giữa nhà ông phó Cật đây. Lúc đầu, ở nhà ngói thênh thang, đặt lưng nằm đâu cũng được, nghĩ khoái đời. Nhưng rồi làm ruộng đêm, rồi chạy Tây, vất quá. Song dù sao cũng là được ở cái nhà ngói. Thế mà bây giờ ông phó Cật về...

Lực trở dậy thổi cơm. Ăn no rồi mà cũng không ngủ được. Lực cứ đi ra, đi vào, mó cột nhà, ngắm cái thềm, cái cây. Lực tiếc nhieu thứ. Ngoài sân có cây chanh yên. Cây chanh yên này Lực chiết được đem về giồng, năm nay bói được sáu quả to nặng chịn dít vàng sọng xuông đất, trông ngọt mắt làm sao!

Nhưng, tiếc thì tiếc, Lực nhứt định dọn về ở ngoài nên lều cũ. Cửa nả nặng nhứt là cái cối đá đâm cua. Không biết vớ được ở đâu, Lực vắn nó về từ ngày mới nổ súng.

Lực đi gọi cô Hồn vào để bán chanh yên.

Trông thấy những quả chanh yên vàng hệnh, Hồn thích mắt, hám mua. Cô đơn đã nói cười, chứ không khinh khỉnh như lúc nãy. Câu chuyện qua lại ỡm ờ:

- Anh Lực dọn nhà ư?

- Giữ đồ cho chúa chứ của mình đâu!

- Ông phó Cật còn ngô ì nhà “muối” trên quận, đã về sao được mà sợ.

- Mặc thiên hạ sợ! Chẳng phải canh nhà cho ai!

- Đánh cả chanh yên nhà người ta mang đi à?

- Láo nào! Cửa tao chiết về tro ñg.

- Cái cô ì thùng này cũng của anh Lực chắ c?

Lực phát cáu:

- Cửa tao chứ của ai. Tưởng của ăn trộm à!

Hờn gập người lại, cười rũ ra. Khi cô ngẩng mặt, hai má đỏ nhừ, tóc xõa cả xuống miệng. Hờn lại ôm bụng cười.

- Cười cú t người ta á y à!

- *Anh còn cái cô ì dâm bèo... Anh đem bán nô t... anh... ô ì giới oì là giới...*

Đột nhiên, Lực xông đén. Trước Hờn còn cười, sau Hờn bị Lực đập ngã chúi xuống, khi đó Hờn mới bỏ chạy. Tuy vậy, vẫn quay lại, dẫu mở lên đùa: *Anh còn cái cô ì dâm bèo...* Lực vác đòn gánh đuổi, Hờn chạy bién.

Đén chiết u, Lực nghĩ lại và cho là Hờn nói đùa chứ không phải Hờn khinh mình. Bởi vì “nó chạy mà nó vẫn cười thì là nó đùa rồi”. Lực nghĩ về cái Hờn cười. Lần đầu tiên, Lực nghĩ đén Hờn một cách mới mẻ. Lực tưởng ra hai người quẩy cô ì như vợ chò ñg dọn nhà mới. Chó c chó c, Hờn lại hát “*Anh còn cái cô t dâm bèo. Anh đem bán nô t anh theo cô mình*” rồi quăng cả cô ì, đứng cười. Lực

lại mắ ng: “Có cái đê ch gì mà cười”, nhưng Lực cũng cứ đứng chồ ng đòn gánh ngắ m Hồn má đỏ, cười xõa cả tóc vào miệng. Lực nghĩ giá Lực lắ y cô Hồn. Nhưng chao ôi, ả á y còn nhòm Đông trông Đoài chứ trông đâu đê n mình. Đời chồ ng con của người ta thời buổi này như đũa vào đám bạc, trúng một tiế ng là phá t lên như diê u. Ý nghĩ “giá lắ y được Hồn”, dù sao, dù sao cũng vui vui, lắ p cả cơn khùng lúc nầy. Lát sau, Lực cắ p sáu quả chanh yên đem đê n nhà ông đồ ng Vây. Lực nói với Hồn, như không có chuyện gì xảy ra:

- Này bán năm quả thôi, còn giữ lại một quả để ông đồ ng cúng thánh.

Cô Hồn cười. Lực cứ đứng ngắ ra nhìn.

*

* *

Có một toán lính quận về đóng thêm ở bô t Đình Thượng. Ngày ngày họ đi thúc các điể m hương dũng dẫn tre xế p đầ y cửa đình. Tiế ng đồ n xa đồ n gắ n những tre á y để rào cửa đình, đình làng sẽ là nơi đồ n người tạm thời, con trai con gái trong làng, tô i về cả đầ y ngủ. Có người khéo tính đã rục rịch rủ vô n mở sòng bạc, mở hiệu phở khi lập “làng kiêu mẫu”.

Chập tô i, tiế ng keng đồ c canh vang quanh làng. Lực cũng phải đi canh. Một tô i, mắ y thắ ng “sế p gúp” đang chia trai tuầ n các xóm về điể m, Lực nghe có người hỏi: “Lực đi canh xóm Tây à? Mà y có mang gậy đầ y không, đường đầ ng á y khó đi lắ m”. Lực biế t đầ y là câu nói lóng “Đêm nay có cán bộ về”. Lực đáp to: “Tớ có gậy rô i”. Rồ i Lực khắ p khởi nghĩ: Ờ, các anh á y phải về bàn

làm ăn thế nào chứ, để chúng nó làm cái làng đồn, tôi đi năm đình, có keng thức keng ngủ, có Tây canh ỉa đái thì chết đói ráo!

Đêm ấy, Lực gác hết phiên cũng không thấy ai. Nhưng tảng sáng, Lực về nhà đã thấy anh Bàn ngồi thù lù trong ổ rơm, bên cạnh có tay nải và một bao tải thuốc bắc. Bàn đã vào làng đường cửa xóm khác. Thấy Lực, Bàn mừng quá, giục: “Thôi cơm! Thôi cơm! Này cho gửi bọc hàng, hôm nào ra mình lấy”.

Lực hỏi Bàn:

- Làng sắp phải ở đồn rồi, làm thế nào, anh Bàn?

Bàn đương gà gà ngủ, lâu lâu nói:

- Phá nó đi.

Thấy cán bộ nói trúng ý, Lực thích quá:

- Phải, phá mẹ nó đi. Để như bên Phương Điểm thì mất làm mất ăn.

Nhưng Bàn lại nói:

- Này, nẫu tạm mớ cua, đợt này mình háo lắm.

Lực xách giỏ xuống bờ lạch. Khi Lực móc được lưng giỏ cua đem về, Lực thấy cả anh Vạn cũng vừa đến. Thế ra anh Vạn tôi qua cũng về với anh Bàn. Lực lại hỏi:

- Chúng nó vót tre rào làng nhiều thế, liệu ta phá có được không?

Cán bộ huyện đội Vạn cười, hỏi lại:

- Nghe tình hình bà con ta thế nào?

- Thế nào nữa! Ngủ chõng đờng không đi làm đêm được, chẳng chõ nào muố n thế đâu.

Bàn nhõm dậy, nhậ t nớ t con cua mà Lực vừa bóc mai ném vào cái lon sành, nói:

- Ăn đã, đờng chí Vạ n ạ.

Đêm ấ y, giáp mặt không trông thấ y nhau, gió đờng ấ m áp vẫ n nổi rào rào. Vài ánh sao hiện ra, lung lay như sắ p rơi. Tiế ng súng cầ m canh ở lô cớ t bớ t Thượ ng bậ t vào gió, cuố n mắ t sang bên kia sông.

Trong làng, bóng tồ i đườ ng đặ ng đặ y. Các điể m hương dưỡ ng đầ u xóm vẫ n gác vờ, hoặc sợ nắ m im, như không có việc gì xảy ra. Vạ n và Bàn đi từ đầ u xóm vào trong đình, thấ y lô nhố xóm nào cũng có người lúi húi chứ không phải chỉ có sáu người của tổ du kích. Ngõ xóm trong, xóm ngoài người chạy ra, đầ m thúc vào Vạ n. Trong đình, chỗ nào cũng tiế ng lặ ch cặ ch. Bọ n phá cửa sổ. Bọ n dờ rào. Một bọ n khuân tre, vác ra ném xuố ng sông.

Vừa ngạc nhiên, cũng vừa thích, Vạ n bảo Bàn:

- Thế này thì lộ hế t.

Khác cả kế hoạch. Chỉ định hai tổ du kích đi phá, mà ra cả làng đi phá. Người ta ghét làng tập trung quá.

Nhưng Bàn im, đột nhiên hơi ngại. Chung quanh hai người, những cái bóng vẫ n thoắ n thoắ t. Lực vác nớ t ba tấ m ván rồ i lầ n vào tìm ông đờ ng Vậ rử đi cuố c ruộ ng. Ông đờ ng bảo:

- Phá hế t, mai thể nào nó cũng về` phục sớm, đừng đi.

Lực tiế c việc, cứ vác cuố c đi một mình. Đế n tận lúc tiế ng vác ăn sương bay kê ngang đầ u Lực mới về`.

Cũng chưa thấ y các bô t nhúc nhích vào dò la.

Lực rửa chân tay trước ao nhà ông đồ ng Vây. Ông đồ ng cũng đi đầu từ sớm vừa về`, tay xách nải chuô i mắ n, nách cắ p thẻ hương, túi giấ t cút rượu trắ ng. Thấ y Lực, ông đồ ng đứng lại, nói:

- Chú phó Cật được tha rô i.

Ông mừng ra mặt:

- Chả rằ ng có thím ấ y về` chạy các cửa. Ghê thật, nhà có của như nhà có cánh, bay đầu cũng được. Lạy thánh mở bái...

Lực hiểu cái “lạy thánh” ấ y là nải chuô i bựt, thẻ hương, cút rượu ông lão đang câ m, chắ c của bà phó Cật đưa cúng điện. Đã lâu, điện ông đồ ng mới lại được một đám hương hoa. Mọi khi chỉ toàn cúng mự n: quả nhót, quả bưởi, cái hoa cái quả của cô Hồn buôn, đem đặt lên cúng một lúc rô i lại bê đi bán. Ông đặt nải chuô i, múc bát nước cúng, lom khom thỉnh chuông. Xong đầu đầ y mới bảo Lực:

- Ta lại nhà chú phó hỏi thăm một cái. Chạy mắ t đáo để là tiế n đầ y.

Cô Hồn ôm một bó lá xoan ngoài vườn vào đương bỏ vại dầ m chuô i, vẫn để ý nghe bô` và Lực nói chuyện. Hồn không thù ghét gì

nhà phó Cật. Nhưng cô cầm cái Nhã, con gái ông ta. Nghe nói ở ngoài kia, cái Nhã phải lòng Bàn. Hờn chồng lớn với ra một câu:

- Bắ t bớ gì đâu. Che mắ t thê ́ gian đầ y. Từ đâu mà vẫn bệ vệ mở bia hế t chai này đê ́ n chai khác mời cả hàng đồ ̀n uồ ́ ng.

Ông đồ ̀ng Vây gạt đi:

- Xà, có mô ̀m thì cắ p, có nắ p thì đậ y, con dĩ dĩ kia!

- Các hàng chanh bia cửa quận đê ̀u biế ́ t.

- Xà...

Hờn bườ ́ ng, bảo Lực:

- Anh Lực đừng đi, ở đây tôi bảo.

Hờn muồ ́ n hỏi thăm Lực xem cán bộ Bàn có còn ở làng không. Lực toan đứng lại. Nhưng ông đồ ̀ng giơ tay kéo, Lực đành theo.

Lâu lắ m, Lực mới lại trông thắ y ông phó Cật. Người vẫn đen trụi, nhưng cái mặt càng choắ t lại, bộ ria mép đậm ra rậm rì. Vợ thì vẫn tròn xoe, núng nính. Ông phó Cật, khi nói, thườ i cắ m ra đầ ́ ng trước, dáng quen hắ t hàm hách dịch, làm cho tự dưng Lực cứ khép nép ngồ ́ i xuồ ́ ng thê ̀m hê , như năm trước, những khi có việc lên nhà trên cho ông phó sai bảo.

Bà phó Cật đơn đắ :

- Gớm, chú Lực phát tài béo đở ra, mình kìa. Này, tính tôi hay nói ngay, tôi bán cho chú mắ y cái chân ruộ ́ ng á y. Trả tôi nồ ́ t chỗ thóc năm ngoái, thêm ít tiề ̀n nữa là xong. Chẳng bao nhiêu mà đượ c

ruộng nhứt đẳng điền. Chuyên này chỉ chạy cho ông ấy khỏi tù tội phải bán tào bán huyện, sạch trơn rồi.

Bà thêm:

- Chả rồi mai kia Chính phủ về lấy chia cho người ta, như ở ngoài kia, thì cũng thế, chú với ông ạ.

Nghe nói, Lực cứ ngậy nhìn ông đồ ng Vây. Chuyện với người có của, bao giờ cũng khó nói. Thế là đâm ra tức cái lão đồ ng, giục mình đến ngồi ỉu mặt ra đây. Phó Cật vỗ vai Lực:

- Nghe nói hôm này chú tiến bộ lắm phải không?

Lực vẫn im, và, hết như thói quen trước, Lực lại khoanh hai tay lên. Ông đồ ng cũng thấy chẳng còn chuyện gì. Sao lúc này bà ấy đưa nải chuôi bột, thề hương cho ông về điện thắp hương thì hôm hời, chằm bặt thế. Hai người đứng dậy về.

Ra khỏi đầu ngõ, Lực rât ấm ức, hai người đâm ra cằn nhằn nhau:

- Thế thì ra thế nào, bà ấy đòi tôi cái thóc năm ngoái không ra đổ tôi à?

Ông đồ ng khe khẽ:

- Để rồi tôi nói cho một tiếng.

Lực cáu:

- Trăm tiếng cũng vứt đi.

Lực vùng vắ`ng về`, thì thấ`y anh Bàn, anh Vạn và cô Hồn đã ngồ`i trong lê`u. Đang cơn bực, Lực hỏi luôn:

- Anh Vạn ơi! Thế` nào mà nhà phó Cật lại đòi tôi cái thóc tô năm ngoái. Tôi nghe anh thì tôi mới không giả ông á`y chứ. Bây giờ ăn hế`t rô`i.

Vạn ngẩn người. Nhưng khi nghe Lực kể vừa đế`n nhà phó Cật thì Bàn nói:

- À, đấ`y là vợ ông á`y nói thế`. Để rô`i giải quyế`t sau.

Anh Vạn bảo:

- Được rô`i, ta làm việc này đã, Lực ạ. Đồ`ng chí đi triệu tập các thôn đội sang hội ý.

Lực đi ngay. Vạn bảo Hồn:

- Cô vào trong xóm xem các tổ đã chuẩn bị cho cá`t giấ`u chưa. Cô cũng đi luôn thôi.

Hồn ngoắ`y nhìn Bàn một về` tầ`n ngầ`n. Nhưng rô`i cũng đi ra. Còn lại có hai người, Vạn bảo Bàn:

- Nó sắ`p trả thù ta phá đồ`n làng đấ`y. Khéo kéo không kịp. Có thể sáng mai nó xua quân đi càn. Nay, ta kế`t nạp Lực kỳ này có được không? Tuyên truyề`n thế` nào rô`i?

Bàn nói:

- Chưa được kỹ.

Thật thì Bàn chưa làm gì. Hai lần họp trước, có Vạn, đã giao cho Bàn tuyên truyền Lực, Bàn chỉ ừ ào, mặc dầu lần nào về xã, Bàn cũng đến ở hẻm của Lực. Nhưng Bàn chỉ về nhờ mọi vào tỉnh mua hàng “kinh tài”, thuốc Tây, thuốc Bắc, thuốc lá Mỹ. Hoặc giả thúc Lực mua hộ gà, có khi cả chục trứng, ăn cho khỏi xót ruột. “Độ này mình háo quá, chú kiếm cho tôi hộp sữa Con Chim. À, có ai đi tỉnh, gửi mua ít kẹo”. Chưa lần nào Bàn nói gì khác. Bàn nghĩ: “Anh cu này thì bảo lúc nào cũng được”. Đến bây giờ, Vạn nhấc, Bàn cũng chỉ ừ lầy lẹ.

Bàn đi triệu tập chi ủy, vừa đi vừa nôn nao nghĩ “Số mình chuyển n này đen, vào đúng lúc nó quay”.

Qua cửa chùa Diêm, trông thấy Hồn đi lại, Bàn giật mình. Hồn chưa vào xóm, vẫn vẫn vơ đây? Bàn vừa tới, Hồn nghiến ngay:

- Này, cái con Nhã nhà phó Cật về rồi đấy, biết chưa?
- Con khỉ! Việc đang như lửa, sao còn đứng đấy?
- Như lửa mà có đứa chỉ nói một tiếng, người ta cũng ngơ lại hàng ngày đấy. Con này lạ gì các người.

Bàn rũ bụi bụi:

- Láo,áo nào!

Rồi chạy băng đi. Hồn đứng tựa gốc cây, khóc như đứa trẻ. Hồn biết Bàn là kẻ giăng gió, nhưng Hồn vẫn mê Bàn. Trước nay, Hồn vẫn để ngoài tai chuyện người ta đồn bên “hậu phương”, mỗi lần Bàn ở trong này ra thường đến nhà nó ăn ngủ, cơm gà cá gỏi hàng tháng. Nhưng, cũng chỉ là chuyện đâu đâu, nghe xa, nghe vậy thôi. Nhưng bây giờ thì cái xa, cái vậy ấy đương áp đến tận nơi: cả

nhà phó Cật hồi cư ròi. Mắ t Hồn trông thấ y đích mặt con cái Nhã ròi. Mặt nó tròn xoe như cái đĩa Tây. Trông cái Nhã phong lưu phấ t phớ i đi, Hồn cảm thấ y cái quầ n mình bạc hơn mọi khi, cái nách áo mình đổi vai mắ y lầ n ròi mà vẫn còn rách. Hồn tủi, nắ m khóc cả đêm. Hồn nhắ t quyề t đợ i gặp Bàn, chửi cho một trận. Nhưng hồ trông thấ y mặt con người Sở Khanh thì cơn tủi lại chen lên cổ, không nói tàn tậ đượ c.

Bàn đi đã xa, Hồn mới bình tĩnh trở lại. Hồn nghĩ: “Thôi thề từ nay kiề ng mặt!” Rồ i Hồn lủi thủi vào xóm.

Tin Tây sắ p càn, trả thù ta phá đồ n làng, ai cũng đã biế t. Cũng như hàng chục, hàng trăm lầ n trước, Tây mà rục rịch càn, người ta đề u biế t trước. Đầ ng cuố i đồ ng, đã lố nhố người vác bừa, cồng trẻ con, đánh bò chạy sang bên sông. Những thửa ruộng đang làm mùa dỏ , chỗ nước trắ ng, chỗ lúa xanh, chỗ mới câ y vàng hoe. Xa kia, con đường lên tỉnh mờ mờ sương và bụi mưa. Chưa thấ y gì.

Chập tồ i, Bàn trở lại nhà Lực. Bàn bảo Lực:

- Đi đầ ng này với tôi.

Đường cái đã nhọ mặt người. Hai người vào đế n nhà phó Cật. Thẳ ng xuố ng nhà ngang, thấ y phó Cật, cả Vạn và hai người lạ mặt. Bàn bảo Lực ngồ i gác ngoài sân. Lực ngồ i điề m nhiên, bình thường như mọi khi du kích, Lực thường gác các cuộc họp. Nhưng có điề u làm cho Lực cứ áy náy mãi đế n lúc về là sao lại họp ở nhà ông phó Cật và cả phó Cật cũng ngồ i đầ y.

Nửa đêm, Vạn mới về nhà Lực. Lực nói những cái không thích lúc nầy nghĩ. Nhưng Vạn bảo:

- Đừng lo.

- Tôi vẫn lo, đừng chĩ Vạ n ạ.

Vạ n cười:

- Thôi, bàn chuyện chớ n g càn đã.

- Tôi công tác gì bây giờ?

- Bây giờ xem lại hằ m, rô i nằ u cơm, ăn xong đi kiểm tra các xóm. Nửa đêm rô i.

Mưa rơi lộp độp trên tàu chuồ i. Ngoài trời vẫn mưa bụi. Gió đông dạt dào trong đêm. Lực lắ y cái tải che cửa bê p để khỏi lọt ánh sáng, rô i hai người nhen lửa nhóm bê p.

Vạ n thổi cơm, Lực rút rơm. Lực đã nhẫ ng cái thắ c mắ c lúc nằ y mà đang nghĩ chuyện đượ đi với Vạ n.

Cán bộ Vạ n, người quê ở đâu không biế t, thường về công tác và ở hằ m của Lực. Lực thích Vạ n, không phải vì anh ấy là cán bộ, mà vì anh ấy không hay bảo đi tìm gà và lòng sữ a “Con Chim”. Tính anh không khó, ít nhằ t phải có bát canh cua mới ăn đượ cơm, như Bàn. Lực thắ y dễ quen Vạ n hơn Bàn là người làng. Bàn trước ăn học ngoài tỉnh. Ngày khởi nghĩa, Bàn ra làm ban tuyên truyề n xã, Lực còn gọi bằ ng “cậ u Bàn”. Mằ i khi “bùng nổ”, hoạt động lặn lóc với nhau, gọi Bàn là anh, mới quen dằ n.

Vạ n và Lực ngồ i trước bê p, một đố ng tro vùi nằ i cơm. Hai người không trông rõ mặt nhau. Tàn than rơm chỉ còn hừng đỏ, in nổi bóng bắ n bàn tay hơ sườ i trong bóng tồ i. Vạ n hỏi Lực:

- Đờng chí Lực trước đi ở cho nhà... ông Cật có lâu không?

- Từ bé tôi đã cặm cái thừng đi chăn trâu cho nhà ông ấy rồi. Cho tới giờ.

- Tới bây giờ?

- Ừ.

Tiếng ừ nặng nề buông. Bỗng nhiên, Vạn cảm một điều lo ngại. Đã đành, do chủ trương của huyện ủy, đờng chí Cật mới hời cư. Chẳng những hời cư, mà theo chủ trương còn xin ra làm tề “hai mang” nữa. Không phải Vạn không biết gốc tích Cật, nhưng bây giờ nghe Lực nói, Vạn đâm nghĩ. Mấy hôm về bị quận bắt, ai biết được có làm sao không? Chỉ cần một phút thôi, cũng có thể đổi khác, nữa là mấy ngày. Đã nghĩ thì cứ nghĩ lan man. Vạn bình tĩnh lại, nhấc nồi cơm, sơ thử một hạt, thấy đã chín, và Vạn nói một cách tin tưởng:

- Lực ạ, bất kỳ người như thế nào, nếu được cách mạng giáo dục, cũng khác trước. Ai cũng thế.

Đã quá nửa đêm. Vẫn dạt dào gió. Những người còn thức đều nhớ công việc đờng áng. Giả như mọi hôm, những đêm này đương là lúc xô xát cuối vụ, người lịch kịch kéo đi làm đờng suốt sáng. Nhưng đêm nay không nghe nhúc nhấc một tiếng chó. Trên lô cốt đờn Thượng, chốc lại đổ xuống một hời keng, gió tạt đi, lúc nghe lúc không. Vạn cúi nhìn ánh đờng hờ dạ quang trên tay. Gần hai giờ. Giờ này địch sắp đi càn, thường bắt đầu cho quân tỏa về cánh đờng các làng. Sốt ruột, Vạn bảo Lực:

- Lực ra tổ bám sát đường hỏi có thấy gì chưa.

Lát sau, Lực về cùng với ba liên lạc thôn.

- “Nó” lồn ngồn cả ngoài đô ng rô i.

Mặc dầ u chuyện rõ ràng, ai cũng biế t sắ p bị càn, mọi người cũng lặng yên như nghe mới lạ lắ m.

- Các thôn đội đã nắ m kế hoạch. Các đô ng chí cứ về . Bình tĩnh.

Vạn vổ vai Lực:

- Sắ p đầ y nhé, sắ p đầ y nhé.

Tuy nói cứng, nhưng hai người cũng tưởng như Tây đã quặp quanh làng, đương ập vào, ập đế n tận chỗ hai người đứng đây. Tuy nhiên, họ lẳng lẳng bước ra đường cái.

Tiế ng gà eo óc xa lắ m. Gió đông miên man qua cánh đô ng, qua trên những bụi tre. Trời dầ n dầ n loăng sáng, trông lên đã thắ y la đà những cành tre lả ngọn. Thế mà phía sau làng vẫn còn tiế ng người, tiế ng chân bò huỳnh huých ra bờ sông, cứ lính càn đế n đít mới chịu lật đật đánh bò, vác cày chạy.

Bàn lù lù ở đầu về , gặp giữa đường. Cả ba người lại quay lại lê u nhà Lực. Bàn vào tận xó bắ p, căng cái tải lên, đánh bật lửa kéo một hơi thuố c lầ o, rô i mới nói được.

- “Nó” ngắ t nghe ngoài đô ng như ma, anh Vạn ạ.

Vạn hỏi:

- Trông thắ y à?

- Người mùi khét lẹt.

Vạn cười:

- Thế thì ngô ì tận đây chúng tớ cũng người thấy mùi khét lẹt. Nó còn ở ngoài đồng, ta còn thì giờ. Đồng chí về xóm Đông, nắm vững tinh thần bà con mai phải ra điểm đình...

Bàn cũng đã trải qua nhiều trận càn. Nhưng chưa lần nào ngô ì dõ ì phó trên mặt đất như lần này. Mọi khi, hễ thấy động, Bàn rút sang sông. Cũng có lần ở lại trong vòng vây nhưng thôn đội đã cho cái hầm tốt, Bàn ngô ì chực sẵn cửa hầm, tay ôm hai hộp sữ a bò, phòng ở lâu dưới đất thì đã sẵn cái ăn. Nhưng mà lần này thì phải chọi mặt.

Theo lệnh Vạn, Bàn đã trở về tới đầu ngõ Đông. Bất giác, tay Bàn nắm vội cái vớ u quả lựu đạn gài sau lưng. Quái, sao trong gió thổi thấy khét hơn lúc nãy? Có lẽ chúng nó đã vào phục quanh xóm. Thò cổ ra là chúng vô ngay được mình...

Đột nhiên, Bàn đứng lại. Rồ ì, bớ ì rồ ì, Bàn quay lại. Hai tay nắm hai quả lựu đạn cho khỏi lắ c, Bàn chạy về tận xóm Tây. Đến cửa nhà phó Cật, Bàn đứng. Bỗng có tiếng hỏi trong sân vọng ra:

- Bàn hả?

Bàn giật bắ n người.

- Vào đây. Vào làm vài tộp cho á m bụng.

Tiếng phó Cật. Thế là Bàn vào.

Lát sau. Lực sang liên lạc ngõ Đông về nói không gặp Bàn, Vạn ngờ ngờ. Những việc thế này, Vạn thường biết. “Có lẽ Bàn chuồn rồi”. Hai người đứng nhìn ra cánh đồng sương đã bắt đầu tang tảng. Phía đường tỉnh, tiếng xe tăng gầm gừ mỗi lúc một rõ. Một ngón tay Vạn gõ cách cách lên vỏ quả lựu đạn đeo bên sườn. Dầu hiệu tỏ vẻ bình tĩnh, nhưng thật Vạn cũng đang rồi. Duy có Lực không chú ý. Lực biết Bàn nhất, Lực cho là “giá anh ấy không chạy cũng cho ngõ ì hằm chứ đánh nhau thì tổ quần chân”. Và Lực cũng lại cho là thường.

Rồi trời sáng hẳn.

Một con chim chèo bẻo sà tới, đậu vút đầu cành tre lướt xuống mặt ao, cất tiếng thế thọt hót sáng. Nhưng con chim đã hốt hoảng bay lên. Lính đi càn đã bắt đầu vào đường làng.

Các ngõ bỗng nhiên vắng, dài hun hút. Nhà nào cũng phải mở toang cửa. Lính đi xua người ra đình tập trung điểm đình. Theo thói quen, bọn lính chỉ sục những nhà lá cuối làng và quanh chợ. Giữa làng, san sát dinh cơ nhà ngói, chúng chỉ ghé nghiêng qua hai cánh cửa gỗ mở gọn, có bày một bàn chuôi tiêu, trứng gà sống, gà luộc, đôi khi cả chục chai bia cổ rục. Tây và lính đi càn cứ việc vào lấy ăn.

Trong đám nhà ngói mở cửa lần này có thêm nhà ông phó Cật. Sân nhà phó Cật cũng kê cái bàn con, bày trứng gà, chuôi tiêu, chai bia cổ rục. Phó Cật đứng, mặc áo the dài, chắp vòng tay như chục lễ vọng kiệu thánh.

Bỗng rầm rập một toán lính loi ông đồng Vây đi qua. Ông đồng trông thấy phó Cật, rồi rít nói: “Chú phó đây à, tôi...”, chưa kịp hết câu, đã bị kéo tuột đi.

Một lúc, phó Cật còn vòng tay đứng đầu ngõ, đã lại thấy ông đồ ng Vây một mình chạy về.

- Ngoài đình điểm đình xong rồi à?

- Xong đâu, mặc mẹ nó, tôi về đây.

Giữa lúc ấy, có mấy tiếng nổ đầu xóm Đông. Ông đồ ng Vây đứng hẳn lại nghe. Bỗng reo to:

- Bỏ mẹ mày rồi!

Ông lão vốn dễ tính, cái gì cũng cho là của ta. Ông chắc tiếng súng ta, rồi ông chạy về nhà.

Một lát, tổng lính tuấn khác lại vào nhà ông đồ ng. Ông trở tay lên giường thờ: “Tôi đương cúng thánh...” Chúng cứ nắm cổ cái áo nâu dài, lại ấn ông ra ngõ.

Phó Cật vẫn đứng đủng đỉnh ở cổng nhà.

Không biết đã mấy lần, ông đồ ng Vây cứ bị bắt đi lại trở về.

Ông Vây lại một lần nữa bị lính áp tải ra, ngó vào đám điểm đình. Ông tựa cột đình, nhắm mắt, lẩm nhẩm. Cô Hồn ở đâu len lỏi đến đứng vào vai ông. Ông lão mở choàng mắt. Cô con gái đưa cho ông một mảnh giấy. Ông đồ ng nhét giấy vào túi ngực, rồi lại điề m nhiên nhắm mắt, khấn lẩm rầm, chốc lại xuýt dài một tiếng, vái sụp xuống. Chung quanh cũng không ai để ý. Trẻ con đôi khóc inh ỏi. Ai này còn đang lo nháo lên, mỗi người mỗi lo, nhất là từ lúc có tiếng súng nổ đầu xóm Đông. Lũ lính canh cầm cành tre đánh vun vút, chửi hàng thôi hàng hò. Tuy vậy, cũng cứ chốc

lại có người vờ ra đái, ỉa, lúi vào bụi ruối rồi chạy ù đi. Chỗ c lại có người nấp ở đâu chạy vụt vào. Trong chiếc khăn vuông sụp xuống, trên những khuôn mặt ngớ ngẩn, xanh xám, nhôm nham bộ ria, bộ ria “chống càn” vẫn ánh lên những con mắt hau háu, chờ đợi. Bọn lính như người máy vụt roi xuống đầu người ta, mà chẳng biết gì hết.

Ông đồ ng đứng dậy. Ông đi đái. Thoắt một cái, đã vùi mất. Ông chạy về nhà, nhấc bình hương lên, đặt xuống đáy mảnh giầy của con gái vừa đưa. Rồi ông ngóì tựa vào bệ đất, gật gờng ngủ, không biết ngủ thật hay ngủ giả.

Một bọn lính khác đi tuấn qua, mò vào kiếm ăn. Thấy ông lão, thế là chúng lại móc cổ áo điệu ông lão ra đình.

Lát sau, Lực men dưới góc ao lên. Đến bên cái bệ cửa điện. Lực nhấc bình hương, lấy mảnh giầy.

Từ sau bếp, có tiếng gọi:

- Này...

Lực thấy Hồn đứng áp dưới mái tranh. Lực chạy vào, Hồn ghé tai, nói thầm:

- Tổ xóm Đông vừa tia chết ba thằng đấy. Nó dọa cứ phơi cả làng ở sân đình suốt đêm, bao giờ lôi được Việt Minh lên đèn mạng thì nó mới cho về. Tổ xóm Nam muốn ngoi ra tôi nay, khó thở quá rồi. Hỏi xem đồ ng chí Vạn bảo thế nào.

Rồi Hồn ngoắt đi.

Lực đã thoắt trở xuống bờ ao.

Thốt nhiên, một phát súng nổ ngay sau tai Lực. Lực thấy đằng cuối bờ tre, Hồn ngã.

Chúng nó vây cả bốn phía làng rô'i. Khắp đồng súng sục những xe lội nước. Mỗi đầu ngõ một tập lính, căng bạt làm lều, bắc cả kiềng thổi cơm tời.

Ngoài đình, người xông xao. Các tổ du kích phân tán, đâu biết đây. Có tổ thì gan lì. Có tổ đã cất hết súng, nấp chờ chạy qua sông.

Lực báo tin cô Hồn, quân báo xóm, bị đạn. Lúc này, Hồn phải đạn đột ngột quá, Lực không kịp nghĩ, bây giờ nghĩ lại mới thấy thương. Lại thấy mình quá nóng hôm khiêng côi. Vạn im lặng, ngược nhìn qua chân tre. Sương chiều đã xuống trắng từng khoảng đồng. Vạn khẽ nói:

- Ta vào nhà đồng chí Cật.

Lực lại ngại. Nhưng anh Vạn bảo thì Lực đi. Lực bước lên cái thềm tời om nhà phó Cật, thấy phía buồng trong hơi hắt sáng, mùi rượu thoảng ra. Lực leo vào nhòm khe cửa. Lập cập thế nào, tuột chân, thành một cái xuống bậc. Ánh đèn pin xói ra, quăng theo ra tiếng phó Cật:

- Ai đây? Lực à? Thằng ranh!

Phó Cật bước ra, thì thào:

- Báo cáo anh Vạn, Tây còn quây vài ngày để sục đây.

- Có thấy đồng chí Bàn đâu không?

- Không.

Tiêng “không” phả ra, sắc hơi rượu. Vạn đâm tròn tròn. Mồi ngò đêm trước lại trở lại. Vạn càng do dự: nó quây lâu thì khổ dân, mà nhỡ có thể bật hãm. Hay là rút?

Cật hỏi đón:

- Đờng chí Vạn định ra à?

Vạn hỏi lại:

- Thì sao?

- Lúc này đúng quy luật nó ăn xong còn nghỉ, ra thì dễ. Đi đờng cổng chùa rô i qua cánh đờng, lô i ấy an toàn.

Vạn không nói gì nữa. Không biết Vạn ra hay ở lại. Nhưng Vạn bảo phó Cật đưa lệnh quyết định cho du kích rút. Sau đó, Vạn và Lực lặng lẽ đi về phía bờ sông. Lực đoán Vạn sang sông. Nhưng Lực không hỏi. Hai người đi dần mất vào bóng tối.

Ở nhà Cật, ánh đèn lom đom buồng trong lại lóe lên soi xuống chai rượu và lồng chông đĩa thịt gà, đĩa muôi với hai cái mặt người bóng mờ. Tiếng Bàn khào khào: “Tắt đi! Tắt ngay”. Thế là cuộc đánh chén âm thầm lại bắt đầu. Lão Cật khà một tiếng, bảo Bàn:

- Ăn lấy số ng cái đã!

Từ nãy, Bàn ngồi trong nhà cứ run đây đây. Đến lúc Cật vào nói: “Du kích sẽ rút hết đêm nay. Ta lại tiếp tục, yên trí chén”. Biết anh Vạn đi rô i, dần dần Bàn mới lại người và lại nghĩ thấy

hơi rượu. Cật thì gạt gương, xé thịt, nhai, nói rau rầu, vừa nạt nộ, vừa dỗ, lại chót chả:

- Cái thắ`ng Tây làm ăn kỹ lắ`m, thế` nào nó cũng vô` được có đũa. Tiế`ng trẻ con vẫn gào khóc ngoài sân đình đấ`y. Giờ mà vẫn ngô`i bêu sương, khéo cũng có người tô` ra hầ`m thôi. Bỏ mẹ cả nút! Này chú mình uô`ng đi. Còn run à? Sợ mắ`t chỗ đội mũ thì sợ thắ`ng Tây chứ sợ gì đô`ng chí Vạn. Anh Vạn bây giờ đang liêu biêu ngoài đô`ng, kém chúng mình được ngô`i nhắ`m rượu đây.

- Du kích ra hế`t à?

- Còn sót thắ`ng vô phúc nào thì mai Tây nó cuô`c lên nô`t.

- Nói nghe ghê người.

- Ghê mà thật chứ ghê mà bỡn. Thời buổi này không biế`t gió chiề`u nào che chiề`u â`y thì chỉ có chề`t. Mình là cán bộ lại càng phải lựa chiề`u, chứ để toi mạng rô`i thì còn múa may thế` cóc nào được, có phải không?

Bàn cúi mặt, thoáng nghĩ đế`n Nhã. Gian bên, vẫn nghe tiế`ng Nhã ngáy khẽ rờn rờn. Cửa mở, đôi lúc phả lại hơi đàn bà ngủ, nô`ng nô`ng. Cật lại nói:

- Thật đấ`y. Chú mày có biế`t tại sao mà Tây càn lại không dám vào những nhà ngói xóm này? Nó sợ đấ`y.

- Sao thế`?

- Cũng đòi là cán bộ! Thắ`ng Tây mà sô`ng được là nhờ xê`p bô`t, tổng ủy, xã ủy. Mà khắ`p mặt xê`p bô`t, tổng, xã ủy ở đây đề`u là thủ túc bô`t con Chánh Am.

- À...

- Tao đã tính từ ngoài kia rồi i. Dựa vào Chánh Am là yên chuyện. Thả sức làm “kinh tài” cho huyện nhé. Đủ thứ, “pa ke” cũng có mà thuốc súng cũng có. Ấy là tao mách nước thôi, còn thì tùy mày.

Bàn cũng không lạ. Bọn Chánh Am là đầu sỏ mật thám. Hai năm trước, khi còn chủ trương phá tề, mấy lần đã giết hụt nó. Bàn bỗng ngớ ngẩn, buông tay xuống.

- Thôi có lần đã định thủ tiêu Chánh...

Cật cười ửng ục trong cổ:

- Anh cu này lại sợ rồi i.

Trong lúc ấy, ngoài đường cái tôi bưng, Vạn và Lực ra tới cổng chùa. Có lẽ đúng, giờ này vừa ăn xong, dịch còn nghỉ, chưa đi tuấn. Từ trong xóm ra, đường rất lặng. Cánh đồng trước mặt lặng gió. Gió đông vờn vào mặt, không buốt như lúc này. Hai người ra chỗ khoáng vắng, thấy thư thái hơn.

- Lúc này đồng chí Cật bảo nên qua đường này ra bờ sông.

Lực ngẫm nghĩ:

- Tôi hay đi ngang cánh đồng vắng kia, lối ấy cũng ra được.

Vạn thoáng nghĩ đến mùi rượu ở nhà Cật và ngại. Vạn nói:

- Được, ta đi đường ấy. Đi mau nào.

Họ bỏ đường cái, men xuống bờ ruộng.

Từ trong tam quan chùa Diêm, có mấy bóng đèn vụt chạy theo.

...Câu chuyện dò, dọa và chai rượu vẫn tiếp tục gật gù giữa buồng tôi với Cật và Bàn.

- Chết thì còn làm chó gì được! Sống mà có chỗ ăn, có chỗ chơi, lại vẫn hoạt động. Mà tính đã ng nào hơn? Đời lắm lúc cũng phải đeo dăm bảy cái mang như tao đây.

Một tràng tiếng súng nổ xói lên trong cánh đồng. Cật gật gật:

- Đây, sống đây.

- Cái gì ấy nhỉ?

- Cái chết chứ cái gì! Cứ uống nó đi. Trăm điều hãy cứ trông vào một ta... Hà hà, có thấy chết.

Cật lại đây lại:

- Hà hà, có thấy chết.

Không trông thấy mặt phó Cật, nhưng Bàn nghe tiếng cười hà hà một vẻ khùng khiếp. Tự nhiên, Bàn giật mình, nghĩ: “Có lẽ Vạn trúng rồi”. Tuy vậy, Bàn không dám nói ra. Những câu vừa qua và tiếng thở phè lúc ấy của Cật như những ngọn roi quất xuống mặt Bàn, làm cho Bàn rúm lại, không còn ra hồn chỉ ủy viên Bàn nữa. Bàn choáng váng, vẫn vờ theo hơi rượu: có lẽ anh Vạn chết mất rồi. Nguy quá, dễ chết quá. Ừ, ở với ma phải biết mặc áo giầy. Ta không đi với chúng nó là được rồi. “Đời lắm lúc cũng phải đeo năm bảy cái mang...”. Bàn cứ mơ màng êm êm xuôi xuôi.

Bàn say, ngủ gục một lúc. Tỉnh lại, quơ tay xung quanh, không thấy phó Cật. Bàn bần thần nghiêng tai nghe. Trời lạnh, mà mồ hôi xấp xỉ lưng áo. Hai tiếng “Chánh Am” lại gọi lên một cái gì

thảm khố c, giết chóc. Câu chuyện dựa vào Chánh Am, giờ lại khó nghĩ. Bàn lảng chuyện khác. Có lẽ phó Cật say rượu ngủ rập xó nào rồi. Bàn rón chân đứng lên cài then cửa, rồi lặn vào buồng bên. Bàn rướn nhìn bóng tối, đánh hơi. Rồi hấn rờ vào giường lay ả Nhã.

Đồ ng chí Vạn bị bắn đêm ấy, chết ngay ở bờ ruộng. Lực thì mất tích.

Tiêng đại bác rung cả mặt nước dòng sông. Cuộc càn quét của địch còn đâm sâu vào suốt một dải những làng ven sông ở huyện dưới, kéo dài nhiều ngày. Trên này, làng nước lại trở về bình thường.

Nhưng nhà ông đồ ng Vây thì không còn bình thường như trước.

Cô Hồn bị bắn gãy tay rồi, phải bắt lên đồn, đến khi được thả về, ốm liệt nửa tháng. Rồi một mảnh khăn vuông đen buộc quàng qua cổ, Hồn đeo lên trước ngực cánh tay cụt còn đau nhức, tay kia cắn rổ, cái rổ đựng bưởi, nhót, ổi - mùa nào thức ấy - lại tha thân đi bán các cửa bột.

Một ngày kia, Hồn về, nhón nhác, thì thảo với ông đồ ng:

- Anh Lực ở trên bột quận kia kìa.

Ông đồ ng Vây lên đứng đầu cái cửa hàng nước chanh bia, nhìn vào trong sân bột quận. Trước cửa “nhà muối” có cái gì lù lù, trông kỹ mới nhận ra đấy là người. Ông đồ ng thương quá, giàn giụa nước mắt. Bác hàng nước, về thành thạo, mách:

- Người nhà cụ đấy à? Cứ khiêng về, người nào mà nó đã vớt ra đấy thì chỉ còn mang đi chôn chứ còn gì mà nó giữ!

Ông đồ ñng về lát sau trở lại, có cả cô Hồn. Hai bô con xăm xăm vào. Lực ngò ñ ngắ t ngưỡng một góc sân, như một người vô ñ khỏe bị thương nặng sắ p chề t, nhưng sức tàn còn bùng lên, cứ ngò ñ gật gưỡng, không chịu gục. Mặt, đầ u sưng húp tròn như cái chồ. Ông lão cúi xuố ng cái cây thịt hôi thồ ñ á y. Chỉ còn nhận được ở người bạn cây hai nách áo của Lực thường bị chiề c thừng néo cây thít rách toí ra.

Ông xô c Lực lên. Hồn đỡ lưng Lực. Cô Hồn, một tay lúng túng, tay cụt kia buồ t quá, không nâng được. Mắ y người bán hàng chạy vào đỡ hộ. Ông đồ ñng Vây cõng Lực được một quãng, nhọc, thở, lại đặt xuố ng. Hồn đi đầ ñg sau, đỡ bô .

Quá trưa, hai bô con mới về tới đầ u làng. Trong xóm đở ra, mỗi người mỗi tay, khiêng Lực về thẳng nhà phó Cật.

Ông đồ ñng bảo phó Cật:

- Chú giúp sinh phúc cho nó chề t được đắ p điể m tử tề . Tôi nghiệp, nó không cha không mẹ.

Lực nắ m đợi chề t. Những về t tra tắ n vào đầ u, sưng lên, bức bô ñ, Lực mê mẩn ngáp.

Thề mà rô ñ Lực không chề t. Ai cũng lắ y làm lạ. Cái đầ u bây giờ tốp lại, bình thường bắ ñg đầ u mọi người ta. Chỉ khác một cái, Lực đâm ra ngớ ngẩn.

Phó Cật cũng khéo nghĩ ra công việc cho Lực. Từ khi hô ñ cư, nhà phó Cật làm hàng xáo, thầ u gạo cân bán cho các bô t, các quận. Lực thành cái máy đứng giã gạo ngoài nhà cô ñ, bắ t kể ngày đêm. Khi nào buồ ñ ngủ, Lực nắ m xuố ng, ngủ ngay bên cô ñ đá. Mỗi bữa,

trong nhà đem cho một bát cơm. Lực bóc cơm ăn, rồi lại vào cối. Suốt đêm suốt ngày, tiếng chày thủng thủng nện, trắng cối gạo này đến cối gạo khác. Lực chỉ còn biết ngậm ả việc. Cái gì cũng quên, chỉ cái cười và cái nết hay làm thì không quên.

Chẳng bao lâu, lại tới vụ cày. Trời rét ngăn ngắt, đôi khi có gió đông thổi về, lại đẩy người ta làm đông suốt đêm.

Gió đông nổi ừ ừ, ả ả ả. Cái gió thổi ra tiều ra bạc, gió làm cho cây lúa chết rồi cũng phải sống lại, cái rễ cón phải bén chân. Cơ man nào những con bọt mát trong ổ rạ chui ra, bỏ lả rả khắp tay, khắp mặt ông già. Ông thức đã lâu. Đêm nào ông cũng chỉ ngủ thảng thốt. Cứ động vẳng nghe tiếng chày anh Lực đưa lại, thì ông lão không chợp được mắt nữa. Ông trở dậy, ra sân, xò tay xem chiều trời. Mưa lâm thâm buốt trên bàn tay. Ông quay vào nhà thì cô Hồn cũng đã thức. Như đã quen lệ, hai bóc con lẳng lẳng vác cày, đeo cuốn thùng, ra đông.

Hồn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cón rét, bị nẹp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hồn vẫn cắn răng, lợi. Hồn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đông này, biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa cả ả hái quanh năm như thế, cho tới lúc phía tỉnh gằm gừ tiếng xe, trời tảng sáng, các đông bóc dọc đường, sắp xua nhà phạt và lính tráng vác sào gậy đi dò mìn, thì những người làm đông kiệt sức mới lực đức về làng.

Chuyện đèn sen đèn Đèn Cỏ

Đèn Đèn Cỏ tựa lưng vào phía Tây Bắc thành.

Ngôi miếu nhỏ, dáng dấp cũng câu kỳ như chùa Một Cột đầu làng Yên Quang. Đủ cửa chính, cửa hậu, cửa cung, cửa nách. Cửa ông chạm rồng. Cửa bà miêu tả nổi cung cấm khó đường ra vào, chạm chín lân gai dứa.

Các cụ kể: Ngày xưa khởi công làm đèn, bốn hiệp thợ Bắc đầu lại. Cứ làm đèn đâu khớp nhau đèn đấy. Được thì cùng chầu rượu mừng, nếu chênh thì sửa lễ kêu suốt cả trong mấy tháng làm lại. Ròng rã hàng chục năm trời...

Có người thợ mới đèn, học phó nhỏ, chỉ biết chồng mông thổi lửa vỏ bào đun nước cho thợ xẻ, đèn năm làm lễ dựng nóc đã được thắt lưng nhiều, mang tai gài bút, cái bút lông phó kếp, trèo lên thượng lương, đưa cánh thiên tuế bọc vuông nhiều điều cho ông phó cả đã đứng sẵn trên xà ngang. Và cô gái làng vắng lẻ mớ ngày nào lẩn lóc mê anh thợ trẻ, bây giờ đã ba mặt con với nhau rồi.

Ngày xưa nữa, nghe nói đèn Đèn Cỏ được đúc toàn bằng vàng, vàng mười. Một đêm mưa to, cái đèn vàng biến mất. Người ta còn đèn đèn bây giờ: Ai hợp bóng hợp vĩa, gặp giờ linh, sẽ thấy tòa nhà vàng hiện ra trong mặt nước sông Tô Lịch. Câu chuyện huyền hoặc cứ được kể lại, như một ước mơ xa xôi mà gần gũi, tưởng ai tốt số rồi cũng có khi gặp. Nhưng chẳng ai gặp bao giờ - tất nhiên.

Đám rước đến Trại lên Đồng Cổ năm nào cũng có kiệu bay. Kiệu “bay” qua cánh đồng Thủ Lệ, rồi kiệu “bò” lên Công Vị, từ Công Vị thông dong tiến vào cửa đến. Mỗi cỗ bốn cụ nóc họ Lý đứng đầu các chạ ra đón. Nhưng các cụ không thưởng rượu cho lũ trai kiệu đương quỳ một gối nâng đòn kiệu, mà, cứ lạnh nghiêm như không để ý, các cụ đợi bọn con trai kiệu con trai nhà các trưởng họ đi tới. Đám không đơn khiêng kiệu khó nhọc vừa hô vừa bay qua cánh đồng, quỳ chán rồi đến ngồi xúm một chỗ, lát sau, lẳng lặng lùi ra hai bên.

Thứ bậc trai làng đã chia rành. Đầu cánh đồng, trai kiệu khiêng quãng đường phẳng được dành cho các chân tư văn. Bọn cầm tàn, cầm tán, che quạt, gươm vàng, bát bảo đi song hành quãng ấy cũng toàn mặt trai nhà chức việc.

Nhưng đến trạm nghỉ đầu Công Vị, từ quãng này, kiệu lên đồi phải thay vai. Đã nhìn thấy đến Đồng Cổ đãng chân thành, thế là “bà” mừng. Kiệu bà quay tròn, lúc “bay”, lúc “bò” tiến qua cánh đồng. Đám trai bạch đình mới ra thay vai kiệu ở quãng lên núi quay đảo nặng nhọc này.

Bốn góc đòn kiệu tám múi nở đều chăm chăm thành hai mươi bốn trai kiệu cỡi trên trùng trục, vai nổi quánh. Dải không diều rủ trên bấp vế, con mắt nhìn ngang, đứng yên như những tay đồ vật sắp vào “sới”.

Lúc ấy, từ trong làng, trang nghiêm bước ra một đám các cô đội quả com nén. Com nén gạo tám xoan, giò lụa, rượu sen và bánh cốm Vòng, trai kiệu “thời” xong rồi mới ghé vai.

Hạ ở trong đám gái đội quả com nén.

Chư là trai làng đón cơm nén của chạ thê t, ngô i cơm rượu ngay bên đôn kiệu.

Xong, tấ t cả tê tụ trong vòng kiệu. Chư cỡi trầ n, vuông khăn điề u che nửa vai, cái quạt hoa giấ t trên búi tóc, đứng đầ u hàng ngang chữ nhấ t.

Kiệu bát cô ng quay tròn, bây giờ mới thật như chiề c hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả nghìn người xem hội cứ thê bồ ng bột mãi lên. Hai mươi bớ n trai kiệu, nghe tiế ng trồ ng khẩu, một lượt quỳ như hai mươi bớ n thót voi rô i từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lừ như tường đứng.

Rồ i kiệu quay trên những khuôn mặt phùng đỏ, quay đầ n đầu, người xem giãn ra rô i lại chụm, mỗi lúc một đông và dồ n dập. Kiệu với người như đám quầ n thảo. Người xem hội đầ y các cánh đồ ng, các gò cao. Người ta tấ m tấ c khen, ngắ m từng trai kiệu.

Đêm đầ n chèo phường Bắ c sang dựng ba rạp, hát thi suồ t sáng.

Không biế t cô Hạ mê người trai kiệu á y từ lúc nào. Trông thầ y nhau lúc đội cơm nén, lúc kiệu “bay”, hay lúc vào đầ u gò, người trai lực điề n khéo lựa một bên gồ i quỳ xuồ ng cho cái vai kiệu oai nghi nhô lên?

Hay là say nhau ở đêm chèo sáng trắng, ngay từ lúc tiế ng trồ ng vào hát vỡ nước rộn rã hai bờ sông Tô Lịch?

Đêm cuồ i tháng Bảy.

Đĩa dầ u trên quang đã lụi bắ c. Dầ u rót xuồ ng thành đội đen nhem. Trong “tầ u seo” vừa róc rách nước “vét tầ u” bây giờ đã lạng

tiếng động liêm. Những cô thợ tan “seo đèn” đã đốt đuốc về trong xóm từ lâu.

Hạ đứng seo mà bôn chôn.

Vừa im tiếng khuôn đồ rào nước xuống lòng “tàu” đã nghe xa xa nhịp chày giã dó, từ hồ Tây thanh vắng vang lại, từng tiếng mỏng tanh nện vào bóng trăng.

Hạ xách chiếc bụi nhùi rom thổi lửa dựng sẵn ngoài lề u tàu, bước ra bờ đầm.

Đầm sen trước đền Đô ng Cổ cạnh vạc nậu dó làng Hồ ăn ra sông Tô Lịch chỗ đầu thôn đến cổng Đỗ, vào hồ Tây, qua dưới một dãy lề u của người phường giã y giã dó ngoài bờ nước.

Hạ đứng bờ đầm, vung mô i lửa.

Chưa gặp bã trà u, đã thấy động dậy trong đầm trước mặt. Có chiếc thuyền chui ngang đám sen tàn. Tiếng con sào chổng vào lá khô rào rào. Chiếc thuyền nhỏ tách ngấn nước nhô ra. Bóng người bước lên bên, còn vương theo mùi căng sen gãy thơm ngát.

Hạ bấu cánh tay Chư, khóc:

- Anh ơi, lái dó nó lại xuống rồi.
- Thằng lái Ẽn à?
- Nó còn ngoài bên Chèm.

Nghe những tiếng rên rỉ câu cứu của Hạ, Chư có cảm tưởng mình phải nói: “Đừng lo” và tự hỏi: “Mình cần làm gì đây?” Chư quả quyết:

- Tao phải ra giết thằng lái Ẽn đi mới xong.

- Em sợ lắm. Giết người phải đền tội...

Chư cười nhạt:

- Đứa nào dám bắt người phường ta đi thì nó nhớ để lại hai cái chân. Tao bảo nó thế.

Hạ chỉ nức nở khóc.

Giết người hay cắt gân chân. Hạ nghĩ đến nước cùng ấy thì việc nào cũng thế, việc nào cũng may rủi, chỉ đem lại một nỗi lo sợ.

Hôm sau, Chư xách chiếc câu liêm đi giữa ban ngày qua cổng làng. Cứ cời trăn, đóng khóa đơn, như lúc khiêng kiệu.

Chư tắt đèn lên bến Chèm. Lão lái Ẽn kia chiều nào cũng uống rượu trên bè. Nhá nhem, Chư sẽ xuống, gỡ câu liêm, giật đứt phăng cổ nó xuống sông. Bắn như lão đã vào nhà ả đào trên phố bến, Chư sẽ theo vào, bắn nào cũng giật đứt cổ nó. Chết thôi, không chịu nổi cái uất. Chư hậm hậm đi.

Hàng năm, các lái đường ngược chở vỏ dó xuống bán cho phường làm giấy vùng Bưởi. Từ thượng nguồn sông Thao, những đèn vỏ dó cuốn thành bó một vác, thả bè về bến Chèm. Rồi dó đem chắt vào những vạc cao bằng quả núi với trăng bờ sông đầu các làng Yên Thái, làng Đông, làng Hồ. Những tay thợ người Đại Từ ở xóm Linh Đường đã lâu đời lên đất Bưởi làm nghề nấu dó, lập thành xóm Vạc ở chen chúc bên các vạc dó quanh năm nồng thoi hơi vôi.

Đến mùa đưa dó lên xuôi, bên Chèm tập nập, nhộn nhịp các chủ dó và người buôn ra ăn giá. Tiếng phách gõ cóc cách, khập khễnh vào ngang câu hăm của cô nhà trò quê kệch hát hèo lảnh trên bên nước. Nhà hát đầu bên kiể m ăn có mùa, chỉ đón khách được vào dịp lái trên ngược về. Lái dó lắm tiền, hớng hách, ngỗ ngược, đi hát cũng xô bồ. Có khi họ thuê ả đào luôn mấy phiên chợ, đêm ngày liên miên ăn cỗ, nghe hát và chen vào đây là những cuộc lừa lọc, mặc cả hàng, những canh xóc đĩa sát phạt nhau đáo đẽ.

Cái dó Phở vỏ khô, kém bột, cở nướng cao bằng cây, mọc khắp rừng Lục Yên, chủ dó nào cũng muốn bán sớm ngay. Dó Lâm, dó Nghĩa Lộ thì rộng vỏ hơn nhưng cũng ngán cây, kém mã. Một tôi nhà trò hay một canh bạc thì lái gôc và các tay buôn đổi vai đã xoay ngã giá nhanh như bèo trôi đổi hướng. Chỉ có giống dó Thao cây dài vỏ rộng, da đẹp, nhiều ngon thì bao giờ chủ dó cũng làm cao như nhà có con gái đẹp đến thì. Người chen vào ganh nhau đặt giá, ở dưới bên không xong, còn theo về tận kho trọ dó trại Hàng Hoa.

Lái Ẽn là tay trùm giống dó Thao thượng hạng, chiếm cả đất nướng dó từ Hạ Hòa ngược lên. Chỉ mình lái Ẽn có nhiều dó Thao “đất trên”. Mỗi năm, hàng chục bè về đổ chật bên. Lái Ẽn làm giàu như giữa chợ bóc được của.

Chư đến Chèm vào chập tôi. Trông xuôi sông, thấy liên tiếp bè dó cao như đống rơm. Dó chưa ăn giá, chưa dỡ lên bên. Có lẽ chủ dó trên ngược chưa xuôi. Hỏi dò, biết lái Ẽn chưa xuôi thật. Mới có bè xuôi trước với đám tay chân chở bè.

Bây giờ trở về cũng tiếc công. Mà con tức thì chưa hả. Chư đứng tằn ngẩn. Chợt nhìn dưới nước có ánh đèn cây tỏa sáng. Hay là thuyền lái Ẽn mới xuôi chỗ ấy, chưa ai biết? Chư phải đi dò mới

được. Chư xách câu liêm trườn ra đầ̀u bè, như con mớ̀i bò trên vách.

Quanh cái quang đèn đại treo khoang giữa, tựa lưng vào đố̀ng đó, bốn người nhà lái Ển đương ngắ̀t ngưỡng đánh chén. Chư đế̀n tận sau lưng mà không ai biế̀t. Chư đế̀m từng người. Không có lái Ển. Mắ̀t thấ̀y thề̀, Chư mới tin.

Chư bước ra, giắ̀t mớ̀i lửa lên cái mái cọ che lầ̀u, rồ̀i lặ̀ng lể lên bờ. Phải nổi lửa đố̀t cả đám bè này mới xong. Tồi thề̀ này, Chư không sợ ai. Chư lên đê chém tắ̀t những buộc song neo bè. Cả đoàn bè với người gặ̀p con nước bị tồ̀ng băng ra. Tiế̀ng kêu inh ỏi lạc vào giữa vùng trời nước mù mịt. Phút chồ̀c, gió đưa đổ̀ rực, đám cháy bồ̀ng bầ̀nh suồ̀t dầy bè dài lan qua bắ̀n.

Mắ̀y hôm sau cũng không thấ̀y Chư về̀.

Hạ ra đầ̀m sen trước cửa miế̀u Đồng Cỏ hươ mớ̀i lửa. Mắ̀t cái mớ̀i dài cũng không thấ̀y Chư sang. Nhưng bên hồ̀ Tây vẫn vang lại những nhịp chày lúc đầ̀u đầ̀u, lúc tới tắ̀p, lúc thản nhiên.

*

* *

Chư đi suồ̀t đêm ấ̀y trên bờ sông Cái. Trong đầ̀u lúng túng có một điề̀u mà nghĩ mãi không biế̀t. Nổi đau quanh quẩn như mắ̀c tóc.

- Một đời tao già đó không mang nổi cái thân, cũng không có được quan tiề̀n chẵn trong người. Nghề̀ phường giấ̀y ta không cứu nổi người đau. Làm thề̀ nào bây giờ?

Đi đến sáng, Chư trông ra, thấy đám bụi bốc trước mặt. Con ngựa nhà trạm Tứ Tổng chạy thục sớm đương mải miết qua cánh đồng xuống tổng Trung.

Cái điều loay hoay nghĩ suốt đêm, bây giờ trông như người phu trạm chạy ngựa, chợt Chư thấy ra:

- Ồ, tao không có của, tao không được ngậm cái bút lông mèo [1] nhưng tao có sức. Có khi tao cứ chịu khó ra công như thặng phu trạm kia rồi cũng có ngày được lên quan. Thiên hạ đã khó người vậy đây!

Chư giơ tay lên trời, toan nói rồi lại thôi. Nhưng Chư nghĩ khoan khoái trong bụng: “Bây giờ thì ông không phải bận tay, ông chỉ sai thằng lính xách con dao ra, thằng lái Ẽn cũng đủ chết”.

Một hôm, từ phía Tây Bắc thành men sông Tô Lịch đến chợ Bưởi có một chiếc xe ngựa phi tới. Đất cát pha bốc từng đám đỏ xộm quện lên tận mặt thành. Ngựa đã phi khuất mà bụi chưa tan.

Vùng Bưởi vốn quen cư ở góc thành ngoài, hàng đời chẳng nghe tiếng vó ngựa. Không biết chuyện lành hay dữ. Người làng cứ xón xác. Bởi vì ai cũng đã biết ngựa quan về làng chỉ mang đến cái lời thôi và điềm dữ.

Những người gàn nhát, tò mò lắm, thập thò sau lũy tre cuối làng, ghé mắt trông ra.

Tưởng ai cưới ngựa, hóa ra thằng Chư già đó.

Xưa nay chưa hề trông thấy Chư lạ mắt như thế. Ngày ngày chỉ thấy Chư bệu khô lưng, cong lưng nâng cái chày già đó. Quanh

năm không khác. Cả đến lúc khiêng kiệu đến Trại, danh giá thế, Chư cũng vẫn đóng cái khố đơn.

Nhưng hôm nay Chư nghiêm hẳn lên trong cái áo nâu da bò khuy tề t, vạt tủa ngang gò i. Tuy chiếc thắt lưng đều đã tã xuống màu huyết dụ cằn, nhưng cũ đến đâu cũng không giống cái dải khố, mà vẫn là chiếc thắt lưng của người đi việc quan. Ngang vai, Chư khoác cái bao nâu vải gò c to. Con ngựa xám tro bước kiệu, cái bao vải phồng nhấp nhô theo nhịp vó, chạm lên tận gáy, chỗ tóc cuốn vào mép vòng khăn vải gò c vĩnh tai chó. Phải, chiếc thắt lưng đều rách xơ mướp cũng vẫn là thắt lưng đều, dù sao Chư cũng đã ra tay làm việc quan, được như Chư ao ước rồi.

Những người đàn bà thì thảo câu gì, không ai nghe rõ. Một ông lão nhìn ra lằn nữa nhận thật đích mặt thằn lằn Chư rồi mới chép miệng một cái:

- Thằn lằn phu chạy giặc chứ làm nên đỉnh đùng gì!

Rồi bỏ đi.

Mấy cô gái còn rón lại, hỏi nhau:

- Thằn lằn Chư đi làm phu trạm bao giờ?

Các cô lại cười khé khé:

- Mà đi mà hỏi con Hạ!

Những câu nói, câu tò mò và cả những câu giễu cợt nữa buông ra rồi lặng đi, không gọi thêm bản khoản ai. Bởi, cho thật rõ, người phu trạm chạy giặc cũng chẳng có gì đáng để mắ t.

Lần ấy, hai người gặp lại nhau tại miếu Đông Cổ.

Đột nhiên, Chư khoe với Hạ:

- Tao được khẩu súng đây này.

Rồi hạ cái bao trên vai xuống, Chư lấy ra một khẩu súng có nòng dài.

Ồ, khẩu súng! Ở trạm, thỉnh thoảng ông cai trạm đi việc công cũng chỉ có con đại đao buộc mũi ngả xuống bên nách cái áo vải sờn rộng ố ng. Cả trạm cũng chưa được phát khẩu súng, thế mà phu trạm Chư có khẩu súng.

Trông thấy khẩu súng lần đầu trong đời người, Hạ vừa sợ vừa mừng. Hạ đương có một niềm tin, cái tin của người trôi sông thấp thoáng thấy cảnh củi rêu ngổ đậy là cái cọc, cái cọc chắ c. Lúc ấy, Hạ nhìn Chư có khẩu súng bỗng dữ dội và khác thường, chẳng hiểu sao, Hạ thấy trong lòng hy vọng một điều tốt đẹp sắp đến.

Khẩu súng ấy không phải của Chư mà của người đã gửi Chư đem về nhà ông khóa Chử.

Ông khóa Chử ngô ì bảo học ở phường Hồ Khẩu đông học trò lắm. Trí lực của ông khóa Chử khác nhiều nhà nho lúc ấy đương đả n đo trước thời thế. Có ông vờ đi cày cuốc để nghe ngóng đời thời. Có người com đùm com nắm vào Kinh tìm công danh. Ông khóa Chử kết giao với người ngang tàng các vùng, ngấm tính chuyện dụng cờ.

Hồi ấy, những người phu trạm trung tín, bộc trực, công việc chuyển dịch vùng này sang vùng khác, thường dễ cũng là người bí mật

đưa tin cho nghĩa quân các nơi. Người chạy thư vào nghĩa quân cũng đã nhieu.

Bây giờ, các làng đạo vùng dưới phía Nam Kẻ Chợ đương bô i rô i. Dân vô n ghét Tây, biế t làng đạo tích súng, có nơi lên đào hầm giấ u cô Tây, nhân tức sự úp mở, thế là cả trấ n Sơn Nam lại một lầ n nữa nổi lên tìm giế t cô đạo. Được cơ hội nghĩa quân đi kiế m súng chuyển lên trử quanh Hà Nội, chuyề n nào về ̀ trạm, Chư và vài người nữa cũng lên tải súng đạn. Có hôm bọc mo cau, bó cả chục khẩu dưới bụng ngựa.

Chuyề n â y, Chư đem súng về ̀ giao cho ông khóa Chử. Hạ rom róm nước mắ t. Chư nói to:

- Thắ ng lái Ên mà bén mắ ng xuô ̀ ng, tao quyề t cắ t gân cả hai chân nó. Bây giờ tao không sợ nữa rô i.

Điề u â y làm cho Hạ phấ p phỏng mà lại yên tâm.

Con ngựa trạm xám nhờ nhệch, gầ y móp, lông xơ xác dựng đứng, chân ó ng sậy, khoeo nhấ p nhô. Tuy vậy, con ngựa còm cũng làm bô c lên một rúm bụi trong cái làng không mắ y khi trông thấ y ngựa. Chòm xóm khét tiế ng thắ ng Chư ra làm việc quan được cười ngựa.

Thế là Hạ lại nguôi tâm. Hạ đưa Chư vuô ng lĩnh nhuộ m thâm làm khăn gô i đựng quầ n áo. Chư lại đi.

*

* *

Từ ô Đờ ng Lầ m ra hay ô Đờ ng Mác xuồ ng, đề u trải qua trạm chạy giấ y Đuôi Cá phía Nam.

Tên thật là trạm Hà Mai, như ai cũng quen gọi là trạm Đuôi Cá, vì trạm nằ m án ngữ giữa ngã ba đường tõe hình đuôi cá. Tường trạm toàn đá tảng lỏn nhỏn quanh như cái nhà ngục. Phu trạm lạ đề n phải ngủ đỗ trong dãy nhà ngang lớp tranh cạnh tàu ngựa bên ngoài. Trước mặt, trông sang hồ` Linh Đường. Bên trái theo sông Cái xuồ ng Thanh Trì. Bắ y giờ đương lắ m rồ i ren, trầ n nào cũng có người dựng cò khởi nghĩa cho nên việc quan nha càng nặng nhọc, các trạm phải túc trực hàng chục phu, hàng chục ngựa. Hỏa tồ c nồ i nhau như tên. Người phu trạm như cái vạc lặn lỏi suồ t đêm. Việc toàn nóng và lệ phạt ở các trạm cũng ngặt nhắ t.

“Đại khẩn”, ngựa bôn suồ t đêm. Chạy rút ngắ n, giỏi bậc nhắ t, bậc nhì, bậc ba, chia hạng có thưởng. Nhưng quan nha chỉ đặt bậc công hờ chứ chẳng ai được thưởng bao giờ, chỉ thắ y cái roi vút vào đít là com bữa, một ngày về` trễ phải phạt ba mươi roi. “Đại khẩn” chậm một phiên thì mắ t đầ u, quy tội vào trạm nào, người nào người á y chịu. Dao phủ về` đóng cọc ra án chém ngay trước cửa trạm.

Trạm Đuôi Cá buổi trưa á y, những bóng nhà im lìm trong nắ ng giải đường quan vắ ng tanh. Mắ y chiề c cọc tre đặt đòn cắ ng khênh ra chỗ ngoài mái tàu ngựa trồ ng hồ c. Ngựa ban ngày đi hế t, chỉ đề n đêm mới nghe tiế ng vó đập muỗi. Và cũng lúc đêm tồ i công việc nhà trạm mới bề bộn bắ n phía tới. Tít tít đề n quá đầ u hôm.

Nắ ng chiề u đã nhạt trắ ng bờ lau. Những phường chài lưới ở hồ` Linh Đường, đầ m Sét vào bán cá chợ ô Đờ ng Mác từng tồ p đi cỏi trầ n, mảnh áo rách ướt phơi vắ t trên cái cán dậm, cũng đã qua

ngoài cổng trạm từ nãy. Con đường vắng người, hình như nhỏ lại, mờ dần trong làn sương.

Đến lúc lên đèn thì đám phu trạm chạy chân ở các huyện phía Nam cũng vừa về. Trời ập tối. Người phu bước vào nhà trạm giữa bụi khói quanh cây đèn dầu châu, mờ hôi vãn nhếch nhếch khắp mặt. Có be rượu mua sẵn, người ấy ngựa cỏ, hé cái miệng đã nhạt thêch, tu một hơi cạn be rồi mới treo bao văn thư lên cái cọc vách đã cắm sẵn chiếc thẻ tre đề tên huyện sở. Hôm sau đi tiếp, người khác chỉ việc quơ tay lấy. Ai cũng thuộc đến nỗi chẳng người phu trạm nào biết chữ mà cũng không nhậm cọc, nhậm bao thư bao giờ.

Một chốc, đã vang tiếng người ì òm tấp dẫm ao sau, trong khi ở đây nhà ngang cho phu trạm lặt tro, lửa thổi cơm đã lên lom đom.

Đám chạy ngựa thì chưa về đủ.

Ông cai trạm Đuôi Cá mới được hàm tòng cử phẩm. Lão này có tiếng xốc vác, lên làm cai trạm đã ngoài mười năm. Thế mà việc thăng quan tiến chức có chiểu ích. Nghe nói lão trước cũng chân thầy đồ ngời bảo học. Có chữ nghĩa nên lão giữ sổ sách phân minh, xem đề m công việc nhanh chóng.

Bây giờ lão đã được vào hàng quan, đầu quan đứng cuối thêm thì cũng là quan, lão cai trạm tòng cử phẩm càng lập nghiêm và hách tợn.

Chốc chốc, lão xách cái bụi nhùi nhựa thông, khói hắc hắc nghi ngút, ra chỗ vào khe liếp, quát:

- Thanh Trì về rồi à? Phủ Thường đã có thả ng nào chưa?

- Chưa.

- Chúng mày phải bệnh xa đời cả rồi hay sao? Chạy chậm lòi tù và ra thế này thì ông cho rơi đầu đến nơi.

Lão càng sốt ruột. Mấy hôm nay, tin cấp báo tới tập qua trạm như bướm bướm.

Ngựa trạm Sở Kiện đem tin tức về tổng trấn một ngày bụi mù bất kể mấy chuyến. Tin các nơi giết cô đạo dồn dập bùng bùng cả tám đường dây trạm. Từ phủ Thường lên, chợ búa, quán xá, đồ giang văng ngã t. Ai cũng sợ. Giết đạo thế, ngộ các quan trong Kinh bênh thả ng Tây mà ra làm cỏ thì chết mất ngáp cả.

Chóc, lão cai trạm lại ra hỏi. Cũng chóc chóc lại có người từ đường cái chạy bổ vào, mặt nhóng hơi rượu và mồ hôi, cánh tay đen như muội đèn, cứ xông xộc thò lên vắt cái bao văn thư vào cọc. Không cần thốt lời nào, vì đã thuộc mặt, lão cai trạm cúi xuống mở sổ, ghi giờ về. Không việc gì thì được ra tắm, thổi cơm. Có chậm trễ thì bị gọi giật lại. Và tiếng roi vút rít lên trong bóng tối.

Đã đến giờ điểm danh. Lão cai trạm Đuôi Cá xách hảnh cái quang đèn đặt lên án thư. Trước tiên, làm oai như lệ thường, lão quật cái hèo hoa xuống mặt phản. Cả mấy chục con người phu đương ngủ cũng bật dậy. Đòi phu trạm, khi rượu bí tỉ nhất cũng vẫn nhớ kỹ hơn nhớ gỗ bó, là đúng nửa đêm thì để tai nghe tiếng đập roi mà ngời lên cho nhà trạm điểm.

Lão cai trạm đứng giữa nhà, say với tiếng roi đập, cứ lảm nhảm nói như người lên đồng, tay khêu cái đọi đèn, tay chọc ngọn hèo hoa

vào trán từng người. Mỗ đồ n Trung Đô trong phường đã dạo vào tro ng canh đầ u.

- Thắ ng nào chạy trạm Thanh Trì, Câ u Tiên? Phú Xuyên, trạm Giẽ đâu? Thiế u trạm Giẽ! Chưa thấ y trạm Giẽ! Cái thắ ng trạm Giẽ hôm nào cũng rùa! Có phải thiế u thắ ng trạm Giẽ không? Chúng mày cam hả? Thế thì ông đánh tấ t.

- Bắ m... phải... phải...

Lão quấ t nghiế n một hèo vào giữa mặt người vừa lắ p bắ p mau miệng.

- Phải... cái thắ ng bồ ́ mày à... Phải thế nào?

- Ô ́ i, phải, nó chưa về ... phải...

- Rõ thân lừa ưa nặng, con ạ. Đánh cho bạn sau chừa dấ p dính. Khóa sổ! Cho thắ ng chạy trạm Giẽ vào sổ phạt. Hừm!

Lão khoắ ng bút, nhưng lão cứ nói như lão sai người khác. Lúc ấy, một cái đầ u xoa tóc, hót hải nhô vào. Chiế c nón chóp lá đã rách tõe như đuôi chim, chỉ còn vừa kín chòm, ngật đầ ng sau.

- Bắ m quan con đây.

Lão cai trạm thót người lại, con mắ t lộn tròn. Vẫn chưa trông rõ ai.

- Thắ ng nào?

- Trạm Giẽ ạ.

Thế là lão cai trạm bình tĩnh lại, giờ tay xoe một bên ria mép rồi nhặt cái hèo.

- Mà nghe tiếng trống vào canh không?

- Có ạ.

- Sợ ăn mày! Ông khóa sổ rồi.

Lão trợn mắt:

- Cho mày một trận tỉnh rượu. Từ nay nhớ về cho đúng!

Người phu trạm Giẽ khoát tay lên, nói to:

- Bẩm quan ngài hôm tôi mà xem. Lạy trời, tôi chưa được giọt rượu nào vào bụng từ sáng ngày. Các làng dọc đường chạy tiệt rồi. Người ta nói quân ông Lưu lại về, nói sợ đông chiêm đương giết đạo, nói trong Kinh sách ra đẹp, nói...

Cai trạm hét:

- Thôi!

Tiếng quát như cái hiệu ấn rập đầu người xuống. Người phu trạm khựng mặt, nhẩn nại một vẻ khùng khiếp, bước lên một bước rồi nằm mọp trước mặt cai trạm. Lão ta vút cây hèo quất da bò cho người phu trạm gằn nhắt.

- Cho mày đánh mười roi.

Tại các nơi khảo đả trong dinh quan tỉnh, khi đánh người thì có trói tay, buộc chân, buộc tóc, trông cổ vào cọc rồi căng người ta ra

chỗ phản tra nhấ t định, nhưng ở trạm, việc vội và nhiề u, cách đánh phạt không được phép tấ c như thế .

Lúc ấy, người phu nọ giờ hai tay bắ t cây hèo, bước tới, hoa lên. Lập tức, bóng tồ i cứ kêu chan chát, chẳng biế t ngọn roi phóng xuố ng lưng, xuố ng hông hay vào đầ u người nằ m dưới đấ t.

Bổng cai tạm lại ném ra một tiế ng:

- Thôi!

Rồ i giẫ ng roi, ẩ y một cái, thét:

- Thắ ng đánh vờ kia nằ m xuố ng!

Người câ m roi bỗng ngã ðùng xuố ng như cây chuồ i ðổ. Lão cai trạm quen tay vuồ t xoắ n một bên ria mép, phá t cây hèo, bước một chân lên như làm ðiệu múa ðùi trố ng giữa ðám rước, rồ i ðột nhiên, ráng cật lực xuố ng một cái. Ngón roi nhắ c lên ðến ðâu, người bị ðòn cong oắ n lưng theo lên ðến ðầ y.

Xong một roi, lão quát:

- Cho ðây!

Và lại vút cái roi, ra lệnh:

- Cứ thế , nện! Chệch roi nào ông lại nọc cổ mảy, ông đánh ra kiêu cho mà xem.

Thế là người nọ chồ m ðến. Lầ n này hắ n vút húc chú i cả ðầ u theo ngọn roi. Người bị phạt nằ m dưới đấ t, oắ n oại mắ y cái rồ i im như chề t. ðến lúc ðánh xong, cái roi ðã ðược câ t ði cũng không thấ y người nhúc nhích.

Mặc đó, lão cai trạm lên nhà, kêu thêm bả'c trong đội đèn, lấ'y sỏ trên án xuô'ng, ghi tội đã thi hành vào tờ mục trạm Giẽ. Dưới nhà, cả mấ'y chục con người vừa ngồ'i điểm danh lúc nầy lại lặng lẽ leo lên trên chiế'c giường phen, nằ'm thò nửa bàn chân ra ngoài. Một chồ'c, đã ngáy như sắ'm. Bắ'y giờ gầ'n canh hai.

Trong bóng tồ'i mặt đấ't, một lát sau, người phu trạm Giẽ từ từ ngồ'i dậy, bò lên ngồ'i một mình giữa đường, cúi xuô'ng, lằ'n thắ't lưng, như người bắ't rận, bỗng lấ'y trong hầ'u bao ra một cái nệm quả bầ'u lọ nhỏ đựng rượu. Mở nút rô'i lại đặt nệm xuô'ng, thừ mặt nhìn không uớ'ng, rô'i chếp miệng. Không hiểu sao.

Người bên cạnh đương ngáy kho kho thề' mà ngửi thắ'y mùi rượu tằm câ'u Tiên thơm phức đã tỉnh ngủ, rướn hắ'n cổ lên, nói:

- Tài nhĩ, nó đánh thề' mà không vỡ.

Trên khuôn mặt người phu câ'u Giẽ, mô' hời đòn còn nhể nhại, nhệch một nụ cười vàng khè.

- Tao á'p cái nệm dưới bụng thề' này, có đánh vỡ bụng tao mới vỡ được be rượu.

Thầ'n tình làm sao, hơi rượu ngon lan nhanh đế'n đầu thì chồ' á'y nghe im tiế'ng ngáy và có tiế'ng thở dài trở mình đế'n đầ'y, lại mấ'y người nữa ngóc dậy. Họ chụm đầ'u vào nhau.

- Sợ gì mà sợ!

Người phu trạm Giẽ nói thề' rô'i lại nhề'ch mép cười nhạt:

- Tao chỉ câ'n thêm ngum nữa cho giã đòn. Còn thì chúng mầy đô'c nô't rô'i ngủ đi, sắ'p tan canh rô'i đầ'y.

Trông canh hai đã đổ trên gác đầu làng Hoàng Mai sau trạm. Trời đất nín thính bao la, chỉ riêng chỗ trạm Đuôi Cá này cũng ủ trong bóng tối biết bao đau khổ, vui buồn của một ngày con người.

Nhà trên, lão cai trạm vẫn chưa yên. Lão nghĩ cái thân lão làm quan được cưỡi cỗ vài chục phu trạm mà cũng cực nhọc. Suốt sáng chìm vào công việc tính chuyên phu đi phu về, trạm cái, trạm con đã đủ bõ rồi. Rồi đêm nào cũng có đũa bị phạt, về muộn, say bết, đêm nào cũng phải ra roi sái cánh tay.

Quá canh hai, lão cai trạm bước ra cửa nhà ngang, cầm cái khóa đuôi chuột to bằng bắp tay, khóa trái lại.

Lão cũng chỉ còn được một chút chợp mắt. Có lẽ chưa trọn trông canh. Sang canh tư, phu các đường đã lại lục đục trở dậy vo gạo, nấu cơm. Thế là lão phải ngồi lên, vừa đi ra vừa xỏ tay áo, quơ khăn, quăn vôi vòng tóc, đến ngồi ngay ngắn trước án thư, trao từng tay phu trạm những phong công văn mới. Không còn được một trông canh bây giờ đâu.

Lúc này, lão hạch thảng phu nát rượu, kỳ tình lão cũng tay bọm, ngày vẫn ba bữa rượu cũ. Lão với tay nhấc cái be sành, tu một tợp nữa rồi túm nắm bắp ném thêm vào đĩa đèn. Cứ nguyên cả áo dài khăn đóng, tựa án thư, thiu thiu.

Trời nghiêng về sáng, đã rạng một chút. Những ngôi sao lung lay từ chập tối bây giờ lỏng chân, muồn rồi chỗ rơi xuống gần hơn.

Xa xa, tiếng rầm rập như tiếng nghề giã y, mỗi lúc một dồn. Nghề cai trạm cũng có cái thính của nghề cai trạm, dù đương ngủ chập chòn, lão đã nhận ra đây là tiếng vó ngựa. Quả thực, một chốc, ngay ngoài trạm, vang tiếng ngựa hí như chiêm gióng. Rồi

đột ngột im. Chỉ còn cái đuôi ngựa cái kính cứ phấp phật như ai giằng chiếc chảo to trong bóng tối.

Lại thấy phu trạm nào về. Lão đoán con ngựa về chậm, lại toan nhả mắt. Kệ cho nó phải ngủ đứng ngoài cổng cho đến sớm mai sẽ được ăn đòn mở hàng. Những đêm đầu thu, sương giá xuống âm ỉ khắp chân và bắp vai người ngoài năm mươi tuổi. Đến nỗi cái hơi rượu tốt lão cai trạm vừa uống cũng không lại người mà chỉ còn thấy đặc chất cổ. Nhưng lão chợt hốt hoảng: Nhỡ nó mang cái “thượng tôn” mà để chậm thì cả lũ mất đầu. Thế là lão cai trạm lật đật thả chân xuống đất.

Trời đông nam hằng nhẹ, như ai vừa cất công quét cho quang đãng, bình lặng lạ thường. Cảnh tang tảng sáng, khi dứt trong canh, chỉ thoáng thấy trong khoảnh khắc, giữa lúc đêm khuya ngày rạng sắp lìa nhau.

Cái bầu khóa đuôi chuột rơi xoảng xuống đất. Nhưng cẩn thận, chưa rút roi, lão cai trạm đứng trong nhà hỏi với ra:

- Ai?

- Bẩm quan, Chư tôi đây.

Chiếc dãi gỗ nghiêng bị quăng đột ngột, thịch vào xó tường đá. Chư đẩy cánh cổng, thò đầu rồi lách người vào tầm cửa lim hé một cánh. Cái nón bằng đầu măt, tóc xoắn rủ xuống. Người Chư sưng hơi sưng và mờ mờ. Bao văn thư khoác trên lưng hạ xuống, ướt một nửa lần vải mé bụng.

Cả đêm Chư đã phóng luôn hai trạm. Phải chạy như hỏa tốc đường dài, phu ít thay tay, thường lướt các trạm lẻ. “Tối khẩn” thì vó

ngựa nô*´*i lie*ˆ*n ngày đêm, bụi cuô*ˆ*n cuộn trên lưng. “Phi đệ” [2].còn nhanh hơn. Ông công văn “phi đệ” truyề*ˆ*n vai hai người phu ngay ngoài cửa, cai trạm đem sổ chuyên ra ghi giữa đường.

Chư giờ tay vạt mạnh bao thư lên cọc, kéo vạt áo chùi trán rô*ˆ*i lù*ˆ*i ra. Lão cai trạm câ*ˆ*m tờ giấ*ˆ*y lệnh ghi giờ qua trạm kê*ˆ* đề*ˆ*n tận quang đèn, rô*ˆ*i quay đầ*ˆ*u, gọi giật:

- Chư!
- Bắ*ˆ*m quan, tôi chạy...
- Mà*ˆ*y lại chạy vào câ*ˆ*u Tiên đánh chén chứ gì!
- Bắ*ˆ*m quan, tôi chạy hỏa tô*ˆ*c khú*ˆ*i hô*ˆ*i kiệt hế*ˆ*t hơi.
- Mà*ˆ*y đã rõ tội về*ˆ* chậm.
- Bắ*ˆ*m quan biế*ˆ*t công cho...
- Thôi!

Rô*ˆ*i không đổi nét mặt, lão cai trạm lại xoắ*ˆ*n một bên râu mép lên như lúc nă*ˆ*y, với tay rút cái hèo gài vách. Lầ*ˆ*n này lão đánh lâ*ˆ*y. Nhưng lão chưa kịp hạ roi thì Chư đã run người lên, vùng đứng dậy, hai mắ*ˆ*t tro*ˆ*t thấ*ˆ*t tinh, nắ*ˆ*y đom đóm.

Chư nói lớn:

- À, mà*ˆ*y mà đụng vào người ông, ông đá một cái vào dái thì mà*ˆ*y ché*ˆ*t tươi ngay. Thắ*ˆ*ng này ngậm bút lông mèo mà bạc ác bá*ˆ*t nhân quá. Ông bỏ hơi tai chạy về*ˆ*, đáng nhẽ mà*ˆ*y phải trình quan trên có thưởng, lại mà*ˆ*y xử với ông thế*ˆ* à? Ông thách mà*ˆ*y.

Những tiếng “ông thách mày” như những nhát dao bổ xuống. Đám phu đã trở dậy, đang sửa soạn thổi cơm trong bếp, lên đứng lộn xộn ngoài cửa.

- Ai đâu u khẩu với cai trạm thế?

- Thằng Chư!

- Giải!

- Tao vào giúp nó một tay.

- Thôi ông ơi!

- Úc nhau thế không được.

Không ai vào nhưng có người giữa đám đột nhiên réo lên:

- Vật râu thằng cướp phẩm đi, tội vạ đâu ông chịu!

Giữa lúc ấy, lại nghe tiếng vó ngựa dồn ã ã xa. Lão cai trạm vừa phất ngọn roi lên cũng dừng lại, vênh tai. Tiếng ngựa nhíp bầm kiệu nhỏ, không phải lối ngựa chạy trạm. Nhưng, đã biết chẳng ngựa trạm thì ngựa quan, bởi vì lệ Kẻ Chợ, chỉ việc công mới được cưỡi ngựa vào nội thành. Lúc ấy, đã tảng sáng. Đàn vạc ăn đêm về muộn, từ mặt nước hơi sương hồ Linh Đường cất mình lên, loạng quạng bay như những lượn lúa đã đập sạch, ai ném toi tả qua nên trời thấp đương loãng ra.

Tiếng chân ngựa rậm rịch tới. Một đầu nón chóp ghé vào cửa trạm. Đây là lính vớt roi dẹp đường cho ngựa quan trải. Tiếng người lính dẹp đường đứng ngoài quát:

- Đứa nào bỏ ngựa ngoài đường kia? Muốn chết à?

Một người phu vôi chạy ra kéo thùng cương ngựa của Chư, ấn bồm con ngựa đã rã rượi mệt, bước lão đảo vào tàu rồi tra đổi lại, người phu lúi lùm cõ đã gác sẵn xuống cái máng trước mõm nó.

Tiếng ngựa hai người lính dẹp đường đã phóng qua. Đường lại im như tờ rồi tiếp theo tiếng chân người đi đất rậm rịch rên lại. Một chiếc cẳng cánh sáo riềm tua hoa hiên lưng lửng nhô đầu vào khoảng sáng xám đương nhạt dần. Sau cẳng, một lính cầm loa. Chiếc cẳng bốn đòn của quan tổng trấn đương qua cửa nhà trạm Đuôi Cá.

Chư chạy bật ra giữa đường, nấp phục xuống.

Lão cai trạm đứng ngây trong nhà nhìn ra. Lão đương tức, lão đương sợ, lão không dám nhúc nhích. Lão muốn nhảy xô tới dưng thẳng Chư, ấn đầu nó vào gông. Nhưng lão không động được chân. Lão khiếp quá. Thẳng Chư dám ra chặn đường kêu quan tổng trấn. Quả thế thì lão chết đến nơi. Lão cai trạm lấy bầy nú tay lên cánh cửa mới đứng được. Cái hèo trên tay lão rơi cụp xuống đất.

Bọn lính rút roi dẹp đường thấy động đã quay lại. Rồi cơ lính hộ vệ đằng sau vừa tiến đến, nón dứa, áo nậu, dàn hai bên, cầm ngang đại đao. Những phu trạm tụ tập trước cửa cũng sững sờ nhìn ra.

Tiếng loa chỗ lại:

- Đứa nào nấp kia?

Chư nói to:

- Bẩm quan lớn, con xin kêu oan.

Loa truyên:

- Cự lớn cho mày kêu.

Chư vẫn úp mặt xuống đất, nói như quát:

- Bầm đèn trời soi xét, con chạy “phi đệ” về kiệt sức rũ xương ra sấp chết mà nó đánh con...

Chư mới nói đến đây, đã nghe loa đóng:

- Cự lớn cho thằng kêu oan đứng dậy.

Chư đứng phắt, hiên ngang, thẳng thê.

Tiếng quát truyền từ trong cổng ra:

- Thằng quỷ rầy! Mày hét khỏe như con trâu điên thê mà bảo sấp chết! Triều đình đã đặt các bậc quan coi pháp luật trên dưới, ai oan khuất đã có thứ tự kêu kiện. Sao mày dám hỗn láo cản đường quan? Cai trạm đâu?

Lão cai trạm dạ ran, nhảy từ trong nhà ra.

- Cho mày vật cô thằng này đánh năm chục roi. Rồi giải nó vào tòa quan lãnh, đuổi đi mạn ngược.

Đường không có một bóng lúc ấy, nhưng hai người lính cưỡi ngựa cầm roi lại như lệ khoan thai tiến ra múa đẹp đường. Những quan và lính hộ vệ đeo đại đao lên vai, lùi xuống hai bên. Chiếc cổng diều bốn vai đòn từ từ qua trạm. Người lính ôm diều ố ng, cúi, rón rén mở rèm cổng để cự lớn tổng trấn nhìn ra. Lão cai trạm sững run rẩy còn lay phủ phục dưới đất. Nhưng người phu trạm uất ức, ngoác liếc nhanh vào cổng. Trời đất, chỉ thấy hình tấm áo vóc

hồ`ng, thanh gươm và cái nón chóp bạc, cánh sáo rèm cẳng đã lại buông.

Chiếc cẳng vừa qua thì lão cai trạm xô`c dậy hô phu ra vật Chư xuô`ng. Không cọc trói, cứ ngay giữa đường cái, một chặn cổ, hai giữ chân, hai giữ tay, người bị đòn phải nằ`m sấp ra, thế` là ngọn roi quấ`t rào rào trong tiế`ng hô đế`m dõng dặc từng chập mười roi một. Lão cai cô`t đánh cho ở đầ`ng xa, cụ lớn còn nghe được tiế`ng lệnh của quan tổng trầ`n được thi hành tức thì.

Chư bị đánh đau. Nhưng vì tức quá, phát ô`m thêm, khi bị khiêng vào tỉnh, Chư nằ`m liệt dưới nhà giam trong tòa ông lãnh.

Ngày kia, có một chiếc ngựa trạm từ trong thành chạy ra vùng Bưởi. Chòm xóm không ai biế`t câu chuyện dữ vừa xảy ra, lại tưởng thắ`ng Chư ở trạm Đuôi Cá có việc quan về`.

Nhưng khi tan đám bụi ngược gió, trông ra, thấ`y một người phu trạm lạ.

Người phu trạm về` làng đưa giấ`y báo cho các chức việc biế`t sắ`p đế`n hạn quan về` thu số` lương tiề`n của xã hàng năm đóng lên huyện nuôi phu trạm. Lúc nghe xướng danh số phu làng, không nghe tên Chư có ở trạm Đuôi Cá. Hỏi thì bảo xóa sổ rồ`i.

Người phu trạm về` đưa giấ`y cho làng xong ra “lê`u tàu” ngoài lũy tìm Hạ. Tiế`ng người phu trạm nói giọng cao như tiế`ng dưới phường Nghĩa Đô. Đúng, người â`y bảo Hạ:

- Tôi người Nghĩa Đô đây. Thắ`ng Chư nhắ`n tôi về` bảo cô rằ`ng đã có lòng với nhau thì đợi đầ`y. Vài ba tháng, vài ba năm. Nó không chề`t đâu. Thế` nào nó cũng về`.

Rồi người ấy hạ cái bao thư trên lưng xuống, cởi nút, lấy ra một nòng súng khai hậu. Lại một cái súng!

- Chư bảo tôi đưa cho cô cái này. Cô không được lộ cho ai biết mà chết đây. Dem ngay đến nhà ông khóa Chử. Bảo ông khóa rằng tháng sau lại có chuyện. Tôi không tiện đến, cô nhớ đi ngay.

Hạ lại trông thấy cái súng. Hạ sẽ đem cái súng này cho ông khóa Chử trên phòng Hồ. Hạ không biết việc dẹp loạn Tây của người đàn ông đi thiên hạ còn những gì nữa, nhưng Hạ cứ nghĩ khẩu súng ấy, công việc trong bóng tối ấy có liên quan to lớn đến cuộc đời của Hạ và Chư.

Tháng Hai, lại hội lệ đến Đông Cốc.

Năm ấy, con đường bờ thành từ đầu trại Hàng Hoa góc Tây Bắc lên đến trại Kho Than, trại Cổng Vị, hàng nghìn dân phu nội ngoại thành ngày đêm phải đi phá tường dỡ gạch. Quan tổng trấn Bắc Hà đương cho lệnh đốc dân triệt phá dinh thự, đến miếu to ở Hà Nội để lấy gạch đá tải vào kinh xây thành Phú Xuân.

Từ đời Gia Long dời đô vào Thừa Thiên, đến bây giờ đã sang triều Tự Đức mà nhà Nguyễn vẫn sợ cái thế thành Thăng Long, bởi vậy đời vua nào nới nhau cũng tiếp tục triệt phá Thăng Long, triệt mãi, triệt hết, bây giờ dỡ đến cả tường thành.

Đến năm ấy thì cái lũy trúc dày hàng trăm sải ngăn phòng Hồ với phòng Thụy cũng bị đốt rồi, chỉ còn cái tên cổng Rong. Chuông voi gàn chùa Bà Đanh nuôi năm ông voi lẫm liệt đã từng đi trận, ông Ất, ông Kiên, ông Cường, ông Vĩnh, ông Cú, các quân tượng được lệnh điệu năm ông voi đi Thái Nguyên kéo gỗ vào Kinh rồi không thấy ông nào về nữa. Chuông voi cũng bỏ hoang nốt.

Thế nhưng hội đền Đô ng Cổ tháng Hai vẫn như niê m hy vọng lay lắ t của con người mỗi năm lại đê n.

Trong hàng trai kiêu má y năm á y không có Chư.

Trong đám gái làng được kén ra đưa com nén mời trai chạ năm nay cũng vắ ng cái Hạ.

Bởi vậy, không còn gì mà nói về đám rước kiệu hát cô ng mọi khi.

Năm á y, mới ngoài Tê t đã nghe cánh lái dó trên ền về chơi hội.

Đã má y đời nhà lái ền buôn bán với các phường làm giá y đắ t “ba làng Yên Thái, bắ n làng Nghĩa Đô”. Giá y sắ c làng Nghè tiế n vua, giá y moi giá y bán phường Yên Thái, phường Hồ bán vào Hàng Gai, Hàng Phèn, Hàng Giá y trong Kẻ Chợ. Phường nào cũng chuộng giớ ng dó Thao của cánh lái ền. Cho nên, gái phường giá y lắ y chồ ng lái dó trên ngược đã không lạ mà còn làm cho việc đi lại mua bán với phường buôn càng thuận lợi. Có người ao ước được thế là đắ ng khác.

Đầ u tiên, cha mẹ khuyên bảo. Hạ khóc, nghĩ đê n Chư. Nhưng bao giờ Chư về ? Bao giờ Chư đem súng về cứu Hạ?

Không thắ y Chư mà chỉ còn cái chề t thôi. Hạ đã nhắ t quyề t. Hạ ra hồ Tây nhìn thắ y trời đắ t Giêng Hai trở lại đã lâu. Gió nam thổi tới, đượm hơi mát lá sen nõn - từng chiề c lá nẩy trên mặt nước, như những đô ng tiế n xanh ai thả rải rác. Câu chuyện tòa nhà vàng ngày xưa trong đầ m nước chập chờn đê n, quyề n rữ, mong ước, bồ n chồ n.

Hạ đứng dậy, buồ ng vắ y, lội xuồ ng hồ . Ánh nước chao quanh chân càng đưa tòa nhà vàng sớ ng sắ nh đê n gầ n. Hạ như người mê,

lội ra.

Lúc ấy, mẹ Hạ đến. Thấy Hạ ngần ngợ đứng trong nước, mắt lơ lảo nhìn lại, mẹ khóc to:

- Con ơi! Con đừng để cái lụy cho cha mẹ.

Hạ lội trở lại.

Hạ tỉnh. Công cha nghĩa mẹ, phận làm con không thể để cái khổ cực cho cha mẹ. Nhưng từ lúc ấy, Hạ chẳng nói một lời nào nữa. Mắt Hạ ráo không. Cả xóm thấy thế, tưởng cô bé đã nguôi con bỏ mọi bất bóng, biết con đường ngay rồi. Người ta đưa Hạ xuống thuyền. Người trước, người sau ồn ào như ngày Tết khiêng lợn. Đây là cảnh Hạ đi lấy chồng nhà giàu trên mạn ngược.

Chuyến thuyền ngược này dài hơn một đời người. Ngày chỉ tôi, nhà thuyền quăng dây song lên bờ, hàng chục phu chài gò cổ kéo. Những người kéo thuyền đóng khố đơn, đen cháy như éch đồng hạn hán, cứ gập đôi người lại, nôi nhau, bắm chân đi. Những lời hô vui mà thảm thiết:

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bến vui em đến...

Trên mũi bồng lóng lánh một trời sao. Con thuyền đêm nao cũng đi qua một trời sao ấy. Dù cho con người có cạn nước mắt rồi cũng vẫn muốn sống hy vọng, như người chèo thuyền mong đến bến...

Nhưng Hạ chỉ mỗi lúc một sợ hơn. Hạ ngồi trong khoang, trông ra cái cửa sổ bé bằng bàn tay, nhìn thấy giữa sạp sàn hai cái đầu

gỗ i lão lái Ẽn vênh lên, kẹp vào cả một mâm rượu. Người kéo sào cái thở hô`ng học, lên xuô`ng trên mui, đẩy tằm tắ p. Ngược ra chỉ thắ y mặt nước và trời cao lẫn nhau, không biế t thăm thăm đế n đâu. Hạ ôm tay lên mặt. Bây giờ thì xa lắ m rô`i. Chư biế t đâu mà đuối theo cứu Hạ được. Bây giờ thì cha mẹ cũng khỏi lo nợ, lo tù tội được rô`i.

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngô`i một lúc thật lâu. Bô`n bê` lạng ngắ t. Những ngôi sao long lanh nhỏ lắ chắ những giọt nước mắ t xuô`ng the` gian.

Thuyề n sắ p vào bê`n. Hạ đế n nơi cuố i cùng rô`i. Hạ càng nghĩ không sô`ng làm gì nữa.

Thế` là Hạ nhắ m mắ t, ngã xuô`ng tie`ng sóng.

Bỗng khắ p mặt nước rộn lên tie`ng kêu: Cướp! Cướp! Cướp!

Thì ra Hạ gieo mình đúng cái thúng con của nhà thuyề n vẫn buộc cho trôi sau khoang lái, thường đêm có người xuô`ng nắ m dưới thúng, canh bô`n phía, phòng cướp.

Thế` là Hạ không chề t.

Nhưng lão lái Ẽn dầm sọ, gặp điề`m người tự vẫn. Nghĩ ngại the` nào khi đế n bê`n, lái Ẽn bảo bác thợ cả phường bóc rắ ng:

- Năm nay tôi đem phường ta về` xuôi xem hội, đi đế n nơi về` đế n chố n, dó dươ`ng bán hế t, tôi thưởng cho ông cái may đi hội hái hoa, the` là năm mới sao thiên di, sao đào hoa, sao tiề n sao bạc chiế u cả một lúc vào ông. Tôi thưởng cho ông cô nàng ba tài sắ c nhắ t đắ t Bưởi đắ y.

Người thợ cả không lường ra hết những lo tính thâm hiểm của ông chủ dó mà chỉ biết mừng được không cô vợ lẽ. Còn Hạ thì đã không chết, Hạ lại có ý nghĩ khác:

- Số mình không chết được. Trời xui khiên vậy, khéo rồi gặp may cũng nên.

Hạ tưởng tượng có khi Chư đem súng lên đây cứu Hạ. Từ đây, Hạ có một quả quyết khác.

Thế là Hạ đi làm lễ thứ ba bác thợ cả phường bóc vỏ dó, ngày ngày gặt gượng, nhưng trong lòng yên tĩnh lạ lùng.

Con người từ đây sống theo mùa cây dó. Giống dó “đất trên” tháng Ba ươm hạt. Mùa xuân, nhổ cây con, chặt ngọn và rễ phụ, hồ bùn rồi cấy lên nương. Cây dó được một Giêng đã trở cum cúm. Thăm thoắt, dó hai Giêng rồi ba Giêng được bóc.

Hàng trăm người phường bóc trải ra trên đồi. Người trước chặt chéo gốc, người sau nhấc cây chém sạch cành nhỏ, bóc thân cây về một chỗ. Người thứ ba cầm con dao sắc tước dó như ta cầm dao vạch cắt áo. Dó cái một cây một vỏ, dỡ ra gọn như cởi áo.

Tháng Chín, khắp rừng, hoa dó trắng ngà từng chùm lác lác như đèn lồng treo, thơm ngào ngạt.

Năm đầu tập bóc dó, Hạ ốm tưởng chết. Nhựa dó ăn tay, ăn mặt, sưng tím cả cánh tay. Hơi dó bốc ngạt thở, nóng phỏng thịt, mặt phù to như cái lênh.

Rồi mùa dó qua. Cô thợ seo người Bưởi đã quen cực nhọc hơi nhựa cây dó. Có lẽ bởi vì Hạ không nghĩ đến cái chết. Hạ đã có ý định khác. Đêm năm mê chỉ thấy Chư đem súng lên đưa Hạ về.

Cạn kỳ đó chính tuyền, vừa cuối thu. Lân sang vụ đó một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo đó mới lột, quết sương hay mưa đều ướt nước, mất công phơi nhiều nắng mới đóng bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rừng này lại phải lăn lội sang rừng khác, đã vào vụ đó chiêm. Đó chiêm tiếp đó đuôi tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyền.

Suốt năm, người đen thui nhựa đó. Hạ quen tất. Nghị lực con người là sắt đá tất cả. Hạ bóc đó đã đuổi kịp tay thợ giỏi.

Chẳng bao lâu, hoa đó thơm lại quăn về quanh mình. Nhưng ai ốm hơi đó, ngủi hoa đó ngọt lịm càng khiếp. Trong mùi thơm ma chài đã sẵn cái ma muồn rút xương tủy người đi. Hạ nghĩ thâm:

- Mùa đó chính tuyền tới rồi.

Lòng mong mỏi của Hạ còn to lớn hơn nỗi khiếp mùi nhựa đó, hoa đó. Hạ bồn chồn lắm. Hạ quyết định.

Hạ trở xuống một bè đó bến Eln vừa kịp kỳ xuôi tháng Giêng.

Mở canh đôi đáp bè đầu bè cuối, như tiếng cú kêu lạc trong sóng sông. Đóng đó xếp kín bè nửa lớn. Bè gác nổi đèn đỏ đồng đỏ, kéo đoàn bè tiếp theo, lồm nhồm từng khúc, quăng trắng, quăng đen, như con rắn mai gầm quăng mình trên mặt nước.

Hạ chui vào đóng đó bè giữa.

Nhìn đôi một phiên thì về đến bến Chèm.

*

* *

Tiếng chó sủa eo óc từ ven thành ra, dồn dập, nổi tiếng không dứt. Một đám cướp đương bắt hòe? Một con ngựa trạm chạy “thượng tước” qua làng? Đêm nay quân ông đề nào, ông lãnh nào vào hạ thành? Cướp súng? Không đêm nào ngót những lo âu cho mọi người. Mỗi khi có được một lúc im lặng ngắt quãng thì cái ghê rợn lại càng tăng lên.

Trong gió, những cành sen khô cọ vào tàn lá, tiếng ngơ ngẩn, xào xạc, thơm gây lên tận cửa đề.

Hạ đứng nhìn sang cuối phường Hò. Ba năm nay mới lại được bước chân trông ra hò Tây bát ngát trước mặt. Hạ choáng váng, đứng tựa vào cột trụ. Tiếng chày giã dó bên kia đề đều đặn, tíu tít, vẫn thế. Lòng bỗng xôn xang như năm nào nghe tiếng hát vỗ nước rộn ràng của đám chèo phường Bắc. Bao nhiêu khát khao, đêm hát chờ đợi đã vào giấc đầu. Hạ lặng yên, hòi hộp nghe những tiếng chày giã dó.

Hạ thấy mình vẫn như xưa. Không nghĩ mình đã phải bao năm đầy đọa. Niềm tin gặp nhau đã nung nấu tiêu tan mọi nỗi đau khổ. Hạ ghen ngào. Bây giờ Hạ nhìn trong làn sương ánh trăng đầu phường Hò rõ cả dãy lều cô gái giã dó ẩn trong bóng trúc.

Cái lều cô gái che ba tàu lá cọ. Trên cô gái đá, chiếc chày gỗ nghiêng buộc vào néo tre, vắt ngang đầu người giã dó. Hạ lại như nhìn thấy cái lều cô gái của Chư vẫn ở ngoài cùng. Chư đương trằn lưng, nghiêng vai lấy đà, tay bắt chặt cái chày đã hõm nhẵn. Nhấc lên, buông xuống, tảng đá nặng dồn theo. Tum! Tum! Trên những sợi dó đương toi, tiếng chày tan, trong óng, xa mãi.

Cái mồ hôi rom căm trong tay đã bắt cháy khét lẹt. Hạ đứng thẳng, vùng mồ hôi lửa, vòng lửa rực lên, quay tròn, quay tròn. Đây là

hiệu lửa cho bờ bên kia.

Bỗng nhiên, trong những nhịp chày gióng giả bên mặt nước, có một tiếng bật im. Tai Hạ nghe vẫn thuộc lắm.

Hạ chít lại khăn vuông, bô' i rô' i ngô' i xuô' ng bậc tam quan. Thê' là Chư đã thấ' y ánh lửa. Chư đã nghe tiếng Hạ. Chư trông thấ' y Hạ. Hạ trở về' với Chư rô' i. Chư đương xuô' ng thuyê' n sang đây. Hạ tựa đầ' u vào cột trụ nín thở.

Tiê' ng lạt sạt như có đàn vạc đuôi mô' i rúc qua đám cặng sen, rô' i một chiế' c thúng nhỏ ló ra chỗ nước phẳng, lướt vào bờ. Một bóng người nhảy thoắ' t lên sân miế' u. Hạ còn chớp mắ' t chưa nhìn lại, người á' y đã đế' n trước mặt, hỏi to:

- Cô Hạ đã về' à?

Không phải Chư. Người trai cao lớn, ánh trắng ướt nhể nhại trên cánh lưng vạm vỡ, không biế' t đầ' y là mô' hôi hay những đám sương trong bụi sen khô vương thành giọt đọng lại. Hạ cũng vừa nhận ra anh chàng nói tiế' ng Nghĩã Đô này là người phu trạm năm trước về' đưa tin Chư và đem cái súng bảo Hạ mang vào nhà ông khóa Chũ. Phải, người á' y, Hạ nhớ cái giọng nói như trề tràng của các chạ vùng dưới.

- Chư đã dặn tôi khi nào cô về' thì đưa lại cô vuông vải này cho cô mừng.

Cái vuông lĩnh làm khăn gói, Hạ cho Chư ngày đi phu trạm. Trông thấ' y cái khăn gói, Hạ trạnh nghĩ như đế' m lại bắ' y lâu đời người chồ' ng chấ' t những gian nan. Hạ ứa nước mắ' t, Hạ hỏi:

- Thê' anh Chư đi đâu?

Người ấy trở tay phía Kẻ Chợ:

- Chur vào thành lấy súng. Đi mau ngay thôi.

Hạ cúi mặt, không hỏi gì nữa.

- Chúng tôi vẫn đi tìm súng, bây giờ được nhiều súng hơn trước. Bọn chúng nó ngậm bút lông mèo mà óc thối, lại đi rước Tây về giữ mả bố. Giờ mới vỡ nhẽ ở trong Kinh hay ở Kẻ Chợ thì chỗ nào vua quan cũng một duộc. Bây giờ chỉ có một số hai chết, chỉ có tin mình thôi.

Người trẻ tuổi cười toang toang:

- Tôi cũng mới vào thành phiên chợ trước đây. Thịt thăn Tây mặc váy [3] gác kho dễ quá. Đến tận nơi bóp cổ mà nó không biết.

Khác trước thật. Những chuyện súng đạn, giặc cướp, vua chúa, giết Tây, giết quan rất lạ mà như thường ngày, tưởng hồ nghe quen đã lâu.

Hạ lại biết Chur vẫn nguyên một tính bông bột, mạnh mẽ như thế. Nhưng Chur không còn là người trai già dó như xưa, Chur đã đi nhiều nơi, Chur đã biết ở đời còn nhiều ý nghĩa to lớn khác bên ngoài cái lẽ cũ già dó. Đến đâu cũng thấy nói rằng chỉ có đem bỏ rọ trôi sông cho sạch cái giống quan ta quan Tây thì thiên hạ mới bình yên được. Chur thấy như thế là phải. Chur đã về đem ông khóa Chử phường Hồ chạy khỏi vòng truy nã của quan huyện Từ Liêm đương cho lính về bắt.

Chur đi mua vỏ cây cảnh [4] bên Đông Triều. Vỏ cảnh làm giá y ngòi pháo, những hiệu khách Hàng Buồm hay đặt hàng Tết cho các

phường giấ y. Chư và ông khóa Chử là người phường giấ y, biế t giấ y vỏ cánh dai, dễ vê thuô c, dễ làm ngòì sún g kíp.

Những người trai vùng Bưởi, bỏ vào đây, quẩ tùng bó giấ y vỏ cánh. Không phải đem ra bày bán ở các câ u chợ đầ u phường ngày phiên, nhưng gánh đế n các lò đúc bên kia sông Cái, làm ngòì sún g kíp.

- Cô Hạ ơi! Quân ta các nơi đã về vây khắ p bên kia sông rô i. Đêm ở Chèm cũng nghe loa gọi “ba quan thượng hạ”. Quân Đô c Tít đã đi tuầ n đế n đầ u đầ n Ghề nh rô i. Ông khóa Chử làng ta thì về đón g bê n Bô` Đê`, đứng đầ y trông sang thắ y cả cái chỏ m mũi thắ ng Tây ở Đô`n Thủy. Chồ c lát thì đỏi đòi thôi.

Hạ nhìn xuô ng đầ m sen. Bón g trắng tỏa ngọ p vàng. Lại như thắ y tòa nhà vàng trong tưở ng tượ ng. Tòa nhà vàng, cái vui cái sướ ng sắ p được gặp.

Hạ náo nức tưở ng đế n hôm gặp Chư, Chư đươ ng về .

Đêm sau có chuyế n vào thành lắ y trộm sún g Tây. Hạ theo vào tìm Chư.

Đã qua thán g Hai hội đầ n Đô`ng Cồ.

Năm nay hội lệ không có kiệ u “bay”. Vì, không còn ai khiē ng kiệ u. Bọn quan viên tư vắ n không khiē ng nỏ i kiệ u “bay”, kiệ u “bò” từ Cồ ng Vị lên. Trai làng đón g khô` khiē ng kiệ u đã sang sông theo quân khóa Chử.

Các cụ nóc họ Lý ra thắ p hương hội lệ Đô`ng Cồ, cũng không trắ nh nỏ i đầ n miế u vắ ng về. Các cụ bảo: Trai thời loạn thắ mới phải.

[1]-Ý nói không phải người có chữ biết cầm bút lông mèo.

[2]-Thời nhà Nguyễn, lễ trạm quy ngày giờ và thứ hạng chạy các loại giấy tờ trên dưới từng loại: phi đệ, thượng khẩn, tối khẩn, thứ khẩn, thường hành...

[3]-Hai lần đánh chiếm Hà Nội (1872-1882) Pháp đều đưa lính thuộc địa Ả Rập - quần vải đen vải trắng rộng, người thời ấy gọi là Tây mặc váy.

[4]-Một loại cây có vỏ như vỏ dó, mọc hoang trong các rừng ở Đông Bắc.

Bác Niệm

Ở Việt Bắc, mỗi cơ quan đều có bếp nấu cơm. Ngày ấy, ai đưa bác Niệm vào làm cấp dưỡng không nhớ. Kháng chiến, ai vào làm cơ quan cũng được. Đôi khi, có người đi đường muốn theo, có thể được đi luôn. Cứ nghĩ đã cùng nhau ra ngoài vùng tự do, thế là đáng tin cậy rồi.

Bác Niệm kể ngày trước bác đã nấu bếp cho hiệu ăn của khách ở Nam Định. Biết thế thôi, cũng chẳng khi nào bếp có dịp thử thách các món cao lâu sang trọng, cậu kỳ bác thường khoe. Quanh năm, chỉ có rau dưa. Nhưng bác Niệm cẩn thận, kỹ tính nên được ngon cơm.

Cuối năm nào bác Niệm cũng được thưởng về thành tích bếp núc. Cái bí mật nấu nướng của bác Niệm cũng dễ biết. Chỉ có bất chước được nếm chịu khó, biết lo liệu thì không dễ mỗi ai đã làm được. Ở nơi hóc hiểm, cheo leo, rừng già hay núi đá, bất kỳ đâu, vừa dời đến, bao giờ quanh nhà bếp nhà ăn, bác Niệm cũng cuốc đất đánh luống trồng những khóm gừng, gừng, lá sả, búi ớt chỉ thiên, luống hành hoa. Và cái rau mùi tàu khỏe mọc hoang như nghệ. Hai chiếc hũ sành gầy mẻ, lọ này vôi, lọ kia vôi đầy nguyên. Đầu sào bếp treo chiếc vỏ quả bầu lọ đựng hạt cải, hạt đậu, hạt gạo, bầu bí, mướp đắng, mướp hương. Trước cửa, quanh quần đàn gà và một hai chú cún. “Chúng nó nhặt những cái rơi vãi, chẳng mất đi đâu mà rồi được việc. Ở đời thì người nào việc này, cả con chó cũng có việc của con chó”.

Bác Niệm lại hay nói như giảng: Thiế u gia vị như ăn không muố i, đấ ng miệng. Miế ng thịt, con cá rán kỹ. Nô i kho phải đủ gừng, thảo quả. Cái đậu rán thì ướp hành. Dầu cho chỉ bát canh suông nấ u quả dọc, nhưng thêm mấ y lát hành, cũng dễ lùa com hơn.

Bác Niệm chẳng đi chợ mấ y khi, chỉ loanh quanh ở nhà bế p, có hôm sang khe ruộng dọc hái rau muố ng, rau cải xoong. Bác Niệm đi vác củi trong rừng về . Chỗ cửa có gió, bác ngô i nghỉ cho ráo mồ hôi cái lưng trầ n. Một hôm như thế , bác Niệm thông thả kể chuyện cái đêm Tây với ta nổ súng đánh nhau trong thành phố , bác ra cấ t chè tươi vùng đầ i chùa Trầ m. Đáng lẽ chiề u thì về , song lại tham gánh chè bên Sở Sở hôm sau người ta mới quẩ sang, bác Niệm nán lại đợi. Thế là tă c đường. Nhà bác ở chỗ bãi rác Tám Mái. Mặt trận lan ra. Tây chiế m thị xã Hà Đông rô i, bác theo người ta chạy dầ n lên Lâm Thao, rô i Phú Thọ, rô i Tuyên Quang.

Bác Niệm đã đi tìm vợ con ở nhiề u chợ, từ Cầ n Kiệm lên chợ Lâm, chợ Mè. Cũng không gặp ai quen mà hỏi thăm. Biế t mẹ con nhà nó có thoát ra được hay bị mắ c vòng vây trong ấy.

Chẳng được tin tức bác gái và thắ ng cu Nam. “Giời để cho làm người, năm nay cháu đã lên sáu. Mẹ cháu đầ n lắ m, chỉ quanh quẩn việc nhà rô i đi đưa chè tháng cho các hàng nước. Đế n mùa hè có bận hơn. Nhiề u nhà, khi nóng nực cũng lắ y chè tháng. Cái chè tươi này thiên hạ uố ng nhiề u. Dễ thường nhiề u hơn cả chè mạn, chè Tàu ấy chứ chẳng chơi”.

Chuyện bác Niệm chúng tôi chỉ loáng thoáng biế t theo bác nói. Nhưng mà thật thông cảm lúc nào bác cũng đầ ng đẩ ng nổi nhà. Giường bác ở cạnh bế p. Sáu chiế c cột vầ u chôn thành chân giường, trên đặt cái giát bằ ng hai đầ i nứa ngô tươi đập giập. Phía đầ u kê

chiếc hòm gỗ, đóng lách. Chuyển nơi ở, bác Niệm quây cái nô-i ba mươi và linh kinh lọ mẻ, quả bầu hạt giống, bu gà, hai ba con chó chạy quanh chân. Một bên bông bên cái hòm gỗ lách.

Bao nhiêu thương nhớ vợ con đều chắt trong hòm này.

Hô-i kháng chiến, không ai có lương hàng tháng như bây giờ. Tỉnh trưởng được phát bánh xà phòng giặt. Đầu tóc thì cơ quan đã sắm con dao cạo, và cái kéo. Mỗi năm mỗi vụ được cấp bộ quần áo vải ta may sẵn, khi màu gụ, khi phin đen. Vải thô, chúng tôi nhuộm lá coi hay ruột pin đèn thành màu xám, vừa sạch, lại tiện chạy tàu bay. Bác Niệm, quanh năm chỉ đóng một bộ quần áo nâu. Vốn vải góc nâu non, bác dấp thêm mấy nước nâu lẫn vỏ dẻ. Những năm đầu, còn tươi mới. Rồi nước nâu sẫm xuống thành da bò, nâu dấp, dấp nếp lên như mo nang. Chỉ hai bên vai và sống lưng, mồ hôi muối nhọt nhạt một chút. Lâu rách thế, cũng còn bởi chẳng mấy khi bác Niệm xỏ tay xỏ chân cả bộ. Mùa hè, bác cởi trần. Trời rét đã có bếp lửa và cái chăn đỏ Nam Định. Lại dấp thêm tấm vỏ sui xin được trong làng Mán - giống chăn sui phải cái lách bụi, vô ý bị ho khục khạc cả đêm, nhưng mà ấm như đặt lông ấp lên bụng.

Làm sao, vải chứ có phải gỗ đâu mà mãi không rách được. Rồi vai, đầu gối cũng bọt. Những miếng vá khéo. Có người nói bác Niệm thức cả đêm, lục lợi, khâu vá. Cũng thật như thế. Mùa đông, đông củi bếp đun than đến sáng. Người đến năm ngói suốt đêm quanh lửa bếp, mới biết bác đã thức cả đêm. Nói cho đúng, bác có chớp mắt một lúc. Bác đi ngủ sớm. Như con gà quáng mắt, chớp tôi đã lên chuồng. Bác Niệm buông màn năm, còn nghe xa xa tiếng con cuốc ra kêu sấm tôi dưới nương. Về mùa lạnh, bác thiu thiu mắt từ lúc vắng vắng những tiếng sau cùng của con thú thì thú thì ngoài rặng lau bờ suối.

Khoảng nửa đêm, chim khảm khắ'c gọi nhau vừa mới câ't tiế'ng sắ'c lạnh lạnh, bác Niệm đã trở dậy. Bác thức từ lúc â'y đê'n sáng. Tha thẩn mọi việc.

Nô'i nước lá chùm đũm đã được đun sẵn. Chô'c lại làm một ngụm. Đã quen cái lá chùm đũm mùi ngai ngái. Nghe nói bộ đội đi qua rừng hoang nhiê'u ngày thiê'u thố'n, đã tìm ra cái rau “tàu bay” và lá chùm đũm thay chè. Lá chùm đũm thả vào nước sôi, tan mùi tanh nước suô'i. Một người ngày trước buôn chè tươi, chuyên uố'ng chè vò đặc sánh, the' mà bây giờ chỉ nước lá chùm đũm. Vực từng ô'ng vậ'u vào nô'i nước vàng đục nhậ'p từng ngụm, nghe trong bóng tồ'i hai con khảm khắ'c hai đầ'u rừng gọi nhau từ nửa đêm tới sáng bạch. Lúc â'y bác Niệm đã làm cạn kiệt nô'i nước. Đêm nào cũng như đêm nào, mùa đông đã qua.

Tiế'ng gà sang canh eo óc ngay ở góc bệ'p - để chuồ'ng gà trong nhà, con cáo, con kỳ đà mắ't rình mò. Bác Niệm lấ'y hộp kim chỉ ra. Tá'm áo cũ chẳng lọt một chỗ sứt chỉ. Bác lầ'n lầ'n xem đi xem lại từng đường khâu, soi lên ánh nhựa trám muối đen ngùn ngụt, xem chỗ nào sắ'p bột để liệu mà đụp miế'ng khác. Áo quầ'n đã bạc phé'ch cả lưng, cả đũng, vá miế'ng như áo cà sa nhà sư.

Đê'n hô'i sắ'p trở về` Hà Nội, hôm â'y cả cơ quan tung bùng. Quầ'n áo tử tề' trở ra hế't. Có đồ'ng nào đem đi uố'ng sữa “cây sô'ba”, cà phê “cây đa nước chảy”, hay vào phở Dơi ngoài tỉnh làm luôn hai bát - ở rừng ra mà. Chúng tôi đi xem tù binh Tây trá'ng, Tây đen đem ở Điện Biên Phủ về` làm trại ở thị xã Tuyên Quang đợi ngày Tây điề'u đình với ta xong thì cho về` xuôi. Bác Niệm cũng đi tới tồ'i mịt mới về`. Tay phe phẩy chiế'c mo nang. Cứ hả hê cái vẻ phú ông thả'ng bồm the' mà đi xem tù binh. “Nhiê'u quá, hàng nghìn đũa

thế thì chỉ nuôi vài ngày đã khô n, cơm gạo đâu cho chúng nó. Chiếu n thắ ng mà đâm lo, các anh ạ”.

Bác Niệm nhận má y thước vải may bộ quầ n áo phát đem xé p cả vào cái hòm gỗ. Bác cắt nghĩa cho chúng tôi nghe rằ ng mặc thế nào cũng xong thôi. Cái này để dành cho mẹ con cu Nam. Đi bắ y nhiều năm, cũng phải có cái quà chiếu n thắ ng chứ, đã đành chỉ gọi là thơm thảo. Bác nheo mắ t, tủm tỉm.

Trời mưa dầ m sụt sịt, rả rích. Thong thả, bác Niệm lại mở hòm xem những bộ quầ n áo. Giơ khỏ phin màu gụ lên: “Cái phin này nề n lắ m, nhà tôi mặc thì hợp. Người hiề n lành đầ n độn cả đời ở trong nhà máy mà. Chẳng biế t chợ búa ăn nói thớ lợ đâu. Mà tôi cũng không thích nghe` đàn bà chạy chợ, chỉ tỏ hư người”. Bác cứ thủ thỉ to nhỏ như đang trò chuyện có bác gái ngồ i đầ y. Rồ i quay ra hỏi chúng tôi: “Này các cậu thử để ý cái màu gụ này, ưa nhìn đầ y chứ?”.

Nhưng, nhớ lại cái nề t chĩn chu và chịu khó của bác Niệm, phải nói đế n việc bác học chữ. Bác không biế t chữ. Cũng không ai để ý. Anh em chúng tôi ngập đầ u giúp đỡ các xóm Dao bao quanh cơ quan. Chúng tôi cùng bà con quét dọn nhà cửa, xóm ngõ, chuồ ng trâu và đế n mùa đi gặt, đi phát nương. Lại mở lớp dạy Bình dân. Khuya về`, chạy huỳnh huych. Bó đuồ c cháy rừng rực trong tay mà còn sợ hổ đuồi. Nhưng vẫn cắ t nhau vào dạy học đầ u.

Một hôm, đương buổi ăn cơm. Thường mọi người ăn xong, bác Niệm mới ngồ i vào rồ i dọn dẹp sau cùng. Lúc đương ăn, bác Niệm qua lại, nheo nheo mắ t, thêm vào miế ng cháy, một muôi canh, một gắ p tôm muối kho khế`, hỏi: “Canh có vừa không, cơm thế` nào?...” Mỗi nét mặt, mỗi câu đáp lại có thể làm cho bác Niệm tươi tỉnh hay

đăm đăm. Bác nhìn mọi người thưởng thức công trình mỗi bữa của bác một cách hồ`i hớp, thú vị.

Nhưng hôm ấy bác Niệm bỗng nói giữa các bàn ăn một câu:

- Này, các cậu cứ đem chuông đi đấ`m nước người mãi, phải bảo tớ học với chứ.

Lúc ấy mới ớ ra. Không ngờ vì câu phê bình, cũng không thật vui, nhưng ai cũng cười. Hiển nhiên, trong nhà, ngay trước mặt có người còn mù chữ, mà không ai nhìn thấ`y.

Chúng tôi chia việc, để hẳn một chị ở tổ điện đài kèm bác Niệm học. Người đứng tuổi như bác mà học vỡ lòng không phải dễ. Nhưng được cái bác vô`n chịu khó. Mỗi khuya, đi dạy trong xóm về`, qua nhà bê`p, vẫn thấ`y bóng bác trong phen vách, hí húi dưới ánh nế`n trám, những con thiêu thân chạy trụi cánh, lặn ra đầ`y cái mặt bàn tre.

Bác Niệm đã thuộc hế`t mặt chữ, rõ`i bác biế`t chữ lúc nào ấy. Không ai lưu tâm, cũng như khi bác chưa biế`t chữ. Thế` là bác Niệm đã biế`t chữ như mọi người. Thỉnh thoảng, bác sang cơ quan ấ`n [1]-ở rừng bên cạnh, đem về` một tờ báo. Có khi một trang giấ`y lỗ chỗ của bát chữ dập thử. Bác Niệm nằ`m vắ`t chân chữ ngũ, ê a ngắ`c ngữ đọc choang choác.

Bác Niệm cũng hay ngồ`i viế`t hí hoáy. Bác xin được ít giấ`y nhà in, đóng thành quyển sách cẩn thận. Tôi ngỡ bác ghi sổ sách nhà bê`p chi tiêu, hay tập viế`t. Không phải. Bác viế`t dài dài, lỗ mỗ. Như lời nói với con, với vợ, với người ta. Các thứ, đủ thứ. “Nam ời”. “Này con cún”. “Nhà nó ời”. “Thằ`ng chó nó ấ`m đầ`u đầ`y”. “Sáng nay đã đi

đưa chè chưa?” “Cái chè ngon hơn”. Những chuyện lác đác nhớ lại, bác Niệm viết ra giấy. Những câu kỷ niệm thương nhớ.

Bác Niệm làm cả một bài thơ *Khai bút kháng chiến*.

Vân tiên bút thảo một hai nhời

Anh em tranh đấu có vì ai

Có quả thù lựu để dành mãi

Gặp chú thực dân lại đãi ngay

Bạn bè tôi hảo thì máy thế

Chú thực chả chết cũng lên mây.

Tôi hỏi bác Niệm làm thơ a? Bác ngẩn lên im lặng, nhưng nét mặt tươi rạng, rồi tủm tỉm cười. Hàng ngày, bác đọc báo, lẫn lộn tin tức thời sự với những “vân tiên bút thảo... tôi hảo” những câu thơ từ thời trẻ, khi còn đi làm hiệu cao lâu khách ngày xưa ngày xưa.

Rồi một hôm chúng tôi ra đò ở bến Soi Trâu về xuôi.

Lần đầu tiên, bác Niệm mặc bộ quần áo ka-ki màu xỉ mắng. Đôi giày vải và chiếc mũ cát xám còn khét mùi keo dán. Bác tươi tỉnh, nhanh nhẹn. Về đến Hà Nội, bác Niệm xin phép đi tìm người nhà. Bác đi ngay. Ai cũng vừa mừng lại phấp phỏng đợi bác. Bác Niệm đi liền mấy ngày.

Một sớm tôi, bác Niệm về lúc nào. Trông thấy cửa sổ trên gác chỗ buồng bác có ánh đèn, mới biết.

Người ử rữ, già xọp. Hai quầ ng mắ t nhắ nheo trắ ng xuồ ng. Rầ rĩa trồ lủ tủa. Không biế t có phải thườ ng ngày bắ tuổi tác già lầ thề , hay cũ ng bởi bắ Niệ m thay bộ đạ i cán đườ ng bệ lại mặ vào cái áo cũ vẫ đeo từ ngày ở chiế n khu nê n trồ ng bắ thiể nã quá. Bộ mặ mệ mớ i lại đỏ gay, tưở ng bắ lên con sồ t. Ở rừ ng, bắ Niệ m chắ ng ô m, chắ ng sồ t rét bao giờ. Tay bắ run lẫ bắ , con mắ t đườ ng đỏ ngầ u đỏi sang xanh lét như mắ t mèo. Bắ ngồ i im mà nom dũ như “ông Ba Mườ i” trong cái tranh thờ điệ n.

Chú ng tôi hỏi thắ m. Một lát, bắ Niệ m mới thề u thầ o nói đã tìm thắ y thầ ng cu Nam. Vẫ ở ngồ bãi rác chỗ Tám Mắ i. Nhưng bắ gái đã theo người ta đi đầ u, không ai biế t. Xóm giề ng chỉ đoá n bắ á y đã vào Nam. Bắ gái gửi cu Nam lại cho nhà hàng xóm, dặ khi nào “bồ cháu về” thì trả nó cho. Mà khô n khô , cu Nam chắ ng nhận bồ . Người ta lờ i nó đế n trướ c mặ bắ . Nó khóc tru lên, chạy mắ t. Bồ con xa nhau từ cái khi nó mới chặ chừ ng biế t đi, làm sao nhớ đượ bồ là ai.

Có anh còn muồ n hỏi xem tại sao bắ gái bỏ đi, nhưng thắ y bắ Niệ m thầ thờ, in xám như tắ g đá, không ai dắ m tọc mạch nũa. Chắ c người đầ n bà ra đi đế n đỏi bỏ con lại, tắ t phải vườ ng vườ những éo le lờ i thồ i thề nào đầ y.

Ngày ngày, bắ Niệ m lại chắ m bế p núc như mớ i khi ở trê n rừ ng. Mớ i về thầ n phồ , có nhiề u anh em ở khu Ba, khu Bồ n, ở trong Nam tậ kế t ra, cơ quan đồ ng bộn. Bữ a ăn ngồ i hàng trắ m người. Phải lầ y thề m phụ bế p mới xuể công việ c. Bắ Niệ m cớ i trầ n, đứ ng cặ n lò than, bảo anh em vầ n nô i cơm cho chín đầ u rồ i lại quay sang chầ o xào, nô i cặ n. Ngoà i công việ c, bắ ngồ i thừ ra. Đế n chủ nhậ t, bắ đi biệ t cả ngày.

Một ngày kia, bác Niệm đưa về một chú bé trắng trẻo, mảnh khảnh, cũng đanh người như bác. Và khuôn mặt, cả cái trán, cái mũi thâm thấp giống bác như tạc. Ai thoát trông cũng gọi ngay: Cu Nam! Cu Nam!

Nam lễ phép chắp tay, ngược đôi mắt thông minh đen lay láy chào mọi người. Cu Nam của bác Niệm thật. Mới hôm nào bác Niệm phàn nàn cu Nam thấ y bác, linh đi, thề mà bác Niệm tài ghê. Chẳng bao lâu, Nam không còn lạ với bố. Máu mủ ruột rà có khác. Không ai hỏi, nhưng đoán cũng có thể biết kết quả mỗi ngày chủ nhật bác Niệm thu thu mang đi một bọc. Gói kẹo, bánh bích qui, quả bóng nhựa, quyển vở mới, cái cặp và các sách tranh truyện. Lại cả chai rượu “vốt ca” Ba Lan bán ở bách hóa. Gói lá sen thịt vịt quay, lẫn củ kiệu và tương Tầu hiệu cao lâu Siêu Nhiên. Các thứ ấy để biếu ông hàng xóm tốt bụng đã nuôi cu Nam.

Những bùa bả dễ làm mê mẩn trẻ con ấy đã dần dần làm cho cậu bé xa cách bố ngọt ngào mười năm trời, mon men lại. Chẳng mấy lâu, hai bố con đã quăn nhau như mọi bố con nhà người ta. Bác Niệm dắt cu Nam về cơ quan chơi mấy lần. Rồi cu Nam đến ở hẳn với bố. Ngày ngày, cắp cặp đi học. Cu Nam đã học lên cấp hai. Bác Niệm vẫn một việc miệt mài chăm nom bếp núc như thế.

Nhưng cái bếp của bác Niệm không còn yên ổn như trước nữa. Xưa kia, nhà bếp tranh vách tuếch toáng giữa rừng chỉ một mình bác. Bây giờ, cuối bữa phơi bát đĩa nõi xoong sáng loáng khắp sân. Ba người phục dịch mà vẫn cập rập tới mắt.

Một hôm, bác Niệm bảo tôi:

- Đấ t không chịu gòì thì gòì đành chịu đấ t. Thê ́ này thì tôi phải nghỉ việc, anh ạ.

- Ô hay, bác nói thật hay đùa?

- Tôi nói thật. Tôi đâm ra bị khóa mồm. Con tôi đi học về ́, cứ trông thấ y con, tôi im ngay. Tôi không muố n cho cháu mai sau lớn lên chẳng may ăn phải đũa những cái thắ ng mắ t nế t làm ăn không ra gì kia.

Rồ i bác Niệ m chép miệng:

- Ôi dào, cái việc nhọ đít chầ u ông Táo, ai chẳng làm được. Các anh á y của cá một rõ cả. Tôi thôi thôi.

Câu nói mĩa mai của bác Niệ m còn ngụ ý dối. Có lẽ vì những chuyện to tiể ng dưới bê p ngăn nắ p hay luộm thuộm bắ y lâu chúng tôi chỉ xử hòa cho xong việc, bác Niệ m không bắ ng lòng. Bác nói mát như thê ́.

Rồ i bác Niệ m bỏ đi. Bác đã định đi, mà không muố n nói với ai. Bác thu xế p đêm trước cái hòm gỗ, cái ba lô con cóc, mắ y thứ cô ng kề nh. Vắ ng bác mắ y hôm, đế n lúc xem chỗ bác nắ m, thắ y tro ́ng không. Nhiề u người ân hận về ́ nỗi đã cùng nhau trải những năm tháng gian nan ở trên rừng. Có người đã hỏi thăm tận ngõ bãi rác ở Tám Mái. Nhưng cũng chẳng ai biế t bác ở đâu.

Rồ i tràn ngập bê ́ bộn công việc. Cái kiể u chào nhau giơ hai ngón tay hy vọng hai năm có tổng tuyển cử bây giờ đã xa vời. Mỗi ngày, trong miề n Nam lại đưa ra biế t bao tin tức đen tồ i.

Bắ ng đi có đế n mắ y năm, một hôm, tự dưng bác Niệ m lại đế n cơ quan. Bác vẫn thê ́. Bộ đại cán màu xi mắ ng năm nào. Cái áo nhắ n

neoh ở cổ và sô'ng lưng lă'n vê't dây phổi. Chắ'c lúc đê'n bác mới xỏ tay vào cái áo chỉ được mặc trong dịp có việc. Riêng mái tóc đã bạc trắ'ng. Nhưng vì bác Niệm vẫn húi đầ'u cua, nên phải tinh mắ't để ý mới thấ'y những chân tóc lắ'p lánh.

Tôi vẫn nhớ mỗi khi có điề'u hài lòng, mặt bác Niệm lại phắ'ng phắ't nét sang sáng và miệng cười tùm tĩm. Từ nă'y, thấ'y bác Niệm một vẻ vui vui như thê'. Ừ mà chẳng phải hỏi han nhiề'u, chỉ một việc bác đê'n nhờ cơ quan chứng nhận cho phầ'n lý lịch công tác của bác để cu Nam làm hồ' sơ đi học nước ngoài, cũng đủ hiểu được niề'm vui của bác to lớn thê' nào.

Tôi hỏi thăm, bác Niệm cười:

- Tôi làm sở tư thôi. Thủ trưởng, nhân viên mình kiêm tâ't. Hôm nào anh đê'n chơi.

Cái “sở tư” có thể là bác làm gia công mì sợi hay dán hộp mứt, hộp thuố'c, dán bì'a cặp - công việc mà bà con hàng phồ' vẫn phơi bì'a phơi mì nhan nhản trên vỉa hè những buổi trưa nắ'ng. Vả lại, một người tháo vát và lam làm con dao pha như bác Niệm - ở trong thành phồ' đông đúc thê' này, biế't bao nghê' sinh sô'ng dựa vào nhau - làm gì mà chẳng ra cái ăn.

Nhưng rô'i đê'n cả năm tôi vẫn chưa nghĩ đê'n xuố'ng chơi nhà bác Niệm. Đạo á'y, máy bay Mỹ đã bắ't đầ'u thăm dò vào vùng trời thành phồ'. Báo động, ba mươi, bốn mươi... máy bay địch đã bay xa... Rô'i máy bay Mỹ ném bom Cầ'u Đuố'ng, ga Yên Viên. Các khu vực phồ' có những khoảng bãi trồ'ng, ban bảo vệ đã được kế' hoạch phải cắ't cử tuầ'n đêm cẩn mật. Từ hôm địch nhảy dù đêm ở Sơn Tây

càng phải ráo riết đặc biệt bảo vệ các khu quanh Hỏa Lò, ga Hàng Cỏ...

Trong tình hình khẩn trương thế, tôi bỗng nhớ bác Niệm. Bác đã kể bác làm ban bảo vệ phố.

Nhà bác Niệm ở dưới trại Găng, gần đầu ô phía chợ Mơ. Ngày trước vùng này toàn hồ ao, đầm lầy. Bây giờ nhà cửa san sát cả.

Nhà cạnh hồ. Vách toóc-xi kỹ lưỡng, trông cũng biết không phải nhà thuê. Hai gian một chái, đầu móm đất cạp nhô ra ngoài hồ. Như cái nhà bé tí tẹo ở núi non bộ. Ba mặt lộ ng lộng nước. Mái phi-brô xi măng lót rom vàng óng, chẳng khác nhà mái cọ. Đằng trước, đằng sau lơ thơ giàn bí phấn, giàn gấc, giàn hoa lý. Xung quanh vách, trước sân, lấm củi thế. Đống củi cao hơn đầu người xếp đã lâu, những đầu gộc to ở dưới bị mưa nắng, rêu bám mốc đen.

Bác Niệm từ trong nhà ra. Bác cúi xuống mở cái chốt dựng cổng tán tre. Bác nói: Cái này buông xuống, gà què chịu không vào bới sân được. Các cụ ngày trước nghĩ ra cái cổng tán, cũng tài.

Nhớ cái nhà bếp, nhà ăn của bác Niệm ở ngoài kháng chiến. Tắt nhiên, nhà bác ở đây tinh tươm hơn. Nhưng đồ lẻ đơn sơ, không có cái gì bày biện mà chỉ những cái đương cần dùng. Chiếu giường tre gian bên, chiếc mâm nhôm con con dựng đầu hè. Bàn uống nước. Chiếc điếu cày ghếch ngay ngắn. Trên tường, ảnh Bác Hồ treo bên khung lò ng kính tám bả ng huy chương kháng chiến. Bốn cái chén úp trong đĩa, tròn chén bóng nhoáng cạnh cái ấm giỏ có tích nước nư vô i. Nhà gọn sạch, ngăn nắp quá đến lạnh rợn - cảnh nhà vắng người, vắng trẻ con. Trông ra khoảng sân đất mép hồ, vẫn gặp lại cái tính chịu khó của bác Niệm năm nào. Búi

giềng, búi gừng, búi nghệ tốt um. Một luống hành lẫn tỏi, củ kiệu, lá hẹ không biết để giống hay ít hái, hành đã lên hoa, lá tỏi vàng úa. Rồi thì mùi tàu, húng thơm, húng quế, rau ngót, dây chua me, một cây ớt xum xòa quả đỏ chót.

Cung cách này, hẳn bác Niệm ở một mình. Nhưng tôi im lặng không hỏi. Tôi ngại đụng vào vết đau âm thầm của bác.

Tôi trở tay ra luống rau:

- Bác vẫn chơi cảnh vườn rau?

Bác Niệm nói:

- Tính tôi thích ăy mà. Đủ lệ bộ vậy mới yên. Mua được mấy con nhộng rang, mà không rác được cái lá chanh, cái hành hoa, ăn mất ngon. Hôm nay ở đây ăn cơm với tôi. Anh em mình lâu lắm mới lại cùng ngồi.

Còn tôi đã lâu mới được trở lại cái thì giờ thanh thoi như thế. Tưởng như phảng phất còn đương những năm kháng chiến. Ai đã ở Việt Bắc mà không nhớ trên đường rồng rã đi công tác, tà tà chiều qua một phố nhỏ ven bờ sông Lô quăng ngã ba lên Thác Bà, đặt chiếc ba lô vào cái ghế trong một quán cơm mái tranh vách nứa vắng vẻ, rồi xuống sông tắm. Tắm xong lên uống rượu ăn cơm thịt gà luộc, canh cà chua rồi đánh một giấc. Sớm hôm sau lại ba lô lên vai từ từ mờ đất. Kháng chiến gian lao, mà nhẹ nhõm.

Bác Niệm cắt tiết một con gà choai. Giờ đương ở thành phố, mà nghĩ đến giữa rừng năm ăy, mặc dầu, cả bác và tôi và hoàn cảnh cũng đôi khác rồi.

Chúng tôi ăn cơm vào ban trưa, phải chạy núp tàu bay ba lầ̀n mới xong bữa. Ngồ̀i ở miệng hầ̀m trú ẩ̀n, bác Niệm trỏ đố̀ng củi cạnh vách:

- Tôi không có tủ kết đưng tiề̀n, phải chấ́t tiề̀n ngoài sân đầ́y. Có thể́ mới nuôi được cháu Nam đi học bằ̀ng anh bằ̀ng em. Nay có khi nào anh để ý cây cối ở Hà Nội nhiề̀u chẳng kém rừng Tuyên Quang? Lắ̀m chỗ còn rậm hơn trên rừng kia. Tôi vẫn số̀ng với cây cối, củi đuồ́c như ngày ở rừng.

- Bác vẫn làm cấp dưỡng?

- Không phải.

- Đi chặt củi à?

- Anh đoán gầ̀n đúng. Tôi làm chú tiề̀u phu Thạch Sanh. Ai lại nghĩ có nghề` sơn tràng ở đầ́t Kẻ Chợ, thể́ mà có đầ́y. Sân nhà có cái cây mục, cây đổ hay cơ quan muố̀n chặt cây lắ́y đầ́t làm nhà. Gọi công ty công viên, chẳng biế́t có phải việc của người ta không. Mà không dễ ai cũng biế́t ngắ cái cây. Có nghề` chứ. Anh trông một dãy rừu, thuồng của tôi cài trong vách thì biế́t nghề` tôi.

Nghe bác Niệm nói tôi mới dầ̀n dầ̀n nhớ ra ở Hà Nội còn lắ̀m nghề` oái oăm hay hay. Người ta còn cần cái gì thì có nghề` ấ́y. Bà đưa tháng gói hoa cúng gài vào cái đình trước cửa. Có nhà, có cơ quan mua chè tươi tháng. Mà phồ́ xá lắ̀m nghề` thật. Nhà nào chẳng có con dao. Dao cùn, phải mài cho sắ́c lại, thể́ là cần ông mài dao, ông móc cống... Người đi câu, người đánh giậm quanh chân cầu Long Biên. Người cắ́t cỏ công viên, cái chợ cỏ trên bờ đê, người chặt cành si bán cho voi vườn bách thú ăn. Người đi lắ́y nước vo. Bác Niệm đi ngắ cây. Những việc lật vậ́t mà cần thiế́t quanh mình.

Nghe đi ngả cây của bác Niệm, sau cái yên xe đạp của bác có hai chiếc túi to پہنه, gài đô nghe. Cái búa, cái cưa, con dao rựa, cuộn thùng day. Cây nhỡ nhỡ, cây cổ thụ, cây ỏi rễ cái sâu ngấp đầu, cây xà cừ rễ chùm như mạng nhện, cây nào bác Niệm cũng hạ ngon ơ. Cây ngả rồi, bác được trả công, lại được chia phần gỗ c và cành. Cành đem phơi, bó lại, bán củi. Còn cái gỗ c, để áp Tết bán cho người ta mua củi nấu bánh chưng. Ở thành phố, kiếm được cái củi đun lửa đun siêu tốc, hầm nồi cá kho được như ý không phải dễ. Mùa nào bác Niệm cũng có củi bán.

Trong câu chuyện hôm ấy, tôi để ý, nói gì rồi bác Niệm cũng lại kể về Nam. Ảnh Nam trên tường, người thanh niên thắt ca-vát khác lạ mà nghe bác kể như thể cái thằng cu Nam bé bỏng vẫn quanh quần đầu ngoài ngõ.

Bác Niệm lấy trong hòm ra mấy bó thư bằng những cái gỗ i. Vẫn cái hòm ngày trước. Thấy tôi nhìn, bác Niệm cười tủm tỉm. Cái hòm trên rừng quấy về đây, vẫn thế, không mội một tý nào. Không hỏng, chẳng nhẽ tự dung chẻ ra làm củi à. Chỉ khác, bao nhiêu năm đã qua, mồ hôi và bồ hóng đen thui và trên mặt hòm có cái khóa.

Bác Niệm mở từng bọc, bảo tôi cầm thư cầm ảnh mà xem.

- Anh nhỉ, chóng thật, mới hôm nào, cái ngày tôi tìm thấy cháu. Công phu quá. Nhưng mà con trẻ ấy mà. Đến lúc cu cậu nhận được ra bồ rồi, thích bồ rồi tôi cũng cháu về cơ quan, hai chân còn thông thọt doãng ra, thế mà bây giờ ở bên Tây, cháu học cái gì nhỉ, cái gì giỏi hơn cả cái đèn điện này?

Tôi nói:

- Điện tử.

Bác Niệm cười toét miệng, nhắ c lại:

- Ủ, điện tử, điện tử.

Cũng không phải bác quên. Nhiê`u lâ`n trong lúc ăn cơm bác Niệm đã kể “cháu Nam nó đang học ngành điện tử”. Nhưng bác thích nói ngắ c ngứ thê´, để được nghe người khác nhắ c lại cho thích tai.

Một hôm, bác Niệm đế`n cơ quan. Trông bác vẫn như mọi khi. Cái áo vét màu xi măng, cửa tay, khuỷu tay đã sờn. Cái áo đại cán được phát ở Thái Nguyên, từ ngày về` thành phố`.

Sau xe, đèo hai cái túi to. Nhưng không trông thấ y cái rìu hay con dao thò chuôi lên. Bác Niệm lâ y ra chiế c cặp nhựa giả da có khóa cài, kiểu cặp của cán bộ hành chính tài vụ hàng ngày đế`n phòng làm việc. Tôi mỉm cười, nghĩ bụng: cái cặp của trưởng ban bảo vệ. Trưa hôm trước, gặp bác Niệm trong trận máy bay Mỹ ném bom bãi Nghĩa Dũng. Phô´ bãi, nhiê`u nhà lá, vách nứa. Đội chữa cháy các khô`i bạn đế`n cứu đông lắ m. Xe xích lô cứu thương đập phăng phăng trong lửa ra. Thoáng thấ y, bác vẫy tôi, gọi tôi thật to, rô`i lại biế n vào đám khói mù. Có lẽ hôm nay bác Niệm đế`n, kể cho tôi nghe để tôi viế t bài báo về` hôm â y cũng nên.

Bác Niệm ngô`i xuô`ng ghế` trước mặt. Bác Niệm mở cặp, lâ y ra quyển sổ dày cộm. Chao ôi, tôi nhớ đế`n cái ngày năm nao bác Niệm mới biế t chữ. Bác Niệm cũng đóng một quyển sổ dày tương tự. Tôi đã đọc những câu ghi chép như người nói chuyện với nhau và bài thơ khai xuân của bác Niệm.

Bác Niệm để quyển sổ trên bàn. Bác nói thông thả:

- Tôi định bàn với anh việc này từ lâu.

- Việc gì thế ă?

- Tôi chép lại những cái đòi tôi... đòi tôi...

Bác Niệm viết văn! Tôi nhận xét như thế, có ý ngậm cười cợt phần nào, trong khi bác Niệm vẫn dăm dăm mắt, lại rành rẽ nói. Câu nói của bác Niệm như trả lời vào thái độ vô ý của tôi đối với điều thiết tha của bác.

- Không, tôi không biết viết để in sách, in báo như các anh đâu. Tôi có viết cho bao giờ cháu Nam về cháu đọc. Cháu chẳng được gán gửi tôi từ tám bé. Đến lúc gặp được, bố con cũng chỉ ở với nhau mười năm. Rồi cháu lại đi xa. Việc nhà ra sao, những nông nỗi đường đời của tôi, cháu nó nào biết đâu. Người già rồi chết, chẳng thể ở mãi được với con cái, nhưng tôi nghĩ lời ghi nhớ thì để lại mãi được. Đây, tôi muốn như thế. Tôi nhờ anh xem hộ thế nào. Anh giúp tôi.

Tôi lại hiểu bác Niệm cầm bút hay chẻ củi, mọi công việc đều ngành ngọn, đến đâu đến đấy. Ở con người như bác Niệm, khi trồng búi giềng, cây ớt hay dấy cái củi vào giữa bếp cho lửa đun đều, hay mài cái rìu sắc, sắc cuộn thùng dấy để ròng cho cẩn thận cái cây ngà, đều công phu như đêm ngày lo toan về đứa con. Tôi đã quên hẳn cái ý chế giễu thiên cận lúc nãy. Trước mặt tôi, một con người mực thước, cả đời tự lực, tự trọng.

Không phải người ta cứ nghĩ thế nào thì viết được ra đúng thế. Tôi nhìn ra ánh trắng thành phố. Tám lòng bác Niệm cao xa và

thiên liêng hơn gấp bao nhiêu lần bác Niệm viết thành chữ. Chữ của bác chẳng nói được nỗi lòng bác. Nhưng tôi cứ thấy ở mỗi câu hiện ra cuộc đời, trong đó có cả niềm hân hoan mai sau mà lúc ấy người viết không còn nữa.

Rồi tôi có việc đi công tác ít lâu.

Một hôm, một cô ở văn phòng chợt nhớ, bảo tôi:

- Suýt nữa cháu quên mất. Hôm trước có một cụ đến hỏi bác, bảo bác về thì đưa cho bác gói tài liệu này. Người cụ trông nhọc lắm. Cụ ngồi xe xích lô đến. Cụ bảo cụ vào bệnh viện Bạch Mai. Cụ dặn hôm nào đi công tác về, nhớ vào chơi.

Tôi thoáng trông, biết là cái gói sách vở của bác Niệm. Bốn mươi năm đã qua. Các anh các chị làm việc cơ quan bây giờ đều là những người mới. Chẳng còn ai biết bác Niệm là anh nuôi cơ quan ta hồi ở trên rừng.

[1]-Chỉ nhà in lúc kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc.

Hai đứa trẻ đợi đi

Thương cho con Đán đã buồn thương đọc truyện này.

Khách sạn Cửu Long ba sao nhât thành phố ở trên đường cạnh sông Sài Gòn chảy ngang qua giữa quang cảnh sầm uất những phố chính. Tuy vậy, chỉ mới ba bốn giờ sáng, tiếng xe lam đã phành phạch dưới cửa sổ. Với cái thói ít ngủ của tôi, thế thôi cũng vừa lúc lên sân thượng làm vài động tác thể dục và xem thành phố phương Nam thức dậy trong ánh nắng chói chang từ những vườn dừa bên Thủ Thiêm lửa tỏa đến chân trời.

Thế mà đã thấy bên cửa sổ một chú bé đứng im đấy. Thoạt nhìn biết ngay nó lai Mỹ. Gầy quá, trông mắt nâu nhạt, tóc hoe hoe phờ phạc. Mặt lõm lõm tàn nhang như cái thằn lằn “Poan Cà rô t” trong tiểu thuyết của Gin Rơna.

Nó trạc trên mười tuổi. Mỗi khi trông thấy những đứa trẻ lai đen lai trắng trạc tuổi ấy, bao giờ cũng khiến người ta nghĩ ngay tới những ngày chuyển động đất nước cách đây trên mười năm, tiếp theo công cuộc xây dựng lại thành phố, kê bên còn biết bao sự việc, hệ lụy, tâm tư ngổn ngang đến tận bây giờ. Thoạt đầu, tôi cũng chỉ thoáng để ý, nhưng rồi liên mấy hôm đều như thế, cứ tỉnh mơ đã thấy nó đứng chỗ cửa sổ ấy, mà thông thường thì trẻ con vào giờ giấc này chưa thể mở mắt được. Nó cứ nhìn ra mọi hoạt động trên sông sớm. Bên đò máy sang Thủ Thiêm đã tấp nập. Một chiếc càn cầu cạnh mặt nước đã bắt đầu chạy lên chạy xuống, trong khói hàn xì xèo xẹt ánh xanh lóe. Nhưng dường

như nó cũng chẳng để ý trông cái gì cả. Mối nó trể ra và con mắ t thờ ơ lạ lùng.

Ở phòng ăn, tôi hỏi người nhà bàn xem thắ ng bé á y là thê ́ nào. Anh nhà bàn bảo tôi:

- Thắ ng Bi đó, chú không nhận ra nó à?

- Bi nào?

- Cái thắ ng Mỹ lai vẫn bán thuố c lá với bà ở góc phồ ́ ngay bên kia đường đó...

- Ờ... ờ...

Thê ́ thì tôi nhớ ra rô ́i. Thắ ng bé cao đồng nhưng còm nhỏm, mặc dầ u gầ n hai năm tôi mới trở lại đây. Mấ y năm qua thường có dịp đế n trọ khách sạn này, tôi đã quen mắ t thắ y ở chỗ góc đường ngay trước mặt dưới cửa sổ có một bà già bán thuố c lá bày trong cái tủ con con. Những vỏ bao thuố c đắ t tiề n, chẳng biế t trong có thuố c hay bao không, nhưng mặt kính tủ thì lòe loẹt, loáng lên. Ở đây, nơi phe phẩy chợ búa thê ́ này câ n cái màu mè hào nhoáng, dẫu chỉ là gánh quà bánh lật vặt, cũng phải hoa hòe bên ngoài, những cái nhìn thắ y đã quá nhàm.

Sở dĩ dễ nhớ bà già bán thuố c lá vì bà có thắ ng cháu Mỹ lai. Thắ ng bé tha thủi thơ thẩn cạnh bà, đôi lúc ra thắ p nén hương khắ n khách cắ m chỗ gồ c cây me. Những hôm vắ ng người mua thuố c, bà hay giục cháu phải coi chừng thắ p hương liề n liề n, đừng để cháy hế t rụi mà sái. Nó ngồ i ngay đầ y, câ m quyền sách “Măng non” chồ c lại mở ra đọc, chồ c lại châm hương, nhưng hễ có người khách nước ngoài nào đi qua, nó ngửa tay giơ ra xin tiề n.

Khách cũng thường cho nó tiề`n, có khi cả cái hộp quẹt vỏ nước ngoài, một quả xoài, một quả măng cụt. Có lẽ, con mắ`t và suy nghĩ của người khách đế`n Sài Goòng hôm nay, trông thắ`y thắ`ng bé, có thể tưởng như khám phá ra phầ`n nào cái tò mò mĩa mai đáng giận đáng thương lẫn lộn, bởi vì mặt mũi tóc tai nó khiề`n như tận mắ`t nhìn cái xót xa của một thời người Mỹ làm chúa tể ở đây.

Ồ`, thế` thì tôi nhớ rô`i. Phải, nó là thắ`ng Bi.

- Dạ, thắ`ng Bi, thắ`ng Cục, thắ`ng Hòn gì cũng vậy thôi. Cái mắ`t nó xanh mắ`t mèo thế`, chứ nào nó biế`t Mỹ Mẻo phương nào. Bây giờ thắ`y nói là thắ`ng bồ` đề nó mới gửi giấ`y xin bảo lãnh cho nó đi, nó được vô ở đây đợi đi. Chẳng biế`t thật thế` hay lại mưu mẹo gì của bọn này.

Cơ quan di cư hợp pháp của Liên Hiệp Quố`c có trụ sở ở thành phố` này chuyên lo liệu mọi việc hòa hợp gia đình như thế`, mà mỗi việc phải làm đề`u không việc nào giồ`ng nhau, biế`t bao khó khăn, rắc rô`i. Nhưng là một bộ máy, bộ máy thì phải có kế` hoạch, có công việc nhắ`t định. Má của Bi đã được cơ quan này mời đế`n. Chị ấ`y được bảo cách cho viế`t một cái đơn, với tư cách pháp nhân của người đã sinh ra đứa trẻ bắ`ng lòng cho đứa trẻ đi, cam đoan không làm điề`u gì cản trở việc đó. Rô`i để cơ quan lo tiế`p, trước nhắ`t là việc đưa đứa trẻ vào ở khách sạn.

Bi được quầ`n áo mới. Bi được ăn uồ`ng giờ giấ`c như mọi người khách và vì Bi mới mười ba tuổi, còn là trẻ con, nên Bi được phát các thứ đồ` chơi, cái tàu hỏa và toa tàu xinh xinh bắ`ng bao diêm, nồ`i vào nhau dài như cái đòn gánh, có thể tháo rời từng toa được, có thể lên dây cót cho tàu chạy trên đường ray vòng tròn. Đồ` chơi rắc rô`i hay quá, giá có đông đứa xem thì chơi cả ngày không

chán. Nhưng chỉ thấy Bi xách ngược lưng lẳng cái đoàn tàu, có khi lại chổng cả xuống, như cái đòn gánh, tựa cằm vào, đứng cửa sổ nhìn ra ngoài kia.

Cơ quan quốc tế làm việc này chạy khớp như vòng bánh xe quay, nhưng nó lại không phải các loại máy đóng gói hay cắt gọt hay đóng bao thuốc lá, con dao, cái thìa mà đây là công việc làm cho con người. Cho nên, ôi chao là tội bởi...

Má Bi từ Vũng Tàu về ký giấy cho con đi. Má Bi đi lấy chông đã lâu. Anh ấy làm công nhân ngoài cảng dầu lửa. Chẳng biết cái đứa con là thằng bé Mỹ lai có tổn hại gì đến hạnh phúc của hai người, nhưng nhất định cũng không tiện rồi. Có một câu chuyện ở Hà Nội đã lâu lắm, mà tôi còn nhớ. Chúng tôi vào nhà hộ sinh thăm một chị bạn ở cũ. Cùng buồng, giường bên cạnh, có một chị cũng mới sinh. Đứa con gái đầu của chị thỉnh thoảng đem cơm nhà vào cho mẹ. Con bé tóc xoăn, lai đen. Chị ấy cần nắn, phàn nàn măng khéo con, cốt cho mọi người biết, “Mẹ chỉ vắng nhà có mấy ngày mà con chơi năng thế nào đến nổi cháy da cháy thịt lên thế kia”. Ai cũng bậm bụng, không dám cười, cũng không dám hỏi lại.

Má lấy chông, Bi không được đi theo. Bi ở với bà ngoại. Đã ngót mười năm qua rồi.

Đêm ấy, rồi mấy đêm nữa, má Bi và bà Bi, lúc thì má khóc, lúc thì ngoại chửi má, đánh má rồi bà cũng khóc, ai cũng âm ỉ như những người lên cơn điên. Má Bi xin bà Bi thương mẹ con Bi, cho Bi đi. Vài năm nữa, lớn nó đi làm có tiền, nó không dám quên ơn bà đâu, rồi nó gửi “thùng đồ” về biếu ngoại. Bà Bi nắm tóc dìm đầu má xuống, gào lên: Tao không cần tiền bạc, tao không thèm

“thùng đồ”, cháu tao ở với tao mười năm nay rồi, bây giờ mày đâm vào ruột tao, mày ném nó xuống biển, mày là quân giết người. Cút đi! Cút đi! Mày có chông con tử tế rồi, yên cái thân mày rồi, người ta có hỏi đến nó thì mày bảo mày không biết, ai làm gì được mày, mày thò mặt lên đây làm gì, làm giãy làm tởm... Bây giờ mày bắt cháu tao đi đâu? Tao mà biết được mày là quân bất nghĩa thế này thì tao bóp cổ cho mày chết từ cái khi còn oe oe kia rồi...

Những lúc thâm ái, thằng Bi cứ trăn trăn nhìn bà lại nhìn má, rồi lúc nó ôm bà, lúc nó ôm má, có lúc nó bênh bà, nắm tóc má rồi lại khóc như bà, như má, thật nó cũng không hiểu hết được ngọn nguồn sự tình thế nào.

Nhưng rồi giông gió cũng qua đi. Đến hôm ái, lại chính bà Bi đưa cháu đến cái chỗ làm việc thiện kia. Má Bi ở nhà. Má Bi định đợi đến lúc bà trở về, hỏi han xem thế nào. Nhưng nghĩ sao, má Bi lại bỗng sợ cái lúc ái vĩnh biệt ái quá, bà cháu Bi đi rồi má Bi đã về ngay Vũng Tàu.

Ngoại dắt cháu đến đây. Nói là Bi đưa bà đi mới đúng. Bởi, còn ngõ ngách nào ở vùng đông đúc giữa thành phố này mà Bi không thuộc vanh vách.

Rồi người ta đem Bi vào khách sạn. Bà cũng đi cùng với Bi. Ngày nào Bi chẳng ngồi lê đường bên kia nhìn sang cái “ô ten” sang trọng, có điều hai bà cháu chưa được đặt chân vào bao giờ. Chẳng lạ, chỉ có cái mà Bi thích là từ hôm nay bà cháu được vào ở đây.

Hai bà cháu bước lên cái phòng rộng ngợp mát. Cuối trong, chiếc thang máy lên xuống vì vút như những thùng kéo nước

giế'ng. Hai bà cháu ngô'ì đầ'y đợi.

Có một người ra đưa Bi vào thang máy lên phòng. Bi không kịp nói gì với bà. Nhưng Bi cũng không có vẻ lo lắng. Bi không biế't vào thang máy thế' nào, nhưng Bi biế't còn có cái câ'u bậc bước chân bên cạnh xuô'ng tận tâ'ng trệt. Ngô'ì một lát, mãi chẳng thấ'y bà lên. Rồ'ì Bi lền xuô'ng thang gác, chạy sang góc pho', chỗ bà vẫn ngô'ì bán thuo'c lá. Chắ'c bà đã xuô'ng đầ'y. Để Bi kể với bà một thứ vừa qua nhìn thấ'y trong nhà.

Bi hơi phấ'p phồng, nhưng mừng quá. Bà vẫn ngô'ì bên gô'c me. Cây hương đã khổi xanh ngơ ngắ't lên. Bi kể các thứ chuyện trong khách sạn. Cây hương đã tàn. Bi ra cắ'm cây khác. Bi chợt quay lại nhìn, thấ'y nước mắ't ngoại động hai bên nế'p má nhăn nheo. Đế'n xế' trưa, có người trong nhà lầ'u ra gọi Bi vào ăn cơm. Bi còn chạy ra bờ sông mua cho bà đĩa cơm cá lóc kho rồ'ì Bi mới vào khách sạn. Nhưng tô'ì hôm â'y, Bi phải nằ'm ở buồ'ng một mình thì Bi bắ't đầ'u nghĩ đế'n những chuyện không thể hiểu, không có thể như thế'. Đế'n lúc buồ'n ngủ quá, Bi thiế'p đi lúc nào không biế't.

Bi ra gô'c me từ mờ sáng.

Bi đã thuộc lệ, đế'n chuyề'n xe lam thứ mắ'y bà mới lên. Không ngờ, Bi đã thấ'y bà ngô'ì đầ'y rồ'ì, như là cả đêm qua bà vẫn đợi Bi bên gô'c me.

Bi bảo bà:

- Chiề'u nay, lúc nào dọn hàng đi gởi tủ đồ' rồ'ì ngoại cho con về' với. Con không ngủ ở trong nhà kia đâu.

- Không được, con ạ.

- Bà biểu sao?

- Bây giờ con là của người ta. Con phải ở đây, rồi con đi.

- Con đi đâu?

Bi thấy mắt bà lại đỏ hoe. Bi lẳng lặng ngó xuống ghế cạnh bà và chỉ nói:

- Con về với ngoại đó.

Lúc ăn cơm chiều xong, nó ra thì không thấy bà. Nhưng Bi cũng chẳng lo. Từ đây xuống Phú Nhuận, Bi không lạ đường chỗ nào. Thế là Bi về thẳng cái chỗ nhà cậu. Bi đi luôn. Bà ngoại vừa trông thấy Bi, đã la lên: “Không được! Không được! Bà phải dẫn cháu về khách sạn, không có thì người ta xuống bắt cháu, không ở được đây nữa đâu”.

Nói thế, rồi bà cũng vẫn ngó yên nhìn cháu và lại nhắm mắt. Bi yên trí, chui vào màn, nằm ngủ luôn. Hôm sau, hai bà cháu cùng nhau lên phố sớm. Bi lại làm như thường ngày. Bi vào ôm cái tủ kính bà gửi nhờ nhà xé giấy và trong khi bà mở khóa thì Bi lấy một nén hương thắp...

Bộ máy cơ quan quốc tế tiếp tục làm những việc cho Bi đi mà không bao giờ Bi có thể biết người ta làm những công chuyện gì. Bi chỉ biết hôm ấy ở khách sạn ra, Bi lại không thấy bà. Lần này, Bi cảm thấy một nỗi lo khác mọi khi. Bi hốt hải chạy về nhà. Cái mái che ni lông lù lù bên cạnh dòng nước đen đặc chân cậu lún nhún vẫn đây. Nhưng trong lòng trống không.

Đêm hôm sau về cũng không thấy bà. Hỏi xuống đến các nhà bên sông xung quanh ai cũng bảo không biết. Bi khóc, lạy người ta chỉ giùm ngoại, nhưng người ta lắc đầu bảo thật không biết ngoại Bi đi đâu. Sáng ra gốc me cũng không thấy. Cái tủ kính đựng thuốc gửi nhà kia bà cũng lấy mang đi rồi. Bây giờ bà ngồi bán thuốc lá ở bên lề đường nào?

Sớm sớm, tôi thấy Bi đứng to vo, ủ ê trong cửa sổ. Có lúc chăm chú nhìn xuống đường, có thể là xem thấy ngoại đi qua không.

Cái bàn ăn của Bi được trải khăn trắng bông. Các chú nhà bàn đến đặt thìa đĩa, bát đĩa, lọ tiêu, lọ muối, đủ như mọi bàn xung quanh của người lớn và của người nước ngoài. Lại thêm một đôi đĩa đồ đẹp. Bi ngồi một mình im lìm, không ngẩng mặt.

Tôi vào qua cạnh bàn Bi, Bi đứng lên, chắp hai tay đến ngoại cả vai, lễ phép chào:

- Chú mời cơm.

Rồi Bi lại ngồi xuống, làm lì cà m dưa và cơm.

Tôi thâm trầm, vẫn thấy Bi đứng ngó cửa sổ. Hôm nào cũng trông, tưởng như đứa trẻ tro tro kia, dửng dưng, không nhúc nhích chẳng khác những bức tượng trang trí người bắt cá, người kéo vó đặt dọc dài hành lang. Bỗng nghe nức lên một tiếng khóc gọi “Ngoại ơi”. Ngoài kia, trời đã tối. Chỉ có ánh đèn thấp thoáng trên ngọn cây me.

Tôi rón rén đi qua. Không muốn để Bi biết có người đằng sau lưng.

Giữa mấ'y ngày ấy, tôi lại được chứng kiế'n cái cảnh một thắ'ng Bi nữa đế'n ở khách sạn. Cái thắ'ng Bi nữa ấy thật tên nó là thắ'ng Vô', không trùng tên với Bi, nhưng mà nổi nhà thì cũng nảo lòng na ná như Bi. Không hiểu ai đã lấ'y tên con cá vô' đặt cho nó, mà ngoài Phan Rang làm gì có cá vô', lại cả họ, Nguyễn Văn Vô' cẩn thận. Thắ'ng Vô' ở ngoài Phan Rang vào.

Bà cụ lòa mắ't, đi vịn một tay lên vai một chú bé Mỹ đen. Không rõ cái ông đứng tuổi xách túi và câ'm chiế'c gậy của bà cụ đưa hai bà cháu đế'n tận đây là người nhà giúp bà cụ đi tàu từ Phan Rang vào hay chỉ là khách qua đường có lòng tốt.

Bà cụ sờ soạng ngô'ì xuố'ng ghế'. Các nhân viên cơ quan quố'c tể' ra đón. Mỗi người mới đế'n được uố'ng một cốc nước cam ướp đá vàng thơm đặt trên bàn trước mặt. Chú bé lai câ'm cô'c, ực luôn một hơi. Bà cụ hỏi:

- Đây là đâu?

Một người đáp:

- Thưa má, đây là khách sạn. Cháu Nguyễn Văn Vô' sẽ ở đây, đợi mấ'y hôm nữa. Chúng tôi đã đăng ký cháu được đi Mỹ chuyế'n máy bay thứ năm này.

Bà cụ đã câ'm cô'c nước cam cháu vừa đặt vào tay lại run rẩy đề xuố'ng. Thắ'ng Vô' giục bà:

- Ngoại uố'ng nước cam đá đi.

Nhưng ngoại nó vẫn ngô'ì yên.

Một cán bộ nói, như cắt nghĩa lại để bà cụ hiểu hơn:

- Cơ quan quốc tế xin cảm ơn cụ đã đưa cháu vào tận đây. Nhà có phúc lắm đó, thưa cụ. Đáng lẽ Mỹ đen không có tiêu chuẩn được đi. Nhưng vì cha nó là Mỹ đen sĩ quan cao cấp nên bảo lãnh cho nó được. Cháu Vô sẽ do chúng tôi chịu trách nhiệm, cho đến khi cháu lên máy bay. Bây giờ mời cụ về nghỉ.

Bà cụ hỏi:

- Thầy bảo về đâu? Tôi đợi nó về ăn Tết mà.

- Mời cụ trở về Phan Rang.

- Tôi về Phan Rang?...

Rồi một điều bất ngờ xảy ra, nhón nháo từ các cô bán bách hóa trong quầy hàng lưu niệm, ở quầy bưu điện, cả mấy cậu gác thang máy hô t hoảng xúm đến. Bà cụ ngã rúi xuống đất, như cây gổ lẩn ra.

Xe cấp cứu được gọi tới ngay. Mọi người vức bà cụ, với túi sống áo và cả cái gậy vào trong xe. Thằng Vô vẫn ngơ ngác chưa kịp hiểu. Lúc người ta khiêng bà và cả mọi thứ của bà bỏ vào xe cấp cứu rồi, thằng Vô vụt đứng phắt dậy hét toáng: “Ngoại! Ngoại!” Rồi nhào bổ ra.

Nhưng mọi người đã nắm được Vô lại.

Người ta dỗ Vô nín. Rồi cũng hết như đối với Bi, Vô được phát quần áo, đôi dép mới. Vô được cái tàu hỏa dài, vận máy chạy được, thêm chiếc ô tô xanh biếc. Nhưng Vô đã phăng phăng vát cả xuống sàn gạch và khóc âm lên. Khuôn mặt đen bóng như hun

khỏi của nó, nước mắt đã òm òm loang loáng xuống cặp môi đầy
trông dễ sợ. Người ta đã khéo rồi đưa Vô vào phòng. Vô kêu la
náo động cả một tầng nhà.

Đến đêm, tiếng kêu khóc của nó càng to, cả trên tầng năm cũng nghe được. Nhưng tôi có cảm tưởng như mọi người, cả những khách du lịch nước ngoài cũng như thông cảm, cũng như lì lợm, không thấy một cánh cửa mở, không đi gọi hỏi người gác tầng, không nghe ai cầu nhàu gì. Tuy đã khuya mà ban giám đốc còn phải chia nhau đi từng buổi xin lỗi vì tiếng náo động khác thường của vị khách đặc biệt của câu chuyện thời sự hôm nay. Mà cái thằng Vô lai đen gào khóc mới khỏe làm sao! Từ chập tối, tới suốt sáng. Khi thành phố lên đèn, bên kia sông đã im tiếng búa máy đập, ánh lửa hàn xanh len lét đã tắt và cái càn cầu vàng rờn đưa đi đưa lại đã đứng im, vẫn nghe tiếng nó la gọi, kêu rống lên dưới tầng ba. Đến rạng sáng, xe lam chạy dẫu ma-dút qua dưới đường, phanh ngoài cửa sổ nọ sang đầu kia, nghe lẫn những tiếng khác cỏi rên rĩ sớm mai: “Ngoại ơi! Ngoại cho con về! Ngoại ơi! Ngoại cho con về...”

Rô`i mấ`y hôm Vô` cũng phải nín khóc. Bởi tới bữa ăn, chú nhà bàn vào tận buồng dấ`t Vô` ra. Vô` được ngồ`i cùng bàn với Bi. Cái bụng lúc nào cũng háu đói của trẻ con thấ`y thức ăn cũng dễ khiế`n nó nhấ`ng dầ`n cơn hờn. Trên bàn sớm, cạnh bát phở, mỗi đũa vẫn được để cái đoàn tàu đồ` chơi sơn xanh. Vô` cũng trạc tuổi Bi, nhưng Vô` đen bồ` hóng, to lớn, cao nũ`a, cao gầ`n gầ`p đôi thắ`ng Bi mũi lõ trắ`ng xanh nhợt lẻo khéo, mắt buồ`n rườ`i rườ`i.

Tôi hỏi:

- Sao bảo Mỹ không nhân trẻ lai đen?

- Vậy đó, chú ạ. Nhưng thắ`ng Vô` da đen con ông quan da đen cao câ`p nào đó. Chứ lai đen mà con lính thì chính phủ Mỹ không cho nhận.

- Ô`, cái thắ`ng...

Tôi chưa buông hế`t câu than, anh nhà bàn đã lại:

- Dạ.

Tiê`ng “dạ” nhịp lễ phép, ý nhị và nhọt nhọt gầ`n như quen miệng của anh nhà bàn tôi quen đã hàng chục năm nay, mà thực cũng không thể hiểu được cái ý nghĩa đích xác của tiê`ng “dạ” nhịp ấy. Ở đây, nhiê`u lúc, câu chuyện về` những cái cũ ngày trước, nhiê`u khi chỉ một nét mặt, một câu nói vui của người đương chịu chuyện với mình, phân biệt được ra đâu là bao hàm kiêu đùa bỡn hay là cay độc, hoặc thích thú hay cảm thông, cũng thật khó.

Chẳng bao lâu, tôi cũng làm quen dễ dàng được với Vô`, cũng như với Bi. Không phải vì tôi giỏi khoa tâm lý thiế`u nhi hay là khéo dỗ trẻ, mà chỉ bởi cả hai đứa, từ năm học văn lớp 3 đã làm quen với “chú dế` mèn”, rô`i lên lớp trên, lại “Mường Giơn giải phóng”, lại “Phiên chợ vùng cao”. Những đoạn văn phải học ấy đã khiế`n các cháu tưởng như đã quen biế`t tôi từ lâu.

Tôi hỏi chuyện biế`t được Vô` ở Phan Rang, nhưng nổi nhà cũng chẳng khác má`y với bạn Bi ở Sài Gòn. Mẹ Vô` đi lấ`y chồ`ng từ lúc Vô` còn bé lắ`m. Má lấ`y chồ`ng xa mãi đâu, Vô` không biế`t. Vô` không thấ`y mặt dượng bao giờ. Chỉ biế`t mỗi năm đế`n ngày giỗ ông ngoại, có má về` một mình. Cũng một lầ`n đi với người đàn ông lạ hoắ`c, không biế`t có phải là dượng. Vô` không dám hỏi. Năm nào má cũng đem con về`, hầ`u như mỗi năm bẽ` thêm về`

một đứa, bây giờ cả thấy bốn đứa. Có lúc Vô` ngồi trong buồng một mình với má, má vuốt tóc Vô`, má vuốt mặt Vô`, má khóc. Vô` cũng khóc. Nhưng không hiểu sao, ở ngoài sân ngoài cửa, má cấm không cho Vô` chơi với các con má.

Ngoại Vô` cũng có cái thùng kính đựng thuốc lá, như của ngoại Bi. Nhưng hai đứa so sánh tỉ mỉ thì thấy cũng không giống nhau. Cái thùng thuốc lá của ngoại Vô` đặt ngay trước cửa nhà. Và ngoại Vô` khác ngoại Bi, ngoại Vô` kém mắ t, mắ y năm nay thì bị lừa hắ n. Vô` đi học về, giúp ngoại làm hầ u hế t mọi việc. Vô` đi chợ. Vô` nắ u cơm. Vô` trông cái thùng kính đựng thuốc lá. Ngoại ngồi cả ngày cắ t lá buồ ng cho tổ hợp tác. Ngoại chỉ cầm dao, lầ n tay không cũng cắ t đượ c. Khách hỏi mua thuốc lá, Vô` ra bán chưa bao giờ nhằ m tiề n.

Vô` cũng còn một chuyện nữa khác Bi mà Vô` không ngờ khi vừa kể xong chuyện á y, Bi đã òa khóc. Á y là cái hôm Vô` sắp ra tàu với ngoại vào đây, một mình má về ở với Vô` mắ y ngày liề n. Đêm nào Vô` cũng đượ c nắ m với má. Má không ngủ. Má chỉ ôm Vô`, bắ Vô`. Vô` ngỡ còn bé ngày xưa, nước mắ t má ràn rạ xuồ ng mặt Vô`. Bi không đượ c như thế.

Từ hôm hai đứa bé đượ c đi đượ c cùng ngồi ắ n một bàn và khách sạn cũng xin với cơ quan quố c tể cho hai đứa đượ c ở cùng buồ ng, chẳng phải vì không có tiêu chuẩn ở buồ ng riêng hay thiế u buồ ng. Các công đoạ n và tiề n nong mọi thứ cơ quan người ta đã quy định. Không lúc nào chúng nó rời nhau. Những lúc hai đứa đứng trên cửa sổ nhìn ra ngoài sông, nét mặt Bi không đờ đắ n như mọi khi nữa. Bi chỉ trở cắ t nghĩa cho Vô` biế t những thứ dưới đườ ng chỗ ngoại đã ngồi, cái gồ c cây me Bi thường cắ m hươ ng và dưới sông bên kia Thủ Thiêm, những tàu thuyề n, những “tắ c

ráng” chạy xé nước mà chấ c ngoài Phan Rang không có. Bi nói nê u Bi trông thấ y ngoại thì cả Bi với Vô` cùng chạy xuô ng, tro n đi với ngoại. Hai đũa cứ ngong ngóng.

Một hôm, quẩng mười giờ sáng, có ô tô đậu ngoài cửa đưa Bi và Vô` ra sân bay. Thứ năm, máy bay đi Pháp rô i đi Mỹ ở Băng Cô c sang. Thê` là chuyê n đi xa của hai đũa trẻ bắ t đầ u. Nhưng mà không ai nói trước cho chúng biế t điề u gì. Người ta chỉ sửa soạn các thức cho chúng nó. Mỗi đũa đeo cái túi in chữ “Hàng không Pháp” xanh lơ, trong đựng bộ quầ n áo, một áo len cổ lọ xanh cánh trả, lại thêm ô ng thuố c và bàn chải răng - mà chúng nó chưa biế t đánh răng bao giờ.

Hai đũa trẻ cũng chẳng hỏi đi đâu. Mấ y lâu nay đã quen thê`. Chỉ thấ y được đưa ra khỏi khách sạn, vào ô tô, thì vừa lạ vừa như hay hay.

Ngô i trên xe, đột nhiên, Vô` hỏi chú lái:

- Chú cho cháu về` Phan Rang ăn Tê t với ngoại? Hôm nay, hôm nay ạ?

Chú lái xe quay đầ u lại, nụ cười lạnh lẽo và không trả lời. Bi ngô i im. Bi lơ đãng nhìn nhà và xe vùn vụt qua hai bên đường. Đế n lúc xe vượ t câ u sang Phú Nhuận, tặ dưng Bi nhắ m mắ t lại.

Xế trưa, xe trở lại khách sạn. Tôi trông thấ y chỉ có mình thầ ng Vô` chạy lên buồ ng. Rô i lại nghe tiế ng nó kêu khóc vắ ng lên: Ngoại! Ngoại ơi!

Hỏi ra mới biế t hôm ấy không có máy bay Băng Cô c tới. Chuyê n đi phải hoãn tuầ n sau. Ô tô chở hai đũa trẻ về` đế n chỗ

có đường rẽ vào chợ Phú Nhuận, chẳng biết thằng Bi trông thấy ngoại hay chỉ là một người giống ngoại nó, nó la to: “Ngoại! Ngoại!” Rồi xô cửa xe toang ra, nhảy đại xuống đường. Bi bị gãy cánh tay, phải đưa vào bệnh viện rồi.

Mấy hôm sau, tôi cũng rời khách sạn. Không biết rồi đến hôm nào hai đứa mới đi được.

1989

Một đêm gác rừng

Tiếng keng đổ hồ i. Từng tiếng sắc lạnh lạnh, nước nở lên. Bấy giờ buổi chiều đã sạm lại. Mây trắng đổi màu vàng sọc. Và, những cây ở bên phía rừng xám ngoét một dải bát ngát. Ấy là bởi vì hơi đêm đã đầy dần, len lỏi từ những khe rừng tới tận mà bờ ra, khiến ánh sáng không còn thế lực gì nữa. Theo chiều, vùng mặt trời thắm một màu máu tím lịm ngả chếch xuống ngọn những lùm cây menh mông đã xa.

Trong các lối đi giữa những hàng cây đều chăm chắm và xa hút lóm, bọn “dân” tan giờ điểm, đương đi tãi ra, lũ lượt về các xóm ở dựa mé bờ sông. Những bóng đen bước lùi lùi. Không phải trời tối, bởi trời chưa tối hẳn, mà chính mặt mũi họ đen thực. Nước da thâm xịt, đen và xám bủng, tưởng như sờ đến thì có sạn cát dính vào bàn tay. Tóc ngắn, rụng thưa. Những cẳng tay cẳng chân gầy tóp. Trái lại, bụng ai cũng to phềnh. Những cái bụng vượt ngực, phình như những chiếc bụng giun của trẻ con. Phấn nhều, người ta đi run đây đây. Ai đi cũng khoanh hai tay, cái cổ rụt, đầu gối lại giờ cao, gieo những bước chân lú rú. Họ rét. Phải, nhưng đây là người ta rét bệnh. Cứ mỗi ngày, khi chiều tới sẫm lại, thì cơn rét cũng về trong thân thể mọi người. Bệnh sốt rét, và cả đến bệnh thành thói quen, chẳng làm cho ai sợ. Bởi thế, lẫn với những tiếng xuýt xoa, những lời rên rỉ làm râm, lập cập rằng va vào nhau còn tiếng vọng cổ Nam Kỳ ề ề *Văng văng tiếng chuông chùa... Văng xa đưa...* Những câu hành vân Bắc kỳ réo rắt: *Dặm băng ngàn, dặm băng ngàn, nhớ bạn phòng loan.* Cả tiếng huýt gió

inh ỏi nữa. Thành thử, cái cảnh vừa đi vừa sốt rét trở nên dầm dề một cách thiếu náo nức.

Chẳng mấy chốc, các đoàn người tản hết, sau màu xám cây. Những tiếng lao xao nọ cũng tắt. Rừng chiêng, vào lúc quá hoàng hôn, im vắng. Riêng có một tiếng ve ánh vang lên như nhói giữa hàng cây cao su.

Trong khi mọi người về nghỉ, ở những mái bếp đã bốc khói, thì Mui sửa soạn đi làm, anh Mui - ở đây người ta kêu Mui - là người Cao Miên, làm gác đêm trong sở. Anh đổ dầu vào đèn, đóng lại bấc. Cởi cái xà lỏng kẻ ô sặc sỡ quấn tùm lum quanh mình, lụng nhụng như cái váy dề, anh mặc một cái quần dài vải xám và một áo sơ mi cũng một màu ấy. Lại khoác thêm ở ngoài một cái bành tô dạ có hai chiếc tai vĩnh và một lượt khuy đồng suốt từ bụng lên ngực. Dầu đội cái mũ vải, vành to và rộng như kiểu mũ của những tay thám tử Ăng-lê. Chân anh xỏ một đôi guốc, thực lớn và thực cao. Đủ rồi. Tay anh mang cái đèn. Tay anh xách một cái gậy hạng đại, to bằng chét tay.

Ánh đèn chao đi chao lại. Ngoài rừng đã tối lịm. Những con tắc kè cá t tiếng kêu *cắc cắc cắc* đống đáp nhau. Mui thông đèn xuống thực thấp để soi lối. Bước guốc lê lạch cạch trên nền đất khô lũng củng, công kê nh những rễ cây. Con đường vắng vào giữa các bụi cỏ. Bỗng một quãng trống giải ra: Mình đã đi đến nơi. Đó là một cái lều tí hon, ghép bằng cây, vừa một người đứng, chỉ vừa một người đứng thôi. Căn lều trông thẳng vào một dãy nhà liên tiếp và chặn ngang con đường xuyên rừng. Mui sẽ đứng trong lều đó suốt đêm. Thỉnh thoảng, anh lại bước ra đi dạo một lượt quanh khu vườn vòng ôm khu sở và khu nhà “dân” cạo mủ. Bóng tối dày đặc và mịt mù. Tất cả bốn phía, đêm giăng lưới đen kịt. Vòm

trời đổ muôn ngàn vì sao lóng lánh như thấp xuống đỉnh đầu người ta. Đêm ở nơi cao, hình như đất rướn lên gần với trời. Nhưng ánh sao cũng không đủ soi sáng mặt đất. Bóng rừng thẫm vào vòm trời kết những vết loang lổ trập trùng. Không trông thấy gì hết, dù đứng cách xa nhau vài bước. Cũng như là chẳng nhìn được Muh đứng xó nào. Quấn áo và mũ lẫn vào bóng tối. Cả hai mặt và hai bàn tay của hắn cũng hòa hợp nốt với bóng tối. Bởi da hắn đen không khác bóng tối mấy. Chỉ còn một chấm đèn leo lét.

*

* *

Lệ chung cho trong trại các nhà dân phu là quá chín giờ, khi nghe gõ hai tiếng kiểng, không được nhà nào còn đèn lửa và cấm không ai được lượn phườn ngoài đường. Bởi vậy công việc gác của Muh suốt đêm cũng được nhẹ. Khi kiểng đã đổ rồi, hắn chỉ việc đứng trong lều trông ra con đường bò ngang trước mặt, con đường nối xóm nọ với xóm kia, qua sở Tây. Ai đi đâu là túm lấy hỏi và giữ lại.

Muh đi dạo một vòng rồi về lều mà đứng. Hai chân bắt chéo lên nhau, hai tay chống xuống đầu gối, lưng tựa vách lều, gả đứng chăm chăm như một cái thân cây. Và cứ yên lặng như thế, hàng giờ, hàng mấy giờ đã qua... Cả một nghệ thuật của nghệ canh gác giới ở chỗ này: Ấy là hắn đứng mà hắn ngủ. Hai mi mắt từ từ khép hờ lại. Nhưng cái cổ không ngoẹo, và cái đầu cũng không lúc lắc. Hắn ngủ nhẹ nhàng như những con gà ngủ.

Đôi mắt hắn lim dim. Rồi đôi mắt nhắm lại. Tất nhiên là trời vẫn tối thui. Những tiếng rừng xao động bên, xa đi mờ mờ. Tiếng dê nỉ non nghe quen thuộc như là không có. Không chó

cả n, không gà gáy. Rừng cao su thăm thẳm, chìm xuống. Thoảng một lúc đôi hồ i, có tiếng con chim gõ mõ rộn lên. Muh càng dễ ngủ. Muh đứng một cơn vật vờ như một người nớc rượu mới chớm say. Ấy vậy mà gió thoảng đưa lại đâu có một tiếng động nhỏ hơi khác, hai mắt hấn đã giương bệnh thao láo.

Đêm dần xế khuya. Lúc này còn có tiếng trẻ con ỉ eo khóc trong xóm và vắng tiếng người ho sù sụ. Bây giờ sự hoang vắng trở nên mênh mông lạ lùng trong bóng tối câm nín. Cảnh vật chết đứng, im vắng, trừ mây vì sao to lấp láy. Gió hây hẩy, lạnh thít. Muh nhập định, đứng chơng gậy, ngủ yên.

Không biết mây giờ đã qua. Vì lúc Muh mở mắt thì đêm tối vẫn còn dày đặc như thường. Nhưng Muh mở mắt ra, là vì có một tiếng động lạ. Không dừng, chẳng bao giờ hấn lại thức giấc một cách vô lý. Hấn nghiêng đầu. Tiếng gió lùa hun hút. Thoảng vào hơi gió vẫn như đâu đó lẫn lộn những tiếng rì rào nhỏ. Hấn đứng ngay người, quắc mắt bốn phía. Dù đôi mắt của hấn thực tình, cũng không có thể lực gì trong lúc này. Đêm ngọt lại. Hấn đợi cho đến lúc gió ngon ngọt. Khi một cơn gió qua, dứt được những tiếng rào rào của lá, thì tiếng rì rào bí mật kia lại dội thêm lên. Nghe rõ hẳn hoi. Muh thấy lạnh lạnh người. Tưởng như ai đương rình ở đâu, định cộp trộm một gậy vào đầu hấn, hấn vác gậy, bắt đầu đi vòng quanh khu gác, rất từ từ.

Được vài bước, hấn chợt trông thấy một ánh lửa ở phía sông. Ánh lửa nhỏ, chập chờn như ánh một con sâu đất. Nhưng dù nhỏ, hấn cũng nhận được rất dễ. Vì ánh lửa bao giờ cũng hoe hoe đỏ, khác những thứ ánh sáng lân tinh kia nhiều. Những tiếng rì rào nọ, quả là vắng trong gió, từ phía sông mé có ánh lửa ấy, đưa lại. Muh đi lần lần đến. Cho tới khi gió sông bốc lên mạnh quá. Cái

mũ trên đầu Muh, máy lặn chực rơi, bây giờ Muh mới nhớ rằng mình đã đi ra ngoài địa phận gác. Muh chẳng thể lùi lại được, vì sự muốn biết tò mò của hắn. Và lại, bên sông đây cũng là chỗ giáp giới nơi canh phòng của hắn.

Hắn đến. Trời tối quá. Cho tới lúc tới ven sông, Muh mới lờ mờ nhận thấy lửa từ trong một chiếc thuyền ánh lên.

Bây giờ thì Muh đã đến giáp mạn thuyền, chỗ mô đất đang sáng. Hắn ngò'i xuống, ghé đầu, để nhìn cho được rõ. Đó là một chiếc thuyền nhỏ một khoang. Trong khoang, có ba người ngò'i xung quanh ánh đèn. Cái đèn cây rất nhỏ, thấp bằng mõ cá, chỉ đủ soi ra một vùng ánh sáng bằng cái thúng úp trước mặt ba người. Những tiếng rì rầm ban nãy mà mình nghe tiếng, là những tiếng cười hoặc tiếng lau bầu chửi rủa của người ta.

Vì bọn họ đang đánh bạc. Chúng chơi rất giản dị. Có một tờ giấy bạc năm xu của sở Tây phát thay tiền ngoài chợ, một anh làm cái, thu tờ giấy vào trong bọc, rồi chốc chốc lại chìa ra, để chặn dưới một cái bát. Cho hai anh kia đoán sấp hoặc ngửa mà đánh. Hai anh kia, mỗi anh có được độ một hào giấy và vài xu. Ấy vậy mà họ cũng ăn thua nhau tận tình. Cuộc sát phạt, mặc dầu nhỏ bé, nhưng rất gay go. Cái đèn để ở phía trong, đôi lúc ánh sáng lại bị che lấp đi, bởi chúng giằng co nhau. Nhưng có điều chúng nói rất nhỏ. Ở đây, trên rừng dưới sông, nói to, tiếng vang lên xa lắm.

Một chốc, Muh chợt thấy một thằng ngò'i bên trái, giơ thẳng tay túm ngực áo thằng ngò'i bên phải. Thằng này ngả nghiêng người xuống, cựa quậy. Người thứ ba ngò'i yên, khoanh tay nhìn hai đứa. Túm ngực áo, rồi một tay kia, nó thò ra bóp cổ. Lúc bấy

giờ, Muh được chứng kiến một cảnh khủng khiếp. Một bàn tay rắ n chắ c, nổi gân cuồ n cuộn, vòng chặt lắ y một chết cồ. Ở cái cồ, gân cũng dồ n lên. Hai cái mắ t nổi lục lạc. Hai mắ t của gã bóp cồ cũng lồ i ra. Ánh đèn quắ c, có lẽ ghê rợn như một cảnh hành hình ở địa ngục. Đế n lúc thực bị đề xuồ ng, và lưỡ i đã thề ra vì tắ c cồ, hắ n nộ mới giờ một tay lên. Trong bàn tay á y có một hào bạc giắ y. Người này giựt vồ i lắ y, và nói lỏng bàn tay bóp cồ ra. Gã nộ lồ m cồ m bò dậy. Bắ t thành linh, gã đắ m cho kẻ địch một quả vào mặt. Nhưng hắ n này tránh được. Trong khi á y, hắ n đập cho gã một đập, bắ n tọt ngay xuồ ng sông. Một tiế ng ùm vang lên. Sóng đánh óp ép vào mạn thuyề n, rô i im hắ n. Nhưng nghe có tiế ng quào quào vào gỗ, như một người đương nú trồ lên.

Hai người còn lại trên thuyề n, mỗi người câ m một lá sào dài. Chúng thực bật mạng xuồ ng chỗ có tiế ng động. Chỉ một lát, còn có tiế ng lổm bổm, rô i im hắ n. Bắ y giờ cái đèn trong khoang cũng bị gió thổi tắ t. Nhưng Muh vẫn nép xuồ ng mà trông thắ y hai gã kia đứng câ m sào, rình nghe hể tiế ng động là thọc gậy liề n. Cái cảnh khủng khiếp á y diễn ra trong sự im lặng hoàn toàn trên bắ n. Muh tưởng như trong giắ c ngủ mê. Cho tới khi, hai người kia rời thuyề n, lên bộ đi gầ n đế n chỗ Muh núp, hắ n mới nhớ. Hắ n nép xuồ ng. Và hắ n đoán hai tên này là người trong sở, ở đâu trong xóm. Quả nhiên, chúng lầ n theo vệ sông mà đi lên. Bắ y giờ Muh mới biế t từ bên trong cái xóm “dân”, vẫn có lồ i ra sông, không câ n phải qua nơi Muh canh.

Muh tức sôi lên. Và chính hắ n lại sợ nữa. Hắ n sợ ngày mai, dưới bắ n sẽ nổi lê nh bê nh lên một cái xác. Hắ n định đuổi, tóm hai tên kia lại. Ít nhắ t cũng phang cho một tên què liệt, để bắ t cho

kỳ được. Nhưng khi Muh chạy theo, thì cả hai người đã biế n đầu mấ t. Bóng tồ i mịt mù, phả ra mênh mang.

Sáng hôm sau, Muh xuô ng bắ n rấ t sớm. Định ý tìm chiế c thuyề n nọ. Nhưng bắ n đã san sát những ghe tới và những con đò lạ, đi ngang đi dọc tíu tit. Mặt trời lóe lên, bắ n sông rộn ràng và trắ ng xóa. Trong các xóm, theo tiế ng kiề ng đổ, từng đoàn phu nhiề u như kiề n, bò vào rừng làm. Toàn những người mặt phị, da vàng bụng ỏng. Muh chẳng thể tìm được hai cái kẻ sức lực đêm qua. Mà cũng không hiểu cái người xấ u sô bị xuô ng sông, có chề t chẳng.

Nhiề u năm về sau. Muh vẫn cho cái cảnh mình thấ y trong đêm vừa qua là cái cảnh của một bầ y ma rừng, mỗi khi kể chuyện lại. Ma rừng hiện lên đánh bạc. Nhưng hắ n vẫn hơi ngờ rằ ng chẳng lẽ ma lại tranh nhau, đánh nhau vì một đồ ng hào giấ y?

Đầ u Tiế ng 1942

Hết một buổi chiều

Một tiếng động mạnh. Hình như có tiếng đàn bà nói léo xéo gì ngoài cửa sổ. Tiếng gay, rút lên, khiêng gã bừng thức. Hai mắt gã mở bành, thao láo. Tiếng động kia chỉ làm cho gã thoát hẳn giấc ngủ chập chờn. Thực ra, gã không ngủ nữa, đã từ lâu. Cơn ngủ trưa hơi nặng. Gã thấy hai lòng ngực tức tức, ê ẩm. Những đầu xương óng chân, óng tay mỗi đầu, như nghe được có tiếng một đục cọt kẹt. Gã nghiêng má, nhìn ra cửa sổ.

Cánh cửa hơi hé hé, xổ ra một vệt trắng. Ánh nắng, theo cái vạch trắng của một nền trời không có mây, chảy xuôi xuống, đọng ở trên nếp cửa. Cái thành cửa màu đỏ kênh kịch nhuộm vào nắng, đỏ lòng lên. Gã nằm đây, đoán mà cũng biết được rằng lát nữa, theo với chiều mặt trời nghiêng xuống, nắng sẽ xế dài vào phía trong. Nắng chảy lên trên mặt cái bàn viết của gã. Những chấm bụi li ti nhảy múa ở trong vạch nắng. Rồi thì những quyển sách, lọ mực, những cái cán viết đều sáng rực cả lên. Gã thấy chọn người... Những ý nghĩ vu vơ lần thân ấy vừa chạm vào những dụng cụ của công việc hàng ngày. Cái cán viết, cái lọ mực. Những thứ lười thôi có sức dựng được gã dậy, và đem được gã ra khỏi cái ghế bó quỵến rũ. Bởi vì gã cần phải viết cho xong một cái truyện ngắn mà gã vừa dựng được cốt. Ngay chiều nay, để sớm mai gửi đi. Sớm mai gửi đi, nhanh lắm cũng phải mất ba hôm nữa, ở ngoài Hà Nội người ta mới nhận được bài. Tòa soạn sẽ lại kêu lên rằng đạo này gã lười quá. Thật gã không dám lười, bởi gã cần tiền hàng ngày. Gã sẽ viết bây giờ, ngay bây giờ mà. Gã vươn vai, cử động chân tay mấy cái thực mạnh cho những gì còn lại uể

oải, oải n oải trong mình phải thoát ra hết. Gã nhìn đồng hồ. Đồng hồ nghỉ chạy. Hai cái kim dùm vào nhau, chệch đứng ở con số mười hai từ lúc nào trên tường.

*

* *

Gã đã sửa soạn đủ cả. Bây giờ thì trình trọng ngòi vào bàn viết. Bàn tay xếp đặt qua loa cho máy chông sách trước mặt được gọn mắt. Rồi cầm bút, chắm vào lọ mực, cúi đầu xuống.

Bỗng gã thấy như cái cổ của gã mỏi quá. Dường nó muốn trĩu nặng và muốn chìm cái đầu bù xuống mặt bàn. Hai bên ngực thì đau ran ran. Một bên khuỷu tay thì xuống, khiến cái xương vai gồ lên, có thể sái vẹo xương sườn đi được.

Gã tắc lưỡi, nghĩ: “A, xảy ra sự rắc rối này là do nơi cái bàn”. Và gã nhận thấy bị ngoẹo đầu, trĩu cổ, đau xương ngực, xương vai đã từ mấy bữa, chứ không phải vừa mới hôm nay. Thấy đau đã thành lệ. Bây giờ phải vừa ngòi vào bàn, nó đã đau râm lên rồi. Gã buông bút, đứng lên. Hai tay khoanh trước ngực, ngắm cái bàn, cái bàn thấp lè tè, mà cái ghế thì cao lênh khênh. Cặp vợ chông chẳng đẹp đôi chút nào. Nếu ngòi hàng giờ ở một cái ghế như thế và thì tay lên một cái bàn như thế, người ta có thể lệch vai dễ như bỡn. Ấy là chưa kể đến cái bệnh đau ngực và bệnh ho lao. Gã dốt nát quá, mà nhẫn nại ngòi ở bộ bàn ghế lệch lạc đó được tới năm sáu bữa nay rồi.

Muốn tỏ ra rằng mình không đến nỗi đầu ãn ãn như thế, gã kì cục đi kê lại cái bàn. Chiếc ghế đã sẵn cao bây giờ chỉ việc tìm cách làm cho cái bàn cũng được cao nốt lên. Ấy thế thì thấy đôi lứa

xứng đôi. Khổ công lắ m mới kiế m được ba viên gạch bắ ng nhau. Còn một viên, chẳng thể bó i đầu ra được. Sau rô t, gã phải chịu khó, lắ y con dao, đẽo một viên gạch thực to cho nó bé vừa bắ ng ba viên kia. Kì cách sửa xong được viên gạch, mô` hôi đã rằ m rắ p trong lưng áo. Gã nheo mắ t, bê từng cái chân bàn lên một, để đặt gạch.

Cái bàn đã được cao lên một chút. Trông thực cũng khang trang hơn. Và trông nó thực như một anh có bốn chân cùng đi bó n cái cà kheo. Gã cho thề là được. Công việc khó nhọc đế n mức mô` hôi trán, mô` hôi lưng, sao lại không là được, cho nó hả tắ m lòng. Rồ i gã đi rửa tay, rửa mặt. Gã cởi cả áo ra, té nước và lau khắ p mình mẩy. Gã xắ n cao quầ n lên, gội nước từ bẹn trở xuồ ng. Chỉ suýt nữa thì gã biế n cuộc rửa mặt ra một cuộc tắ m. Vì mát quá. Vì ngon tay quá.

Chỉnh tê` đầu đầ y, gã trở vào, ngồ i bàn viế t. Chưa câ m bút vội, hãy thử rung cái bàn xem nó có được chắ c chắ n không. Thì hỡi ôi, cái bàn ngoẹo ngay đi, và nó gieo cả bốn chân xuồ ng, giấy nẩy lên như một người đàn bà dỗi chồ ng, làm nũng chồ ng. Gã xịu mặt lại. Thôi thề là hỏng. Gã không thêm kê lại nữa. Bởi giá có kê lại rồ i nó cũng ngắ t ngưỡng mà lăn đùng ra như thường. Vắ t cả bốn hòn gạch ra sau nhà, lại đứng khoanh tay, buồ n rằ u mà ngắ m cái bàn chẳng được như ý. À, nế u thề gã câ n chặt bốn cái chân ghề cho chúng thắ p bớt xuồ ng, vừa ngữ ngồ i của cái bàn. Nhưng gã chỉ à uôm và nghĩ một câu dễ nghe như vậy, chứ không dám làm. Đầu có phải ghề của gã đâu. Nghĩ rằ ng đế n ở nhờ nhà người ta, coi nó bắ t tiện lắ m.

Ở ngoài đường lớn, tiế ng xe điện Sài Gò ng chạy kêu tun tun, rằ m rằ m. Gã nhìn ra. Chao! Kìa nắ ng, nắ ng đã khuắ t mắ t rồ i. Ánh vàng chỉ còn bảng lảng phơ phắ t trên mắ y ngọn cây dâu da

tây. Gã nhìn lọ mực, hơi hốt hoảng. Nhưng dẫu dẫu gã cũng định trí. Vì ở cái ngõ hẻm Ga-li-ê-ni này, phía tây có nhiều lầu cao, bao giờ mặt trời cũng bị lặn sớm.

Gã lại ngồi vào bàn. Vẫn cứ cái bàn thấp và cái ghế cao, như cũ. Gã nghĩ rằng có lẽ chịu khó ngồi khổ sở thêm một chút, cũng không sao, cũng không hề gì. Người ta chẳng đã dễ dàng mỗi một chỗ c mà ốm, mà đau ngay được! Còn một tí, chỉ vì cái bàn của người ta. Cái quần bút lại được rơi vào lọ mực. Gã nhìn xuống tờ giấy trắng.

*

* *

Trên tờ giấy trắng, đã có khơi mào mấy hàng chữ. Những dòng chữ gã đã ghi lên đó để đánh dấu câu chuyện và để tránh, để vượt cái khó, khi bắt đầu đặt bút. Chữ đầu tiên viết chồm lên ở một trang giấy, bao giờ cũng nặng nhọc vô cùng.

Đó là một truyện ngắn, mang cái tên rất đẹp là *Áp Hồ*. Hai chữ *Áp Hồ*, gã dùng kẻ thành những dòng chữ kiểu in rất xinh xắn. Truyện bắt đầu rằng:

Từ làng Nghĩa Đô đi lên một thôi đường, ngược theo bờ sông Lịch, thì đến ấp Hồ. Cô Nguyệt là con gái ấp Hồ. Năm nay Nguyệt chừng...

Chừng bao nhiêu tuổi chi đó. Nhưng hôm qua gã chưa viết nốt. Gã để dành một nửa dòng để hôm nay có sẵn chữ mà viết tiếp theo cho được dễ. Nào gã viết tiếp theo.

Nhưng trước khi viết, gã hãy nghĩ phớt lại như ôn trong tường tượng, câu chuyện mình sắp đem viết lên giấy cho thiên hạ bỏn phương xem.

Gã ngả người ra thành ghế, lơ đãng nhìn qua cửa sổ nhìn ra trời Sài Gòn. Nói là nhìn, nhưng gã có nhìn gì đâu. Gã đang ngấm ở trong khoảng không cái truyện ngắn của gã.

Đây là một câu chuyện diễm tình thơ và sông hê t sức. Đã lâu lắm, gã chưa viết một truyện kiểu như vậy. Bởi mỗi khi cầm bút lên mà kể chuyện một dòng nước, một cánh hoa, một làn mây trắng, thì gã thấy như mình đang làm một việc trào phúng quá. Gã ngượng với bút. Gã ngượng với chính cái mặt gã soi thấy ở trong gương. Mạch sống của cuộc đời tạp nham này còn có gì đáng lòng vào một dòng nước, một nhánh hoa, một làn mây trắng! Trước bàn làm việc của gã, có treo một bản đồ năm châu. Bên cạnh gã, cả xóm lao động rách rưới vang râm lên những tiếng rên la, gâm rít. Những cái gì là trăng, là sao, là thu vàng mờ mịt ở trong đầu gã. Đầu gã chỉ cô đặc lại bởi những ý rất buồn thảm. Vậy mà câu chuyện diễm tình kia cứ len lõi, khi ẩn khi hiện. Gã không xua đi. Gã cười. Bởi gã vẫn cho rằng có lẽ có lúc mình nghĩ đến nó, cũng như là mình được uống một cốc nước chanh quả giải khát vậy. Chuyện chàng và chuyện nàng. Nàng tên là Nguyệt đẹp như mặt trăng. Cô Nguyệt ở ấp Hồ, nghe phời phời như gió lên. Hai người thương gặp nhau trong những con đường viền cỏ xanh. Ngày tháng bấy giờ là ngày tháng của một mùa thu rất dịu. Người ta giao ước rằng thế nào cũng sẽ lấy nhau. Thế rồi, đột nhiên, chàng ra đi. Nàng ở lại nhà một mình một bóng. Mỗi chiều chiều đứng trông về một phương trời, lòng rầu rầu, đôi mắt rưng rưng. Ôi, buồn ơi, buồn quá!

Gã ngồ i trong cửa sổ, cũng buồ n theo câu chuyện vợ vẫn nghĩ trong đầ u. Ở đời, còn có một cuộc biệt li nào là biệt li không buồ n. Hôm nay chiề u cũng buồ n như một chiề u biệt li, đáng lẽ người ta phải nắ m tay nhau mà khóc mới phải. Ấ y thề là gã lại ngồ i nhìn cái này, nhìn cái nọ, để tự hỏi xem tại làm sao ở đây lại có một buổi chiề u ảm đạm như thề này.

Ở Sài Goòng, đây là một buổi chiề u hiế m có. Trời thấ p, mờ một thứ mây nhạt như khói. Không gió nhưng trời đầ t mát như là không bao giờ biế t có mặt trời. Những tiế ng ồn ào của một cái thành phố đương lên cơn sốt vang vào đế n trong ngõ hẻm, không còn đủ sức làm cho người ta mắ t bình tĩnh. Buổi chiề u như đứng lại, gã vắng nghe đâu như có tiế ng đàn bà nói lao xao bên giề ng. Lũ trẻ con đi học về trên đường đê cao, chuyện léo xéo. Tiế ng cánh chim đập trên đờ ng ruộng lúa. Những người đi chợ xa về muộn đi trong cánh đờ ng. Đây là ấp Hồ . Đây con đường quanh co lát từng viên gạch nhỏ, lố i đi vào xóm nhà cô Nguyệt bên hồ Tây.

Gã ngủ mê rô i. Gã buồ n quá, buồ n như là có thể buồ n ngủ ngay được. Thề là gã gục đầ u xuồ ng bàn, hai tay úp lên mắ t, thiu thiu ngủ gà.

*

* *

Khi gã tỉnh dậy thì hình như những ngọn đèn ngoài đường phố cũng đã thức giấ c, và chúng đã mở cả mắ t ra rô i. Cái ngõ tồ i sầ m lại. Ánh điện chỉ hắt lên một chút trong lố i đi.

Tức mình quá, gã thờ dài. Gã mặc quầ n áo, gã đi giày, gã khép cửa sổ, khóa cửa, rô i đi ra đường. Gã lừng khừng đi. Trong thành

phô', ít khi người ta nhìn thấy trời. Có lẽ vì người ta còn bận quá với những tíu tít dưới đất. Lúc này gã có ý nhìn lên trời. Trời bây giờ có từng ô mây trắng phơn phớt hồng. Gã mỉm cười, để tự an ủi:

- Mai mình viết t. Mai.

1942

Chuyện cũ

I.

Năm trước, tôi được một cơ quan giúp cho một chuyên đi suốt Trường Sơn, từ các đầu mồm núi đá Trường Yên ngoài Nho Quan vào đến chằm cây sồi sau cùng huyện Châu Thành, trên một nghìn rưỡi cây sồi.

Ngày lại ngày, tình cảm và tâm sự người đi cứ cuốn hút vào những dọc đường. Vài hôm, qua một nơi khác nhau. Buổi trưa nắng trên dốc “Lò Xo” xuống Đắc Lây, được lợi suôi tắm một cái, tỉnh người. Ngỡ như những khó nhọc mà sôi nổi quanh mình và cả mình cũng đương còn những năm ở Việt Bắc, Tây Bắc ngày trước.

Bên kia Sa Thây, mệnh mông đỏ lừ. Thật, hay là ảo ảnh trong gió cuốn mù mịt? Đầy xa mây đùn từng đám đỏ xuộm lúi lúi tới trước mặt rồi gió cuốn xoáy tròn lên, tiếng rào rào ngang trời, những mảnh sỏi, mảnh đạn, vỏ bom, vỏ đồ hộp rơi rang rang như xé vào những tấm tôn, những cái đầu lâu máy bay lên thẳng mấy năm nay vẫn chổng gọng giữa cỏ tranh.

Xe khách, xe chở gỗ, những đám bụi đường cuộn đỏ ngòm theo những đám mây bụi rỉ ra từ khe nứt các đồi tranh, những rừng le giữa nắng trên công trường, trên luống cày vỡ hoang, trên những con đường mới mở, bụi đỏ, nắng đỏ, gió đỏ cuốn quanh các thứ xe cộ rầm rập. Làn gió như sóng phù sa đỏ rực, bao nhiêu phì nhiêu, của cái Tây Nguyên bấy lâu tiềm tàng, giờ mới bày ra giữa quang cảnh hoang dã.

Trụ sở ủy ban xã Đăc La, xã Đăc Côi... Nhà gỗ, nhà xây, mái ván, mái ngói...; trường học, hội trường... Nhìn cây mít trước nhà cao đến đầu, đoán được nhà ấy mới ở xuôi lên hay mấy năm chạy bom Mỹ vừa về. Người đến đất mới trông vắng. Nhà trở về làng cũ đã có lúa phơi ven đường.

Trường Đăc La thấp thoáng trong bóng lá mít. Bên phía tường bụi lùm, những góc mít cũng xù xì đỏ hắt. Trận lốc bụi đập vào chân tường, góc cây, tấp cả lên bàn ghế, chân tay và váy áo đám học sinh đang chơi đùa inh ỏi ngoài sân.

Thầy giáo cô giáo các trường ở Gia Lai - Kon Tum, ở Đăc Lăc hầu hết là người Thanh Hóa. Các cô giáo giọng Quảng Xương, Hậu Lộc, Nông Cống... nghe đậm đậm những tiếng cuối. Các cô tất tả đi quanh cái sân đất lùm bụi, người khiêng bàn, người xách ghế, người bung khay chén lên phòng khách. Rồi tíu tít xúm cả lại. Tưởng như tôi vừa đem được hơi hương Thanh Hóa vào đây, à mà dầu sao, tôi cũng là người vừa đi qua Thanh Hóa.

Một cô người nhỏ nhắn, trắng trẻo, mặt trái xoan. Thoạt trông tôi giật mình, ngỡ đã gặp cô ở đâu. Nhưng rồi lại bùi ngùi nghĩ rằng chẳng thể có như thế. Cái năm tôi về công tác ở Thanh Hóa, chắc bây giờ chưa ra đời cô giáo mười tám đôi mươi này. Không, tôi cũng chẳng quen biết với ai ở Thanh Hóa, những bà mẹ, bà cô, bà dì cô giáo mà khuôn mặt và dáng dấp như in người đã gặp đến thế.

Ngày trước, tôi có biết một người. Nhưng không phải người ấy ở Thanh Hóa.

Cô giáo “người Thanh Hóa” đưa chiếc ghế đầu đến đặt trước mặt tôi. Rồi cô chấp tay, lễ phép:

- Xin lỗi ông, nhà trường chúng con hôm qua họp, bàn ghế đem xuống cả hội trường.

Cô giáo không nói tiếng Thanh Hóa! Giọng Sài Gòn, cái tiếng phương Nam giòn ngọt, yếu điệu, nghe bên tai đây mà sao vẫn rất nhớ rất thương xa xôi đến lạ lùng.

Tôi hỏi:

- Cô giáo quê ở đâu?

Cô ngược mắt. Tưởng như khuôn mặt trái xoan trẻ măng, đôi mắt lá răm lơ đãng và nụ cười thoáng ấy vừa từ cái phố rùng Dâu Tiếng xa xăm kia trở về đây. Kỷ niệm không bao giờ có khoảng cách trong ý nghĩ con người.

Tiếng cô giáo nhẹ nhẹ:

- Thưa ông, má con ở Đắk Min.

- Quê cô giáo ở Đắk Min?

- Thưa không, gia đình con đi kinh tế mới.

- À...

Cô giáo khoanh tay, như một học trò ngoan trước thầy. Đột nhiên, cô hỏi tôi:

- Thưa ông, con nghe chị hiệu trưởng nói ông là nhà văn... Ông có phải là tác giả tiểu thuyết *Xóm Giếng ngày xưa*? Vâng, con vẫn nhớ...

Họa hoã`n khi nào có người hỏi đế`n quyển sách mà tôi viế`t từ hơn bồ`n mươi năm trước, thường gây trong tôi một cảm giác buồn buồn. Không phải buồn vì câu chuyện tình vợ vắn trong những cái viế`t non dại đầ`u tay. Có phải cái gì nhớ lại cũng phảng phấ`t buồn, dẫu cho đầ`y là những kỷ niệm vui, bởi vì thời gian không bao giờ dừng lại. Tôi chợt liên tưởng đế`n bây giờ, hàng ngày tôi đi ra phố chẳng gặp mấ`y ai quen, ít phải chào hỏi hoặc đứng lại trò chuyện. Phố xá đông người hơn trước biế`t bao nhiêu nhưng mình thì đã sang một lớp tuổi vắ`ng dầ`n và những người lứa tuổi chúng tôi không còn thói quen chơi lang thang ra phố` nữa rồ`i.

Nghĩ thế`, tôi không muồ`n trả lời cô giáo. Trong khi cô đắm đắm mắ`t chờ đợi. Thầ`y tôi lặng im, cô bỗng rụt rè, ngượng ngịu.

Tôi nói:

- Cháu ngô`i xuồ`ng đây.

Cô giáo ngô`i xuồ`ng, và kể, như phân trầ`n:

- Thừa ông, con dạy toán. Con dồ`t vắn lắ`m. Bởi ở nhà con có cuồ`n truyện của ông. Cứ ngày nào cũng trông thầ`y mà nhớ tên. Con nhìn quyển *Xóm Giế`ng ngày xưa* từ khi con còn nhỏ xíu. Nhưng mà, con xin lỗi ông...

- Có gì đâu mà cháu phải...

Cô giáo cười, e ấ`p:

- Nhưng mà má con bảo tác giả *Xóm Giế`ng ngày xưa* chề`t đã lâu rồ`i.

Tôi mỉm cười:

- Những chuyện ấy không phải lỗi của ai đâu, cháu ạ.

Như là tôi nói với mình. Như là tôi nói với Phụng. Câu chuyện cơ hồ` dừng đọng, bình thường với mọi người. Với cô giáo hai mươi tuổi ngồ`i đây, mà sóng gió với mình, như mọi câu chuyện tình ở đời. Và chuyện xưa đã nhạt trắ`ng, như hoa sim cuố`i mùa. Lâu lắ`m rồ`i.

Mắ`y hôm sau, chúng tôi về` tới Đắ`c Min, lúc á`y đã xế` trưa. Thực tình câu chuyện với cô giáo ở Đắ`c La bữa trước cứ lúc nhó` lúc lại nhắ`ng đi, vùi vào những ngày đường bụi đỏ cuố`n lên. Đoàn ô tô lâm nghiệp lắ`y gỗ nô`i nhau chui trong rừng ra. Những chiế`c xe ngựa nơi nào tới, móng ngựa nghe cóc cách một lúc lâu rồ`i mới nhìn thắ`y cái mũi đen bóng nhắ`y nhô lên trên vòng bánh xe quay dưới đám bụi tủa vào những tắ`m mái buồng đỏ sẫm.

Vạt đồ`i tranh không biế`t trơ trọi hoang vắ`ng đế`n tận đâu, nhưng ngoài đường cái thì tắ`p nập hắ`n lên. Phía bên á`y, cao nguyên Lang Biang chắ`t ngắ`t xanh rì và trong lũng dưới chân, những cánh rừng le lúp xúp vùng cao miề`n Đông đã kề` sẵn mà vẫn một cảnh tượng vừa xa vắ`ng lại vừa nhộn nhịp trong những đường cây mênh mông đỏ, quanh những căn nhà cọc rào trồ`ng sắ`n, những khu ruộng nước, những mái cỏ tranh, lá buồng vách ván. Chiế`c xe Honda “cá xanh” đắ`t bùn đỏ quạch, dựng vào vách. Nha Trang, Sài Gòn lên đây lập làng với các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình mới vào. Những đàn voi, đắ`t đỏ sạm lên tận vùi, tận tai. Voi khiêng gỗ, kéo gỗ từng đàn lắ`m lũi như những nắ`m gò đắ`t nặng nhọc chuyên động. Cuộc số`ng cao nguyên đưng vào trong con lố`c rừng rục bụi đỏ thắ`kia.

Vào đế`n phồ` Đắ`c Min nắ`ng chói lói, rắ` rượi, mặt mày người nào cũng đỏ sạm. Nhưng cũng chẳng ai nhìn ai. Chiế`c xe khách lộc

cộc qua rồi lại lao đi ngay cho được đường. Mỗi lúc càng nhiều xe lên. Cái thị trấn đơn côi giữa gió và nắng. Nơi chỗ lát dừng chân này ắt hẳn cũng có tính triết lý trợ thời của nó, trong khi bốn phía chân trời chân rùng đương cuốn người ta vào những nơi xa xôi tít tắp, những cánh rừng ngả ra ruộng nước, nước khe núi dâng lên thành đám hồ, thành làng, những tập đoàn, những hợp tác xã, những nông trường cà phê, những lâm trường...

Một dãy nhà ôm vòng quanh phía cầu chợ mái tôn lều tều mấy quán trà đá. Góc đường, một nhà hàng nhô ra chiếc tủ kính bày tạp hóa, bên cạnh đặt mấy chiếc cốc. Nhà hàng bán cả giải khát. Tôi bước vào.

- Ông dùng gì ạ?

Sau cánh cửa, gian nhà tôi ảm vắng ra tiếng hỏi nhẹ nhàng không đậm không nhạt, ta thường nghe ở người chào hàng. Một bà có tuổi, áo cánh lụa mỡ gà. Dáng thành thị, người béo trắnng bệu bạo dùng đục. Nét mặt đăm đăm, chỗ chỗ bà lại thở dài, cứ tự nhiên uể oải, như từ cái mỡ màng thừa trong người đã thoát ra thành tiếng, như là bao nhiêu lo toan phiền muộn đọng lại, dồn cả lại thành những tiếng thở dài chỗ chỗ lại nhẹ nhàng phào ra.

- Nhà có cà phê đá? Không ạ? Thế thì xin bà một ly chanh đá.

Tôi ngóì tựa vách ván. Có lẽ nét mặt và câu nói của tôi cũng lạnh nhạt chẳng khác vẻ ơ hờ nhạt nhẽo hỏi khách của bà hàng, trong khi tôi cũng thờ ơ trông ra quãng nắng trước mặt. Tôi nhận thấy, từ Buôn Ma Thuật xuống, cây cối hai bên bị phát khai quang vào một quãng, nhưng đến Đắk Min, rừng lại bò ra tận mép đường. Có lẽ chỗ này gần đồn bót, bọn Mỹ không phải đề phòng cẩn thận như ở

những nơi giữa xa. Có lẽ thế, hay là tại sao? Tôi bà n thầ n với những ý nghĩ loăng quăng vu vơ.

Bà hàng lặng lẽ bỏ chanh. Mùi chanh thơm, tôi vô n thích quả chanh miề n Nam thơm ngọt, thoáng mùi, đã muố n ăn cả lát. Tôi lại vắn vơ sang cảm tưởng của người đi đường khát nước. Bà hàng bung nước chanh ra. Tôi nhìn vào cô c nước mình đương thềm uố ng. Rồ i bà trở về ngồ i đầ u tấ m phản, nhìn xuố ng chân đố c bụi nắ ng lầ m lội đỏ rực. Một lúc lâu.

Trong im lặng. Tôi hỏi:

- Thưa bà, nhà ta ở Đắ c Min?

Bà hàng vẫn nhìn một phía như thế.

- Vâng ạ.

Tiề ng vâng nhịp, dạ nhịp đố i đáp, quai hàm đụng đập như pháo ra từ hàm răng giả cọ vào lợi, chồ c lại nhảy xồ c lên. Không biế t thật hay chiêm bao, chỉ biế t người đàn ông và người đàn bà đã luố ng tuổi, chẳng ai còn ở cái thời trai gái gặp nhau thời â y điệu mắ t, điệu lời cứ thẳng thồ t và tít tít.

- Thưa bà...

Tôi khe khẽ câ t tiề ng, bà hàng đã đáp ngay, khi tôi chưa nói hế t câu. Nhưng bà cũng chẳng đề y câu tôi hỏi. Hai tiề ng “vâng ạ” kia chỉ là tiề ng giữ phép xã giao lịch sự. Có lẽ thế.

Tiề ng bà rầ u rầ u thoang thoảng:

- Chẳng biết các cháu ông thế nào! Làm sao mà người ta bây giờ toàn nghĩ những đâu đâu. Đương ở yên lành, thế là dùng dùng kéo đi bả ãng được. Có ai bả ãt mình đi đâu. Nào làm vườn, nào dạy học bọn mán mọi, nào những gì gì nữa. Các cháu ông thật là kỳ, đời bây giờ thật là kỳ...

Chỉ nghe đại khái một câu nói cũng có thể tưởng được ra nổi niê ãm một gia đình lúc này. Day dứt, giã ãng co nổi đi nổi đế ãn. Bao nhiêu giày vò. Bao nhiêu nguô ãn con. Dời phô ã phường lên đế ãn đây vẫn còn bao nhiêu ngổ ãng. Những căn nhà lợp cỏ tranh lá buô ãng, vách ván, xung quanh như trát bùn đỏ. Cái cột gỗ, đầ ãu đóng miê ãng ván to bả ãng chiế ãc mâm trên đặt bát hương, bát nước cúng, đĩa hoa cúc vạn thọ vàng sẫm - những khó khăn, những lo lắ ãng, những câ ãu xin trời đầ ãt phù hộ giữa hoang vu.

Ngoài đường, nắ ãng đã ngã dài bóng hàng xoài. Chiế ãc xe ngựa, xe lam chở khách, chiế ãc xe tải gỗ, xe câ ãn cầu lên Buôn Ma Thuộ ãt, xuôi Đô ãng Xoài, buổi trưa tránh nắ ãng vào bờ rừng nào, giờ lũ lượt nô ãi đuôi nhau kéo ra.

Có tiế ãng xe máy rập rờn đầ ãu phô ã. Hình như bà chủ hàng đương nhìn xa, bà nghe ngó ãng đợi chờ thế ã nào. Bà bước vội ra cửa. Một chiế ãc Hon ãa từ ngoài đường nhựa nóng nắ ãng nhể nhại lái vào. Cái xe thô ã to phình, dừng lại, một lát mới nhắ ãc hế ãt được các thứ đeo quanh xe. Hai buô ãng chuô ãi. Cái rọ lô ãng quả mít chín đầ ãu mùa, gai mở mắ ãt đầ ãu vàng hây. Lại một buộ ãc đu ã đủ. Lại tiế ãng gà đập lạt sạt trong cái bu. Một cháu bé trạc bô ãn năm tuổi, đôi má phính đỏ, hai tai vênh dưới cái mũ lưỡi trai dài ngoắ ãng. Chú ngô ãi chầ ãu hẫu giữa đám hoa quả gà quế lộn xộn. Người thanh niên lái xe cao lêu ãêu, da rám nắ ãng bắ ãt bụi đỏ hắ ãt.

Bà hàng tươi hân nét mặt, quay lại bảo tôi:

- Cháu đây, thầy ạ. Cử nhân luật đây. Kỳ quá.

Nói thế rồi bà xăm xăm bước ra, ôm cháu bé vào. Bà nhanh nhẹn, vội vội. Bà vào nhà trong, bung ra một chậu nước đầy, vắt vai chiếc khăn mặt bông. Rồi lại lấy hai chiếc cốc pha lê hoa chìm hết cốc của tôi, thả vào hai cục đá lớn.

Người thanh niên cười, nói to:

- Má đừng chiều cháu. Này Mích, ăn nhiều đá sún răng đó.

Bà hàng cũng cười:

- Thằng này mấy ký đá cũng hết mà.

Cốc nước đá được đặt ra ghế. Những thỏi đá trong hơn cả màu cốc. Chú bé hớn hở giơ hai bàn tay tõe cả mười ngón tay ôm cốc. Bà nhìn cháu. Đôi mắt phúc hậu, hiền từ. Đôi mắt lúc này rầu rĩ nặng nề xệ mí xuống bây giờ khác hẳn. Tôi đang nghĩ đến một câu tôi sắp nói: “Thưa bà, hôm nào cô giáo ở Đắc La về chơi, bà nói là bữa ấy bữa ấy, có một thầy bộ đội vào hàng ta. Cảm ơn bà.”

Nhưng rồi tôi im lặng cúi chào, bước ra, trong lòng âm thầm vui vui khi biết hình như có một người đang ngơ ngàng nhìn theo mình.

Nhưng tôi không trông thấy đâu đôi mắt của Phượng ngày xưa trong con mắt của người bà nhẹ nhàng âu yếm nhìn cháu. Tôi không dám nói.

Tôi dừng lại ngoái nhìn tủ hàng, làm như muốn chào người bán hàng một lần sau cùng nữa. Nhưng không hiểu sao, nhắc thấy mấy đôi dưa bày trong tủ, tôi bỗng buột miệng khen: “Chà, những đôi dưa đẹp. Cái màu gỗ cao nguyên hay thật...”

Tôi hỏi:

- Thưa bà, không biết dưa này dưới Sài Gòn có không?

Hình như tôi vẫn lơ đãng thốt thế nào, nói rồi, lại mới nhận ra câu hỏi mua hàng quá vô ý, không ra sao. Nét hiền hậu của bà nhìn cháu đã biến mất.

Một câu nói mát mẻ lạnh rợn:

- Có đấy. Thày xuống Sài Gòn mà mua.

Tôi đáp ứng:

- Thưa bà...

Rồi im. Cũng không biết định nói nữa thế nào.

Đôi khi nhớ lại hôm ấy, cũng có ý hay là hôm nào viết thư về Đắc Min. Nhưng cũng chỉ nghĩ thế thôi. Nếu thật đó là Phụng, thì cũng không phải Phụng nữa rồi.

II.

Anh Thanh Tịnh có lần kể chuyện khi còn trẻ làm nghề hướng dẫn khách cho một hội khảo cổ ở Huế. “Sao anh có một trí nhớ tốt đến thế.” Tôi khen vậy, anh nửa mỉm cười, nửa thở dài, rằng tục

ngữ Pháp có câu: “Ai chẳng may mang tội nhớ lâu thì chỉ khổ thân nhớ lắm, khổ nhiều”. Ngẫm ra, câu tục ngữ Thanh Tịnh nói ấy xiết bao thâm thúy.

Tôi biết Phượng ở Dầu Tiếng, hơn năm mươi năm, già một nửa thế kỷ đã qua. Người con gái ấy, mà trời để cho còn sống, bây giờ đã lên thượng thọ. Bạn đọc hôm nay chắc cũng như tôi, những lúc nghĩ về ngày đẹp và buồn của mình bao giờ mà chẳng tưởng thời gian ngưng đọng lại.

Vòng lên Dầu Tiếng rồi mới xuôi Sài Gòn - chặng cuối của chuyến đi. Ngày ấy, tôi có một người bạn trạc tuổi, người cùng làng, anh đi phu cạo mủ hăng Mi-sơ-lanh, làm công tá ở Dầu Tiếng. Tôi lên Dầu Tiếng chơi.

Xe đỗ bên trước cửa chợ. Tôi vào tìm cò một nhà, hỏi thăm đường. Một cô gái đương ngồi máy khâu bên cửa ngẩng lên trả lời câu chào của tôi.

- Thày hỏi...

- Thưa cô, đường đi Bên Củi...

- Thày xuống Bên Vinh, đâu đó...

Câu chuyện bắt đầu như thế.

Lạ lùng và thân thiết biết bao, tình cảm trong nhà Phượng ngay từ lần đầu tôi đến. Tôi ở đâu tới, mà được coi như người nhà. Mùa hạ năm sau, tôi đánh điện cho Phượng về Sài Gòn đón tôi. Tôi không biết trong Nam có thứ hồng chín đỏ như ngoài Bắc hay không. Đến đổi hôm mới đây, tôi trông thấy mâm hồng trong

chùa Hang trên núi Bà Đen bày những quả hồ`ng đỏ, tôi vẫn ngỡ là hồ`ng bằ`ng sáp nế`n. Miề`n Nam không có hồ`ng đỏ.

Phượng đón chuyế`n tàu xuyên Đông Dương vào tới ga xe lửa Mỹ quăng tám giờ tồ`i.

Phượng hỏi:

- Anh có đem quà biế`u má không?

Tôi ngượng chín cả người. Phượng cười:

- Em hỏi vậy thôi. Mai vô chợ Bế`n Thành mua một chục trái hồ`ng chín. Chợ Bế`n Thành thì lê tảo Hồ`ng Kông cũng không thiế`u. Anh nhớ nói anh mua hồ`ng Hà Nội mang vô biế`u má.

Rồ`i hôm sau chúng tôi đã đi một con đường xa nhấ`t về` Dầ`u Tiế`ng. Có lầ`n, đọc truyện *Ba người lính ngự lâm* của A-lế`ch-xăng Duy-ma, cũng không nhớ đọc đế`n quăng kể chuyện Đác-ta-nhăng đương tơ tưởng bà Bô-na-xiêu (hay Mi-la-đi) mà chỉ nhớ cái anh chàng mã thượng phong lưu nọ, vừa đi vừa nghĩ đế`n người yêu, anh ta đã chọn con đường đi rợp bóng cây và lâu nhấ`t mới về` đế`n nhà. Nhưng đây không phải đi một mình, mà hai mình. Thông thường, đi xe lửa điện lên Thủ rồ`i đáp xe hàng lên Dầ`u Tiế`ng độ nửa buổi thì tới. Chúng tôi đi vòng vo những hai ngày mới về` được. Tôi ôm khư` khư` cái gói giấ`y báo bọc một chục quả hồ`ng đỏ không dám để xuố`ng đâu, chỉ lo bị giập.

Chặng chót từ Gò Dầ`u Hạ về` Bế`n Củi qua Bế`n Vinh sang. Bên Gò Dầ`u không có xe thổ mộ sang Bế`n Củi. Cả hai ba chục cây số rừng cao su, không một làng xóm nào. Nhưng chẳng câ`n xe thổ mộ đường dài hay từng quăng, chúng tôi thuê một cái xe lồi. Ở Gò Dầ`u,

ở Trảng Bàng, bây giờ xe hơi Toyota chạy vun vút thế mà cũng vẫn còn xe lôi, xe lôi người đạp, xe lôi gấn máy. Nhưng xe lôi ngày ấy còn đơn sơ lắm. Thùng xe đằng sau dài như cái thuyền thúng.

Chúng tôi ngồi trong cái thùng ấy. Người đạp xe mãi miết, cưỡi củi qua những quãng đường gồ ghề đất cát. Cái thùng xe tròn trành, lắc lư cứ tha hồ xô mặt mũi chúng tôi va vào nhau, thật tức cười.

Đến chiều về tới. Vừa thấy, má đã sa hai hàng nước mắt:

- Trời ơi! Giặc cướp đầy rừng mà các con dám đi như thế!

Tôi hôm ấy, cả nhà ngồi bên gốc cây ca-pôc ở ngoài sân, sáng xanh trắng rừng cao su. Má vẫn chưa ngớt con lo, con giận ban chiều. Cái sợ hãi lây lan ra cả những việc khác nữa. Má bảo Phụng:

- Thế này rồi con phải ra ngoài Huế à?

Tôi hiểu và tôi cũng lo theo điều phải nghĩ ấy của má Phụng. Thời bấy giờ, người ta thả gả con cho thằng *minh hương* ở phố chợ bố mẹ quê bên Tàu nhưng chẳng bao giờ người con trai biết nước Tàu ở đâu, còn hơn gả con gái lấy chồng xa tận ngoài Bắc mà ở vùng nào cũng cứ gọi là ở Huế, ngoài Huế. Phụng cười nói với mẹ, lại cũng như bảo tôi:

- Má à, anh ở đây với má. Anh thưa với má đi, chúng con ở đây.

Mấy hôm sau, tôi đã sang chợ, nhả được người vào lộ rồi nhưng thằng Diều vẫn chưa ra. Mà tôi không thể được phép đến trước cái bờ tường tòa nhà ngoài cùng của sở cao su.

Hai bên phở Dạ u Tiếng hò i á y lúa thừa nhà quanh câ u chợ lụp xụp. Hôm nay không nhớ bó t dây thép thì không nhận ra ở chỗ nào. Nhưng vẫn nhớ đến rộn tai, á y là tiếng còi ủa ba giờ sáng đêm đêm gọi phu dậy nấ u com, đi ra lô làm. Tiếng còi điện âm u, rên rĩ không biết từ trên thính không hay dưới âm ty. Những phu cạo mủ làng một, làng hai, làng ba... bật dậy quờ quạng tìm nô i thổi com, nấ m com rô i ngô i đợi hò i còi thứ hai nổi lên, đúng bó n giờ sáng thì lủi thủi ra bãi điểm cho các thầy xu vục roi gọi sô rô i đoàn người xách dao xách thùng chạy ra lô.

Mấ y buổi chợ đông, mà vẫn không thấy Diề u ra. Cả cái chợ cũng của sở mủ, nhiề u cửa hàng chỉ mua bán bắ ng tích kê. Mỗi kỳ lương, hãng phát vé cho phu ra đong gạo, mua tĩn nước mắ m, cân cá khô... Hay là Diề u đã về Sài Gòn rô i, hay là từ dưới Xóm Chiế u, người ta đã chia nó đi Phú Riề ng, Thuận Lợi, không lên đây? Năm sau, 1944, mùa hè sau cùng, tôi lại lên Dạ u Tiếng. Mới biết năm trước Diề u còn ở đấ y. Nhưng tại sao nó không ra, không biết. Tôi đoán nó đương có một công tác bí mật gì đó.

Bởi Phụng đưa cho tôi một tập giấ y khổ nhỏ về vệt mỗ hôi tay và mủ cao su. Ngoài có dòng chữ “tập thơ” với hai câu thơ, tôi nhận ra ngay chữ nó, nét còng queo nghiêng ngả chưa bao giờ được viết tập ở nhà trường. Tập thơ chép nhiề u bài, Diề u đã làm từ khi còn ở làng. Bài cũ, bài mới, bài tả cảnh đời, cảnh phu. Thơ của nó thì chẳng ra thơ. Nhưng Diề u thích làm thơ. Có lẽ cũng bởi cái sự tôi là bạn nó, chữ nghĩa tôi cũng lèm nhèm vậy, thế mà tôi làm văn, viết báo, thì thả ng Diề u mà làm thơ, cũng lấ y tên có chữ Tô, là cái sự tự nhiên mà thôi.

Hai câu thơ chép ngoài bì Diề u đã làm từ hò i còn cùng nhau hoạt động Ái hữu thợ dệt, nó hay ngâm nga, khiế n tôi cũng phải

thuộc:

Thiếu cơm, thiếu áo, thiếu yêu đương

Cái bọn nghèo ta thiếu đủ đường.

Phượng nói:

- Ảnh kẻ ảnh là người làng mình, là bạn với mình nữa. Ảnh bảo khi nào em gặp anh thì đưa cho anh tập thơ này.

Phượng ôm tôi và cười:

- Ảnh kỳ thiệt! Mình có thiếu chi đâu, phải hôn?

*

* *

Mấy hôm nay, tôi đang là khách công ty cao su Dầu Tiếng. Chúng tôi đi lên đường Bến Cát. Mỗi khi trở lại nơi đã từng qua, từng ở, tôi có thói quen buôn bã hay tìm những gốc cây già cỗi, những bức tường và mái nhà rêu nóc ngày trước đã quen mắt mong như trông lại thấy mình ở đây đi ra. Đường qua ngoài huyện Bến Cát. Cây dâu. Cây ô môi. Những cây ca-pôc. Đôi ba mái ngói vẩy cá đen đũi hết như ngày xưa, hai đầu tường hiên có cửa vòm cuốn ra vào...

Nhưng xe đã bỏ đường Bến Cát, tạt vào giữa bát ngát những lô cao su.

Hãng cao su Mi-sơ-lanh to nhất ở Nam kỳ ngày trước, nửa thế kỷ đã trở nên được chín ngàn mẫu cao su. Chiến tranh tàn phá còn lại chừng bốn ngàn. Chỉ trong một chiến dịch 1981 - 1985, mười nông trường công ty ta đã trở nên hai mươi ngàn mẫu.

Tôi không phải đến Dầu Tiếng theo đường xe hàng. Không bao giờ còn có mã tà xét giầy người đi bộ rồi đuổi ra khỏi địa phận sở mủ nữa.

Ngày trước, cao su gốc Mã Lai bảy năm cho mủ, bây giờ giống mới, chỉ năm năm đã cạo được. Trông vào những lô cao su thấy chỗ nào cũng đương mùa lá già đỏ gắt. Rừng kín bùng không một tiếng chim, đâu cũng thấp thoáng hình bóng những người phu, nhấm mắ t cũng không thể quên được khuôn mặt sô t rét bùng rú ðùng ðùng chạy cạo mủ suốt chín trăm năm chục cây một buổi sáng, người cứ thoăn thoắt như ma biến trong hàng cây thăm thẳm. Nhưng mà ô kìa, bên gốc cao su thành thoi những cô gái áo xanh công nhân dắt chiếc xe đạp với cái xô nhôm đã ðựng sẵn ðấy. Bây giờ không còn là xưa kia nữa ðâu, tôi mơ màng ạ.

Nhà khách của công ty - một nếp nhà sàn thấp thoáng trên sông Sài Gòn, gần Bến Vĩnh - như một bài thơ viết vào bóng trắng mặt nước.

Làm sao mà tôi chọn mắ t nổi ðêm nay? Những chiếc thuyền êm ru lướt ði hút tằm càn xanh lừng lờ mặt nước như chiếc bóng kỷ niệm.

Cô bé nhà phòng ðặt thùng bia Sài Gòn với xô ðá vào buồm tôi.

- Cháu ơi, quê cháu ở ðâu?

- Dạ, cháu ở Dầu Tiếng.

- Cháu ở phở ?

- Dạ.

- Cháu có biết nhà bà Ba, ở phố chợ, dì Phụng, dì Xiêm...

- Thưa bác, cháu không biết...

Rồi sáng lúc nào cũng chẳng rõ. Cái phố rừng tấp nập rau cỏ và ăn uống sáng sớm, như ở bất cứ một thị trấn dầu khuất nẻo đến thế nào.

Cái nhà và cây ca-pôc ngày trước chẳng còn nữa. Chỗ ấy mọc nếp nhà mới hai tầng cửa hiệu ăn uống. Bên kia đường, đồ sộ một bức tường xi măng hai mặt ghi những trận đánh trong phố ngày đầu chống Pháp. Một phía, những trận càn, chống càn vùng Dầu Tiếng thời chống Mỹ.

Chỉ riêng cái Bến Vinh thoai thoải dốc xuống vẫn hết ngày xưa. Hai bên bóng cây, mặt nước sông Sài Gòn mở ra một khoảng trống ngà n. Tôi không tin câu thành ngữ cũ: phúc không đến hai lần, họa không đến một lần. Nhưng niềm vui thường chẳng khi nào đến sóng đôi với lòng mong ước và thời gian. Thế mà cái bến và dòng sông kia thì vẫn y nguyên hôm tôi với Phụng ở cái xe lôi bước xuống rồi qua đò. Tôi ngỡ ngẩn đôi lúc đến không muốn nhớ, chỉ nhớ lại thôi, chứ không dám hỏi có phải bà hàng ở Đắc Mìn hôm trước là Phụng, là *Xóm Giếng ngày xưa*, là cây đa bến cũ hay không.

1980

Hoa bìm biền

Ông Thái sắp vào Sài Gòn.

Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Có công việc làm thêm, cũng đỡ bâng khuâng chân tay. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hòì ấy, các quốc doanh, các loại hợp tác xã mở tới tận, người ta cần đến kế toán, tài vụ. Tay nghề đã bỏ xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Hiệu cấ t tó c, các hợp tác cõ m nô ì, nước sôi lắ m nơi sổ sách chõ ng chấ t, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Phầ n nhiề u là vẽ vờ i ra nào quyế t toán, nào dự chi, nhữ ng con số ma cả.

Từ khi thõ ng nhấ t, ông Thái cũng chưa được vào Nam lầ n nào. Ông Thái chưa trông tận mắ t cái máy bay. Nhưng cái tính nhiề u người hay thê , cứ làm như đã quen, rấ t thườ ng. Ông Thái nói: “Trong Nam người ta thoá ng lắ m. Máy bay hay tàu hỏa thì ăn nhắ m vào đâu!”.

Ông Thái tỏ vẻ hách vậy, cũng không gọi tò mò cho ai trong nhà. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu chẳng khác ông vẫn ngồ ì lù lù cạnh cái cửa sổ tầ ng bõ n, cả ngày đăm đăm ngó ng ra.

Ông Thái đã đi Sài Gòn vì một việc khá lạ lùng. Tôi viế t thê này bạn đọc còn có thể đọc được, nhưng nếu nghe ông kể, chắ c chẳng tin. Một hôm, ông Thái nhận được một cái thư bên Mỹ. Thoạt nhìn chữ bì thư, ông Thái nhận ra ngay chữ của người con gái bõ n mười lăm năm trước, tên là Vân.

“Kính gửi ông Thới... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại. Tôi hiểu tâm trạng bạn tôi. Muốn biết tin ông, nhưng lại e ngại, ngại ngùng. Chẳng thà im lặng là hơn. Thuyền đã sang sông tách bến rồi, cây đa bến cũ còn đâu nữa. Tìm để làm gì, chỉ khổ nhau thôi. Vì vậy im lặng cho đến ngày nay. Tôi biết là người ấy vẫn muốn được tin ông, gia cảnh thế nào...”

Chữ ký loảng ngoảnh cuối thư. Đàn bà là chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ có Vân gọi mình là Thới. “Muốn lấy vợ Nam kỳ phải kêu là Thới. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết”. Thì còn “người bạn thân” nào nữa. Hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao!

Ông Thái trả lời, đề thẳng phong bì: Kính gửi bà Huỳnh Thị Vân.

Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh xanh, khổ giấy như trước kia vẫn thư từ cho nhau. Trong thư Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ chữ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy khéo vờ như đánh tam cúc lại để hờ bài cho người ta xem.

Rồi những lá thư qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hiệu tơ lụa. Sau khi Tây thua ở Điện Biên Phủ, vợ chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bố đưa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà mất đã lâu.

Bà Vân gửi ảnh bà cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái không thể nhận ra bà, nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, đây là một bà già béo tốt tóc cúp ngắn chằm vai - một của các bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. Ờ, mình bảy

mười ba tuổi thì Vân bảy mươi rồi. “Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân nhiều đây. Nay còn 92 ký”. Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Tráng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tóc nhấc bổng lên được cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gửi ảnh của cụ. Không phải vì ngại cụ bà hay con cháu tộc mạch. Mà cái ảnh bà Vân phì nộn kia lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ.

Một ngày nọ, ông Thái nhận được một lá thư rất đặc biệt nữa của bà Vân. Thế nào mà ông lão hàng ngày ngơ ngác, người trong nhà đã quen mắt, nhìn ông như nhìn chỗ để xe đạp, như cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng đọc thư bà Vân rồi ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương bùng lên đây.

Thư bà Vân hẹn tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa, nhưng đích xác ngày tháng như thế.

Và tám ngàn phiếu bà Vân gửi sau cũng khiến ông nghĩ. Số tiền vừa đủ mua một vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gửi vừa khảm. Thế này là thế nào? Thế nào nữa, bà ấy tặng mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ ta theo kháng chiến cả đời đến rụng tóc rụng răng rồi, chứ mình đâu phải người nhà người ta ngơ ngác hóng của. Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được đâu. Lại nghĩ giá bà ấy cứ gửi nhiều nhiều một chút cũng hay... Rồi ông lại cãi nhau với ông: không được, không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Gửi thế này là bà ấy trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng thật khúc khuỷu như mọi tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn mỗi ngày một chuyến Hà Nội - Sài Gòn thông thương Bắc Nam, có khi ông đã lấy bà Vân rồi cũng nên. Nói “có khi”, bởi hai người cũng chỉ là trai gái lứa tuổi không dưng mà gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gửi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu ở Hà Nội với các thứ cao đan hoàn tán, ông chuyên đi quảng cáo và tính sổ đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy, nổ súng. Thế là nghe lại. Vợ ông và đứa con trai bị kẹt dưới Phòng. Một mình ông theo người tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Hòa bình lập lại 1954, ông trở về Hà Nội gặp lại vợ con. Rồi đến tuổi, ông về hưu.

Thằng con đỗ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ: “Giá ngày ấy bố bị Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã làm quan to, lương hưu khá hơn không”. Ông chẳng thèm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đầu. Ông nhận ngay ra là gỗ nhội, đồ dỏm. Đạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán về Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây nhội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, họ đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm, vớt lên cửa từng khoanh rồi để thành thớt, đánh bóng đỏ sẫm. Mấy ngày áp Tết, quẩy ra bán ngoài phố - Tết nhất, nhiều nhà sắm thớt mới. Vô ý vợ phải cái thớt gỗ tươi ấy dao chỉ thái mạnh vài nhát đã toác. Trông mặt gỗ bung nước, biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên: “Không cần gỗ lim, gỗ lát. Cứ kiểu mô

đéc, giường Đức, ghé Nhật, hồng thì mua cái khác, mô't khác. Thời buổi gáp gáp, sớ'ng gáp gáp, ông ạ".

Có lẽ chúng nó phải. Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô đét, giày dép thôi cả long đinh, há mồm. Áo quần bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắ'm. Không biế't đâu ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huế'ch hoác, lại cụp lại, lại hủn hoãn, nhỏ tí, các mô't các kiểu cứ đuổi nhau.

Ông Thái sửa soạn đi Sài Gòong, quần áo và đôi dép râu, cũng như mọi khi. Ông không định ăn mặc khác. Không phải đế'n nỗi thiế'u thốn, mà quen xuề'nh xoàng rô'i. Nhưng có lẽ nên đi làm má'y cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Cười huế'ch mép răng khuyế't tro'ng hốc. Chỉ rằ'y rà má'y lỗ hồng răng cửa hàm trên. Soi gương, thắ'y cứ tun hút, phiề'n thật. Nhưng rô'i ông lại ngại. Những cái răng đã gãy từ đời nào, đời nào. Bà á'y cho là ông phát rô' hay sao, tự dưng đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà á'y sinh nghi. Nhưng ông lại tưởng tượng một sự kỳ quặc, có thể xảy ra. Thê' nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triề'n miên đầ'm đũa xưa bên sông Sài Gòong. Bây giờ mà thê' a, nhỡ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Mà chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã...

Thôi thôi, đã mặc mặc thì thê' nào cứ thê'. Cái hẹn tháng Bảy đầ'n dà tới...

Ông Thái lúc bô'ng bột, lúc lại thây kệ. Nghĩ ra toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thê' nào được cái ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật lại như chiế'c đinh tai ác cứ nhô lên đầ'n. Sắ'p tới rô'i. Ông nghĩ â'm ừ: Thê' hôm á'y mình cứ bay vào

à? Không có bà ấy ra đón thì sao, thì sao? Ông cũng có người quen, nhưng thành linh lò dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Một cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Trông thấy ông, nó khoanh tay hỏi: “Thưa ông Thới...” Trẻ con trong này ngoan mà ranh thật. Thế là cháu đưa ông về nhà. Chứ không đến khách sạn, nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối, đỡ lo nữa.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Ông Thái băng khuâng đi giữa những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lờ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thầy ký công nhật đi tính sổ. Thị xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. Ở Nam kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sande, cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, mảnh khảnh đúng dáng người đẹp mẫu của Thái. Tuổi trẻ đâu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm quần lụa trắng muốt. Anh chàng gà trống tơ nghĩ vợ vào rằng thế là ăn tiền rồi.

*

* *

Ông Thái lom khom nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hết tấm ảnh bán thân nhận được năm ngoái. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng. Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhắc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận

xét đầu tiên về sự thiếu vốn và ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cái mu rùa úp trên đầu, hôm đi ông đã mượn của thằng cháu, ông mới nguôi ngoai và thế là lại ngượng. Ông vừa được lời ở sọt rác ra.

Bà Vân nhìn ông, nói một câu đột ngột:

- Anh ốm quá!

Ông Thái đã sắp sẵn câu đầu tình tứ: “Em trẻ, em trẻ lắm”. Nhưng bị nói phủ đầu thế đâm ra mất vui, lại nhớ cái răng cửa hồng, ông Thái chỉ cười mím môi.

Chẳng mấy lúc, cũng may, ông Thái đã cảm thấy như ở nhà - nhà mình tưởng tượng thương yêu êm ấm, không phải cái căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ ngay lần đầu tiên về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vồn vỏi, phong tục Nam kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương tưởng tượng cái gia đình êm ấm mà hai người đương yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhem. Ông Năm lấy trong tủ ra chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trố ng - có thể là đã quên cũng nên.

Ông Thái hỏi bà Vân:

- Rượu thuốc à?

- Sâm em mua ở Băng Côc về biếu anh Năm ngâm rượu.

Ông Thái hỏi, vẻ thành thạo:

- Có bia hơi... bia hơi...

Bà Vân nhăn mũi:

- Bia uố'ng hại thận, nghe. Rượu thuố'c...

Ông Thái im. Chợt lại thiu thiu lẳng lẳng như mọi khi ở nhà.

Nhưng rõ'ì ông Thái với bà Vân cũng có phút giây mơ màng.

Bà Vân bảo:

- Rô'ì chúng mình đi vườn Bờ Rô chơi.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy xuôi ngược liên hô'ì tạt mặt, ông ngại:

- Làm gì? Vườn Bờ Rô...

- Ôi anh quên hế't trời rô'ì sao! Cái năm hội chợ Sài Goòng, đêm đó chúng mình đi chơi vườn Bờ Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. May sao, ông Năm ở buồ'ng trong góp chuyện ra.

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ Rô năm cô Ba ở Sài Goòng à? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ Rô, vườn Chuồ'ì loạn dữ, nhấ't là ban đêm. Không đi dạo được đâu.

Ông Năm đã gỡ cho ông Thái một cuộc chơi không hào hứng.

Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai. Tiế'ng mưa lộp bộp sầ'm sập xuố'ng mái tôn nhà nào xung quanh, chẳng biế't là đương ở đâu. Trời mưa xuố'ng đã giúp làm trôi cái kỷ niệm vườn Bờ Rô đi rô'ì.

Bà Vân nói:

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à?

- Trước em định nghỉ ở Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói bên Long Hải vắng lắm. Ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

Ông Thái nói góp:

- Cả nhà đi cho vui.

Bà Vân cười:

- Không, anh Năm không đi chơi. Anh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ anh, không được lơ là mất cảnh giác. Ông nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa ngó ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có bảo vệ. Ông cán bộ thông thả bách bộ, người bảo vệ đeo súng ngấn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể dục buổi sáng bên bờ hồ, có hai cán bộ bảo vệ áo đại cán, vắn súng giắt trong thắt lưng, lồng thông chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì bò. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sướng.

Bà Vân nhìn ông Thái, nheo mắt, tinh nghịch:

- Nhưng mà anh Năm không đi Vũng Tàu nữa.

Ông Thái cũng rờn:

- Không phải bảo vệ tôi à?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boong-ga-lô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười:

- Có vậy mới được đi đôi, nghe.

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ là câu nói đùa. Đột nhiên, bà Vân hỏi:

- Anh có còn nhớ chị Hậu không?

- Chị Hậu...

- Lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật thì ông Thái đã nhớ ra rồi. Không những thế, ông Thái còn đương bận trong đầu lên khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liêu lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, đã xếp xó trong ký ức của ông từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu theo Vân ra ga để “ngó mặt thăm hai Huế xem nó ngộ thế nào”. Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái xuống tàu thoát trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. Đôi mắt bồ câu lóng lánh dầm như làn nước muối hút người ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại ở nhà Hậu. Sớm mai, Vân và Thái về Sa Đéc. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồn cạnh đấy, cái giường to kê bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn sầm sập mưa, làm sao mà đêm ấy lại mưa gió đùng đùng như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lên ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái vừa đụng vào cánh tay Hậu, thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai lần môi không bao giờ rời ra được nữa.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay láy long lanh quang đãng như trời mưa tạnh.

Rồi Thái và Vân về Sa Đéc. Đến hôm trở ra Bắc, không tạt được vào nhà Hậu. Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn. Từ đấy, không khi nào còn gặp lại.

Ông Thái hỏi:

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao? Giờ ở đâu?
- Cũng chẳng lấy ai.

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt nổi cơn bô rồi hờn vu vơ. Lòng yêu xưa kia thành nỗi buồn ngủi cho ai có lẽ vẫn chờ nhau từ sau đêm ấy mà mình thì quay lưng đi tàn nhẫn trước nỗi nhớ thương của người ta.

- Rồi thế nào...
- Rồi chị ấy đi tu.

- Cái năm em sang Mỹ, trước ngày đi em có xuông chùa chào chị. Em vẫn thỉnh thoảng được thư từ. Chị tu ở Vũng Tàu.

Ông Thái nhớ lại như trẻ con học nói, không ra ơ hồ, không ra ngạc nhiên.

- Ở Vũng Tàu!

Bà Vân nói:

- Em được thư thầy nói thầy đau, có khi về nước Phật mát. Ta xuông thăm thầy nhân thể.

Ông Thái lễ phép rụt rè:

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, chắc anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy quy y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gồ ghề sườn núi, một bên gờ đá. Chỉ có một ven cát nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lởm chởm, đôi chỗ hùm xuông một bãi tắm như cái bôn choen hoàn phẳng lý bằ ng mảnh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn. Đã thành phong tục, các gia đình đưa ảnh và bài vị người đã khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có của cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuông ô tô ngoài bến giữa phố rồi đi xích lô về bãi Dứa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái cứ lẩn thẩn sờ sợ thế nào ấy. Sợ cả cái dáng bà Vân đi phăm phăm, bà Vân tiêu

tiền như vút đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mỳ. Được cái trông bà Vân không khác mấy bà luống tuổi có của ăn mặc trên Sài Gòn. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyên, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngó i co ro sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá mắ m ép dưới sức mạnh cái kẹp thế lực.

Hai người bước lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cảnh đại khải khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng dưới nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ảm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngó i sụp xuống mặt gạch lát, chấ p hai tay, nói to:

- Bạch thầy, con là Vân, con mới ở Mỹ về .

Trên phản, một người nằ m, hai chân nặng nề trắng bệch. Có tiếng khe khẽ:

- À... Vân...

Một cô tiểu ngoại hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốm ngó i lên. Bà cụ thở khó nhọc, như con mèo gù. Cụ tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Trong mờ mờ, ông Thái đã nhìn rõ. Không thể đấ y lại là cô Hậu năm nao. Cái đầ u bà lão trọc nhẵn, bủng vàng như nghệ, phù ra to bằ ng quả bóng.

Một cô tiểu bưng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói:

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không?

Nhà sư ngược cặp mắ t trắng lơ lơ. Bà Vân ghé tai nhà sư già ốm, nói rõ từng tiếng:

- Ông Thới ngày xưa đó.

Bóng khuôn mặt xỉ, lặng lẽ không động đậy.

Các chùa ven bãi Dừa đều có nhà khách. Vào mùa nắ'ng, còn cho cả người chơi biển trọ. Ở đấ'y ăn chay theo bê'p nhà chùa cho nên hình như cũng vắ'ng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phấ't, nắ'm trông lên thấ'y cái bệ tòa sen thếp vàng ánh, bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mấ't được đem gửi chùa. Ông Thái mắ'c cái màn nâu của nhà chùa đưa, dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nắ'm trên phản đầ'u gian bên. Như hai vợ chồ'ng già vắng cảnh chùa, đường xa nghỉ lại vài hôm. Hàng ngày cơm với canh thơm, muố'i vừng. Bà Vân nói: "Người cao tuổi ăn chay trường tốt hơn ăn thịt". Lại nói: "Ngon thiệt, ở Mỹ không có những thứ này".

Ngày ngày, bà Vân ra bãi tắ'm. Bà Vân nói: "Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ở cạnh nước. Hàng ngày cả thành phố tắ'm biển". Bà Vân rủ ông Thái xuố'ng tắ'm. Nhưng ông Thái cười lắ'c đầ'u. Bà Vân cũng không ép thêm.

Bà Vân lội xuố'ng nước. Ông Thái đội mũ cô'ỉ, quầ'n áo bộ đội xanh nhợt, ngồ'ỉ cái quán cóc cạnh gồ'c dừa trên bờ. Ông ngồ'ỉ trông túi và quầ'n áo cho bà Vân. Đôi lúc, chén rượu thuố'c đã ngắ'm, cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước. Khi về, bà Vân vào chỗ cho thuê đội nước ngọt thay quầ'n áo, ông Thái cầ'm cái túi của bà đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ông Thái đương nghĩ. Ôi, năm mươi năm trước xa vời vợ. Mắ'y hôm rô'ỉ,

ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư ốm liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước vào nhà.

Cô tiểu đề n nâng sư thầy. Nhưng bà nhè nhẹ lắc đầu. Bà vẫn nặm nguyên đây. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven tấm phản. Bỗng ông Thái nghe tiếng thê u thào như phảng phất vắng đâu tới:

- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói câu gì đó. Nhưng ông không nói được, ông ngồi yên.

Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quán cạnh gò c dừa, chỗ bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lăn tăn, bà Vân đã ra tới chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngẩm vừa rồi. “Ông già quá rồi”, ông cũng sắp tịch, sắp đến cõi rồi, câu nói đã thổi bay mất niềm hào hứng và lòng thương người của ông.

Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy quơ cánh tay dưới nước. Ông thờ dài, bỗng cúi kính: “Hay là cái đêm ấy nó biết? Nó còn thù đến tận bây giờ nên mới đẩy mình ra đây? Cho mà nhìn người sắp chết, cho phải soi cái gương ông già quá rồi”. Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế, có thể mình nghĩ quá.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tằm trắng xanh mờ. Cánh tay và bộ đùi hộ pháp phục phịch đã hơi bắt nắng. Ông Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay, dọa đùa ông cái gì. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lần thần đoán không biết bà ấy nhỏ hay nách nhăn tự nhiên thế.

Bà Vân huơ tay net đùa:

- Ướt bia hại thận. Cấm ướt bia, nghe.

Ông Thái mồm mím giờ ly.

- Rượu thuốc. Rượu thuốc ướt nhấm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành từ ngày xưa đây. Nhớ không?

Vào giới nước ngọt, thay quần áo, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói:

- Chúng mình có duyên với nhau nhưng không nợ nhau.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói về kỷ niệm đã khiến bà Vân nghĩ ngợi. Ông Thái băng khuâng, mũi lòng...

*

* *

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái ra ngoài bãi cát nhổ một cái dây cây dại không có tên. Lá dày tựa lá thài lài, hoa màu xanh nhợt nhạt, man dại như hoa bìm bìm ở bờ rào làng quê. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại trở ra Hà Nội. Ông lại ngồi ở cái góc buồng tầng bốn, trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm vỏ

hộp bia tròng cái dây mà ông đặt tên là hoa bìm biền. Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gấ t. Cái dây leo không tên cũng như không ai biế t được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông lại im lặng như chiế c phấ t trầ n dựng xó tường. Cái phấ t trầ n thỉnh thoảng bà á y còn lấ y ra phẩ y bụi, ông thì chẳng ai đặ ng đế n. Ông lặng lẽ. Ngồ i suông, không có một giọt rượ u gặ m nhấ m lại kỷ niệm. Hàng ngày, ông cũng không rượ u. Thói quen nghề nghiệp thì sẵn, cho nên ông Thái tính một tuầ n lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ như con sô mà dự phòng, dự chi, thực chi, cộng trừ, thê còn hơn. Nế u nợ nhau thì có lẽ bây giờ chỉ còn cấ gấ t và có thể ở đâu đấ y, ông cũng là cái phấ t trầ n bỏ xó và im lặng ngồ i suố t ngày bên cửa sổ nhà bô n tâ ng thê này hay mười lăm, ba mươi tâ ng nhìn ra.

Hai cái răng cửa đã rụng nồ t. Hàm trên nhấ thín, môi cúp sát vào lợi. Móm hẩ rồ i. Đã lâu lắ m không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi Thới vào, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyế t thê . Nhưng rồ i cả năm không được tin tức, cũng có ý mong. Ở bên á y bà Vân cũng đượ ng nghĩ buồ n bã về cuộc gặ gồ vừa qua, như ông Thái chẳng? Không, chắ c bà á y chẳng thê .

Một hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ bia tròng dây bìm biền rơi xuố ng tận dưới đấ t tâ ng một. Ông Thái cũng chẳng buồ n xuố ng nhậ t lên nữa.

Chuyện để quên

Năm 1946, đã ra ngót năm nước chảy qua cá`u rô`i. Bắ`y giờ tôi làm phóng viên báo *Cứu quốc* hàng ngày. Có một số` người trước kia bị Pháp bắt đi đày ra đảo ngoài châu Đại Dương, nghe biế`t Việt Nam độc lập bèn đòi về` nước, đã được về` tới Hải Phòng. Biế`t đấ`y là những Đảng viên Quốc Dân Đảng, sau vụ bạo động Yên Bái 1930, bị án chung thân biệt xứ.

Một chiế`c tàu Trung Quốc ở Thượng Hải vào Hòn Gai ăn than, nhân tiện chở thuê những người tù hô`i hương. Phóng viên nhiề`u báo trên Hà Nội xuố`ng đón người trở về`. Tôi lên boong tàu, trông thấ`y ở cửa giữa chỗ vào tà`ng hầ`m chứa than có mấ`y người tự vệ sao vuông, giấ`t khẩu súng ngắ`n sau lưng - mớ`t ăn mặc của cán bộ bây giờ. Mọi người xúm xít bước ra với hai ông cụ râu lờm chờm, đội mũ phớt xám, thấ`t cà vạt đỏ, bộ đồ` Tây dạ tím, trông thật khác mắ`t.

Đấ`y là hai ông Quốc Dân Đảng và chỉ có mỗi hai ông á`y.

Một ông dắ`t theo một chú bé da đen, khoảng năm sáu tuổi. Chú bé lững chững, đầ`u to như cái chõ, tóc xoắn tít. Tôi hỏi:

- Thưa, con đồ`ng chí đấ`y ạ?

Ông lão lắ`c đầ`u.

- Đồ`ng chí quê ở đâu ta?

Ông lão khúm núm:

- Bẩm quan quân em ở Lệnh, tỉnh Sơn Tây.

Vùng Thừa Lệnh, nghề làm lưởi cày có tiếng tôi đã biết.

- Độc lập rồi, bây giờ cả nước gọi nhau là đồng chí cụ ạ.

- Bẩm vâng, vâng...

Rồi ông lão kể:

- Làng em có hơn ba mươi người phải đi tù trên Tân Đảo. Gió máy, mưa nắng khác thủy thổ, bao nhiêu năm rồi, có người lấy vợ, ở lại bên đây, còn thì chết cả, còn hai chúng em về.

Ông lão tên là Ổn. Cái đêm Quốc Dân Đảng đánh bom đồn Lâm Thao và trại lính Yên Bái rồi sau đây nhiều người phải bắt, phải chém, ông Ổn chẳng biết gì cả. Làng Lệnh vốn giỏi nghề rèn. Có người đến thuê làm bom. Công mười đồng một quả, làm khéo còn thưởng thêm. Quả bom to bằng quả bưởi, quả mít, nan tre cắt như lông chim gáy, trát xi măng trộn giã y bản. Ruột nhét mảnh chính, mảnh sành, mảnh sắt Tây với thuốc pháo.

Mỗi quả có một lỗ cắm dây ngòi dài một sợi đòn gánh, to bằng đốt ngón tay.

Những người thuê làm bom đưa một tập tiền giấy bạc năm đồng con công mới rồi quấy bột bom đi, như gánh dừa.

Làm bom cho hội kín phải bí mật, nhưng ai cũng biết và nhiều nhà làm vì được tiền tốt quá.

Một hôm, một đoàn ô tô về đổ cả trăm lính xuống vây làng, lại chặt các bờ rào đuổi cho ngựa các quan Tây xông vào.

Bao nhiêu bể rền, ô'ng thối, đe búa, sắ't vụn đê'u bị gom lại thành đống bỏ ra xe lừa, xe la kéo đi hế't. Mỗi nhân đinh ai hai mươi tuổi trở lên, năm mươi tuổi trở xuô'ng đê'u bị xích tay giải đi. Thình lình quá, chẳng hiểu vì tội tình gì. Sau mới biế't cả làng thành mô' côi vê' tội làm bom và tiêu giấ'y bạc giả.

Cái sự ông Ôn phải đi đày biệt xứ là như vậy. Đê'n năm bước chân trở vê' làng thì ông lão đã xấ'p xỉ bảy mươi. Vợ ông Ôn đã đi lấ'y một ông thợ đấ'u ngoài bãi Phùng. Hôm đi chợ, gặp người làng kể lão Ôn đi tù Tây đã xống vê', bà lão nhặt nhanh cái áo và cái bị, lẳng lẳng khoác đi. Ông thợ đấ'u chẳng hỏi đi đâu. Nhà này vẫn thế', chẳng mặt lành, mặt giận, chẳng lời cá't lời trước, thế' là mặc kệ.

Bà lão trở vê' Lệnh. Bà lão lấ'y trong tay nải ra một chai rượu và cành cau được sáu quả. Bà lão đặt chai rượu, cành cau xuô'ng, rô'i kéo nế'p váy, ngô'ì xế'p tè he, vái ông Ôn bô'n cái.

Ông Ôn nhắ'c bà lão đứng dậy, rô'i hôn đánh chụt một cái vào má. Cả lũ người đang ngô'ì hóng chuyện cười ré lên. Bọn con gái thì giạt ra kêu: “Ô'ì, ô'ì, phải gió, phải gió.” Nhưng rô'i lại mon men vào xem thế' nào.

Ông lão Ôn nói: Bà vê' với tôi đấ'y à? Bô'ng, bên á'y người ta hôn nhau lúc cưới cheo là cái sự thường. Tôi đem vê' cho bà nuôi cái thằ'ng cu bô' hóng này.

Bà nhắ'c dải yế'm, chùi nước mắ't, nghĩ tủi thân người đàn bà hiế'm hoi điể'c đẽ. Mắ'y hôm sau, bà ra câ'ù ao giặt có người hỏi đùa:

- Ông á'y khuôn vê' được mắ'y hòm tiề'n?

Bà lão chép miệng rô`i cười nhếch nhếch:

- Có cái con tườu! Dem về` toàn trò khỉ! Lão á`y bảo, ngày trước mà biế`t làm khéo thề` thì tôi đã có con rô`i, nhưng bây giờ thì... rất cái nỡm!

Ông Ổn về`, làng nước đâm ra nhiề`u cái phải nghĩ. Lo thì đã có ủy ban, còn thì ai cũng phân vân. Cái Quố`c Dân Đảng ngày trước thì chả biế`t đầ`u cua tai nheo thề` nào chứ bây giờ vừa mới độc lập, đâu đâu cũng phải canh phòng ráo riế`t bọn Việt quố`c, Việt cách, Việt gian đi bỏ thuố`c độc vào giề`ng cho chề`t cả làng.

Có nơi đã giề`t được mắ`y thắ`ng, chúng nó khai rõ ràng thề`.

Bây giờ một lão Quố`c Dân Đảng lù lù về`, lại dắ`t theo một mẫu Tây đen, vậy là làm sao?

Lên hỏi huyện, huyện cũng không biế`t đố`i phó. Hỏi lại thì không được. Mà làm mít tinh hoan nghênh người đi tù Tây về` Tổ quố`c cũng không thắ`y trên báo. Còn lão Ổn cũng chỉ kể rặt chuyện bên á`y, kiế`m một lúc được bó củi, uố`ng rượu cả ngày. Cái đắ`t dũ` ô`m thì chề`t ngay. Bọn con gái càng dũ` nữa. Đùi về` cứng tròn như cái chĩnh, lưỡi đỏ như miế`ng tiế`t, dài như con rắ`n lửa vào trong mớ`m, vào tai người ta, hì hì... toàn chuyện phản động nhưng vui. Lão đang tính chuyện lại làm lò rèn.Chẳng ai để ý nữa.

Thắ`ng Ổn như ông Ổn ngày trước, đứng kéo bễ phì phò. Lưỡi cày, lưỡi thuổng, bàn tay ông thợ kéo chưa quen nghề`, lại được người tới mua cái, mua mớ`. Phiên chợ Gạch, chợ Bún, chợ Nứa, bà lão gánh đi bán như xưa kia.

Đã nhiề`u năm qua.

Cái gánh của bà lão Ổn đi chợ cứ nhẹ dầ n. Rồ i bà lão chỉ khoác cái bị, trong đó có đinh năm phân, mười phân, đinh đĩa và chiế c khóa đuôi chuột. Khóa đuôi chuột khóa cửa đình, cửa chùa. Nhưng rồ i không đâu còn mấ y ông từ, ông tự, ông sư, bà vãi. Đình đề n để làm kho hợp tác. Cái khóa đuôi chuột phải xế p xó.

Nhà ông lão Ổn không được vào xã viên, không được ruộng. Từ hô i cải cách, nhà này được quy vào diện công thương - làm lò rèn dính dáng đề n chợ búa, không phải nghê` nông. Giữa làng làm ruộng, thành phầ n công thương chơ vơ một mình tay làm hàm nhai.

Đầ u tiên ông lão Ổn cũng không quan tâm. Bởi vì đôi khi vẫn kiế m được. Ấ y là hô i hợp tác làm xe cải tiế n, nan hoa sắ t thay cái bánh gỗ con bò kéo. Ông rèn nan hoa xe dễ ợt. Nhưng cũng như mọi phong trào ấ y mà, chỉ rộ lên một dạo xe hai bánh, xe một bánh, rồ i lại thừa thớt phai mờ dầ n.

Đề n lúc sinh ra cái lưỡ i cày cải tiế n 51 hay 71, 61 gì đó, các hợp tác xã đi mua tập thể cày cải tiế n ở cửa hàng nông cụ về` chia cho đội cày. Cả cái răng bừa cũng của nhà mậ u bán. Lò ông lão Ổn cặ n việc. Bà lão buông chiế c bị xuố ng, thờ dài đánh khượ t một cái.

Ông Ổn nắ m trên nhìn lên nhà, nói bâng quơ:

- Ở bên kia ấ y à, mở mắ t ra ông đã rượ u, rượ u như nước, chứ có phải chua mép cả ngày như ở đây đâu.

- Chẳng phải dọ a! Về` bên ấ y mà ở!

Bà lão đay thêm:

- Phiên này ai đi chợ thì đi, gái già này mặc xác thiên hạ!

Rô`i bà lão Ôn ra ngoài đũa kéo vó tôm như bao nhiêu năm, như cả đời vẫn làm con cò con vạc đi kiế`m ăn sông nước.

Thắ`ng Ôn đi chợ về` còn ủ ê hơn. Người ngoài chợ xúm lại xem cái thắ`ng môi về`u, mặt nhỏ nô`i, mắ`t trắ`ng nhắ` không biế`t chớp, hỏi: Sao mà người nước á`y đen mà lại nói tiế`ng ta như ta?

Hai đầ`u hề kê hai mắ`u gạch làm bế`p đun riêng nhưng chẳng mắ`y khi có khói. Như điề`m gỡ, nhà chỉ chia đôi bế`p ít lâu, một buổi sớm Ôn nhìn xuố`ng chố`ng, thắ`y ông lão nắ`m co quắ`p. Sờ cánh tay ông đã lạnh như đá.

Ông lão chề`t từ bao giờ. Ôn lắ`y mặc cho ông bộ quầ`n áo dạ tím, cái cà vạt đỏ, chiế`c mũ phớt xám ông vẫn cắ`t trong hòm phẳ. Ít lâu sau bà lão Ôn cũng về` quê với các cụ.

Đám ma ông lão, bà lão, thắ`ng Ôn chít khăn ngang chố`ng gậy, tay bịt miệng, đi cúi khom khom. Cái cảnh thắ`ng Tây bô` hóng khăn xô chố`ng gậy lạ mắ`t này ai cũng nhớ, còn các chuyện khác “bên á`y” của ông lão thì người ta quên dầ`n.

Thắ`ng Ôn đã ngoài hai mươi rô`i. Ôn cũng chẳng biế`t tên thật, tuổi thật của nó. Khi về` Ôn dầ`n dầ`n biế`t tiế`ng ta, bây giờ nói còn trệu trạo lưỡi, không ra giọng vùng này. Có người thắ`y Ôn khỏe mạnh, đã mách Ôn: Ô`i nơi có người Tây đen.

Từ bao giờ, cứ thời thề` đổi thay thì người lang chạ lại trôi dạt đế`n đầ`t nước này, vương vãi lại bao nhiêu người Tàu, người Nhật, người Cao Ly và đủ thứ Tây trắ`ng, Tây đen rạch mặt, Tây bô` hóng, Tây đen mờ. Ngày trước ở trên phồ` huyện cũng có một cô Tây đen to cao, vú bắ`ng hai quả dũa, thề` mà có một anh cũng Tây

đen, nghe` cắt tóc ở tận Bắc Ninh mò sang cưới được cô ta. Chứ cứ ro ró như thằ`ng Ổn thì đề`n rách đời.

Nhưng người ta có những may rủi không tính trước được. Cái nhà ven đường cũng như cái bầy, lại như cái chợ, bao nhiêu người, bao nhiêu chuyện đâu đâu. Bỗng dưng có một người đàn bà đề`n ở với Ổn. Tự nhiên như trời nắ`ng trời mưa. Á nọ là quân trố`n chúa lộn chồ`ng, đưa chữa buộm, đưa sống tù ở đâu tới. Ổn không biế`t. Chỉ biế`t ở đầ`y, ăn ngủ với Ổn như vợ chồ`ng.

Thiên hạ hay moi chuyện, mà ở cũng sống mô`m, cứ nói bô bô ở hàng nước đầ`u làng.

- Thế` nào á? Cái thằ`ng đen như con chó mực cũng khác người nước ta. Nó húc như trâu, các ông ạ.

Ai cũng cười khành khạch...

Nghe` đời thế`, cái khó cái khôn cứ bó nhau, vợ chồ`ng Ổn vẫn không ra khỏi được cái thiế`u đói dắ`ng dặc. Cải cách rô`i cào bắ`ng ruộng vào hợp tác rô`i lại tháo ruộng ra khoán hộ nhưng giấ`y tờ địa bạ, nhân khẩu vẫn thế`. Từ đời tám hoánh, nhà Ổn vẫn là khẩu công thương, như người dưng không một vảy ruộng, chơi với ở cái làng thuầ`n nông, dẫu cho lão thợ rèn ở Tân Đảo về` qui tiên đã lâu và cái thằ`ng Ổn chẳng có nghe` ngỗng gì.

Ổn vẫn ngô`i hóng ở cái lò rèn như má`y chục năm nay. Từ khi có khoán mườì, nhà ai cũng chủ ruộng, đồ` lê` làm ruộng, bây giờ toàn thứ bê`n tồ`t vì không còn thấ`p thỏm bị gom tồ, gom hợp nữa. Nhưng người ta lại kén thợ, chẳng ai gọi đề`n cái thằ`ng lạc lõng vụng tay kia.

Lúc rồi, Ôn vẫn vợ nhớ lại thuở bé. Cũng chẳng còn thật nhớ, nhưng khi túng bả'n thường hay nghĩ ra các thứ phong lưu tưởng tượng. Thuở bé ở bãi bể trong rừng dừa, những người cỡi trầ'n đứng bện thừng quanh gồ'c dừa, ăn no kề'nh rô'i đánh trồ'ng vui chơi cả đêm. Sướng ời là sướng.

Vợ Ôn lại quầ'n xắ'n móng lợn, trầ'n hai vai, bùn lắ'm lên tận dãi yế'm. Đầ'u gọng vó treo lủng lẳng chiế'c giỏ không. Cái gọng vó, cái giỏ hương hỏa thời bà lão để lại.

À kêu ô'ì ô'ì:

- Giời ạ, thuồ'c sâu thuồ'c siế'c giế't tiết của cáy, tôm tép, đồ'ng trắ'ng nước trong hế't, cả con người cũng chế't mắ't ngáp đế'n nơi.

Ôn đương mải nghĩ:

- Hừm, ở bên kia á'y mà ngoài sông bể có cả con tôm hùm to bắ'ng cổ chân, con tôm con tép ở đây ra cái qué gì.

- Cút về' bên á'y mà ăn tôm hùm!

Ôn như không nghe tiế'ng, vẫn hùng hổ:

- Ông á'y à? Giá mà, ngày trước ông nghe người ta, ông xuồ'ng Bắ'c Ninh thì ông quơ đầ'u cũng đượ'c một nắ'm vợ.

Vợ Ôn đã rác cả tai với những câu “giá mà” á'y. Hết cái tậ't “ngày trước ở bên á'y” của ông lão Ôn. Nó lại sắ'p ba hoa đế'n chuyện những con bé Tây đen bên Bắ'c Ninh, chạy thi toàn giậ't giải nhắ't. Đứa nào đi cũng nhoay nhoáy đít, mặc quầ'n cộc lòi cả lông, chân lênh khênh như hai cái cột nhà. Cũng nghe hơi thôi, chứ ả' biế't thừa

nó đã biết Bắc Ninh ở đâu. Nhưng mà nó dám mở mồm thê trong lúc nó bám váy ăn báo cô người ta thê này.

Mụ quát:

- Chó kêu ăng ẳng cái gì nào?

Vậy là Ôn im.

À ngờ i xuông hờ ơ kể lẽ than khóc. Bôn bên chẳng động tĩnh. Rô i trong vách lại im ắng như không. Đến chiều, nếu ai đi qua mà tò mò nhìn vào thì thấy vợ chồng ngất ngưỡng với cái chai lưng xó rượu. Vẫn cảnh đã quen mắt như hết ông lão bà lão ngày trước. Nhưng một hôm có một chuyện khác, ấy là buổi trưa như mọi hôm, mụ Ôn đi kéo vó tôm về. Mụ không khác cái gọng vó, mụ đeo chiếc bị cói. Bị có vẻ nặng nhưng mặt mụ không nhăn nhó cau có như mọi khi. Mụ buông bịch cái bị xuông.

Ôn thò tay lôi ra một mảnh tôn bằ ng cái đóm, hai đầ u nhọn đâm lên.

- Gì thê này?

Mụ dịu dàng:

- Nhà nó không biết a? Cái lưới câu, lưới câu tôm hùm, tôm heo gì ấy. Người ta đặt làm.

Ôn ề à, thản nhiên:

- Biết, biết, lưới câu tôm hùm... ở bên kia thiêu gì giông tôm hùm, câu tôm hùm...

- Tôn, kềm thì của người ta. Mình làm lấ'y công... Làm nổi không?

- Tưởng ông nói phét à? Ở bên kia ông đã đánh chén vô lũng tôm hùm rô`i chứ chẳng nói chơi.

- Làm được hay không thì để còn đi bảo người ta. Cứ hươu vượn mãi...

- Xong rô`i.

Mụ Ôn đi ngay. Một lúc lại xách về` hai cái bị đựng mảnh kềm như mới cắt ở cái thùng tô nô nào ra. Ôn đem chĩa, đục, cái búa đinh ra.

- Ngô`i ở chỗ khuấ't kia kìa. Tôm cá nhà nước nuôi, cá'm người đi câu trộm ngoài hồ`, phải làm bí mật, kín đáo, không được rỉ rả với ai đấ'y.

Những miế'ng tôn được cắt ra như mỗi chiế'c đinh đĩa, hai ngạnh bắ't cong, dũa nhọn. Ôn ngắ'm nghĩa:

- Cái này mắ'c vào họng, bỏ mẹ mà'ng thả'ng tôm hùm.

Ngày ngày, mụ Ôn đeo đi một bị chiề'u về` lại có rượu thịt, không còn phải bữa đục bữa cái, như dạo dơi việc.

Một hôm, có ông xã đội đi qua rô`i quay lại, vào nhà. Hai dân quân xách khẩu súng trường vào theo. Nhà ven đường, không mở hàng quán, nhưng lắ'm người cứ được đổi đường đén đấ'y thì nghỉ chân, không vào đầ'u hè thì ngô`i ngoài gồ'c cây đề`.

- Ông xã đi đâu đấ'y?

- Có việc đây.

- Việc à...

- Chúng nó tố cáo nhà đả`ng á`y làm đình để các thắ`ng chữa xe đem rải ra đường đâm cho thủng lô`p. Phải không? Mà còn không với có gì, cả chục thắ`ng chữa xe ngoài kia đề`u nói như một.

- Ờ hay!

- Lệnh của huyện cảnh cáo, tịch thu lò`rèn...

- Các ông cắt cõm nhà tôi á?

- Làm đồ` quốc câ`m thì phải tội chứ đùa à? Thê` là trên chiế`u cô` mày thành phầ`n công thương. Đáng nhẽ phải ngồ`i tù cơ.

Ồn có cảm tưởng tội mình nặng mà được giảm nhẹ thật và mím cặp môi phê`u lại. Hai người dân quân đào lật hai ô`ng bế lên với hai chiế`c gậy buộc giẻ bùi nhùi. Cục sắ`t đè nặng, xà beng bầy không được.

Xã đội nói:

- Thôi, cái ô`ng bế, cái kéo bế này đem về` huyện báo cáo được rô`i.

Ồn nói:

- Làm một chén đả, rô`i hẫng đi.

Câu mời không phải lúc, thê` mà ai cũng ngồ`i xuố`ng. Mỗi người tộp mắ`y chén rô`i bước ra, cắ`p theo hai ô`ng bế.Ồn ngẩn ngơ trông theo rô`i vào trong nhà, nhìn nhác qua cái kéo, cái cưa, cái

búa, cái dũa... Ôn lẩm bẩm: “Đồ` thông minh, đây mới là đồ` rèn chứ!”, nhưng lại nhìn ra ngay, như sợ má`y người kia nghe tiếng. Cẩn thận, Ôn ra cài then cửa.

Mụ Ôn đi đưa hàng về`. Hôm á`y, mua quả dứa, một xâu thịt bò bạc nhạc. Bạc nhạc bò xào với dứa nhắ`m rượu thì lịm người, mà ché`t cơm, khoái quá. Ôn nhăng hảnh việc ông xã đội vào bắ`t đi cái ô`ng kéo bể, đế`n lúc mụ chột thắ`y nhà vắng vắ`ng thề` nào. Mụ hỏi:

- Cái bể lò rèn đâu rô`i?
- Thắ`ng xã đội đế`n tịch thu.
- Tịch thu là ra làm sao?
- Nó bảo tao làm đình cho các thắ`ng chữa xe bẫy xe thùng lô`p, trên huyện bảo bận sau thì phải đi tù...

Rô`i Ôn lại nói như cắ`t nghĩa:

- Luật với lệ, ra cái đế`ch gì. Năm trước, công an sục từng nhà bắ`t rượu lậu, nào mu rùa, nào nô`i ba, nào ô`ng nước cá`t, cũng về vời đưa lên huyện. Bây giờ thì cả làng nắ`u rượu, nhà thắ`ng xã đội á`y cũng nắ`u, chẳng thắ`y đưa mả mẹ nào đi lòng. Ha, ha, ha...

Mụ Ôn ngẩn mặt:

- Mà nhà ta có làm bẫy thùng lô`p xe đâu. Ông xã đội bắ`t nhắ`m rô`i. Nhà ta làm lượi câu tôm hùm cơ mà. Người ta vẫn đưa bao nhiêu kẽm đây này.

Hôm sau. Ôn lại lui húi cắt, dưa nhon đầu đình. Đầu đặn, mụ ỏn xách bị đi “trả hàng” như mọi khi rồi lại đeo bị mảnh kẽm về. Buổi chiều, cơm rượu cá rán, canh riêu tinh tươm vẫn ngoài đầu hè.

Một hôm, xã đội lại đến. Xã đội trưởng thùng thỉnh đi một mình. Ôn bước ra “mời ông vào chơi”, tay quơ găm chõng lỏi chai rượu ra.

- Gớm, rượu thuốc, oách nhỉ!
- Cái vỏ quýt bỏ vào cho bớt nồng mùi rượu thôi.
- Vỏ quýt chữa chứng đau lưng đấy.

Xã đội nhìn vào vách trong, hỏi:

- Vẫn làm đình bấy xe đạp à?
- Trên huyện chỉ nói bỏ lão. Các ông bắt oan của tôi cái ông bề. Mời uống đi. Cái này êm lắm.
- Những miếng tôn làm gì kia?
- Làm lưởi câu tôm hùm. Tớ làm lưởi câu. ở bên Tân Đảo tớ vẫn câu tôm hùm thế.
- À... à ra thế...

Xã đội tộp sông bốn chén, rồi đứng dậy, khật khưỡng ra. Vừa đi vừa làm râm: Thế à... à ra thế... tôm hùm... bấy xe... câu tôm hùm. Ông xã đội, thảng bỏ hóng, con mụ giang há, bọn ăn người áy đều biết cả, mà cứ vờ thế thôi. Người ta bây giờ hay nói giả vờ như không.

Tình buồn

Ngày trước ai đi lầy chông như bà Tứ người ta bấu môi chửi là gái nứng đi theo không và khinh ra mặt. Ông Tứ nghề thợ ngỗ, quanh năm đeo hòm vác cưa, cặm phấn nẩy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dưng đưa về một người con gái. Làng nước thì thảo cô này chữa buồm, đưa trai đầu lòng ấy không phải con phó Tứ. Có người bảo là anh thợ mộc cuỗm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới Nam, nghe rõ giọng kẻ bễ. Lại kẻ thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa, vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào.

Bà con rồi cũng gọi là thím Tứ, cô Tứ. Dân dè thì sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thế sự đã thay đổi thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bới móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khấn gói lầy chông theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chông phó Tứ có ba người con. Chông đặt tên con theo cái thú chơi cờ bạc là sáu mặt con thò lò, thoát nghe cũng có buồn cười một tý nhưng rồi mới sinh ba con, nên chỉ có được thằng Nhứt, cái Nhị, cái Tam. Thế mà đứa nào cũng khá cả. Thằng Nhứt học hết bậc phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô Nhị, cô Tam lầy chông làng bên, những con rể có chức vị, có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia, ông Tứ ốm. Rồi ông mất bệnh già. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đâu đây mà bà phó Tứ đã lợm khộm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liêu liêu mỗi nhà ít lâu, nhưng Tết nhứt hay giỗ chạp thì thế nào bà cũng về ở nhà con

traí là anh Nhấ t. Mới mấ y năm trước, còn đi ra ruộng làm cỏ lúa. Giữa trưa, nắ ng chang chang mà xách được giỏ cua dưới đò ng sâu về , lắ m như vùi. Mấ y năm nay thì chịu thua rô i, chỉ loanh quanh nhặt nhanh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nế t đâm ra lắ m cắ m đầ n, ăn đâu lại quên đầ y.

Bà Tứ ngô ì rườ i rườ i trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi: “Bà đã xới cơm chưa?” Vừa xong bữa hắ hoi, mà bà Tứ ngắ mặt ra rô i hừ một cái: “Nào đã cơm cháo gì đâu!” Người con dâu trưởng đã để ý cái nhắ ng tính tai ác ấ y của bà mẹ chồ ng từ lâu. Có lầ n chị cũng nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buồ ng đũa xuố ng, đứng lên: “Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chề t không nhắ m mắ t à!”.

Các cháu cũng không dám nói cọt bà thề . Tường chỉ ở nhà giáo Nhấ t thì có thể sinh ra chuyện “chó dữ mắ t lắ giề ng, dâu dữ mắ t họ” bà lão mới hay giỏ chừ ng, nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vù ng vắ ng, mà trước mặt các con gái, bà con rửa xả ác khẩu gắ p mấ y: “Là con chó đại cắ n càn thì mới mở mồm ra ăn không nói có thề ”. Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhấ t không sang nhà các con gái. Thỉnh thoảng hai cô em đèo sang anh yế n gạo và ít tiề n. Được cái anh em nhà này vô n cũng dễ dãi, êm thắ m cả.

Nhưng mà người ta cái số tuổi càng gồ ng đeo trĩu cổ thì lại chỉ trái tính hơn. Bao nhiêu nế t na, kỹ càng, ý tứ và thời con gái nhanh nhẹn ve vén việc nhà của cô Tứ xưa, bà lão Tứ bây giờ vẫn còn nhớ cả đầ y nhưng bà lão thì hàng ngày chỉ còn làm trò chơi cho lũ trẻ con.

Bà vẫn nói: “Người ta trước kia không tuê`nh toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nô`i cơm bưng lên nhớ lót rê´, xới cơm thì có đũa cả, đàn bà con gái phải ngô`i đầ`u nô`i... Không vét rô`i quèn quẹt - vét nô`i là điề`m năm á`y đói kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thối ít cơm thê´. Dâu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo đứng lên sớm hơn trước cả nhà.” Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thê´. Bà hay mắ`ng: “Bô´ chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uô´ng hùng hục như lợn thê´ thì bô´ chúng mày đi bảo người ta học cái gì!” Bà rĩa róc thê´, các cháu chỉ cười hô hô´.

Không phải chúng nó cười những sự cổ tích nhiều khê của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hăm của bà. Chả là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lắ`m tính khác.

Ăn đói thì phải chóng đói. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắ`c đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà mày, mắ`t kèm nhèm đuôi con gà cũng không được, nên bót mô`m bót miệng lại. Nhưng mà thê´ thì đói, làm thê´ nào.

Khi nhà vắ`ng, bà lão Tứ lắ`n xuô`ng bắ`p. Bà lão sờ soạng các thứ từ cái mâm chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chắ`m rô`i đưa vào hàm móm mút chùn chụt. Chỗ cơm nguội còn đế`n lưng liễn. Bà lão bắ`c một mắ`m to. Mỗi lắ`n bắ`c, bà lão lại lắ`y tay san phẳng vun khéo lại như cũ. Hai hàm răng bà lão đã rụng hế`t, lâu nay chỉ nhai bắ`ng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương đói, lại đứng trong bắ`p một mình, cho nên cứ việc bắ`c bắ`c, nhai nuố`t, mặc sức tự nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi chứ không phải lúc ấy chỉ có một mình đầu. Hai con mắt bà lão bị nhai quặt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà quen bước chân và người chỉ nhìn bóng mà đoán ra.

Mấy đứa nhóc tụ tập ngay ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bằm lưng nhau im lặng xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bóc cơm... Chốc bà lại chột hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đứa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng:

- Ôi!

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào chạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay ngẩn tự nhiên:

- Đứa nào về đây?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to:

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ òn ào cười một lượt:

- Bà ăn vụng cơm! Một, hai, ba. Bà ăn...

- Cha đẻ mẹ chúng mày!

- Móp bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha đẻ mẹ chúng mày! Tao thế có thổ thân hai vai, tao mà nuốt trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giới tru đất diệt

tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thê` ...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt đỏ ròn ròn, ra ngoài ngõ. Vợ giáo Nhât chỉ tủm tỉm cười, giáo Nhât thì quát chúng nó im. Giáo Nhât vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ:

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thê`.

- Tôi thê`, tôi thê` có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thê` thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thê` nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp. Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem “trò chơi” bà ăn vụng.

Bà lão Tứ bóc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng! Một, hai... Bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cù nhăn, lật đặt đóng cánh cửa chạn.

- Đẻ mẹ chúng mày!

- Một, hai, ba...

- Có quỷ thần hai vai...

Thường mỗi sáng lại sinh ra trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quên bột măng, lại lỡ miệng riu rít kể. Bà lão lại bỏ bát cơm lẫn thẩn ra ngồi ngoài ngõ. Giáo Nhứt phải quát “Không được hỗn!”. Rồi những đứa trẻ cũng sợ bột, không dám nói huyền thuyên, bắt chước cả bà bột cơm, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không: “Cả tôi bà cũng lặn xuống bếp, chả cứ ban ngày!”.

Giáo Nhứt lặng im. Nông nổi nhà này cũng lăm éo le. Vợ giáo Nhứt chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng cho nên không bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thơ gian mai mỉa “Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày”, nhà không hề có tiếng bác tiếng chửi về gánh nặng mẹ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhứt càng đáng tất. Nhứt không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhớ bà cụ lấy bấy sa chân thì khôn. Nhứt tự tay giặt xong áo cho mẹ. Vợ giáo Nhứt làm như không để ý.

Cái sự con trẻ xúc xược thì giáo Nhứt cũng chỉ coi như một bực mình lật vặt đi thì thôi. Nhưng mà việc đời đổi thay như mưa nắng có con kiến và con người vẫn xoay ở trong, vả chăng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Việc ấy, ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhứt che chiếu lên một gian bên, kê cái giường ra phía ngoài cho sáng một chút. Rồi bẻ hai quãng nan giường, dưới đặt một

thúng tro. Lại cắt thủng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện đái ỉa.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày mưa dầm, ấy là bà con xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bưng bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được, Nhất ngồi dứt từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cổ nuốt, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mép chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất:

- Mẹ có việc nhờ anh.
- Có gì thì mẹ bảo.
- Mẹ không phải người làng này.
- Mẹ cứ lần lần nghĩ ngợi điếu ư ầy làm gì!
- Không, mẹ có nghĩ đâu. Mẹ chỉ muốn nhờ con.
- Vâng.
- Mẹ quê ở Giang Hạ bên kia sông thôi.
- À làng Giang, làng Hạ.

- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ con vào xóm Đông, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng người trước tên là Cối, anh cả Cối. Con nói rằng ông Cối có được thư thả thì mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Côi, cái anh cả Côi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Côi, bởi tôi vẫn bà cô ông mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lệ và thói quen kính nể, ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba - chỉ có mấy con mẹ bán bánh đúc tương ở chợ hay ỡm ờ chót nhả thỉnh thoảng cứ réo tên cúng cơm gọi đùa lão Côi, ông mãnh Côi, bao giờ ông Côi cưới bà ấy cho chúng cháu được ăn cỗ. Có mà lấy bà sáu tám. Ấy, chúng nó cứ trêu chọc thế. Tôi chẳng chấp.

Anh giáo Nhất chẳng tay nói:

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh giao nhau khi người ta cũng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người đàn ông này, cái mũi và con mắt sao mà phảng phất cô ấy đến thế.

Mấy chục năm qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trông không, người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách nào. Cô ấy ngày trước con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi: “Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cạp thúng đi không mướn thì...” Tôi bực mình, mát mẻ: “Nếu mẹ không bỏ được cái tội khâu mướn ăn cơm nhà người thì giá có được ngày nhờ người đến đánh tiếng, chắc ông phó lý bố em cho tuấn cầm ba toong ra đuổi ông moi, chứ gì!” Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi vớt đi đâu được việc khâu mướn ăn cơm khoán, cho bố con tôi thôi đi bỏ củi thuê và các em tôi ngày không cấp cái bị bắt quai ra cửa đình nhật lá đa về phơi lấy cái đun. Chúng tôi như con săn sắt, con mài mài trong ao làm sao bỗng thành con cá hóa rồng được. Làng xóm dần dà cũng biết cuộc đàn diu thắm vụng éo le này. Ông phó lý đã đánh cô con gái thừa sốn thiếu chết. Có khi xích chân vào cột buồm cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bông bột như điên. Sẻnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ hai đứa cùng ra cái đầm đầu làng nhảy xuống trầm mình. Tôi phải chấp tay van lạy níu cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy đã tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, nơi môn đăng hộ đối những nhà phó lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có hàng cau, vườn sau chuồng lợn ao bèo thì cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nổi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau làng nước coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân gian há lên tỉnh la liếm hàng cơm quán trọ. Thế nào thì rồi mọi chuyện gả bán cũng xong xuôi như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngời ấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, chạm ngõ, ăn hỏi, lại đã qua một cái sêu Tết tháng Bảy, đến dạo cơm mới tháng Mười này thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhứt mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hòi còn trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm mẹ chỉ như gái để chít khăn vuông sùm sụp, ra cái chợ hôm lèo tèo mấy

mừng cá tép ươn của nhà chài dưới sông đem lên đầ u làng lúc sẫm tối. Con người gan liê n đế n thê . Chẳng được đẹp phậ n như người ta, thôi thì coi như một đời đầ nh vùi vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biế t.

Cái lão ba Cối tôi theo giáo Nhấ t về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiế c đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thê . Bên này ới bên kia, con đò tai nghểnh ngẩng, chênh mảng, ẹo ợt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những Giềng Hai, mưa bụi như phấ n hoa ngô bay, những chuyế n đò đưa đầ y người vào xem hội làng trong cánh đò ì ng.

Còn đương bằ ng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đặ ng bờ cát. Anh giáo Nhấ t vác cái xe đạp lên trước làm trồ ng trầ nh con đò ọ p ẹp. Ông Cối đứng dậy, chặ nhà đò một tay bế con, một tay giữ chiế c chèo cho ông lão níu lấ y, lắ y bắ y lầ n lên. Rồ i tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập, vừa xắ m xắ m bước. Anh giáo “mời ông lại lên xe cho con đèo ông đỡ mời”, nhưng tôi bảo anh cứ để cho tôi đi thanh thả thê này. Xóm nhà anh tôi cũng biế t rồ i, chỗ khoanh tre quắ ng sông dưới kia chứ đầ u.

Nghĩ thê thì tôi bô i hô i giặ t mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đầ u mà cô ấy dường như vẫn biế t tôi, vẫn nhìn thắ y tôi.

Nế p nhà ba gian lặ p lá mía, đứ ng tre trát xi mắ ng xắ m nhậ t. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườ n xoan sau nhà. Cái cồ ng rong cầ nh rào trồ ng hỏ , con chó cũng chui lặ t. Nhà tuy ngắ n nắ p nhưng chẳng có cửa nắ , cũng không cửa giả nên hô n. Tôi bồ ng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. Ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lắ y được nhau thì nhà cửa, vườ n tườ c, con cái chắ c cũng tươ ng tự đặ i khá i

thê này. Ngày ngày ra sông xuông đòng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. Ở trong làng xóm, ngẩng mặt lên bốn phía bờ tre mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia đòng đất thê nào, tôi đương đi về nhà tôi đây.

Tôi ngờ i xuông chiếc ghê đầu kê đầu giường bà Tứ. Lũ trẻ lại đã lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngờ i ngóng khách đến chơi thăm bà - nhưng nhiều khi chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chắt, chơi đồ lá.

Không, bà lão năm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ chỉ ra nông nỗi buồn thảm này. Tôi ngờ i im. Tôi nghĩ thê, tôi cậu mong không phải. Thì cũng đâu phải, cô ấy ngày xưa, cô ấy ngày xưa cơ mà.

Tôi cời gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thê nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duôi to ấy, hả ông?

- Vẫn đấy. Nhưng cây duôi thì làng xẻ đóng làm bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Thôi mà...

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai tay lên mặt người con gái năm xưa. Mặt người ốm trắng nhợt lạnh như đá mà nước mắt thì nóng ấm

đầm ãi lòng bàn tay tôi. Tôi sờ ãi hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhả lại, tôi ãi tay. Anh giáo Nhấ t quỳ xuố ng, ôm hai ãi u gồ i tôi. “Ông ơi, mẹ cháu ãi rô i”. Tôi vuố t lại hai con mắt người vừa nhả lại. Thôi thế bà ấ y ãi rô i, cô ấ y ãi rô i.

Những người con ãi, con gái ãi ở chân giường ôm mặt khóc nước nử. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiế ng khóc ánh ỏ, léc téc như những con chim sẻ bay vữ ãi.

1993

Cô í, cô í ơ!

Cái đau, cái vui chấ p lại thành ngày tháng, ngày tháng cả đời tôi chỉ có mưa dầm chẳng lúc nào tạnh. Giá mà ngày ấy có theo anh em, giá mà cứ ở quách trên ngược thành ông bử trồ ng sắ n... Đời tôi cũng chỉ toàn những giá mà...

Thắ ng Tầ n với tôi không họ hàng chi trên chi dưới, đệm những chữ “mạnh”, “trọng”, “quý” gì cả. Chỉ một trạc tuổi, ở cùng xóm. Và mỗi năm, khi tháng Ba ngày tám con chó đỏi sớ ng sót gày lõ xương sườn, chúng tôi không phải đỏi như con chó mà chúng tôi đi điể u đóm theo cụ phó Cả đi đóng cô í. Quầ n xắ n móng lợn, gánh nan, gánh dặ m... mắ y vòng tre treo đầ u đòn làm hiệu, chồ c chồ c lại cong cổ lên hét như gáy “Cô í... cô í ơ...”

Bắ y giờ ngoài Bắ c chưa mắ y nơi ăn gạo máy. Lái buôn gạo Sài Goòng ra, mỗi thúng kém hắ n gạo chiêm ngoài này cả hào, cả đồ ng mà người ta vẫn chê hạt gạo gầy Sài Goòng chỉ còn cái lõi, nước vo trong hơn nước mắ t, con lợn cũng lắ c đầ u. Thế cho nên nghề cô í xay cô í giã vẫn còn thịnh thời. Nhưng gọi là dạy nghề đóng cô í thì cũng khỉ quá. Cụ phó Cả chỉ quát, chửi mà thành việc, chứ ví đâu nhàn hạ tử tể bắ ng các làng nòi chèo bên kia sông, cứ khai xuân lại ới nhau quắ y hòm đi đình đám. Chúng tôi cũng ô í việc phải làm rắ rích hàng ngày, nhưng êm nhem quá. Cụ phó Cả đi đào trộm những gồ c tre đực, những cây tre chề t gióc, vác về ngâm giầ u xuồ ng ao. Cụ chề tre, chề mây, đánh đái nan, cưa tai cô í, lõi cô í. Thắ ng Tầ n đéo gộc làm dặ m, làm đình. Cái nhọn bắ ng chiề c chồ ng tre. Cây tre đực đã chắ c, tre dặ m cứng như đình sắ t.

Thớt cô i đầy nhẹ nhàng, trắ u bay ra như rắ c hoa, mắ y mùa mới phải xem lại. Cụ phó Cả đã được tiế ng, hàng xay hàng xáo nào chứa cô i, đóng cô i cũng phải vời đế n.

Tôi thì độc một việc tìm đắ t lên thớt cô i. Không biế t từ đời Thầ n Nông, Bành Tổ, cái ông tổ sư nghề` đóng cô i tai quái đế n thế` nào đã nghĩ ra chỉ có một thứ đắ t oái oăm á y mới nặn nên mặt cái thớt cô i chắ c như trát xi măng. Xi măng còn nẻ, còn mòn, chứ hai thớt cô i đem ngày nghiế n nhau ken kết mà những chiế c dăm cô i cứ trờ ra như hàm răng bàn cuố c của cái đũa trẻ ranh mười tám. Đắ t thịt, đắ t thó gan gà mìn đế n đâu, tời đế n đâu cũng không thể ví được với đắ t tổ mớ i - đắ t cứt mớ i làm tổ đùn lên - chỉ đắ t tổ mớ i mới luyện được mặt thớt cô i. Những tổ mớ i ngoắ n ngoề o lên ở chân đê, chân tre, gò bụi tầ m xuân, từng tầng đở ngọn như xây lũy. Đắ y là cứt mớ i, mớ i ăn đắ t đào hang rồ i lại ỉa ra đắ t, đùn cứt đắ t ra cửa. Đắ t cứt mớ i tời hơn tắ t cả các thứ đắ t trên đời, lại quệ n rớt dãi trong bụng con mớ i, đắ t như có keo dính. Tôi lang thang bờ bụi tìm cứt mớ i quắ y về` sàng sảy, phơi cẩn thận rồ i mới quắ y cốt, đánh đố ng sẵn đắ y. Quanh năm tôi chỉ đi tìm cứt mớ i...

Thợ cô i cũng như thợ ngồ a, đã vào nhà nào, gia chủ phải liệu công xá, cơm nước ra nhẽ. Nhữ ra, phải thả`ng nghề` mộc khoảnh ác, yể m cái bừa vào hóc cột, phải nghi hoặc thế` đã bị hắ t mắ y đời. Còn chúng tôi, không được ăn uố ng tử tề , chỉ cắ n đề nh đoảng vài cái dăm. Chưa được một vụ, cô i đã long rắ ng bà lão, đủ tầ n phiề n rồ i. Cụ phó Cả chiề u chiề u ngắ t ngưỡng cút rượu với cái bánh đa, miế ng đậu nướ ng. Việc đắ ng ba hôm thì bơi ra cả phiề n chợ. Chạp tồ i, thả`ng Tầ n với tôi chén no kê`nh, cứ trầ n trùng trục ra đầ u ngồ vồ trồ ng bụng đố i đáp hát trồ ng quân với bọn con gái

trong xóm. Chỉ bậc lão phó Cả trời đánh này, làm mất cả thể diện, chốc lại chỗ mồm ra gào toáng lên “thằng nhỏ... thằng nhỏ... lấy cho tao cái điếu”, chứ các em thì cô nào cũng ngọt xớt một điếu anh phó, hai điếu anh đôi. Lắm hôm lại mua thuốc lào cả phong về bắt anh phó đôi, anh phó hai hút thi. Các cô cười nắc nẻ chạy tóe ra, những lúc chúng tôi nửa say nửa tỉnh cứ quơ bừa vào mặt, vào yếm người ta.

Bỗng mấy năm tự dưng không trông thấy mặt hạt gạo đầu. Người đi trốn đói vãn cả làng. Chúng tôi đói rạc như những con nhái bén ngã c ngoải rao “cô í... cô í ơ, cô í...” giữa trốn không trông thấy nước trong. Thóc lúa chẳng có mà xay, mà giã. Chỗ nào cũng người đói lả ngay bên góc chuôi đang đào. Chẳng phải ai đâu, cụ phó Cả chúng tôi đóng cô í giỏi nhất vùng cũng đã chết đói thảm thê rồi.

Giữa lúc ấy, từ trên chợ dồn xuống đầu làng, rầm rầm tiếng trốn, tiếng la hét: “Việt Minh... Việt Minh... khởi nghĩa, khởi nghĩa rồi...” Một điếu mới lạ không phải cái đói xanh xám hàng ngày. Những người sổng sót ngời dậy, ngơ ngác kéo lên phá kho thóc trên cầu chợ. Cả làng no. Có người lâu không được một hột vào bụng, nuốt cơm vội đến nỗi chết nghẹn.

Trên tổng về đình làng lập trụ sở, mở lớp chương trình Việt Minh, học ở ngay trong hành lang. Trai gái các nơi đến, ăn ngủ hai bên giải vũ. Con gái đi tắm về căng dây phơi quần giữa cửa đình, các cụ cũng không dám ho he. Mỗi sáng sớm, đàn ông đàn bà gọi nhau ra tập thể dục, người đứng thành bọn, dang tay giơ lên hạ xuống, chốc lại hô một loạt: Khỏe vì nước... Khỏe vì nước... Việt Nam lưng vang lên “không” (không)...

Cả ngày ngoài đầ̀u làng trồ̀ng từng từng gọi người đi học làm Việt Minh. Kíp đé̀n nỗi không biế́t chữ, chỉ ngồ̀i nghe cán bộ nói cũng được. Mà cũng ít thấ́y ai có giấ́y bút, chẳng rõ người nào biế́t chữ. Thắ̀ng Tầ̀n và tôi đầ̀u được vào học, chúng tôi cứ tự nhiên thề́ - đình làng mình mà. Ai học thì ngày được hai bữa no, riêng như vậy cũng cần đi học rồ̀i. Hai đứa tôi chưa khi nào cắ́p sách đé̀n ăn mày chữ nhà ông đồ̀, nhà thầy giáo. Nhưng cái chữ quố́c ngữ quả là dễ. Đạo đi đóng cối, chỉ thuộc má́y câu truyện Kiề̀u *Trăm năm “trăm” cỏi người ta...*, cụ phó Cả dạy truyề̀n khẩu. Rồ̀i, sợ bẽ mặt dó́t với các ả gái làng, bảo nhau lên chợ mua ở hàng xén hai xu quyển *Kim Vân Kiề̀u*. Học lỏm mà cũng nhớ hế́t mặt chữ in lúc nào không hay. Chỉ kém cái chưa biế́t chữ viế́t.

Tíu tí, chẳng bụng dạ đâu nghe giảng. Rồ̀i có một việc đột ngột, không ai có thể đoán trước được. Hai chúng tôi được đi với đoàn cán bộ lên Sơn La. Nào biế́t Sơn La ở đâu! Chắ́c xa lắ́m, nên chỉ toàn đàn ông được đi thôi. Mừng mừng lo lo, hôm họp ở giữa đình, nghe cán bộ nói thề́ rồ̀i lập tức lên tập trung luôn trên huyện. Trên huyện còn no hơn, ngày nào cũng nồ̀i ba mươi cơm không độn ngô, ăn thả cửa. Đứa nào cũng béo phình má. Được phát một lúc hai bộ quầ̀n áo nâu mới. Nghe nói trưởng đoàn là cán bộ “thượng cắ́p” trước Tây đã bắ́t ngồ̀i tù ở Sơn La, bắ́y giờ lại được lên Sơn La làm chủ tịch, chắ́c ông này phải làm to bắ̀ng quan tuầ̀n phủ. Thề́ mà được đi cùng! Hồ̀i họp không dám nghĩ rồ̀i cách mạng còn run rủi đé̀n đâu.

Thắ̀ng Tầ̀n và tôi đi chân tay không, chẳng phải mang vác gì, khoái như cụ phó Cả ngày trước. Ngả vào đâu cũng đã có người thối nắ́u sẵn. Chỉ phải trèo dó́c đá, má́y hôm đầ̀u rất chân, nhưng rồ̀i hai cái gót đã sẵn nể miế́ng của tôi cũng chóng quen. Núi xa núi

gần, từ thuở bé bây giờ mới thấy. Nước chảy quanh chân đá, chỗ thì ào ào, chỗ thì trong vắt, gặp toàn những người mặc quần áo chàm, trẻ con sốt rét mặt xanh lợt. Có lúc nghĩ cũng ngại, nhưng mà thôi, có người có ta...

Đến một nơi, toàn cây muỗm. Những gốc muỗm um tùm như rừng nửa bạt ngàn. Đã lên đến Yên Châu, thế mà tưởng chừng trở lại cây đa, cây muỗm đường làng. Có lẽ cái lo ốm sốt rét làm cho người ta nghĩ về đường xuôi. Nhưng sao bỗng dừng tàu bay ở đâu đến lượn nhiều quá. Năm trước, tôi đã đi qua nhà máy tàu hỏa bên Gia Lâm đổ tan tành, nghe nói bị tàu bay Mỹ ném bom Nhật, khiếp thế. Tàu bay này tàu bay nào, của ta hay lại của thằng Mỹ?

Trưởng đoàn, anh em cứ gọi là đồng chí Hảo. Tên anh ấy là Hảo, nhưng anh hay nói chuyện trên trời dưới đất chẳng ra đâu vào đâu nên tự xưng chẳng biết ai gọi anh là Hảo rồi thành tên. Cả đoàn họp lại trong rừng muỗm. Tiếng tàu bay ừ ừ xa xa.

- Các đồng chí ạ, máy bay Tây!

- Thằng Tây đã bị thằng Nhật chặt đầu hết rồi mà?

- Không phải, Tây này Tây thực dân mới. Chắc là có Việt gian đã báo cho nó biết đoàn ta lên khởi nghĩa ở Sơn La, Lai Châu, nó mới ngò'i tàu bay đuổi theo. Ở đâu bây giờ cũng có Việt gian, ta phải cảnh giác.

- Đồng chí Hảo ơi, cảnh giác là thế nào?

Trưởng đoàn bảo mọi người đứng xếp hàng đôi rồi đồng dục hô:

- Các đồng chí! Muốn chiến thắng phải bảo toàn lực lượng, giữ bí mật. Chúng ta bí mật quay lại Mộc Châu rồi tính sau.

Mới rút về đến đồng cỏ Nà Sản đã thấy lơnh người dưới chạy lên. Tây nhảy dù châu Mộc rồi. Ngay trên đồi trước mặt, một lũ tàu bay đến thả xuống những chiếc dù trắng dù đỏ tròn xoe, lơ lửng trên đầu. Có Việt gian báo cho Tây rằng chúng tôi về, nó mới biết đích xác nhảy xuống đầu được thế.

Chạy tan tác cả. Tôi không bao giờ gặp lại anh Hảo bí danh đùa là Hảo nữa. Nghe nói Tây nhảy dù xuống bắn chết anh. Lại cũng nghe nói về sau anh làm bộ trưởng một bộ to lắm. Thắng Tân chạy đường nào tôi cũng không hay. Mấy tháng trời, một mình tôi mò về đến sông Thao. Hỏi thăm người tản cư dưới xuôi lên, biết thế là quân Pháp đã đánh lan ra khắp nơi và vùng quê tôi cũng bị chiếm rồi. Tôi quanh quẩn ở lại Phú Thọ. Từ đây như trong mây mù chẳng biết gì nữa.

Cái thời đánh nhau với Pháp nhiều sự rất hay, rất buồn cười mà đến khi đánh Mỹ sau này không bao giờ còn thấy nữa. Tôi cũng không định lại đi đóng cối, dù thấy ở trong làng vẫn có cối xay càen thợ cối, chữa cối. Bởi vì chẳng phải làm gì, thế mà tôi vẫn no, vậy mới lạ.

Qua một làng, thấy ở dưới ruộng, dân quân súng gỗ, lựu đạn dật nung đương “bò lăn lê toài”. Tôi xuống giúp ra mẫu mấy động tác. Rồi đi đều bước... một hai... một hai... rồi hát “Khỏe vì nước... kiến thiết quốc gia”. Địch thị đồng chí này là cán bộ, cán bộ ơi, ủng hộ chúng em với. Mọi người nín tôi ở lại giúp đỡ và cái ăn cái uống cả tháng thì không đáng kể.

Cứ làng này qua làng khác như vậy, chín năm kháng chiến trôi qua, đến khi bộ đội giải phóng Thủ Đô tôi mới về làng. Tôi tận mắt nhìn cái đình ngày trước, cỏ lau đã mọc thành gò. Những tổ mối vẫn vào đống khế, trông bồng bềnh ngon mắt, nổi máu muốn đi tìm cứt mối đóng cối. Nhưng cũng chỉ nghĩ thế thôi, và tôi lại nhớ lại. Tôi nhớ cái đêm ở lớp học Việt Minh bọn con gái kêu: “Việt gian” mà thằng Tân đã cười mũi máng tôi ngớ ngẩn, ỏi giờ, cái thằng Tân! Chính nó mò sờ soạng bọn con gái chứ Việt gian Việt ngay gì đâu. Gần mười năm như một đời người, dấu sao cũng là tôi vấp và xoay xỏa miếng ăn, tôi chẳng lúc nào còn nhớ đến thằng Tân.

Thế rồi trông ai như thằng Tân. Lúc đầu nhìn đích thằng Tân, rồi lại tưởng ai. Bởi vì lẽ nào thế được. Người ấy xúng xính bộ quần áo ka-ki màu xỉ mắng, đội mũ cát. Tôi đã thấy cán bộ đội mặc như thế, và đã phân biệt được áo không có túi, thắt lưng da to, là lính trơn. Tân mặc vét đại cán, hai túi có nắp đàn hoàng. Nếu không cán bộ như ông Hảo ngày trước thì cũng cấp chỉ huy. Tôi chợt thoáng nhìn xuống cái quần tôi xắn móng lợn nhuộm lá cối xám ngoét. Chiếc áo trấn thủ ô trám rách bươm từng múi, nhặt được ở đâu, không muốn nhớ. Vẫn như thằng phó nhỏ đóng cối năm nào, tôi ơi là tôi...

Cái lạ nữa, Tân ngó ô tô com-măng-ca, người đi đằng lưng cũng nhìn thấy ngay - bây giờ cán bộ thích cái xe này, người đi sau cũng trông được cán bộ ta đây, không như hồi xe có cửa kính, che miếng vải hoa mới là sang. Cái ô tô đỗ xích ngay cạnh tôi.

- Tao tưởng mày chết ở châu Mộc rồi kia mà!

- Không, tao... tôi... tôi...

Tân cười hô hô , vỗ vai tôi. Bụi áo bông của tôi lơ lửng lên trong nắng hanh.

- Ô ! Mày vẫn đủ dờ bỏ mẹ!

Tôi tủi thân vì câu nhận xét và cái cười thả cửa của Tân. Dờ dờ, nghĩa là chỉ còn thiếu cái đòn lờng má y vòng quang mây, bó nan tre của thời cô i ơ cô i ơ chứ gì. Nhưng tôi cũng nhận ra câu chê bai thân mật, không phải Tân có ý chê nhạo, khinh khi tôi. Bởi vì cái ô tô đã phanh bên nách tôi cơ mà. Đúng thế , ngày trước cũng thế , mặt mũi tôi lúc nào cũng ngu ngơ ngếch lên, chẳng ra đón chuyện, chẳng ra đả n. Mà cái thả ng Tân lơ lửng cả ngày đeo dăm cô i cặm cụi không nói một câu. Bây giờ về lì xì ngậm tằm ấy lại hợp với dáng điệu nghiêm trang, oai vệ. Chắc to lắm rồi, Tân làm to lắm rồi. Chẳng to mà lại ngò i một mình một cái ô tô.

Tôi vẫn đứng ơ ra, bắt đầ u run.

Tân hỏi:

- Bây giờ đầ ng ấy công tác ở đâu?

Dẫu sao, tôi đã thạo đưa đẩy kiể m bữa, tôi trả lời trôi chảy:

- Mình công tác trên Tây Bắ c ấy mà, bạn lắm. Nghe nói làng quê đã giải phóng, mình về thăm.

- Vợ con chưa?

- Chưa.

Tân nói ngay một câu, như nó đã đi guồ c vào bụng tôi:

- Hay lắm. Chưa nhận công tác cơ quan nào dưới này chứ gì? Thôi, đi với tớ.

- Ờ, ờ...

- Bây giờ tớ công tác muối, tớ phụ trách Cục muối.

Tôi ngờ ngần - mà cũng không hiểu thật.

- Muối à?

- Ừ, cái muối ta vẫn ăn áy. Nhưng đây là trăm nghìn tạ, tá n muối được cục thu mua đem về cho các nhà máy, nhà mậu. Chúng ta đương tiế n lên công nghiệp. Các nhà máy sẽ được xây dựng, nhà máy nào cũng câ n muối, chợ nào cũng câ n muối.

Tôi cũng chẳng hiểu hơn, chỉ đáp chịu chuyện. Mà trong bụng như mở cờ. Đâm ra hay, làm sao ở đời lại có những run rủi đế n thể này. Cứ như trời đã bày bàn xóc đĩa ra. Xưa kia Tầ n và tôi cũng chẳng đứa nào có cửa nả, vườn đấ t gì ở cái làng này, tôi định phấ t phơ về một nhát thôi. Nhưng giờ gặp thắ ng Tầ n ngồ i một mình cả cái ô tô thì lại khác.

Chúng tôi vào nhà ông bủ con cụ phó Cả ngày trước. Ông bủ má y năm nay trở n lính cũng bỏ làng ra tỉnh đạp xích lô và mới trở về. Làng xóm vẫn xác xơ như trước kia. Làng tôi là vùng đai trắ ng. Tây không ra đóng bó t đế n đấ y, mà ta cũng chỉ vượt qua đây vào thành phố hoạt động. Không tề, cũng không cơ sở, người làng sợ Tây sợ cả ta, bỏ đi tiết như cái năm đói. Đồ ng ruộng thoi thóp, người ta vào tỉnh làm ăn mọi thứ kiế m miế ng, bồ củi, mài dao, đạp xích lô, thông cô ng, đi ăn mày. Còn nghề đóng cô i thì đế n ông bủ con cụ phó Cả cũng không nô i được nghiệp bó. Bây giờ đâu đâu

cũng máy xay máy xát. Cái gạo Sài Gòn mấy trước kia bị chê ông eo gạo gãy không còn nhựa, bây giờ tàu thủy tải ra, người thị thành ăn gạo máy đã ăn quen.

Tân đưa tiền chú tài xế lên chợ mua con gà. Cả nhà ông bủ vui như Tết. Chú lái xe phải mề mết. Nhưng cũng khoái. Ai nấy hơn hờ. Người đi chợ trèo vào xe chơi đông ních. Chú lên lái một vòng quanh ao làng, quanh cầu chợ, một tua xa rồi mới quay về. Mỗi người được một lượt ô tô hả hê.

Thế là tôi đã thành cán bộ muôi. Rồi được biết cái chức thật của Tân cũng chỉ là tổ trưởng mười người. Chiếc xe lên mặt huế ch giương oai với làng xóm hôm ấy đi mượn. Nhưng vẫn nghĩ, thế cũng là thằng Tân tài thật, tốt thật.

Tôi càng phục thằng Tân. Những lúc họp, Tân đỏ găng mặt, giơ tay: “Thưa các đồng chí... Chúng ta kiên quyết... hoàn thành đợt thi đua...” Tân nói oang oang. Chắc ở ngoài kháng chiến Tân đã được học nhiều lắm mới phát biểu giỏi thế. Những tổ viên ngồi bàn trên mở sổ tay, rút bút máy ra ghi hí hoáy. Cái mặt thì vẫn đích mặt thằng Tân ngồi đeo dăm cô i năm nào, nhưng sao mà bây giờ Tân phát ra nghiêm nghiêm oai oai thế nào, mỗi khi tay chống nạnh hay giơ lên bấm bả làm nhịp cho mỗi câu nói. Song nghe nhiều lần rồi tôi nhận ra nhiều cái cũng quen mắt, quen tai như cứ đến lúc Tân hát hàm “hứ, hứ” mấy tiếng, người biết hiệu thế là tổ trưởng sắp nói xong, liền vỗ tay đốp đốp bệ mạc.

Từ cha sinh mẹ đẻ, tôi chưa hề để ý đến hạt muôi. Công việc mới mẻ. Nhưng tôi cũng chẳng lo, mà tôi đương có tính toán khác đáng phải nghĩ hơn. Đã ngót nghét bốn mươi tuổi rồi, tôi vẫn trên

răng dưới dái. Dẫu tôi đã thành cán bộ muô' i hẳn hoi, nhưng tay trắng, nhà tro' ng. Chẳng khác cái thắ' ng phó nhỏ xưa. Lấ' y được vợ khó lắ' m. Ở làng, đũa bắ' ng chà bắ' ng lũa chẳng còn ai - những con choai choai thì đi qua mặt mình, đuôi mắ' t nó hế' ch chỗ khác.

Nhưng mà xuô' ng các vùng kẻ bể dưới kia â' y a, mỗi khi “cán bộ muô' i” tới thì cứ dứt đi trạm nào, hợp tác xã nào, gà quế lẫn đùng đùng, thề' vậy quơ vào đâu chẳng được con vợ. Hãy cứ từ từ. Cưới vợ chọn tông cơ mà. Ngại một nỗi các làng làm được hạt muô' i dầ' m mưa dãi nắ' ng thề' mà cũng chẳng kiế' m ra mắ' y hạt tiề' n. Nhà nào cũng nghèo rớt. Một gánh muô' i quẩy lên trạm được phát cái giấ' y đem về đi đong gạo, người cứ lữ lượt, rách rưới, ủ ê. Vì việc của tôi mà tôi nhận xét thề', chứ tôi đâu để ý cái gì. Tôi còn so sánh con gái vùng Biện Sơn, Nghi Sơn trong Thanh mặc váy đẹp, ruồ' i nhặng vù vù theo đũng váy khi các cô quẩy muô' i mà thắ' y thảng, ghê chề' t. Con gái Thái Bình, Nam Định hay hơn. Lầ' n này xuô' ng Tiề' n Hải. Xem chừng cô con gái ông nhà trạm được đầ' y. Ăn nói đế' n táo tợn. Cứ chuyện sắ' n sổ “- Cán bộ góa vợ mắ' y lầ' n rồ' i? - Vẫn trắng răng đây, anh già rồ' i chẳng ai thương - Cán bộ là chúa hay nói dồ' i”. Đã ốm ờ mắ' y lầ' n kiểu này. Có lẽ quye' t thôi. Cứ Thanh Hóa, Thái Bình kén cá chọn canh chầ' n chừ, khéo mà công cô' c, nhỡ nhàng. Phen này quye' t cửa con gái trạm trưởng muô' i Diêm Diề' n dưới Tiề' n Hải.

Thị trầ' n Diêm Diề' n lơ' thơ mắ' y nóc nhà tro' ng trái. Chẳng thắ' y biển đâu, hai bên bãi sù' vệt bùn lầ' y mệnh mông ảm đạm.

Hôm â' y trạm muô' i về' cân và mậu dịch huyện cũng đế' n kỳ thu mua lợn. Không phải ngày phiên mà đường đông như chợ. Tôi ra bắ' c cân, ghi phiế' u từ tờ mờ sáng. Các tổ muô' i đã quang gánh

lên ngò i ràn rạn. Đi nộp muô i sớm, còn về kéo nhỡ mắ t buổi nắ ng tháo nước mặn vào ruộng.

“Đây cân muô i hay phát phiế u bán lợn? Đâu ăn muô i, đâu?” Ai cũng đã biế t rồ i mà vẫn dăng dăng hỏi, như không còn câu gì nói nữa. Những tiế ng chửi bới nhắ m nhắ n giữa giờ chẳng ra rửa ráy ai và những nét mặt khoắ m khoặ m khó đăm đăm. Những con lợn trên tạ được khiêng vào quắ ng xuố ng bên những cái cọt kẻ khẩu hiệu “Trả thù cho đò ng bào Phú Lợi”, nét chữ hắ c ín còn mới. Hàng dừa của đoàn thanh niên trồ ng bên đường hôm mít tinh, bây giờ sâu đục trơ trụi lả ngọn. Tiế ng lợn kêu vắ ng óc. Lão khiêng lợn chồ ng cái đòn ó ng ngò i thắ n mặt một lúc rồ i đứng dậy, lắ y cùi tay chùi mồ hôi. “Ông mậ u” lợn mặc áo đại cán ka-ki đứng ngắ y nhìn người ném đòn ó ng lên mặt chiế c cân bàn nhắ y nhựa phân lợn. Cứ liên liế n trả tiề n rồ i phát phiế u ghi số cân thịt người bán lợn sẽ được mua ngoài chợ. Nhiề u nhà tháng sau mới có ky, nhưng đã phải đem lợn đi bán sớm. Câ m cái phiế u xem được mua mắ y cân đã. Đòi thừa nào mà lợn nhà bị đem bán để bắ t “được” đi mua thịt chợ, cái mồ m những “ông nhà mậ u” nhiề u lưỡ i lắ m, nói thề nào cũng ra nhẽ, phải làm đạo chắ c, dẫu chỉ mới câ m miế ng thịt giắ y.

Gian bên đương túi bụi cân lợn. Ông lão chồ ng cái đòn ó ng trước mặt tôi. Tiế ng kẻ bể dóng một nặng như đá m vào mặt:

- Cân muô i hay cân lợn? Nhà mậ u lợn hay nhà mậ u muô i?

Không biế t lão giả vờ hay có lẽ lão â y đã nô c rượu sớm, lóa cả mắ t, nhắ m bàn cân. Tôi cũng buông một câu đuổi trồ ng không:

- Sang bên kia!

Mặt lão tím lịm, mặt rượu bắ t nắ ng bỗng dựng lên. Cả chiế c đòn ố ng với cả lão ta lao vào ngực tôi: “Kia à! Kia à! Kia à!” Tôi hoa mắ t, quy xuố ng. Người ta chen vào cân muố i, trông thắ y mà cứ dưỡn dưỡn. Xéo lên tôi, những bàn chân vẫn mắ miế t xô đắ y. Linh tính hắ cái chế t thề nào mà tôi bò đượ vào góc tường.

Tôi nắ m chồ ng vó thờ hồ ng học. Như con lợn bị chọc tiế t đề n lúc giấ chế t, đưỡn thờ hắ t ra. Ôi nhớ lại ngày nao đi đố ng cô i, bỗng thắ y thanh thoi. Ai bảo người hắ p hồ i gắ n đắ t xa trời thường nhớ lại thuở bé. Tôi thắ y đắ y. Tôi đưỡn nhớ khi tôi lũn tũn biế t đi. Thề rô i tôi đã chế t ngay ở chổ xó tường á y. Trút hế t hơi rô i mà vẫn không đoán ra cái ông lão vác đòn ố ng đắ m tôi thắ ng “mậu” muố i hay là lão đắ m cái thắ ng “mậu” lợn. Có lẽ lão ta nhắ m, tôi chế t oan chắ ng?

Tôi chế t rô i, tôi đắ m ra thông thả. Người chế t không trẻ, cũng không bao giờ già ố m, ngày tháng chỉ rong chơi. Và nhắ hắ cái sự lắ y vợ.

Bao nhiêu năm tháng đã qua.

Một hôm tôi vẫn vợ về làng. Thắ y người ta nói chuyện ở ngoài chợ: “Hôm qua, vợ lão Tắ n ra mua con gà thề hương đẽm lên trại cho lão. Lão Tắ n đã phải xoi mắ y cái Tề t ông Công ông Táo ở nhà pha rô i nhắ?”. Nghe ngó ng mới hay lão Tắ n đi tù đã mắ y năm rô i mà không biế t. Sớm tắ i trắ n gian cứ nhoáng một cái nhanh như mới hôm qua, thảo nào cái thắ ng ma tôi chắ ng biế t gì cả.

Tôi lên trại giam trên Sơn Tây thăm Tắ n.

Dắ nhà một tắ ng lụp xụp, trại tù ở chân núi, trông ra cánh đồ ng chiêm. Ngoài kia, lổm bổm, nhắ p nhồ trên mô đắ t một con

mòng kết đương đứng rĩa lông. Một đàn vịt rúc ráy trong gồ c rạ chiêm đã thớ i mủn lờ mờ trên mặt nước. Bên đìa nước, một người chần vịt tựa lưng vào gồ c cây nhần. Như cái nấ m rơm, đầ u chụp chiế c nón mê. Thỉnh thoảng, chiế c que vấy lên xua cho vịt khỏi đi ăn xa, mới không ngỡ là thắ ng người rơm bù nhìn.

Cơn gió đờ ng sâu trong chân núi Ba Vì thổi ra. Người chần vịt ngẩng mặt giữ cái quai nón, khỏi ngật. Ô i giờ ôi, đầ y là thắ ng Tầ n. Vẫn thắ ng Tầ n mặt nghiêm nghiêm, chỉ khác nước da bệch như giấ y, râu ria xồ m xoàm giồ ng ông Lý Thiế t Quài trong tranh.

Tôi gọi réo lên:

- Tầ n! Ô i Tầ n!

Tầ n bỏ nón, ngẩng hần mặt:

- À mầy... Mầy...

- Tao lên chơi với mầy đây.

Tầ n thông thả nói như vẫn dở câu chuyện với tôi từ bao năm nay. Tầ n nói:

- Hôm mầy ở Diêm Điề n á y mà, chúng nó nhồ n nháo đòn hội chợ. Chẳng may thì mầy ăn đòn chề t chứ tao mà đứng đầ y thì tao cũng nghèo rô i. Người ta đánh tao hay đánh mầy cũng thề , cũng là thắ ng đi thu mua cả.

Quả là tôi chậm hiểu. Nhưng bây giờ tôi lại hiểu rộng ngay ra rằ ng nó đánh mình, thắ ng thu muố i hay thắ ng “mậu” lợn thì cũng bị đòn đánh thề vậy.

Tôi bảo:

- Hô ì này mày xanh quá, bệnh tật gì không?

Tân cười như mê u:

- Ngồi tù thì còn chè chén liên hoan đâu nữa mà phúng phính mông má. Mà tao năm nay sáu mươi năm rồi. Cũng ưu tiên mới được các chú quản giáo cho ra chăn vịt. Mấy lý thân tàn ma dại thế này thì chạy lên giời hay chạy xuống âm ty với mày cũng chẳng ai quan tâm mình trốn đâu.

- Đói không?

- Lúc nào chả đói.

- Tao đi tìm mua cái gì về đánh chén nhé!

- Ra chợ, chợ kia kìa.

Tiếng lợn kêu eng éc chân tre đãng xa. Thoạt đầu tôi giật mình tưởng lại lợn xộn tiếng lợn, tiếng tôi bị đòn gánh hự vào ngực, vào cổ ảng ặc, ở Diêm Điền năm nào. Bây giờ vẫn còn sợ. Nhưng sau nhớ ra mấy lâu nay ở các đầu xóm lại thường có người mổ lợn đem bán chợ. Nhà có khách hay đến các lò mổ để mua lòng về nhấm rượu sớm. Nhấm rượu với lòng lợn nóng sốt lúc mới bảnh mắt là cái thú của người có tuổi trong làng ngày trước. Một dạo, các ông nhà “mậu” đã làm lung tung mất cả thói quen ăn uống của người ta.

Con lợn đương được làm lông, trắng nhể nhại trên mặt chõng. Cổ lòng non, lòng già, lòng tràng, lá gan, miêng phổi sôi sùng sục trong chảo nước xuyết hành răm. Người ta lại được mổ lợn sáng sớm

đầu làng. Cái trò khiêng lợn thật đi bán rồi ngựa tay nhận chiếc giầy phiêu ra chợ mua thịt lợn khác đã bỏ từ lâu rồi.

Tôi mua nửa cỗ lòng trắng, cái cổ hũ, miếng gan và một quăng ngon nhất ở cỗ lòng non. Chỗ hàng bún, có cả bún lá, bún cói chứ không độc một thúng bún rồi như dạo trước. Thế ra ở trên trấn hồi này đâm ra lắm cái hay. Tôi bỗng thoáng tiếc đời.

Tôi xách về gói nhãn một bọc, cả mắm muôi, chanh, ớt. Lại một xó rượu. Thằng Tân trố hai con mắt đã lơ dờ, vén mãi râu ria lên, nhìn chòng chọc.

Rượu vào, lời ra.

- Về sau, tao còn thay mấy công tác nữa - Tân như nói tiếp câu chuyện - Chín năm kháng chiến, ở cơ quan tao làm tổ xây dựng chuyên hạ cây, san nên làm nhà, làm lán. Cũng rửa rửa nghề đóng cối xưa chứ chẳng cán mai cán thuổng gì đâu. Khi cậu chết rồi, tớ đâm sợ. Đường đi nước bước khác thôi - không đi không kịp nhắm mắt. Tôi xin về thành phố công tác cửa hàng thu mua rau. Đầu tiên cũng lạ lắm, nhưng, đáng áy biết đấy, đã là cán bộ thì việc quái gì mà không làm nổi, cái quái gì mà không kết luận, không có ý kiến được. Lợp nhà, cưa cây, đóng cối, thu muôi, được tuốt. Ở đâu có áp bức... ở đấy có đấu tranh... cứ thế mà suy ra, mà nói, xong tuốt. Đần độn, lơ dờ như cậu thì nó mới vận vào cái thân đển nổi toi đời. Ác đấy!

(A ha ha! Chúng tôi cười râm lên. Chẳng biết cười hay hét. Và cũng không biết cười vì cái lý thú gì).

Thế là thành tổ trưởng thu mua rau. Sớm sớm, những bó rau muống, rau cải, rau cần mùa nào thức áy chắt vào cửa hàng.

Xưa nay, rau cỏ chợ búa khi nào chả thế. Ấy, đâu tranh... áp bức... đâu tranh là... Cái rau cũng đại khái như miếng thịt, như hạt muối. Nhà nào cũng ngày ngày ăn rau, người sắp hàng rờn rợn, đến lượt mua được bó rau muối, rau bí, mặt tươi hẳn lên. Xe tải đưa rau về xúm xít người mua, thế mà chấp tôi ô tô bóp còi toe toe, chở rau cải, su hào tôi tôi ra công sông Tô Lịch, ném cho cá hồ Tây. Người sắp hàng mua rau mà rau vẫn đồ đi, không giải ra được cái mâu thuẫn đâu tranh thế là thế nào, thôi mặc kệ, rồi cũng đâu vào đấy, không chủ quan thì khách quan, ngày ngày luẩn quẩn bắt lên.

Nhưng công tác với mấy làng rau này thông thả, người ngợm không hung tợn như ở các vùng đất kẻ bề làm muối. Họ làm ăn gian dối hay không, cũng chẳng ai làm gì được người ta. Không muốn hợp tác mình gương mẫu, cũng không để mang tiếng bét huyện, bị trên chê trách, cũng chẳng bị nhòm ngó, cả làng chỉ muốn đừng ai đến hỏi han tham quan, học tập. Các làng trồng rau này cũng thế. Bó rau muối râu rìa sưng nước cả cuống cả rễ, chiếc cải bấp ngâm nước cho nặng cân, bó mùi già sắp nẫu nước tằm được, sớm mai ném lên ô tô tải. Chẳng nhà nào, tổ nào mách lẻo, tố cáo ai.

Rau muối ruộng thì của hợp tác xã, rau muối ngon cây dưới rãnh sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch thì của nhà quẩy đi chợ. Ngoài đồng, các tổ trồng canh giới - rau dễ mọc như nghề - và các thứ rau dớn. Người thành phố bây giờ dễ tính và mũi dể vớ được rau gì cũng nhai, không ngại ra húng Láng, húng Sơn Tây, húng bạc hà; rau muối để luộc chẳng khác rau muối chẻ; tía tô hay là cộc giậu cũng vậy; hành hoa hành củ, lá kiệu, lá hẹ cũng rửa; ngổ ba lá, bó n lá, năm lá; rau răm hay lá cóc nhảy như nhau.

Rau thật, húng Láng, tía tô rau ngon được trồng vườn từng nhà đem bán, ở chợ thì đặt mẹt riêng, dành cho người sành ăn. Làm vườn nhà thì trẻ con cũng cặm cụi chịu khó cả ngày. Làm rau hợp tác theo kèng đi kèng về, xã viên ngôi đầu xóm sắp hàng theo tổ trưởng tổ phó đợi cả tổ cùng đi, lúc mặt trời lên bóng con sào mới ra đầu đồng. Như trò đùa. Biết người ta gian dối hai mang, tớ cũng không “góp ý kiến” cho rách việc, cứ im lặng mà thông dong, đến đâu thì gà, thì chó, cá chép hồ Tây cứ việc ngả ra...

Rồi không biết tại sao trên nhận ra tớ là cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Được đề bạt lên một công tác mới toanh, tạm cỡ ra trò.

Hồi ấy, ăn trộm dây điện là phạm an ninh và quốc phòng, ra tòa bị xử tù chung thân, xử bắn. Thế mà người ta vẫn cắt trộm. Dây điện thoại lên vùng nghỉ mát Tam Đảo không bao giờ thọ nổi một tháng. Ăn cắp như một tính người, hậu khấp các làng vùng trung du đã bỏ quang mây, quang tre. Gõng gánh ngoài chợ toàn quang dây đồng bên cô tỷ.

Tôi bỗng được làm giám đốc mười hai cái kho dây đồng, dây cáp. Hóa ra mình có năng lực thật. Gì cũng làm được. Tôi làm chủ mười hai cái kho, tổng giám đốc chứ không phải giám đốc, chữ đánh máy giã y trên bộ bổ nhiệm hẳn hoi, rõ ràng.

Từ ngày xưa chỉ biết đọc chữ in, rồi sau xem được, viết được, mình cũng chẳng đọc sách đọc báo, thật tình chẳng mấy khi dùng đến chữ. Thế mà hóa ra càng ngày càng được việc, càng lên chức.

Kế toán, tài vụ, chánh phó văn phòng, nhân viên phụ động, lao công và máy chữ đánh rào rào. Lúc đến cơ quan, cả chục con người

rầm rả p đầu vào đầ y. Bàn giấ y to giữa phòng, trên đặt tâ m kính dày một đố t ngón tay. Lúc ký, trông thấ y bóng tay mình ngoáy một cái, đĩnh đặc ra phê t. Chiế c máy tê-lê-phôn ngay mép bàn, a lô... a lô... Trên ba mặt tường, đồ vàng rực rỡ bằ ng Lao động hạng nhì, hạng nhấ t, bên cạnh cờ thêu tua kim tuyế n đội tự vệ. Cái đồ ng hồ không phải lên dây to bằ ng chiế c mẹt. Choáng quá, ngây ngấ t quá, thủ trưởng chễm chệ chính giữa cái ghế bành tay vịn như tay ngai, sừng đê mê. Chỉ mỗi cái “lọ ho” cổ hủ thì cái lọ ho đã được mạ kề n miệng bóng nhoáng. Nhưng dấu sao thì đầ y cũng là chiế c điế u cày cổ lỗ không phải bao thuố c ba số . Tôi giấ u chiế c điế u cày vào cái ổ ng thiế c sau chân bàn, như thùng tài liệu đặc biệt, để bên. Vấ ng khách, lầ y lên, vồ vồ, ngửa mặt phà khỏi một mình. Ngày trước, bọn con gái ở làng nhữ thuố c lão chúng mình chẳng đã say như cóc, mà tô i nào cũng rít đầ y, nhớ không? Bây giờ thì lão tù già ngồ i chần vịt sao mà nghĩ cái lúc thanh thoi ấ y ghê.

Nhà cửa tôi cứ hay mắ t lên lúc nào, không biế t. Cơ quan xây hội trường, anh em khuân đế n chục bao xi măng Con Rồ ng bảo là còn thừa và rồ i gạch lát sân, gạch xây tường hoa. Cơ quan có gì, nhà mình có cái ấ y. Mặt tử li phòng làm việc đặt lọ cảnh hoa hồ ng giấ y, mình cầ m về mắ y cảnh. Chiế c gạt tàn, cái bồ đồ bã chè, gói bột ve xanh quét tường, chiế c cô c, cái chén, đủ thứ - cả chiế c bóng điện trong chuồ ng xí, một hôm ngắ ng lên trông thấ y, tiện tay vặ n về , lại nhổ luôn cả cái rọ sắ t. Nhà mình thiế u đèn ngoài cổng, phải đóng cái rọ đèn thê này, trẻ con mới không ăn cắ p được. Công nhân làm trong kho uố ng nước chè tươi. Mình bảo “chè tươi vừa mát vừa bổ”. Thê là mỗi hôm đã thấ y gói chè tươi, bọc giấ y báo cẩn thận, chị lao công để sẵn đầ u bàn, để thủ trưởng mang về .

Nhưng vẫn còn một điều nghĩ chưa ra. Thực sự năm ấy đã ngót nghét sáu mươi rồi, mà mình rút xuống chục tuổi, khai láo cũng chẳng ai biết đây là đâu, nhưng thế nào cũng sắp đến năm “cầm sổ” về hưu. Trông trước mắt thế rồi, mà xem ra nhà cửa chưa hẳn đâu vào đâu, mà con cái thì còn những bốn năm cái tàu há mò m.

Câu chuyện cứ thao thao...

Quả là chén rượu sáng sớm với cổ hũ, lòng tràng đưa cay có cái thú tươi ngon nóng sốt riêng. Các cụ ta tài thật, cũng một ngụm rượu, mỗi lúc một khác. Miếng tràng chấm mắm tôm chanh ớt tròn sừn sực, ôi sao khoái răng đến thế. Dưới âm ti làm gì có cổ hũ, có húng Láng...

Tôi thú vị nhận xét với Tân thế. Tân bảo:

- Thằng chết chẳng nên ganh ghen với thằng khiêng. Tao cãi với mày làm gì! Từ năm đi tù, hôm nay tao mới được bữa hả thế này đây.

- Ờ, cơm tù...

- Để tao kể nốt. Trong kho có nhiều dây cáp đồng hiế m mà mình thì sắp “cầm sổ” đến nơi. Đã cầm sổ thì nắm chè xanh cũng chẳng đưa nào gửi cho nữa...

- Thế là...

- Tao khai trước tòa rằng, kính thưa ba tòa, một đời tôi theo cách mạng, có cách mạng tôi mới có cái chén, nõi cơm, đôi dép, nắm chè tươi. Nhưng tôi nhận thầy giám đốc Đình, đại tá Ất, cán bộ Bính, ông nào trước khi về hưu cũng làm một quả n. Về

hươu tay trắng đâm ra hèn, mà tôi đương cai quản hàng chục cái kho. Tôi không ăn cắp. Tôi chỉ ngu đi bắt chước người ta. Mấy hôm nọ tôi hoang mang. Bây giờ thì tôi nghĩ ở tù hay ở nhà cũng thế. Tôi không chống án, tôi bằng lòng tù, tôi xin không chống án, mong tòa thương thông cảm.

- Tòa bảo thế nào?

- Tòa bảo gọn lỏn một câu: Hai mươi năm tù.

- Cái hồ i ấy là cậu không may thôi.

- Không may làm sao?

Tôi nói:

- Bây giờ dưới âm phủ trên dương gian không ở đâu xử tội ăn cắp vặt mấy cái dây đồng nữa. Tòa đương bận quá, nhiều việc quá, không đủ thì giờ, không đủ nhà pha...

Tên kêu lên:

- Thế thì sướng, chết khỏi phải tù, tao chết đây.

- Chết cũng không sướng bằng thả ng phó nhỏ. À phó hai, này anh phó hai ời, anh đôi ời.

Chúng tôi bỗng nhớ ngày xưa. Chúng tôi gào lên:

- Cớ i, cớ i ơ!

Be rượu đã được tu hết tiết, chồng vộc cái chai, lại càng động lòng thuở ấy. Hai đứa lom khom bước vòng quanh, hươu tay lên múa hề mòi hề gây.

Thú vị tình thâm

A ha thú vị tình thâm

Lâ ý phải con vợ đái dâm

Thú vị tình khai... Thú vị tình khai...

Trong xa, những người gác cổng trại nghe tiếng lao xao ngoài ruộng, nháo nhác chạy ra. Tăn vẫn đang múa hát rất khoái.

- Cô i, cô i ơi *Thú vị tình thâm... Thú vị... tình khai...*

Một người quát:

- Thằng tù già này điên à?

Một người lội xuống để m đàn vịt dưới ruộng.

- Thiếu một con! Thiếu một con vịt!

- Cái thằng sắp chết này ăn cắp vịt đi mua lòng về uống rượu.

- *Thú vị tình thâm...*

Một người túm áo Tăn, dựng cổ lên, đẩy đi. Tăn bật lên như con ếch nhảy. Mất trọng, hai má phồng lửa tủa râu ria, vẫn rao to: Cô i, cô i ơi!

Chưa quên cái nghề đóng cô i. Mà từ thuở lọt lòng đến nay chúng tôi thật sự chỉ có mỗi nghề ấy, quên thế nào được. Tăn lại chồm lên, hai tay vô xuống đất réo lên: Cô i, cô i...

Bất giác, tôi cũng: “Cô í, cô í ơ.” Song chẳng ai nghe biết tiếng ma.

1992

Nước mắt

Cả làng đồn ầm lên về chuyện cụ Văn ra ở với cái Mái. Chuyện được thêu dệt, thêm thắt mãi ra.

Võn là cái Mái bơ vơ ở đâu đó, khi nó chỉ trạc mười tuổi. Nó là con gái thì người ta gọi nó là con Mái, như con gà mái, rồi thành tên. Hồi ấy, các làng phải chạy máy bay Mỹ. Cái cầu ngoài đường bị bom bắn, các làng hai bên đều tan hoang. Người bỏ đi, người đâu đó, người chết vì hố bom chỗ nào không ai biết, gốc gác cái Mái cũng trong mớ chằng chịt hỗn độn ấy, chẳng ai để ý đến nữa.

Lại thêm một nỗi là con bé ấy câm. Rồi đến năm được bình yên, con Mái nhớn nhao lúc nào. Có người chợt để ý cái Mái hay cười, má lúm đồng tiền, người ta mới dần dần nhận ra con bé đã lớn. Ai nói gì, trò chuyện thế nào, Mái không đáp lời được. Mái chỉ cười. Đói rách khổ đến đâu mà lại hay cười. Lúc ngồi không, lúc đi làm mướn, cuốc vườn, rào vườn, đi cấy, thấy người là thấy khuôn mặt tươi tỉnh, nét miệng cười, hàm răng trắng tẽnh.

Một hôm, có câu chuyện lạ theo chân những người đi chợ.

- Nay, con Mái chữa ỉnh bụng ra rồi, biết chưa?

- Thiên hạ nói dăng dăng, bây giờ đã ngấy mới biết thì có!

- Ủ, thế mà tớ mới nghe đây, chán chưa. Cái con bé toàn đi ở nhờ, ăn cơm nhà người, bây giờ ỉnh bụng thì có nhà đưa nào dám chứa, mang tiếng chết!

- Phải hỏi cho ra đứa nào!

- Ai hỏi? Chủ tịch xã hay bí thư đoàn?

Tiếng cười hê hê râm ran dọc đường.

- Khôn nể, nó lại mắc cái tội không có mồm!

- Ấy thế mới rầy rà.

- Câm thế mà cũng biết, nhẩy?

Ở trụ sở ra ngò i hàng nước, ông Văn “à” một tiếng rồi quơ chiếc diều cày. Khói thuốc tỏa ngạt trắng cả gian nhà. Ông Văn gật gù, trầm ngâm. Có người nói to:

- Đánh đố xem tìm ra đứa nào lòng thông với cái Mái? Cược gà hay cược tiền, tiền nhé?

- Thôi, hai buổi cày.

- Cày nó hay cày ai?

Lại cười âm lên.

Cả đám con gái trong làng hay xét nét nhau từng ly từng tí cũng không mấu cứ vào đâu mà đoán được. Chẳng phải như ngày xưa làng nước ăn khoán bắt vạ, gọt gáy bôi vôi, đem trói vào bè chuổi trôi sông, nhưng mà trong làng xóm thì bao giờ cũng thành câu chuyện cửa miệng.

Rồi việc cứ đâm ra nghiêm trọng lắm thôi dần, khi mà trong một cuộc họp liên tịch ban nếp sống văn hóa, có phó chủ tịch phụ trách văn xã, cán bộ thông tin, các ông bên mặt trận, hội phụ lão.

Ông văn xã phó chủ tịch nói lý lẽ rạch ròi:

- Một là, việc khuất tất như thế, phạm vào nếp sống mới. Hai là, thảng đế quốc Mỹ tàn ác mới giết người, chứ ta không rẻ người, ta quý người. Tìm cho ra thảng nào trót đại với nó thì phải nhận trách nhiệm. Ba là...

Câu chuyện cái Mái - thời mới không khinh rẻ đưa chữa hoang, chữa buộm nhưng đầu câu chuyện cho người ta giấu cọt thì nào ai cá m: cam đặc, điểc đặc mà cũng biểt “tọ bung”, nó tọ bung ra sao nhỏ. Tổ tường thế nào, rôì cả ủy ban, cả chủ nhiệm, lại đế n dân quân cũng thấy có nhiệm vụ tìm tông tích, thế là cứ rôì tăng tit bàn mà chưa lồi đầu ra cái hướng giải quyểt, lại càng táy lên không ra chuyện cười, không ra chuyện lỏ, ai đi đâu cũng lảng vảng qua cửa đình, ra cổng đô ng cô t gặp cái Mái nhìn xem mặt mũi con bé bây giờ thế nào.

Bí thư đoàn được phân công gọi cái Mái đế n. Nhưng bí thư chưa có vợ, lại gọi sao được con cam, phải ra hiệu, phải dắ t nó đi. Thế là đâm ngại. Bí thư có sáng kiể n đế n nhờ tay ông Văn bên phụ lão. Ông Văn giúp ngay. Hai người đi ra cổng làng, gặp Mái ngô ì ở đấ y. Bí thư cười bặm môi lại, quay mặt đi, lúc ông Văn làm hiệu chọc chọc ngón tay vào bàn tay khum thành lỗ, rôì chỉ vào bụng Mái, hỏi to:

- Mà y chữa với ai?

Thoạt đầu, Mái ngớ ra, và ông Văn cũng thấy câu hỏi là thừa, đế n khi ông Văn giơ tay làm hiệu lầ n nữa thì Mái cười, cái cười ngẩn ngơ. Ông trở ngón tay cày cuố c xù xì vào bụng Mái, nhưng vẫn quen miệng, ông hét:

- Ai ngủ với mày?

Hai má Mái ửng lên. Má ỉ xoe tay kéo cái cặp quầ n, che bụng, như sợ người ta sắ p bắ t tụi quầ n ra khám. Thầ y yên, Má ỉ lại ngắ ng lên, nhìn ông Vầ n, cười tủ m tủ m, như lúc nầ y. Ôi chao, tội nghiệ p con bé...

Ông Vầ n cúi mặt. Về lú ng tú ng, ngồ ng ngắ ng, phụng phịu của con bé chẳng bậ n gì đế n chuyệ n buồ n nổi nhà ông, thề mà ông Vầ n bồ ng độn g lòng. Bởi vì con bé kia cũ ng trạc tuổ i nầ y. Mỗi lầ n gặp ở đầ u nhữ ng đứ a trẻ cùng lú a vậy, ông Vầ n lại nồ ng nổi nguồ n cơn, đắ m chiề u thừ ra. Cả nhà ông, vợ ông, con ông chề t rồ i. Ông bà chỉ đượ c một mủ n con gá i. Hồ i á y, Mỹ đườ ng ném bom rắ t cả đê m, khiế n cho người ta hớ t hoắ ng như là sợ rồ i ra ai chề t lúc nào không biế t, chề t không trông thầ y mặt nhầ u. Ông cứ lo xa, lo vớ vẩn, đi đầ u cũ ng loi thoi cả nhà, đi làm đờ ng, ông Vầ n đi trướ c, vai vác con dao phá t bờ , lư ng đeo chiế c lò ng quả và phủ tà u lá thiên tuế ú a vầ ng, trong có con chim gắ y cổ cườ m xanh biế c. Ông Vầ n nuồ i con chim đầ ngoà i mườ i nầ m, con chim đượ c xắ p xỉ tuổ i con bé, ngày ba buổ i con chim cá t tiế ng đánh thức người, giự c người đi làm nhó bữ a. Con chim cũ ng đượ c kể như người thứ nằ m trong nhà. Bà á y với con gá i và thắ ng rể đi sau. Con gá i ông đườ ng có mang, bụng thầ y lắ y như cái Má ỉ bầ y giờ đầ y.

Ruộ ng phoi ải mầ y hờ m, đê m qua mới có mầ , sáng sớm ra xem đầ cày đượ c chừa. Cả nhà lụi xuồ ng dọn đắ m cỏ rắ c, chừa cày bừa đượ c, phải đợ i trậ n mầ nầ bầ n mới ngầ u kỹ. Tiế ng gầ m gừ , rồ i một đầ n má y bay ầ m ầ m rú t khắ p cá nh đờ ng. Mỗi người đứ ng yên lại giũ a ruộ ng. Chắ ng làm gì, chắ ng sợ. Mà sợ cũ ng không biế t chạy đầ u. Chỗ nắ p mọi khi trong cái lò gặ ch mới rồ , tường lò đở rồ n, má y bay cứ chui vào thả bom xuồ ng nhữ ng lò

gạch, cái đương rỡ, cái đương nhả khói trắng bông. Chúng nó bay trên cao tưởng là những đàn tên lửa, phải triệt những đàn tên lửa, xong rồi máy bay vòng rộng ra, rải bom như rắc trấu, như tung thóc giống khắp cánh đồng. Cả nhà ông Văn chết vui giữa đám ruộng xép ải. Mỗi một mình ông bị hơi hất ra rơi vào cái hố bom ruộng bên cạnh, cũng chẳng biết vì sao không chết ép, chết ngạt. Cái chết đến bất ngờ nhanh quá. Mãi sau rồi càng lâu lại càng ngấm, mỗi lần chợt nhớ cảm thấy buốt xương sống, thấm thía cái đau từ đây thui thui. Lắm khi, đôi khi trông thấy mái tóc con gái ông, rồi thì con mắt nào đăm đăm, tươi tươi cũng là mắt nó, rồi thì đứa con nào cái dải tai xệ dài phúc hậu như tai Phật, “ngày sau con bé này đã thọ, lại giàu nứt đổ vỡ vách”, một ông thầy xem tướng nói thế. Cái đứa con gái nhà ai có đôi tai Phật đầy đặn vừa đi qua, ông Văn ngỡ là con gái ông, nó đây, nó đi đâu về, nó sắp về, nó đã về kia kìa.

Hình như càng lâu càng về già, cái nhớ càng dai dẳng đeo đuổi, không nhãng đi được. Ông Văn trông cái Mái cũng thấy là nó đây, nó đây. Nhớ đến hoảng hốt, phấp phỏng, trông thấy con sao mà buồn thế, con ơi!

Ông Văn run rẩy đứng dậy, bước ra, hai mắt nhắm lại, đầu gối tê dại bước loạng quạng như trật khớp.

Những người ngồi trong hàng nước hỏi với ra, như đùa:

- Ông Văn đi đâu thế?

Ông Văn như chợt tỉnh đứng lại, lại vào bàn thàn ngồi xuống, hai bàn tay gõ ghè khoanh lên đầu gối, rồi quơ chân lúi cái điếu cày. Mấy người nữa còn hỏi cái Mái, hỏi lỡm chơi, chứ ai

cũng biết nó cần điếc chẳng biết người ta nói gì. Bây giờ ông văn xã - ông là phó chủ tịch, nhưng làng nước ai cũng gọi ông là chủ tịch, ông mặc kệ, không phải ưa phỉnh mà là tính ông ào ào, không để ý. Ông đứng dậy, trở tay ra cửa. Mái đứng dậy, bước đi. Nhưng ông chủ tịch và ông Văn còn nán lại, chuyển nhau cái ông điếu kèn làm khói nữa. Lấn vào làn khói, tiếng rít sòng sọc, như cẩu kinh, như kéo dài, cái bực bội vì chưa biết việc này sẽ ra thế nào.

Chập tối, nhà nhà đốt lửa. Người ta cũng như con chim, con gà, sầm tối lên chuồng, cái vai cày và dây dợ quả bí, gánh ngô, người ở ngoài sông về đặt giỏ cá xuống, vớt bộ chài lên cột trước cửa, những tua mép lưới hoa lên, chum lại, lách rích, loảng xoảng. Vách bếp hờ hút gió vào, kêu hu hú, tạt lửa bếp phật phật. Cũng gọi là bây giờ mới yên ả, chứ lắm hôm củi mới bén lại phải rụi, bất thần máy bay ào ào sát sàn sạt trên đầu. Vùng này như đường ra lối vào máy bay cất cánh ngoài biển, lắm khi nửa đêm, chúng nó đi ném đâu chưa hết bom, trút nốt bom xuống đây, đèn sáng, nhà nào còn sống thì ào ra biển ra sông vớt cá, có khi lại bị bom bi, bom nổ chậm giữa bãi, cái chết rình mò không biết đâu lường. Có đến năm mươi năm nay thế rồi.

Hai, ba người lúi húi bước. Người không đeo túi xà cọt, người đi tay không đồ nghề, đoán là có công tác. Mọi công tác thời giặc già, đến chập tối, máy bay chúng nó nghỉ ăn cơm mới êm ả đôi chút, thế là họp, là mọi thứ việc bắt lên. Trong nhà đã tối, ánh lửa nhấp nhoáng, tinh mắt mới nhìn tỏ mặt. Ông chủ tịch đã trông thấy và bước lại đầu nhà chỗ cái anh vừa cúi lưng trần xuống quăng vớt bộ lưới lên chiếc cọc rồi vào nhà. Anh ấy đứng lại, chắp tay: “Lạy ông chủ tịch ạ.” Ông này không đáp, lời anh ta ngời

xuống phản chông gian bên. Nhà không có ai, người ngoài đồng, ngoài sông chưa về.

Chưa hiểu những người chức việc và cả cái con cầm đến có việc gì, anh ấy thông thả quơ tay lại sau lưng cột nhà, lôi ra cái đu đủ cày. Ông đu đủ này hai đốt tre được liền đóng đã lên nước cánh gián. Ông Văn nói như reo: “Hút cái thảng tre này êm thuở c, ngon hơn ông kê n mĩ, tôi chỉ ưa đu đủ cày này” rồi giơ tay đỡ đu đủ, trong khi ông vẫn xã trở tay vào cái Mái thì trông vào đồng dầm nghi ngút khói đọi nõi niêu bắc lên đây. Mắt con cầm ánh lên cái chói.

Ông hỏi anh chủ nhà:

- Mày làm con này to bụng à?

Rồi ông quay lại Mái, quắc mắt hất hàm một cái. Mái đã hiểu. Trong bóng tối nhá p nháy lửa trầu, Mái lại cười. Cái cười như lúc nãy. Mái vẫn cười thế, cái cười người cầm bằg câu chào hỏi thường ngày.

- Mày làm bụng nó to...

- Ông bảo gì cơ?

- Tao nói rằng nó có chữa.

- Nó chữa với tôi á?

- Thế là đúng thảng này, đúng mày rồi...

Anh nọ đứng phắt, với tay lấy cái bê chèo. Những câu nhỏ nhẹ thưa gửi vừa rồi đã biến mất, một cơn rít lên:

- Muôn sông thì dắt con trôi sông này ra khỏi đây ngay, ra ngay. Vợ tao mà về bây giờ thì tan xác cả lũ đấy. Đi không nào, đi không nào...

Chiếc bê chèo bồng xuôi đầu cái Mái. Hai ông phải ẩn lên như đỡ chiếc cột nhà sắp đổ xuôi, rồi ông chủ tịch phẩy phẩy tay xua cái Mái ra trước. Hai ông đã biết cái tính lửa Trương Phi của anh nhà chài này, có lẽ vừa chợt quên nên mới hỏi đường đột thế.

Lại hùng hục ra. Gặp một bác cũng đã có tuổi, mặt đỏ hoa, vừa ở bên lên, cái khố đuôi lươn ngoe ngoảy trong khe hông, vai vác bộ gọng vò bè xếp lại, cụp xuôi, bước loạng quạng, không biết những cái tay vó kéo chân người hay người đã say.

- Các cụ đi chơi đâu thôi vậy?

- Đi hỏi xem đứa nào cho con bé này chữa, nó chữa rồi. Chú nhìn xem.

- Hay đấy! Nhưng nhìn thì biết ra sao, phải sờ vào, xin phép các cụ.

- Chuyện can trọng, không được ỡm ờ.

- Thôi vậy. Thế các cụ đã bắt vạ được đứa nào chưa?

- Có con chó!

- Thế thì thả ng này làm con chó vậy. Bao nhiêu ân oán cứ đổ cả lên đầu thả ng khố giải rút này cho các cụ chóng được phạt vạ ăn khoán cái lá đa con cam. Tôi mách nước cho các cụ đấy, nào các cụ xê ra, con kia, tao đã ngủ với mày, bây giờ đi với tao, tao ngủ nữa cho mà xem.

- Không phải đùa đâu!

- A ha ha! A ha ha!

Bộ gọng vó gặt bác say ngã bệt xuống, mọi người mới đi qua được. Cả xóm lui hui lom đom lửa chập tắt, vừa ấm vừa buồn bã. Nhà nào cũng vào, những nhà có đàn ông và con trai - chịu khó về và dần dần ông chủ tịch biết giữ ý hơn, ông không thúc người ta mà chỉ kéo tay lôi cái con cằm ra giữa nhà cho mọi người ngó và ông hỏi nhẹ nhàng:

- Con bé này chữa hoang, ai...

Nhưng người ta lôi đình lại cũng chẳng kém.

- Ông chủ tịch, ông chủ nhiệm hết cái ăn rồi ạ, mà đành ăn bản thể?

- Này này đừng có bước quá bậc cửa mà xúi quẩy nhà người ta! Xéo xéo, các cụ ơi!

Những tiếng cười hích hích, ô ô. Cái Mái ngu ngơ cũng nhoeo miệng, bước theo hai ông. Thế mà vẫn không nản, vẫn lằm nhăm vào nhà này, nhà này.

Mỗi nhà, ông chủ tịch chỉ trở, ra hiệu. Nhưng Mái vẫn ơ ra, lấc đầ u, rồi thông thả toét một nụ cười, như vẫn mუმ mუმ sẵn. Bực quá, lại lôi ra.

Có biết đâu, không phải người ta chỉ khó chịu, chỉ thờ ơ. Những người già thì ngậm ngùi, râu rĩ, đương nghĩ, đương nhớ gì khác chứ chẳng phải xót thương đứa con gái tàn tật. Mấy cô hàng xóm ghé mặt sau vách đưa nửa con mắt nhìn vào. Vẫn thấy Mái, có lúc

gật gật vu vơ chẳng nhắ m ai, có lúc lắ c lia lịa. Nhưng chỉ cái cười ơ hờ của Má, người đương cái kính cũng thấ y thương. Con bé cầm chỉ biế t cười, làng xóm vẫn thương hại thề .

Nhưng rồ i Má không ở nhà ai nữa, mà mọi khi thì Má chúi vào đâu cũng được. Rước vào nhà một đứa chữa buộm, khác nào bị kẻ thâm thù yểm bùa vào hóc cột làm hại phải vận áo xám đế n mấ y đời. Nhẹ tính cũng phỉ phui như ra đường gặp gái, gặp rắ n, đêm nghe tiế ng con cú, con chim lợn thẳ m thiế t kêu trên nóc nhà phải trở dậy đố t vía. Vả chẳng, bụng Má khệ nệ dường như muố n nắ m ổ đế n nơi. Ôi chao, hai ông kia thì bận gì đế n mà cứ lo cuố ng lên. Cái bụng tròn tròn con so mà xệ như thế , áng chừng đẽ con trai. Con trai đứa nào, con nhà nào, đời bây giờ rẻ người quá, mà không sợ quả báo, ác giả ác báo, không ai biế t sợ nữa rồ i.

Má không đi chặt cây, không chém lá chuô i, lá dừa làm cái lớp được. Cũng không còn nươ ng nấu quanh quẩn cổng làng, tam quan đình. Dân quân du kích lo nhớ đêm hôm nó “vỡ chum” ra nhà đẽ n, nhà chùa uế tạp nơi thờ cúng. Như những con chim sâu con con, lúc chập tồ i tìm nấ p vào nách chiế c lá ngái, Má nghĩ được cách chui vào bụi tre. Giữa lúc nọ có một bụi tre điế c không gai, lựa thưa cây nhưng rậm lá, đêm đêm Má vào ngủ ở đấ y, lâu dà n nề n đấ t phẳng ra, Má nhặt những chiế c mo nang đem lật ngửa nhắ n lót những chỗ gồ ghề . Thề cũng xong cái ổ, con người cũng như con bô các tha rơm rác về làm tổ.

Các vị chức việc lật đặt, cuố ng cuố ng, rồ i cũng chẳng làm gì được, lại tá t bật đố ng việc bộn bề khác trong làng. Còn cái Má mỗi hôm vẫn theo người ta ra đò ng, xuố ng bê n, sang chợ, ai nhớ thì làm đờ một tay, có khi ngồ i chực việc ngay đầ u ngõ. Người ta

chửi cái thằ ng phát cuồ ng nào đã đề con cằ nằ y ra, rồ i lại thương đẽ m cho Mái củ khoai, cái ngô như bô ́ thí làm phúc kẻ khó.

Nằ m ấ y tiế ng sủ ng, tiế ng bom vẫ n dộ i qua đầ u oàng oàng rồ i rơi xuồ ng bóng tồ i chỗ nào không biế t. Nhiề u khi thầ u đẽ m giặt mình. Mỗi nằ m, hình như đẽ n mùa đắ ng nhầ u to, huyề n lại về ề tuyền quầ n. Có khi người đẽ n đông nghặ t, trên tuyền quầ n hay nhữ ng đơ n vị vào mặ t trậ n trú lại đơ i dầ n công, chỉ thầ y bộ độ i sang các vườ n hỏ i mua hoa bí đỏ. Làng nước ra mứ t tì nh tiể n rồ i cũng đi luồ n, người ta đẽ m nhà nào mầ y người đi, mầ y người đi. Đầ u cũng nhộ n nhíp. Úp chũ m đơ m cá, làm củ lúa, đắ ng luồ ng, lại đẽ n mùa bắ c giầ n đư a chuộ t, nhiề u khi đẽ m đố i các thứ cho bộ độ i lầ y cái áo, mằ n quầ n lằ n. Rồ i đi tắ gạo, khiề ng cằ ng phầ o, nòng sủ ng dài to, nhữ ng hò n đặ n, nhữ ng bao ni lông thức ắ n khô, có khi trồ o vào đầ y núi chầ n trồ i kia đầ ng đắ ng cả thắ ng chư a trở về . Nằ m trướ c cái Mái cũng đi dầ n công nhiề u bậ n. Người làng đẽ m câu chuyề n vui về ề làm quầ mà kẻ: Cả thắ ng mà có đơ n vị không biế t củ gái cằ m, cho là nó cả thẹn, lại có người đố cho nó lậ n mặ t ra cái điề u ta đầ y mỗ ng mầ y hay hạt, khì nh người không thề m nói. Thế ồ có nỡ m đờ i không! Vừa rồ i, trong núi hế t mùa mưa, dầ n công ô ặ t đi ngày đẽ m. Mái vào ủy ban, hoa tay lậ n đờ i đi vắ c đặ n. Ấ y là đầ bị bắ t đi ở bụi tre rồ i đầ y. Ông chủ tịch phải lờ i Mái ra lầ y đầ y chuồ i buộc chầ n nó vào gồ c tre, làm hiệ u cắ m không đư ợc đi. Dầ n công làng kề o qua, Mái khồ c theo. Nhữ ng ai dắ m cho cái bêu điề u ấ y vắ c bụng đi, đẽ hằ ng tì nh, hằ ng huyề n người ta đẽ o mo vào mặ t làng nằ y a!

Ấ y việ c nhà việ c chợ, việ c nước từ nhữ ng củ nằ n, ai ai cũng củ vừa vắ t vả vừa thằ n thờ i vừa to tiế ng vừa thì thầ o. Đầ u sao cũng là vắ t vả mà không mầ y khi nhớ ra, chỉ có ông bà già mớ i đờ i lúc

nhằm lại cái giồng lúa lùn hạt nhiều nhưng kém rơm rạ gieo từ năm nào, đã sắp đến dịp tảo mộ đi thắp hương đắp mả, đánh dấu cả những nơi chôn người chết, dường như thế mới tính ra đã mấy cái Tết bom đạn. Cũng vì tuổi tác hay đông đến thế thôi, chứ giá có thông thả lại đâm ra mong những con cháu, anh em chông con đi chưa biết bao giờ về. Làm sao mà tính được, hôm bom bắn gầm gừ thâu đêm, hôm thì yên trời.

Rồi Mái đẻ được một đứa con trai. Cũng không ai biết cái Mái ở cỡ khi nào, sao mà mẹ tròn con vuông như người ta được. Một hôm, đi ngoài nghe trong bờ tre có tiếng trẻ oe oe. Người ấy, rồi người nữa xuống bãi tạt vào xem, đến trưa về làng, ai cũng táo tặc hơn hờ “Cái Mái đẻ rồi! Cái Mái đẻ con trai! Thằng bé kháu đão đẽ”.

Rồi ai đặt tên cho đứa bé là thằng Gà, ai đặt, từ bao giờ. Mẹ là Mái, tên con là thằng Gà, cứ như là tự nhiên phải thế. Ô! Nhưng mà cái tên để nghe với nhau, và mai sau, nếu thằng bé không có cái máu cam thì nó hiểu được chắc ông bà nào phúc đức khéo nghĩ ra những chữ con gà con què hiền lành như thế. Trong góc tre vẫn ngày tháng ấy có mái mẹ, giờ thêm thằng gà con. Mái xin đâu được mảnh vải, ngày ngày địu con trên lưng. Có khi đi làm mướn đến khuya mới về, trên đầu máy bay địch với cao xạ ta đánh nhau sấm sét ào ào. Mái dừng dừng đi trong làn chớp xanh lè như đèn thắp viển vông sau núi đã xa. Đập đoạn được thửa đất ải gieo ngô dưới bãi, mới địu con, vác vồ theo ánh bom đạn lặn về cái lều bụi tre.

Năm ấy, nhiều người đi bộ đội lâu lắm không có tin tức, tưởng chết rồi, bỗng nhiên thấy đeo ba lô, đội mũ cứng, nách ôm con búp bê nhựa màu hồng to gần bằng đứa trẻ con, biết mở

mắ t nhắ m mắ t. Các anh ấ y bảo miề n Nam đã giải phóng rồ i, thả ng Mỹ chạy trố n hế t rồ i. Dầ n dầ n thấ y ra quả như thế , lâu nay không nghe tiế ng bom phía nào, tàu bay ngoài biển cũng không rền rẹt vào nữa.

Bao nhiêu năm, con trai con gái vợ cả làng đi các mặt trận, thấ y bảo vào B thấ y bảo sang C. Còn ở nhà thì máy bay bắ n cháy má y làng liề n - chúng nó như con chó ngộ, muố n cắ n đâu thì cắ n. Chẳng vì cái nhẽ gì. Những cánh đồ ng tun hút hô ́ bom như đào giề ng. Mỗi nhà một cái hầ m ngoài lũy, bờ chuôm, bờ ao, ở hầ m chữ A cũng bắ ng ở nhà trong xóm, lâu ngày thành quen lẫn lộn đêm với ngày, không ngờ đùng một cái, yên ở đâu rồ i đế n lượt ở đây cũng yên. Nhà nhà dọn, khuôn dui mè, phá khuôn hầ m, bao nhiêu nô i niêu, các thứ nắ m mớ váy áo, chỉnh nước cáy, cả những chiế c lò ng chim gáy - cái đồ ng hò ề sô ng - tâ t tậ t được khuôn về ề xóm. Làng mạc lại phẳng lặng như ngày nào. Chỉ những khi có cái giấ y báo tử, bắ ng liệt sĩ, bắ ng Tổ quố c ghi công gửi về , ủy ban mít tinh rồ i kiệ u rướ c đế n từng nhà, lễ truy điệ u đông cả làng, đám ma đấ y mà người phát biểu không buồ n như đi đám ma.

Chỉ còn mỗi mẹ con nhà cái Má i vẫn ở lê u ngoài bụi tre. Má i chắ c là chẳng biế t đấ t nước đã bình yên. Mà cũng không ai nhớ lo liệ u giúp đỡ cho nhà nó cái gì. Thấ y người ta rậm rịch. Má i cũng vội vội, tâ t tả, khi trong xóm, khi ngoài bờ tre. Má i khuôn vác đỡ nhà người. Chẳng phải đợi ai vẫn nhờ, Má i thấ y cái vác được, cái đem được, Má i đế n ngay. Vai quẩy, đầ u đội, tay ve vẩy, thả ng Gà nhấ p nhô đầ u sau vai, lại còn vỗ lưng mẹ, hét làm như cưỡi bò. Má i vẫn tươi bườ i thế . Ai hỏi, ai đùa với thả ng Gà sau lưng, mẹ ngỡ như với mình, cười hơn hớn. Chẳng khác nét người lòa khi trò

chuyện thường chăm chú, nghiêng tai hóng đợi, nghe ngóng, lúc nào mặt cũng vui vui.

Có nhà khiêng cả vùng đất to bằng chiếc thúng vái một cây chanh đã được lựa quả và cây mít cao bằng đòn gánh, về trồng lại trong vườn nhà. Quang cảnh phá bỏ mà ngỡ như làng nước sinh sôi, sắp lập thêm xóm trại, xóm hồ, xóm đồng. Mẹ con nhà Mái chẳng có nhà cũ trong xóm, Mái đi cắt máy ôm cỏ tranh về dọn lại cái mái lều. Bây giờ xóm giềng mới nhớ ra. Người ta động lòng thương mẹ dại con thơ, mỗi người một tay, người ra vườn tre nhà dẫn máy cây, có người giúp đắp cái nền lều nhích ra chỗ quang đãng gần bờ nước, không chui lủi giữa bụi rậm rịt nữa.

Rồi thường ngày lại như mọi khi, Mái đi làm mướn, những việc ai sai và được ai bóc lột cho gì ăn nấy. Cũng như xưa rày quàn áo xin được, nhặt được, loang lỗ trăm mụn cà sa. Thằng cu Gà đã biết lon ton theo mẹ. Xóm làng tự nhiên coi nó là một thằng người như mọi đứa trẻ được sinh ra. Cái hốt hoảng về việc con cầm chừa buồm, cái xâu hổ làng nước, những câu chuyện cười cợt rỉ tai lây như chuyện tiêu lâm, chuyện cười thì cả các nhà chức việc và mọi người phai mờ đã lâu. Mái lại như mọi người ta. Mái ra ao cắt vó tôm. Mái đi ra luống ngô. Gặp người, cái cười mỉm của cái con cầm là câu chào hỏi. Trước cửa lều, Mái đan các tay tre làm giàn một dây bí phan. Qua mùa hạ, những trái bí phan đỏ sộ như quả mít phải làm rọ đỡ cho khi bão gió đánh đổ giàn. Hôm trảy bí, mẹ con Mái khuân từng quả ra đường cái ô tô để chõng đồng ven vệ cỏ. Cũng chẳng kém những người trong làng bê thúng quả chanh, quả bưởi, hũ mật ong, buồng chuối, quả đu đủ chín bày ven đường bán cho xe cộ qua lại.

Một hôm, ông “Văn hóa xã hội” đến rủ tai ông ủy viên “mặt trận” xã. Rồi hai ông cùng ngẩng lên nhìn nhau, mắt quắc lổ đảo.

- Này... hình như cái con cam... Mặt nó đại đại. Bộ dạng nó uểnh oãng thế nào... Hay là...

- Hay là làm sao?

- Nó lại chữa!

- Kệ xác nó, nó có thân nó lo.

- Nói thế chứ, nghe sao được. Nó lù lù như cái mả mới giữa làng... Mà ông là ủy viên xã, chẳng khác chủ tịch làng ở thôn này à, ông để cho trẻ con cũng chửi được vào mặt à?

Thật thì nói cứng và bãi ra vậy, nhưng ông Văn cũng không yên bụng. Ông nghĩ: “Rầy rầy quá! Rầy rầy quá đấy!” Ông có trách nhiệm chứ. Rồi chẳng biết thế nào, bói ròi, lúng túng. Ông hỏi lại:

- Làm thế nào?

- Phải kiểm tra lại thực hư, ngộ nhỡ tôi có nôn nóng sai sót.

- Kiểm tra thế nào?

Vậy là hai ông cùng cù ra ngoài lũy. Cái nổi chữa hoang, lệ làng chỉ một phép đem cạo đầu bôi vôi, trói năm ngựa thả bè chuổi trôi sông, cả đến những người vào tuổi như các ông cũng chỉ nghe kể lại câu chuyện thương tâm từ đời thừa nào và cũng không ai tin lại đã có chuyện quái ác thế. Lúc ấy, mẹ con nhà Mái đang ở trong lều. Mái bắc bếp rang ngô trong một mảnh nồi đất, ngô

nở lụp bụp. Cu Gà đương đùa như vật nhau trên ổ rạ, cu Gà cù nách mẹ, hai mẹ con chớ c lại cười khanh khách, tận ngoài bờ đìa đã nghe cheo chéo. Chỉ có hai ông là đương nghĩ phải có khuôn phép, có luật pháp, còn xung quanh thì hình như thiên hạ cứ bày bày ra.

Ông chủ tịch với ông Văn đã vào trong lều. Cảnh đêm âm ỉ chỉ là cái vui rôm rác, ông Văn cũng mủi lòng nghĩ xa, ông ngược mắt nhìn vào những chân tre ken thành bức vách sau lều. Ông chủ tịch giục:

- Thế nào!

Ông Văn mới sực nhớ. Thăm tra thế nào? Ông phải hỏi và trả lời với người đàn bà câm. Lòng sốt sắng cũng khiến ông có sáng kiến ngay. Ông Văn ấn ngón tay vào bụng Mái, thế là vật áo tuột khuy, hở cái lỗ rốn đen sì giữa nền bụng trắng hếu. Ông Văn dứ nắm tay vào mặt Mái, Mái ơ ra, ròi Mái lặc đầ u, mỉm cười. Thế có nghĩa là nó bảo ông: “Không, không sao”. Ông Văn hỏi sang câu khác, ông loảng ngoảng bàn tay về phía làng, ra phía đường cái tây ròi lại ấn tay vào bụng Mái. Ông im lặng đợi. Mái giơ hai tay cả hai phía ấy ròi lặc đầ u. Thế là nó bảo: Ông Văn ơi! ở trong làng, ở ngoài đường không có đứa nào ngủ với nó, không có, không có.

Nhưng trông bộ dạng, thì đích xác con bé này lại chứa ròi. Kiểu như nó, máu chứa trâu, vài ba tháng bụng đã phưỡn lên ngực, chỉ ít hôm nữa, bụng vượt mặt. Hai bên lông mày đen rậm như mực Tàu lại xé ch một vết lười mác, tướng mạo ấy thì lúc nào cũng nặm ngựa sẵn, bụng càng phễnh càng ngựa ngáy. Họng thở nháp nhô gập gáp, cái thai trong bụng cũng thở, hai người thở một cỗ họng, hỏn hển rõ mồn một. Mà ông cũng đong được cái tính đàn bà hay nói dôi vật và dai dẳng, dẫu có ngày mai trở dạ thì hôm nay có cần

vẫn nó vẫn bai bãi: Không, nó không sao, nó không chữa với ai cả...
Thế mới khó.

Cáu quá, chủ tịch sốt ruột hộ ông Văn, ông quát:

- Mà lại chữa với thằng nào?

Cái Mái cười. Ông kia biết mình lỡ lời với con điếc, nhưng nó đã nghe tiếng, nhìn cái miệng ông mấp máy, nó biết ông hỏi gì, thế là nó cười cười lặc đầu đánh trống lảng. Hai con mắt him lại, miệng nhỏ nhẹ, cặp môi không ăn trầu mà đỏ như bôi son cứ áp vào má người ta, thỉnh thoảng nhìn thấy và nhận ra, ông chủ tịch tảng lờ quay mặt. Thế này thì còn khó gì thằng chết với con câm. Nhưng mà không được, không được, phải truy cho ra, nó cứ sồn sồn năm một, nhớ cái lại sinh đôi sinh ba mà không biết thằng nào túng túng thì cũng bỏ mẹ cả. Cái tội, cái trách nhiệm này đổ cho ai? Xã hội ta có trật tự và trách nhiệm, bây giờ lại còn vi phạm dân số, kế hoạch hóa gia đình, thế thì lại chết. Phải cho dân quân rình. Nhưng bụng ểnh ra thế kia rồi, canh gác vuốt đuôi còn “thâu tóm” nổi gì. Bỗng dưng lại mù tắng tít, rồi canh hệ.

Ông Văn nói đồng dục. Cũng chỉ là hai ông nói với nhau, trong khi cái Mái ơ mặt, nó biết các ông nói việc quan trọng.

- Đứa nào, phải tìm ra đứa nào, bắt nó nuôi vợ con, con người chứ có phải củ chuối đâu, tình cảnh thế này xót con người lắm, ông ạ. Tôi có kế hoạch rằng đem tuốt cả con trai trong xóm ra trụ sở cho cái Mái nhận diện. Tập thể đâu tranh ngay tại chỗ, dứt khoát không thể lớt, không thằng nào núp mặt lần đi đâu được, làm thế nào, ông ơi!

Mảnh vỏ bom làng treo trên cành cây mít lạnh lạnh vang từng tiếng từ chiều. Mọi người đã quen, đêm tiếng keng biết họp gì, không phải loa phải báo từng nhà, họp ủy ban, họp tác, đoàn thể, mặt trận hay dân quân... Vả lại, tôi qua thanh niên hợp đã được thông báo. Lũ lượt kéo ra trụ sở, người ta lại ngõ tuyển quân. Chắc không phải, tuyển quân không họp ban tôi bao giờ. Và cũng như bất cứ cuộc họp nào, mỗi người ngó i đầy đủ một công đôi ba việc. Người thì ôm theo bó lá thuốc vàng rộm, từng gân từng lá được tước ra để mai được nắn đem phơi, lá thuốc vàng đậm gân phảng phiu không lỗ chỗ sâu cắn, chắc được thu mua loại A. Có anh vác sẵn bộ chũm, khuya họp xong rồi xuống sông đơm cá ngừ. Tiếng cười rinh rích trong cánh cửa trụ sở, ai cũng ngật nghèo cười: Phải khám cả các tên có vợ có con chứ. Những thằng chưa được ngửi hơi đàn bà bao giờ như cánh mình thì còn khuya mới dám, chỉ có đưa biết mùi đời rồi mới lie u thế, tở cam đoan...

Cứ nói vậy, ông văn xã và ông Văn cũng bỏ ngoài tai. Ủy ban triệu tập kia mà, định thế rồi. Số người ở quân ngũ thì vắng mặt, cả những người bỏ làng ra tỉnh kiếm việc, chỉ còn lại chưa đầy hai mươi trai tráng tuổi trong ngoài ba mươi. Chánh phó bí thư đoàn nam giới phải ngó i vào chỗ y như những người đến dự. Cái Mái công thằng Gà, hai mẹ con đã ngó i góc tường trong từ lúc chưa ai tới. Thằng bé lên ba đương tuổi nghịch, chẳng để tay không lúc nào. Con chọc cù nách mẹ, mẹ con cười nắc nẻ.

Ông văn xã vào ngay việc:

- Đưa nào làm cho con cầm lại to bụng thế kia, trông nó đầy, đã đích xác chưa. Nam giới phải có trách nhiệm, không được lung tung, không được trốn tránh...

Ông ấy mới nói một câu chưa xong, ở dưới đã cười rộ lao xao lên một loạt: Đồ`ng ý, đồ`ng ý...

- Trật tự! Trật tự! Việc thứ hai...

Tất cả lại im lặng, con muỗi vo ve qua cũng nghe tiếng. Vừa rồi là những tiếng đùa cợt không phải lúc, bây giờ mới nhận ra có sự nghiêm trọng. Cái Mái thiếu não đứng lên dựa vào tường. Thằng Gà vừa đùa nghịch thế, đã ríp mắt, cời truông nô`ng nổng ngủ bên chân mẹ. Mọi người ngược mắt nhìn Mái kỹ lưỡng như xa lạ, như dò xét, biết đâu chẳng có đứa nào đang lo. Mặt Mái nhăn nhó, nhón nhác, không ra rụt rè, không ra lạ lờ...

Ông chủ tịch đồng dục câu hỏi lẫn lộn câu tuyên bố :

- Đứa nào thì đứng ra nhận, không phải tội, không phải nhục khuyế`t, không phải kiểm thảo.

Chẳng ai nhúc nhích.

- Thế` thì khám từng người.

Chẳng biết ông định sai ai. Có người toan nói, nhưng trông mặt ông ấy rúm ró, cau có, lại không dám nói. Bây giờ ông chủ tịch hô: Tất tậ`t đứng dậy! - Ông có giọng hô khỏe lắ`m, ai cũng giật nẩy mình. Ông Văn lôi từng người, đẩy đến chỗ ánh đèn che lố`i cửa ra vào lố` nhố` má`y cái đầu trẻ con và cả các bà công con, xách giỏ đi đâu tớ`i, cũng lên tò mò vào. Đám đàn ông đã đứng thành hàng. Ông chủ tịch quay lại nắ`m cái cánh tay áo rách tã của Mái, kéo xề`nh xệch ra trước mặt dãy đàn ông. Lại hấ`t hàm, tiếng to thật lực hỏi mỗi người một câu:

- Phải thắ`ng này không?

Tưởng như quát thế thì người đàn bà tàn tật cũng nghe được. Nhưng Mái ngẩng nhìn lên hai ông đương quàu quàu, đuôi con mắt mái lướt qua đám con trai. Chắc Mái không thể lường được hai ông chức việc đương hồ i hộp và những người phải đứng kia thì lo toát mồ hôi hột. Mái mà gật một cái, hắt người ta túm vai lôi ra, thì toi thôi.

- Đưa nào?

Ông Văn làm hiệu như thầy cúng bắt quyết trừ tà chọc ngón tay vào bụng Mái, lại trở xuống háng những người con trai, lần lượt. Con mắt Mái lim him nhìn anh này lâu nhất. Anh ấy đóng cái khoá bẹ dừa, một bên vai trằn khoác bộ lưới, cả cái mình lẫn cả trắ m và bộ lưới che nửa ngực đen trùi trũi như củ sừng. Không nghĩ rằng phải xem xét thế này, chỉ ngỡ hợp rồi ra lội sông nên chênh mảng thế, và cái con cầm trờ trên ngắ m kỹ thế. Ai mà đoán được Mái nghĩ gì, Mái có tìm có phải dấ u về t hơi hướng con người những đêm ấy chẳng, hay đương nhớ lại cái khi ai giầy vò mình, ai? Nhưng rồi Mái mỉm cười, từ từ lắ c đầ u. Cái cười nhẹ nhàng như miệng cười con trẻ, không biế t cái anh đóng khoá “thoát nạn” đương nhảy cõn lên. Mái lại nhìn mỗi người theo tay ông chủ tịch và ông Văn “Phải thả ã ng này không, phải thả ã ng này...” Mái im, nhìn lần nữa rồi Mái quay lại hai ông, Mái lắ c đầ u, một bàn tay úp lên mặt.

Thế là thế nào. Mái xấ u hổ, toan bỏ chạy a? Hình như thế. Hai ông dang tay túm Mái lại. Lần này, Mái lại bị điệu đế n trước mặt cái anh đóng khoá bẹ chuổ i khô. Có phải không, phải thả ã ng này không?” Những ngón tay chọc chọc làm hiệu. Mái im. Mái lại lắ c đầ u. Rồi Mái ngồ i xuống chỗ thả ã ng Gà ngủ lẫn lóc, rớt dãi nhoe nhoét hai bên mép nó.

Những câu hỏi trêu: “Thưa xong rồi ă? Có phải nó không? Cho nó xem lại lần nữa, mới được, chưa kỹ đâu. Nó mới xem mặt, phải cho nó xem chỗ kia, chỗ ấy...” Rồi cả lũ cười khớ khớ.

Ông Văn nói:

- Các cháu không biết thương người ta. Các cháu thương người...

- Chúng cháu có được thương đâu.

- Chúng cháu mà bị nó gạt thì được bỏ bỏ rồi.

Hai ông không nói câu nào nữa. Thế là mọi người ồn ào đẩy lưng nhau ra về.

Ông Văn thở dài:

- Đứa trẻ sinh ra phải có bố mẹ. Cái con cầm cứ ngây dại thế này, bện này rồi bện khác, lại bện khác nữa, hồng hết trật tự xã hội, ông thầy thế nào?

- Ông nói phải. Nhưng mà kẻ gian chỉ đi mò đêm nó biết đưa nào vào đưa nào, nhà ấy làm gì có đèn đóm.

- Nó đã ăn hơi nhau, không thầy cũng biết.

- Có thầy đâu nào!

Đến lượt ông chủ tịch văn xã thở thụt một cái. Nhưng rồi ông reo to.

- A! Ngoài đường cái Tây có bộ đội làm đường. Bọn ấy cũng hay la cà vào đây, khi mua gà quế, khi leo bờ bụi quơ ra láo nháo. Chuyên

môn đủ đôn với các ả trong xóm. Ta ra ngoài ấ'y...

- Hôm trước họ đã vào chào địa phương để thu quân đi rồi mà...

- Chiều qua hãy thấy còn người.

Không phải bộ đội, mà đây là một đơn vị làm đường của ty giao thông tỉnh, đến gia cố cái cầu xi măng đường liên huyện bị bom mới chữa lại năm ngoái mà đã xộc xệch. Họ làm lán ở ngay ven đường. Đúng, công việc xong đã rút quân, chỉ còn lại mấy người với cái xe ba gác. Ngày mai thu dọn nốt, rồi đi.

Hai ông dẫn mẹ con nhà Mái ra chỗ bên cầu từ sáng sớm, tưởng người ta đã biết mà chuồn trước cả! Một dãy lều dờ tiêu bạt, chỉ còn lỏng lỏng mấy chiếc cọc tre mới nhổ đang bó dờ cạnh chiếc xe bò chắt ngổn ngang củi đuốc, hòm khóa và những bu gà. Có bốn người trong một lều chưa hạ. Một miếng ni lông và mấy mẫu gỗ kê quanh làm ghế ngồi. Những mảnh lá chuối lột thành cái mặt dày tú ụ lòng, gan, tiết, cổ hũ lợn vừa vớt ở nồi nước xuýt ra thái, khói nóng nghi ngút bốc che lấp cả cái can nhựa đựng rượu trắng to tổ bố, để đến vài lít. Bốn người thành một mâm đang ngất ngưỡng trong khi bên bếp nồi cơm mới tra gạo, nước sôi thành lỗ ừng ực.

- Ở kia hai cụ chủ tịch, chúng con kính chào hai cụ, lại cả mẹ con nhà cái cam! Chúng con vô phép hai cụ, hay là... vào cả đây, vào đây. Đi sớm ra ngõ mà gặp cửa rơi được là gặp may suốt phiên chợ đây, các cụ ạ. Chúng con định đánh chén xong thì đẩy xe đi, thế này là ra ngõ gặp giai, gặp những hai cụ già. Hơ... hơ... Hôm rồi mới lên trụ sở, các cụ ủy ban đã cho túy lúy tạm biệt, hay quá, cái

thịt cày cấ y hay hơn. Nào mời cụ, mời hai cụ... Rượu với lòng lợn sáng sớm là ngon chí tử đấ y ạ.

- Chúng tôi có công tác...

- Công tác cục tác thì hãy vào mâm đã. Không nài được các cụ thì chúng con sái cả ngày, đen cả tháng. Chẳng mấ y khi. Bát đĩa đã sẵn, cả chục người nữa cũng vừa. Ở lúc này tớ đã bảo dọn mâm thừa đĩa, thì thế nào cũng có khách, vậy y như rằ ng...

Hai ông đành ngô ì vào.

- Mẹ con nhà mày nữa. Không hã i đâu, các cụ vào trước, vận đồ vào trước rô ì, đàn bà vào sau áo xám cũng thành áo nhiễu điề u. Nào, nào. À mà nó cầm lại điề c, nghe thế đế ch nào được.

Một anh khôn lỏi đứng dậy hai tay xóc nách, luồ n quạng cả vào vú vè người ta. Cô Mái cứ rúm tréo khoeo, trẹo cong người lên. Cả lũ cười rằ m rằ m như xe qua câ u. Sau rô t mẹ con nhà Mái cùng ngô ì yên được ở chỗ đầ u nô ì.

Kể ra, hai ông chức việc cũng là những bọ m rượu. Ở trong làng, bánh mắ t đã cấ t chén thì chỉ con lợn vừa ngắ, bưng ra mâm lòng lợn tiế t canh nóng sồ t đắ trước là cái thứ nhấ t.

- Có việc liên quan đế n các đồ ng chí...

- Trong xóm mới mắ t trộm á?

- Không, việc khác.

- Hai cụ cứ vừa xơi, vừa uố ng, vừa truyề n đạt chỉ thị nghị quyề t, chúng con xin nghe hế t, thi hành hế t. Rước cụ... Rước cụ...

nhấm rượu và bàn việc khoái lắm. Chẳng mấy khi khách đến chơi nhà... à... à...

- Nói ngay công tác thì sôi nổi quá, nhưng mà cái việc phải thế. Cho phép nhé, xin lỗi nói nhé. Nghe đây này...

- Rồi!

- Đồng chí nào đã làm cho cái con câm này bụng to thế kia thì nhận đi.

Cả bốn người toan cười om lên, nhưng chẳng ai bảo ai mà đã kìm lại được, bởi bỗng nhiên cũng lại nhận ra không phải chuyện cười, dấu đã vật cạm lưng can rượu.

- Các đồng chí trông, khỏe nề rồi, đến ba bốn tháng rồi.

- Báo cáo cụ, đội chúng con chỉ mới về làm ở chỗ đầu cầu này được hai tháng mười một ngày, sổ báo cơm anh nuôi ghi đích xác, mà cụ bảo nó có chữa đã bốn tháng, thì...

Ông Văn chột miệng chế:

- Con này chữa trâu, bụng bả ng cái đó mẹ thế kia, nhưng chỉ độ hai tháng thôi.

- Bẩm thưa tại sao cụ biết ạ?

Ông Văn nói dằn lên, lấy khí thế trước câu hỏi vặn hóc búa.

- Pháp luật ta bảo vệ thiếu nhi. Có lẽ phải có nuôi, mà trách nhiệm đầu tiên có như cái thằn lằn bò.

- Bẩm cụ, con...

- Anh à? Anh ngủ với nó à?

- Không, không. Con chỉ định thưa rằng bẩm cụ nói đúng lắm.

- Thế anh nào, đừng chớ nào thành khẩn...

Ai cũng lắc đầu “Không ạ, không ạ”. Có người chắp hai tay lom khom cung kính quì vái như diễn kịch trên sân khấu: Lạy hai tòa quan lớn, đèn giời soi xét, con không dám ạ.

Ông phó chủ tịch nhăn mặt, không bằng lòng những trêu chọc nghịch ngợm như thế lúc này. Ông lập nghiêm vào việc:

- Vậy cho nó nhận mặt từng đừng chớ...

Thế là cả bốn người bật lên như bốn thừng rồ. Cái mặt đỏ phừng, chân đứng vòng kiềng tay múa uốn lượn hát nghêu ngao quanh mâm rượu: “A... tình bằng cái trống cơm... là cái trống... cái... ai ơi! Ai ơi! Tình bằng là... khen ai khéo khéo... ừ hự... ừ hự... nên duyên...” Ông văn xã rớt cả mắt, không phải vì vài chén rượu vào rồi, tuy vậy ông không chịu nhụt, ông vẫn nhớ công việc rành rẽ lắm. Ông cũng đứng phắt, túm ngực áo từng người, kéo đến trước mặt cái Mái, chỉ trỏ quát: “Có phải mày ngủ với nó không?” Mái tủm tỉm cười lắc đầu. Anh chàng nọ: Không, không, tình bằng không... đây đây... Mày có ngủ với nó không? Không, không... tình bằng không, tôi đâu dám... í a...

Chẳng ai nhận ngủ với Mái, mà cái Mái cũng chỉ lắc đầu. Mỗi tay, mỗi chân, mỗi miệng, lại ngò'i cả xuống. Đã bót ồn ào rồi, nhưng có người đi chợ sớm từ đằng xa, tưởng đám đánh nhau dưới này, tất tả chạy xuống xem. Chỉ thấy trong lều đám người nhòm nhোm mời nhau trò chuyện ăn uống.

- Rước cụ. Răng cụ còn ác lắm, nhá cái cổ hũ này thì tuyệt trần đời. Cụ Bành Tổ này cũng thế, cắn đứt cả lưỡi người chứ đừng nói lưỡi lợn, miêng nọng sườn sượt nhai sượng tai đây ạ.

Chúng con cứ mong được nhập nghề tuổi các cụ cũng còn khướt cò bợ. Xin cụ lại tiếp tục thông báo nghị quyết...

- Không rõn đâu. Vậy là kết quả không ai mắc khuyết điểm. Có nghĩa là các đảng ấy không phải thảng vô trách nhiệm. Tôi đề nghị các đảng chí báo cáo lên ban chỉ huy xem những người đã đến ở đây hai tháng qua có ai hủ hóa với con bé tàn tật nghèo nhất làng. (Có mặt rượu nào nói to: Nghèo nhất loài người ấy chứ lý). Nếu có thì về giải quyết ngay, không sợ chúng tôi phiến hà, mà chỉ là người đi nhận trách nhiệm.

- Vâng ạ. Rước cụ, rước hai cụ cặn chén...

Rồi một người nói:

- Nếu không ai nhận thì khi nào cô này đẻ, xin hai cụ gọi một câu cho chúng con đem đứa bé về làm con nuôi đơn vị.

- Không được, cái gì cũng cụ thể. Đơn vị và cả tập thể nữa, không phải là cụ thể.

Từ nãy, mẹ con Mái mãi miết và cặm gắp cái ăn. Nó cặm vừa chín, Mái bắc ra, xới tự nhiên. Xung quanh múa hát, tiếng bé tiếng to không biết. Bây giờ, tạm no rồi. Mái ngơ ngơ nhìn lên. Và bây giờ ông Văn mới nhìn đến mẹ con nhà nó. Ông Văn nói như giữa cuộc họp:

- Mọi người nghe đây, thế là, điểm một, mới hỏi các đảng chí ấy điểm một.

- Hồi nữa ạ?

- Giờ sang điểm hai, cho hai bên đều có ý kiến, thế mới công minh, dân chủ.

- Thế là thế nào, hả các cụ? Rồi cả ruột, muốn oẹ ra đây này... Ông chủ tịch văn xã sực nhớ ra, ông đón lời ông Văn và ông thao thao:

- Không, tôi không quên, mà tôi còn chuẩn bị. Mấy lý chẳng mấy khi được anh em thế t, ăn cho xong cái đã chứ. Vừa ăn vừa giải quyết chuyện khó nhọc này nghen cổ lắ m, đã bảo mà. Lúc nãy mới kiểm tra bình thường, bây giờ đến kiểm tra chéo, bình thường rồi chéo, chéo rồi lại bình thường, rồi đi rồi lại có thế mới tòi ra sự thật. (Có người nói đề: Tòi ra trẻ con thì có). Tức là thế này, mời anh đứng lên, á y á y, đừng đừng vội. Gọi đến ai người á y mới được làm nhiệm vụ. Cái Mái sẽ đến trước mặt nhận diện từng anh một, nó mà gật anh nào tức là anh á y có vấn đề. Cái gật lắ c của nó là chuẩn, nó cầm lại điề c mà, hội nghị thông cảm.

Chuyện tưởng khó như cái tở i ở trụ sở, bọn trai làng lý sự một lúc rồi mới miễn cưỡng đứng dậy. Đây hóa ra dễ ợt, nhanh tức khắ c, nhanh ghê.

Một anh nhảy phắ t ra.

- Xin thí điểm đây, mà phải toàn diện kia.

Con ma men cá t giọng lè nhè:

- Cô á y không nghe không nói được thì phải cho cô á y nắ n xem tôi có cái cửa sinh ra tội nợ á y hay không đã, tôi xin vạch ra ngay, toàn diện là thế.

Ông chủ tịch và ông Văn phải hò hét khó nhọc một lúc mới cản được bởi cả ba người đã lờ mờ đứng lên “nhất trí” được kiểm tra toàn diện ngay. Ông Văn ý tứ mềm mại, không nổi lửa như ông chủ tịch, mọi người mới yên yên, đầu gối đầy. Ông thông thả chỉ tay vào ai thì con phải gió ấy mới nhìn rõ ràng ngâm. Mâm vẫn đầy, rượu còn cả góc can, ông Văn làm việc đứng đắn lại khéo khôi hài, đôi chỗ ông nói “Còn thức lắm nhiều lắm, các đồng chí ạ. Nó mà gạt ai thì người ấy phải bỏ dở bữa chén đầy, phải về trụ sở...”

Ai cũng nghe ra thế, đâm hoảng, cúi đầu vào mâm, rồi sờ tay lên ngực xem quả tim đập rõ ràng lại hiên ngang mắt ra. Trong nháy mắt, ông Văn trở cho Mái từng người. Cơm rượu cũng phải chững lại, cho đến khi cái Mái từ từ lắc đầu mới lại tợp một ngụm khua đĩa chọn miếng cổ hũ, nhai gàu gàu.

Xong cả lượt rồi, một người ngược cặp mắt vặn đỏ đỏ ra, giờ nắm tay dứ vào mặt ông Văn reo to:

- A ha ha! Hai lão này... A ha ha! Còn hai lão này, hai lão này cũng có...

Mấy người, cất giọng khề khà, lại để chèo:

- Hai lão này thì làm sao...

- Có sao thì có “giăng” chứ sao. Các lão cũng đầy đủ, toàn diện như chúng ông đây. Buộc tội Thị Kính cho nhau à? Bớt cái con cam này ra nhận mặt hai ông kỉnh, tìm la đồ cho trâu không được, phải khám hai cụ thế mới là công minh... cho cái con cam.

- Hay! Hay! Hai cụ bo khỏe như trâu, răng một đấ' u, nhai cạm cạp thê' kia...

Ông văn xã và ông Văn chưa kịp phân bua thê' nào, mấ' y người đã cười hê hê đê' n xô' c hai cụ lên. Rô' i lại dấ' t cái Mái ra. Cái Mái bỗng nghiêm mặt, không tươi như lúc nầy. Mái quay lại đấm người đương múa tay, nghiêng ngả hát ê a. Mái đê' n trước mặt ông Văn. Mái chấ' m chấ' m nhìn ông Văn. Mái ràn rửa nước mắ' t. Mái cũng nhìn thấ' y hai hàng nước mắ' t trong hồ' c mắ' t thâm quầ' ng của ông lão. Lúc đầ' u, có người còn tưởng hơi rượu bô' c và cái cười làm chảy nước mắ' t.

Mọi người im bật, không múa may như hóa đại nũa. Ông Văn cứ ngây mặt rô' i ngô' i rụi xuô' ng, nhưng giọt nước mắ' t rơi cả vào hồ' c miệng. Cái Mái đứng đấ' y. “Con ơi! Có phải con đấ' y không? Có phải con đấ' y không...”

Xế' trưa, mới trở vào làng được. Ông văn xã say khướt, còn ngấ' t ngư quay đầ' u lại lảm nhảm dặn với ai không biế' t... báo cáo... chỉ huy... xem thắ' ng nào... Rô' i ông lão chú' i xuô' ng ruộng như cây chuô' i tiêu đổ. Cái Mái chạy tới, vấ' t vả mới vực được ông dậy rô' i cõng ông đi, hai chân ông dài thông, quế' t đấ' t. Thắ' ng Gà, tay câ' m cái mũ cô' i của ông, tay kia dấ' t ông bước lập cạp theo, nước mắ' t ông Văn vẫn lã chã.

Lầ' n â' y, cái Mái sinh con gái. Khoảng năm sau, đúng như lời ông Văn bói hờ, cái Mái lại chữa đê' nũa. Cho đê' n khi, người viế' t chuyện này đê' n ở làng ít lâu - công tác xây dựng hợp tác xã, thì cái Mái đã thành người đàn bà nạ dòng được cả thầy sáu mặt con trai, con gái mà vẫn mù mịt, chẳng ai biế' t cái thắ' ng bô' chúng nó là ai. Lũ lĩ, đàn đô' ng mẹ con chui rúc ở cái lều tựa vào lũy tre. Các cụ

bảo thế' là cái máu người đàn bà mắ' n đẻ. Thật xót xa, lại gầ' n, lại lạ. Biế' t sao nói đây, nói ra thì buồ' n, nhưng quả là như thế', mới nhìn thấ' y mẹ con nhà Mái lại cảm tưởng như ngày còn nhỏ được chơi vườn Bách Thảo, đế' n chỗ nuôi hươu nai, con hươu mẹ nằ' m trong bóng cây, những hươu con nhảy nhót, nhớn nhoe xung quanh mẹ giữa bãi cỏ xanh rờn. Hai ba đứa trẻ dưới bờ nước lắ' m như vui, đùa chí chöhe. Chúng nó đang be bờ bắ' t con sắ' n sắ' t, con tép. Trong lế' u thì đứa bò, đứa chị ẵm ru em ời ọi. Mẹ cầm, các con càng khỏe nói! Mẹ chúng nó ngồ' i như pho tượng bột mộc đương chẻ tre đan sọt. Những chiế' c sọt thừa nan, công ty xuấ' t khẩu rau quả ngoài thành phố' về' đặt làm. Lâu nay làng được nghề' phụ đan sọt, làm chổi, cả trẻ em cũng kiế' m miế' ng được.

Không biế' t xưa kia ra sao, bây giờ trông Mái vẫn còn đôi chút dịu dàng. Manh áo gắ' n rách tướp, hai cánh tay trầ' n trắ' ng trẻo. Ở cái tuổi đã luố' ng của tôi, con người như thế' vẫn còn ròn rã chán, đêm hôm có ngủ nhờ, cũng sờ soạng đụng chạm được. Cái khổ cực một đời người có mờ mờ ẩ' n đầ' ng sau, bởi Mái ngược mắ' t, đuôi con mắ' t đã rạn chân chim, nhưng ánh cười mĩm vẫn tươi. Ôi, ngữ này thì còn để' nữa, chẳng phải thầy tướng cũng biế' t, còn là sòn sòn.

Ngay năm ấ' y, Mái lại đẻ' nữa thật - lạy trời, không phải nó đã đêm hôm với người câ' m bút này. Nó đẻ' con gái, ở' cũ' mới được mười ngày thì bị ố' m. Cả tháng nằ' m ổ, mặt bôi nghệ vàng ồng, búng rứ.

Một hôm, ông Văn đế' n nói với chủ tịch văn xã.

- Cái Mái không dậy được, chẳng cơm cháo gì.

Ông chủ tịch chắc lưỡng, cười gằn hỏi lại:

- Hay nó lại ghen?

Hỏi lấy lệ thôi, ông cũng chẳng biết nó mới đẻ. Mấy năm nay, không còn hơi sức như ngày trước, chăm chú thông tin số t dẻo thấ y bụng nó khang khác, lại đi mời người đến dọa dẫm tra hỏi, nói gương đạo lý. Thế mà cũng chưa bao giờ lôi ra được đứa đã ăn nằ m với nó, mà nó thì lắ c đầ u, ông cũng chán.

- Không phải nó ố m ghen.

- Nó ố m gì?

- Ố m đói thôi. Dạo này ngoài công ty hoãn đợt lấy sọt, chẳng lằ n ra cái ăn. Cả lũ đói vêu...

- Mặc xác nó!

- Ông với tôi xưa nay vẫn nghĩ cái đứa đáng thương, phải không?

- Nhưng làm thế nào? Thôi, thôi...

- Tôi đến bàn với ông đây. Tôi định ra ở với mẹ con nhà nó. Tôi có sào vườn, sức làm được. Có thế họa may mới ngăn chặn được thằ ng nào mắ t dạy. Tôi... tôi...

- Ố i, ông nghĩ thế á?

- Tôi không nghĩ ngợi gì đâu. Nhưng mà cứ như ma ám ông ạ. Có khi nào, có khi nào... nó là con tôi... ông trông cái mặt nó, cái tóc nó, cái dáng nó... Con gái tôi mà trời để làm người đến bây giờ thì cũng trạc này.

Hai ông trăn trăn nhìn nhau đến nỗi mắt như chưa bao giờ trông thấy nhau. Cuộc đời chìm nổi của những người có tuổi bao nhiêu đau đớn khổ ải, đọng cả ở đây. Hai ông già nắm vai nhau, nước mắt ròn ròn.

Ngày ngày, ông Văn đem ngô, đem gạo ra cho cái Mái. Ông ngô òi ăn cơm với mẹ con Mái. Tự dưng, ông Văn ăn được có lưng cơm, kém mọi khi. Có lẽ trẻ đùa cười quá; mỗi hôm, ông phải đánh dẹp chúng nó ông mới lại ăn được. Nhưng mà ông vui. Đến khi trời trở mát, ông Văn vớt tre và song mây ròi vào rở cái nhà ông trong làng ra. Lúc ấy Mái mới thật tin ông Văn ra làm nhà ở đây với nó - con cam tin một mình. Mái nhìn ông, nước mắt ứa chan hòa. Ông Văn phải ngoảnh mặt đi.

Người làng hỏi nhau:

- Lão Văn ở với cái Mái a?

Ròi cười ran.

- Ông lão động cốn đã lâu ròi.

- Vậy là thằng ngoài cẩu đường nói đúng. Cái Mái trông mặt ông dê cụ, nó sượng quá, nó khóc, thôi thôi chứ gì!

- Vậy mà úp cá, tìm chim mãi, chim ở trong đũng quần lão chứ đâu.

Câu chuyện ông Văn ăn ở cái Mái đã thành chuyện mọi cửa, ở dưới bên, trong bữa cơm và chợ hôm, chợ mai, người ta truyền tai nhau. Không biết thực tế thế nào.

Ông Văn đem tròng cây cau liên phòng ngay trước cửa. Giở ng cau lùn này mắ n quả. Chỉ ít lâu đã buộc túm được cái tàu lá cho nước mưa chảy vào vại, hứng nước uớ ng trời cho. Ngoảnh đi ngoảnh lại, đến tới trắng sáng đã ngan ngát mùi hoa cau. Thế nào mà đêm hôm ấy ông Văn mắ t ngủ vì mùi hoa cau. Hôm sau ông Văn đào cây cau lên, ông Văn vác cây cau tươi vào đặt nằ m ngang chôn xuớ ng cái hố giữa đồ ò ng, như chôn người chết. Không ai hiểu ra thế nào. Chỉ trông cái lưng trầ n lộm khộm lê lê t khiêng cây cau, nước mắ t lẫn với mồ hôi, rỏ giọt.

Nào ai còn nhớ nông nổi nguồ n cơn cái sớm hôm ấy, ông Văn cõng xác con gái ông về trong xóm trước tiên. Ông đặt nó bên gốc cây cau trước nhà - đương mùa hoa cau thơm dưng dưng thế này. Bỗng nhiên ngửi thấy mùi hoa cau, mùi hương đám đưa ma. Con dơi bắt muỗi bay qua, như con chim gáy cườm xanh chết trong lò ng, hờn chim lạc đầu từ dạo ấy bây giờ mới bay về. Cái Mái ngô ì đương bể nan đan sọt, bóng nó lung lay trên vách theo ánh ngọn đèn dầ u hỏa. “Con ơi! Con đã về ngô ì đây ư?”

1993